

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
DÂN LẬP HÀI PHÒNG

THƯ VIỆN

33(T)

H 407 MH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

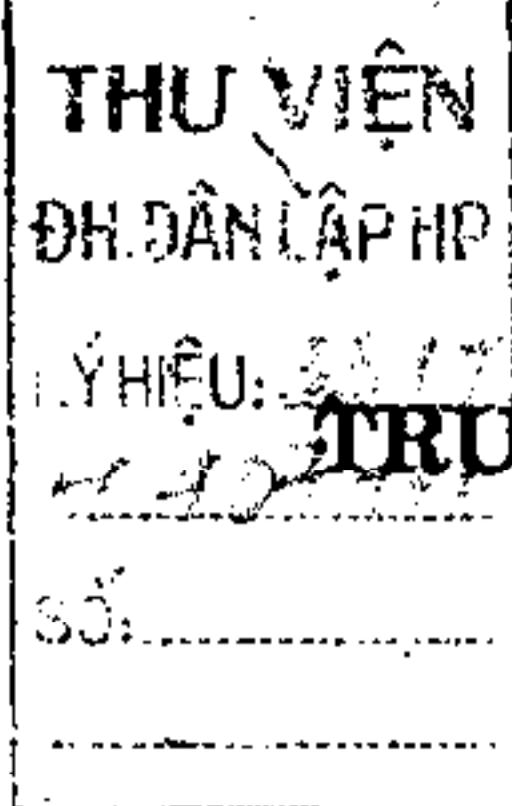
MÔN KINH TẾ QUỐC TẾ
Giảng viên: PGS-TS HOÀNG THỊ CHỈNH

Bài tập

KINH TẾ QUỐC TẾ



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỘ MÔN KINH TẾ QUỐC TẾ

Chủ biên : GS-TS *Hoàng Thị Chính*

Bài tập

KINH TẾ QUỐC TẾ

Biên soạn:

GS-TS *Hoàng Thị Chính*

PGS-TS *Nguyễn Phú Tu*

Thạc sĩ *Trần Bích Vân*

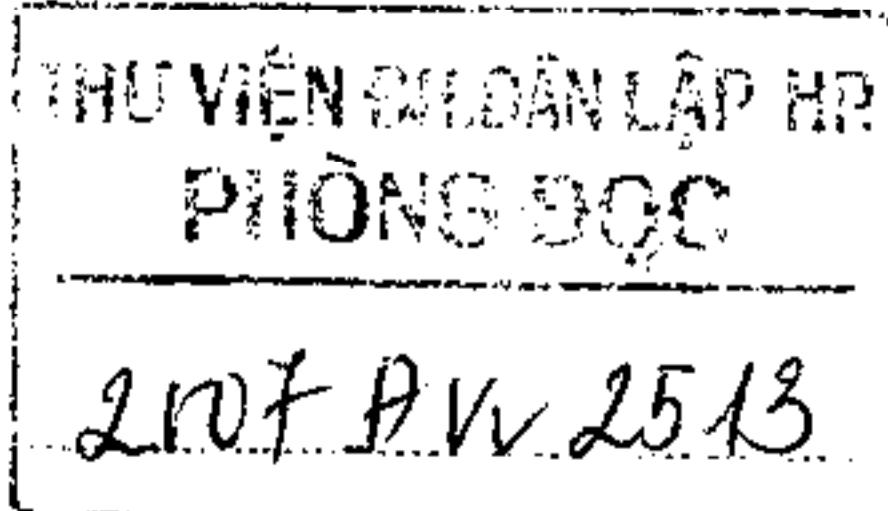
TS *Nguyễn Quốc Khánh*

Thạc sĩ *Nguyễn Hữu Lộc*

Thạc sĩ *Nguyễn Thu Hà*

Thạc sĩ *Nguyễn Thị Hằng Nga*

Thạc sĩ *Nguyễn Hoàng Lê*



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ - 2002

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỘ MÔN KINH TẾ QUỐC TẾ

Công ty TNHH TM&SP Hùng Vương

Bài tập

KINH TẾ QUỐC TẾ

Bí quyết:

GS-TS Hồ Văn Hùng Công

PGS-TS Nguyễn Văn Trung

TS Lê Văn Bình Võ Văn

Nguyễn Quốc Khoa Hahn

TS Lê Văn Hùng Lê

33 - 335
TK 2001 194 - 99 - 2001

2002 - BẢN THÔNG KÊ TÀUX ÁNH

Đó là lý do tại sao tôi quyết định viết cuốn sách này. Cuốn sách này sẽ giúp bạn có thể nắm vững kiến thức Kinh tế Quốc tế một cách dễ dàng và hiệu quả. Tôi hy vọng rằng sau khi đọc xong cuốn sách này, bạn sẽ có thể áp dụng nó vào công việc của mình một cách thành công.

LỜI GIỚI THIỆU

Tiếp theo các tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu môn học Kinh tế quốc tế đã xuất bản như “Kinh tế quốc tế” – Trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, xuất bản năm 1994, “Kinh tế quốc tế” – Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh năm 1995, Bài tập Kinh tế quốc tế, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1995, Đề cương môn học “Kinh tế quốc tế” của Trường Đại học tài chính kế toán xuất bản năm 1996 và Giáo trình Kinh tế quốc tế của Nhà xuất bản giáo dục xuất bản năm 1998, lần này chúng tôi biên soạn lại cuốn Bài tập Kinh tế quốc tế có sửa chữa các khuyết điểm và bổ sung thêm một số vấn đề mà ở những lần xuất bản trước chưa thực hiện được.

Nội dung “Bài tập Kinh tế quốc tế” bao gồm những câu hỏi lý thuyết và các dạng bài tập phục vụ cho từng chương (theo giáo trình Kinh tế quốc tế). Các câu hỏi lý thuyết giúp sinh viên có thể hệ thống lại toàn bộ nội dung đã trình bày trong Giáo trình Kinh tế quốc tế, đồng thời vận dụng nó để giải quyết một số tình huống nhất định trong thực tế. Tất cả các bài tập đều có những lời giải mẫu hoặc đáp số hay hướng dẫn cách giải. Ngoài ra, chúng tôi còn đưa 200 câu hỏi trắc nghiệm vừa lý thuyết vừa bài tập có kèm theo đáp án để sinh viên có điều kiện tập luyện và tự kiểm tra kiến thức của mình.

Mặc dù đã có những bổ sung và sửa chữa nhưng theo chúng tôi, Bài tập Kinh tế quốc tế lần này vẫn còn những thiếu sót nhất định, rất mong nhận được sự đóng góp của các bạn sinh viên và các độc giả để hoàn thiện hơn ở những lần xuất bản sau.

Thành phố Hồ Chí Minh 1/2002

Tập thể tác giả

LÝ THUYẾT VÀ BÀI TẬP

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ QUỐC TẾ

I. Lý Thuyết :

1. Kinh tế quốc tế nghiên cứu những vấn đề gì ?
2. Lịch sử phát triển của môn học.
3. Nguyên nhân để các nước giao thương với nhau ?
4. Hai đặc điểm cơ bản và những đặc điểm không cơ bản của mậu dịch quốc tế ?
5. Vai trò của mậu dịch quốc tế đối với các nước đang phát triển ?
6. Những thay đổi lớn của nền kinh tế thế giới hiện đại và ảnh hưởng của nó đến mậu dịch quốc tế ?
7. Nội dung chính của môn học Kinh tế quốc tế ?
8. Các phương pháp nghiên cứu môn học ?
9. Sự liên hệ của “Kinh tế quốc tế” với các môn học khác ?
10. Xu hướng mậu dịch quốc tế ngày nay? Liên hệ đến Việt Nam?
11. Biểu hiện của “tổn cầu hoá” là gì ? Việt Nam đã hội nhập vào xu hướng này như thế nào ?

12. Phân tích tác động của cuộc khủng hoảng tài chính-tiền tệ năm 1997 ở Đông Nam Á đến khu vực, thế giới và Việt Nam.
13. Nhận định về kinh tế thế giới những năm gần đây ?
14. Hãy phân biệt “Kinh tế quốc tế” với “Quan hệ kinh tế quốc tế” hay “Kinh tế đối ngoại”.
15. Tại sao nói “Kinh tế quốc tế” bao gồm cả vĩ mô và Mô mô ?

BÀI TẬP

II. Bài tập :

: Ngày 27/7/2012

Bài 1 :

Trong bài này bạn cần áp dụng những kiến thức đã học để trả lời :

Qua các tạp chí, sách báo hay đọc hàng ngày như “Thời báo kinh tế Sài Gòn”, “Phát triển kinh tế”, “Những vấn đề kinh tế thế giới”, “Thương mại và du lịch”, “Thời báo kinh tế Việt Nam”, “Tuần báo quốc tế”. Bạn hãy :

- a. Nêu ít nhất ba đặc trưng của nền kinh tế thế giới hiện đại.
- b. Ý nghĩa và tầm quan trọng của một trong những đặc trưng đó đối với Việt Nam.
- c. Ý nghĩa và tầm quan trọng của một trong những đặc trưng đó đối với cá nhân bạn.

Bài 2 :

- Qua “các số liệu thống kê tài chính Quốc tế mới nhất (IMF, WB)”, bạn hãy :
- a. Chọn ra 5 nước công nghiệp phát triển và 5 nước đang phát triển (tùy ý bạn).

b. Chỉ ra mức độ phụ thuộc kinh tế lẫn nhau của 10 quốc gia trên.

c. Rút ra kết luận gì về các mối quan hệ kinh tế lẫn nhau đó.

Sig bằng 0.01 là có ý nghĩa rõ ràng với biến kinh tế

Bài 3 :

Kết quả như sau

Giả sử cho số liệu về cơ cấu xuất khẩu và nhập khẩu của một số nước như trong bảng dưới đây:

		% của xuất khẩu		% của nhập khẩu	
		Sơ chế	Tinh chế	Sơ chế	Tinh chế
-8791	-330	Sơ chế	Tinh chế	Sơ chế	Tinh chế
8891	8781	8891	8891	8891	8891
Các nước Châu Âu (Eu)	0,2	21	8,8	31	66
Mỹ	3,8	24	8,1	72	75
Nhật	0,2	2	1,0	97	34
Các nước đang phát triển ở Châu Á		13	86	30	69

a. Tại sao cơ cấu thương mại của Eu lại khác Nhật trong biểu trên.

b. Theo bạn, cơ cấu thương mại nào trong biểu đồ giống với Hồng-Kông nhất, tại sao?

Bài 4:

Bạn có nhận xét gì thông qua số liệu cho ở bảng sau (Số liệu này của Ngân hàng thế giới, thống kê từ 100 quốc gia đang phát triển).

Trạng thái	Mức độ	Tốc độ phát triển kinh tế %		Chỉ số "ICOR"	
		1963-1973	1973-1985	1963-1973	1973-1985
Mở cửa	Hoàn toàn	6,8	6,0	2,5	4,4
	Tương đối	5,0	1,8	2,6	5,0
Đóng cửa	Tương đối	4,0	1,8	3,3	6,2
	Hoàn toàn	1,7	-0,1	5,6	8,6

CHƯƠNG II

LÝ THUYẾT CỔ ĐIỂN VỀ MẬU DỊCH QUỐC TẾ

I. Lý Thuyết :

1. Ba câu hỏi cơ bản của các lý thuyết mậu dịch quốc tế ?
2. Vì sao cuối thế kỷ 15, đầu thế kỷ 16, mậu dịch quốc tế đã có bước phát triển khá ?
3. Những quan điểm và hạn chế của phái Trọng thương về mậu dịch quốc tế ?
4. Chủ trương “xuất siêu” của phái Trọng thương đã dẫn đến những hậu quả gì ?
5. Vai trò của doanh nghiệp được đề cao như thế nào ở Tây Âu vào giữa thế kỷ 18 ?
6. Quan điểm của Adam Smith về thương mại quốc tế ?
7. Bản chất lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith ?
8. Những hạn chế của lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith ?
9. Bản chất quy luật lợi thế so sánh của David Ricardo ?

10. Trường hợp ngoại lệ khi áp dụng quy luật lợi thế so sánh, quy luật lợi thế so sánh và tiền tệ ?

LÝ THUYẾT

11. Những mặt hạn chế của quy luật lợi thế so sánh.

HỘI ĐỒNG QUỐC TẾ TÀI CHÍNH VÀ

12. Bản chất của lý thuyết chi phí cơ hội của Haberler.

CHI PHÍ CƠ HỘI

13. Phân tích cơ sở, mô hình và lợi ích từ mậu dịch với chi phí cơ hội không đổi.

14. Xác định mức độ lợi thế so sánh của một quốc gia về một sản phẩm nào đó.

15. Tại sao nói quy luật lợi thế so sánh của David Ricardo có tính tổng quát hoá cao hơn so với lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith? Cho ví dụ minh họa?

16. Hãy bình luận câu nói “Một quốc gia có năng suất lao động luôn luôn thấp chỉ có thể bị thua thiệt khi cho nước ngoài cạnh tranh”.

CHI PHÍ CƠ HỘI

17. Tại sao nói “trước thị trường thế giới, nước nhỏ là một nước cạnh tranh hoàn toàn”?

CHI PHÍ CƠ HỘI

18. Hãy so sánh cơ sở của mậu dịch quốc tế thông qua các lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith, lợi thế so sánh của David Ricardo và chi phí cơ hội của Haberler.

19. Các phái bộ không đồng lòng gì? Tại sao với chi phí cơ hội không đổi, các quốc gia lại chuyên môn hoá hoàn toàn? Điều này có phù hợp với thực tế hay không?

HỘI ĐỒNG QUỐC TẾ TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ CƠ HỘI

II. BÀI TẬP

Bài 1 :

Năng suất lao động để sản xuất ra sản phẩm X và sản phẩm Y của hai quốc gia được cho trong bảng dưới đây (các đơn vị: giờ)

Trường hợp		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
Quốc gia		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
Năng suất lao động (đơn vị: giờ)									
Lao động		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
Số lượng SP X/ người - giờ	4	3	4	1	4	1	4	2	
Số lượng SP Y/ người - giờ	1	2	3	2	2	2	2	1	

Hãy xác định : Năng suất lao động của hai quốc gia là:

a) Lợi thế tuyệt đối và không có lợi thế tuyệt đối của mỗi quốc gia trong từng trường hợp.

b) Lợi thế so sánh và không có lợi thế so sánh của mỗi quốc gia trong từng trường hợp.

c) Khả năng xảy ra mâu dịch giữa hai quốc gia trong từng trường hợp.

Bài 2: Mô hình kinh tế của hai quốc gia là:

Giả sử có tài liệu sau đây :

: Vẽ iêu

	Quốc gia	I	II
Hao phí lao động			
A (giờ lao động / kg)	20	60	
B (giờ lao động / m)	30	15	

- a) Hãy xác định cơ sở, mô hình mậu dịch của hai quốc gia
- b) Với tỷ lệ trao đổi nào thì lợi ích của hai quốc gia bằng nhau ?

Bài 3 :

Cho bảng số liệu sau:

Sản phẩm	Hao phí lao động cho một đơn vị sản phẩm (giờ)	
	Quốc gia I	Quốc gia II
A	10	20
B	6	3

- a. Xác định cơ sở mậu dịch của hai quốc gia.
- b. Xây dựng mô hình mậu dịch giữa hai quốc gia.
- c. Tìm khung tỷ lệ trao đổi và lợi ích của mỗi quốc gia.
- d. Nếu 1 giờ lao động ở quốc gia I được trả 1 GBP (£) và ở quốc gia II được trả 2 USD (\$), xác định khung tỷ lệ trao đổi giữa hai đồng tiền để mậu dịch có thể xảy ra.

Bài 4 :

Có chi phí lao động để sản xuất ra hai sản phẩm trong bảng dưới đây :

Sản phẩm	Hao phí lao động cho 1 đơn vị sản phẩm (giờ)	
	Quốc gia I	Quốc gia II
X	20	40
Y	30	50

Giả thiết rằng 1 giờ lao động ở quốc gia I được trả £2,5; 1 giờ lao động ở quốc gia II được trả \$3. Hãy tính :

- a. Giá cả lao động cho hai sản phẩm trong mỗi quốc gia
- b. Mậu dịch giữa hai quốc gia có xảy ra không nếu tỷ giá trao đổi giữa hai đồng tiền là $R_{\$/\text{£}} = 2$.
- c. Mậu dịch giữa hai quốc gia có xảy ra không nếu tỷ giá trao đổi giữa hai đồng tiền là $R_{\$/\text{£}} = 2,4$.
- d. Khung tỷ lệ trao đổi giữa hai đồng tiền mà ở đó mậu dịch xảy ra.

Bài 5 :

Xác định mức độ lợi thế so sánh của quốc gia A về sản phẩm X biết rằng giá trị xuất khẩu sản phẩm X của quốc gia là 500 triệu USD, giá trị xuất khẩu sản phẩm X của thế giới là 1 tỷ USD, tổng giá trị xuất khẩu của quốc gia A trong 1 năm là 40 tỷ USD và tổng giá trị xuất khẩu của thế giới là 500 tỷ USD.

Bài 6 :

Cho bảng số liệu sau:

Sản phẩm	Chi phí lao động cho 1 đơn vị sản phẩm (giờ)	
	Quốc gia I	Quốc gia II
X	3	4
Y	2	1

Giả thiết quốc gia I có 1200 đơn vị lao động và quốc gia II có 800 đơn vị lao động. Trong điều kiện sử dụng hết tài nguyên và kỹ thuật được cho là tốt nhất, với chi phí cơ hội không đổi, hãy xác định:

- Đường giới hạn khả năng sản xuất và mô hình mậu dịch của hai quốc gia.
 - Khung tỷ lệ trao đổi giữa hai quốc gia để ở đó mậu dịch có thể xảy ra.
 - Giá sử 1 giờ lao động ở quốc gia I được trả \$6, 1 giờ lao động ở quốc gia II được trả £2. Hãy xác định khung tỷ lệ trao đổi giữa hai đồng tiền để mậu dịch có thể xảy ra theo mô hình trên.
 - Phân tích lợi ích mậu dịch nếu biết rằng các điểm tự ứng từ X cấp của mỗi quốc gia lần lượt là: A(200X, 300Y) và A'(100X, 400Y).
- Bài 7:** Giả sử có tài liệu sau đây:

Quốc gia	I	II	: £/\$/
Hao phí lao động			

		Số lượng	Đơn vị
A (giờ lao động/kg)	2	3	6
B (giờ lao động/m)	3	4	4

- a. Hãy xác định cơ sở, mô hình mâu dịch của hai quốc gia.
 - b. Với tỷ lệ trao đổi nào thì lợi ích của hai quốc gia bằng nhau?

Bài 8 :

- để sản xuất 1 đơn vị mặt hàng A cần 4 lao động, 1 đơn vị mặt hàng B cần 5 lao động.

- Quốc gia I có 2000 đơn vị lao động để sản xuất 1 đơn vị mặt hàng A cần 4 lao động, 1 đơn vị mặt hàng B cần 5 lao động.

- Quốc gia II có 1200 đơn vị lao động, để sản xuất 1 đơn vị mặt hàng A cần 3 lao động, 1 đơn vị mặt hàng B cần 4 lao động. **Yêu cầu**

 - a. Anh (Chi) hãy xác định cơ sở và mô hình mâu dịch của hai quốc gia.**
 - b. Nếu tỷ lệ trao đổi $P_A/P_B = 2/3$, quá trình mâu dịch có xảy ra hay không ? Tại sao ?**
 - c. Biết điểm tự cung, tự cấp của quốc gia I và II lần lượt là I (300A, 160B); II (200A, 150B). Anh (Chi) hãy chọn một tỷ lệ trao đổi bất kỳ để chứng minh rằng quá trình mâu dịch sẽ không xảy ra giữa hai quốc gia khi chấp nhận trao đổi với tỷ lệ ấy.**
 - d. Trình bày lợi ích khi có mâu dịch quốc tế giữa hai quốc gia bằng hình vẽ.**

Bài 9

Giả sử có tài liệu sau đây :

Quốc gia	I	II
Hao phí lao động		
A (giờ lao động/kg)	2	5
B (giờ lao động/m)	3	4

Cho biết thêm tổng tài nguyên giờ lao động của quốc gia I là 600 giờ, quốc gia II là 1200 giờ.

- a. Tính chi phí cơ hội sản xuất sản phẩm A, B của hai quốc gia.
- b. Vẽ đường giới hạn khả năng sản xuất của hai quốc gia.
- c. Giả sử quốc gia I, điểm tự cung tự cấp tại điểm K (150A, 100B); quốc gia II tự cung tự cấp tại điểm L (120A, 150B). Xác định mô hình và lợi ích từ trao đổi của hai quốc gia.

Bài 10 :

Cho bảng số liệu sau:

Sản phẩm	Hao phí lao động cho 1 đơn vị sản phẩm (giờ)	
	Quốc gia I	Quốc gia II
X	4	2
Y	5	3

Giả sử rằng quốc gia I có 1600 đơn vị lao động, quốc gia II có 1200 đơn vị lao động.

- a. Hãy vẽ các đường giới hạn khả năng sản xuất của hai quốc gia trong trường hợp chi phí cơ hội bất biến.
- b. Mô hình mậu dịch của hai quốc gia.
- c. Xác định khung tỷ lệ trao đổi có thể chấp nhận được giữa hai quốc gia. Nếu tỷ lệ trao đổi $P_x/P_y = 1$, quá trình mậu dịch có xảy ra hay không ?

Bài 11 :

Giả sử có số liệu tối đa của hai mặt hàng chuối và táo mà Việt Nam và Trung Quốc có thể sản xuất được trong điều kiện sử dụng hết tài nguyên và với kỹ thuật được cho là tốt nhất như sau:

Quốc gia Sản phẩm (ngàn tấn)	Việt Nam	Trung Quốc
Táo	160	400
Chuối	800	600

- a. Vẽ đường giới hạn khả năng sản xuất của mỗi quốc gia.
- b. Xác định chi phí cơ hội để sản xuất táo và chuối của hai quốc gia.
- c. Giả thiết khi không có mậu dịch xảy ra, ở Việt Nam sản xuất được 400 ngàn tấn chuối và 80 ngàn tấn táo. Ở Trung Quốc sản xuất được 300 ngàn tấn chuối và 200 ngàn tấn táo. Hãy tính lợi ích của mỗi quốc gia khi mậu dịch xảy ra.

Bài 12: *Những bài hát về quê hương*

Đáp án: Nhóm hèn h/repository/đáp án/đáp án bài 10/đáp án bài 10.docx

Giả sử có tài liệu về khả năng sản xuất của hai quốc gia như sau:

QG I	QG II
đòi bùm đút lấp	đòi bùm đút lấp

X	Y	X	Y
50	0	120	0
40	30	90	20
30	60	60	40
20	90	30	60
10	120	0	80
0	150		90

008 | 008 | 008
a. Hãy vẽ đường giới hạn khả năng sản xuất của hai quốc gia.

b. Giá thiết rằng, khi không có mâu dịch xảy ra, điểm tự cung cấp của hai quốc gia lần lượt là: A' (30X, 60Y) và A'' (60X, 40Y). Hãy xác định lợi ích mâu dịch của hai quốc gia.

nhóm 9: 100% người nghèo đến 100% hộ gia đình là
CHƯƠNG III
nhóm 10: 100% hộ gia đình có thu nhập cao hơn 100% hộ
nhóm 11: 100% hộ gia đình có thu nhập cao hơn 100% hộ

LÝ THUYẾT HIÊN ĐẠI VỀ MÂU DỊCH

QUỐC TẾ

để hiểu ý nghĩa của biến đổi kinh tế đối với nền kinh tế

I. Lý thuyết :

Để giải quyết vấn đề này ta cần xác định biến đổi kinh tế

1. Thế nào là chi phí cơ hội tăng ? Tại sao nói đường giới hạn

khả năng sản xuất với chi phí cơ hội tăng lại mang tính thực
tế hơn ?

2. Hãy minh họa đường giới hạn khả năng sản xuất với chi phí
cơ hội tăng của hai quốc gia bằng biểu đồ (chỉ rõ hướng đi của
chiều mũi tên).

3. Thế nào là đường bàng quan đai chúng – Đặc tính của nó và
giải thích bằng biểu đồ.

4. So sánh hai khái niệm MRT và MRS. Làm thế nào để xác
định được giá trị MRT và MRS tại mỗi điểm.

5. Phân tích bằng biểu đồ lợi ích từ mâu dịch (của hai quốc gia
với chi phí cơ hội tăng).

6. Thế nào là giá cả sản phẩm so sánh cân bằng nội địa VIEN
có phải là giá cả tự cung tự cấp hay không ? Hãy chỉ ra đường
giá cả sản phẩm so sánh cân bằng nội địa trên biểu đồ.

7. Có phải giá cả sản phẩm so sánh cân bằng nội địa phản ánh
lợi thế so sánh của một quốc gia ? Tại sao ?

THỦ TỤC
Số:
Đ/VY.2513

8. Thế nào là giá cả sản phẩm so sánh cân bằng chung của 2 quốc gia khi mậu dịch xảy ra. Dùng phương pháp thử và sai để xác định nó và nhược điểm của phương pháp này là gì ?
9. Tại sao với chi phí cơ hội tăng, các quốc gia đều chuyên môn hóa không hoàn toàn ?
10. Phân tích cơ cấu lợi ích mậu dịch bằng biểu đồ.
11. Phân tích lợi ích mậu dịch dựa trên sự khác biệt về sở thích và thị hiếu người tiêu dùng ở hai quốc gia.
12. Phân tích cân bằng cục bộ sự tạo thành giá cả sản phẩm so sánh cân bằng chung của hai quốc gia.
13. Thế nào là đường cong ngoại thương, đặc tính và vai trò của nó. Những căn cứ để xây dựng đường cong ngoại thương của một quốc gia.
14. Phân tích cân bằng tổng quát sự tạo thành giá cả sản phẩm so sánh cân bằng chung của hai quốc gia.
15. So với phương pháp thử và sai, xác định giá cả sản phẩm so sánh cân bằng chung bằng việc sử dụng đường cong ngoại thương có lợi gì ? Vì sao ?
16. Thế nào là tỷ lệ mậu dịch ? Nhìn vào tỷ lệ mậu dịch có thể đánh giá quốc gia này là “tốt” hay là “tồi” không ? Vì sao ?
17. Hãy phân tích 9 giả thiết mà Heckscher-Ohlin đã đưa ra khi nghiên cứu lý thuyết của mình.

- 18. Thế nào là sản phẩm thâm dụng tư bản, thế nào là sản phẩm thâm dụng lao động, cho thí dụ minh họa.
- 19. Thế nào là quốc gia dư thừa lao động ? Thế nào là quốc gia dư thừa tư bản. Hãy phân tích hai phương pháp xác định yếu tố dư thừa của một quốc gia.
- 20. Biểu diễn đường giới hạn khả năng sản xuất của hai quốc gia khi đưa vào những khái niệm mới là sản phẩm thâm dụng và quốc gia dư thừa.
- 21. Hãy phát biểu nội dung của lý thuyết H-O (lý thuyết xem xét và dự đoán mô hình mậu dịch của một quốc gia).
- 22. Hãy phân tích quá trình hình thành giá cả sản phẩm bằng khung cân bằng tổng quát của lý thuyết H-O.
- 23. Theo cách giải thích của Heckscher-Ohlin thì tại sao một quốc gia có lợi thế so sánh về sản phẩm này mà không có lợi thế so sánh về sản phẩm khác ?
- 24. Hãy phát biểu nội dung của lý thuyết H-O-S (lý thuyết cân bằng giá cả yếu tố sản xuất) và chứng minh lý thuyết bằng biểu đồ.
- 25. Vì sao trong ngắn hạn, giá cả các yếu tố sản xuất giữa các quốc gia tham gia mậu dịch chưa đạt tới sự cân bằng tuyệt đối?
- 26. Theo lý thuyết H-O, cơ sở mậu dịch của hai quốc gia là gì ? Tại sao ?

27. Bằng lý thuyết H-O-S hãy giải thích tại sao giá cả lao động ở Việt Nam sẽ tăng lên tương đối so với giá cả tự bản khi mở cửa giao thương với Nhật Bản.
28. Dùng lý thuyết H-O để giải thích cho mô hình mậu dịch ở Việt Nam?
29. “Lợi thế về giá nhân công rẻ của Việt Nam sẽ bị mất dần khi mở cửa giao thương với các nước khác. Hãy bình luận câu nói trên.
30. Theo số liệu Bộ lao động Mỹ công bố, lương thực tế tính theo giờ và theo tuần giảm lần lượt là 13,4% và 19,2%. Đây có phải là kết quả của mậu dịch tự do hay không? (Giả sử các yếu tố khác không đổi)
31. Vì sao các nước đang phát triển lại rất thành công nếu xuất khẩu hàng dệt, quần áo may sẵn, giày da? Ngành công nghiệp thành công ở Hồng Kông là ngành may mặc chứ không phải ngành sản xuất ô tô. Việc lý giải điều này có mâu thuẫn với thuyết H-O không?
32. Hãy trả lời đúng, sai cho các tình huống sau:
- Nếu 1 đơn vị lương thực cần 10 đơn vị lao động để sản xuất trong khi một đơn vị vải chỉ cần hai đơn vị lao động, như vậy ta có thể kết luận rằng lương thực tương đối thâm dụng lao động hơn so với vải?

b. Giả thiết nguồn lực vốn có của hai quốc gia A và B lần lượt là 8,000 và 2,000 đơn vị lao động, vậy A sẽ có lợi thế so sánh và xuất khẩu các sản phẩm thâm dụng lao động.

c. Nếu ở một nơi nào đó trên thế giới có lượng cung tư bản tăng lên thì giá cả so sánh của các sản phẩm thâm dụng tư bản sẽ giảm trên thị trường thế giới.

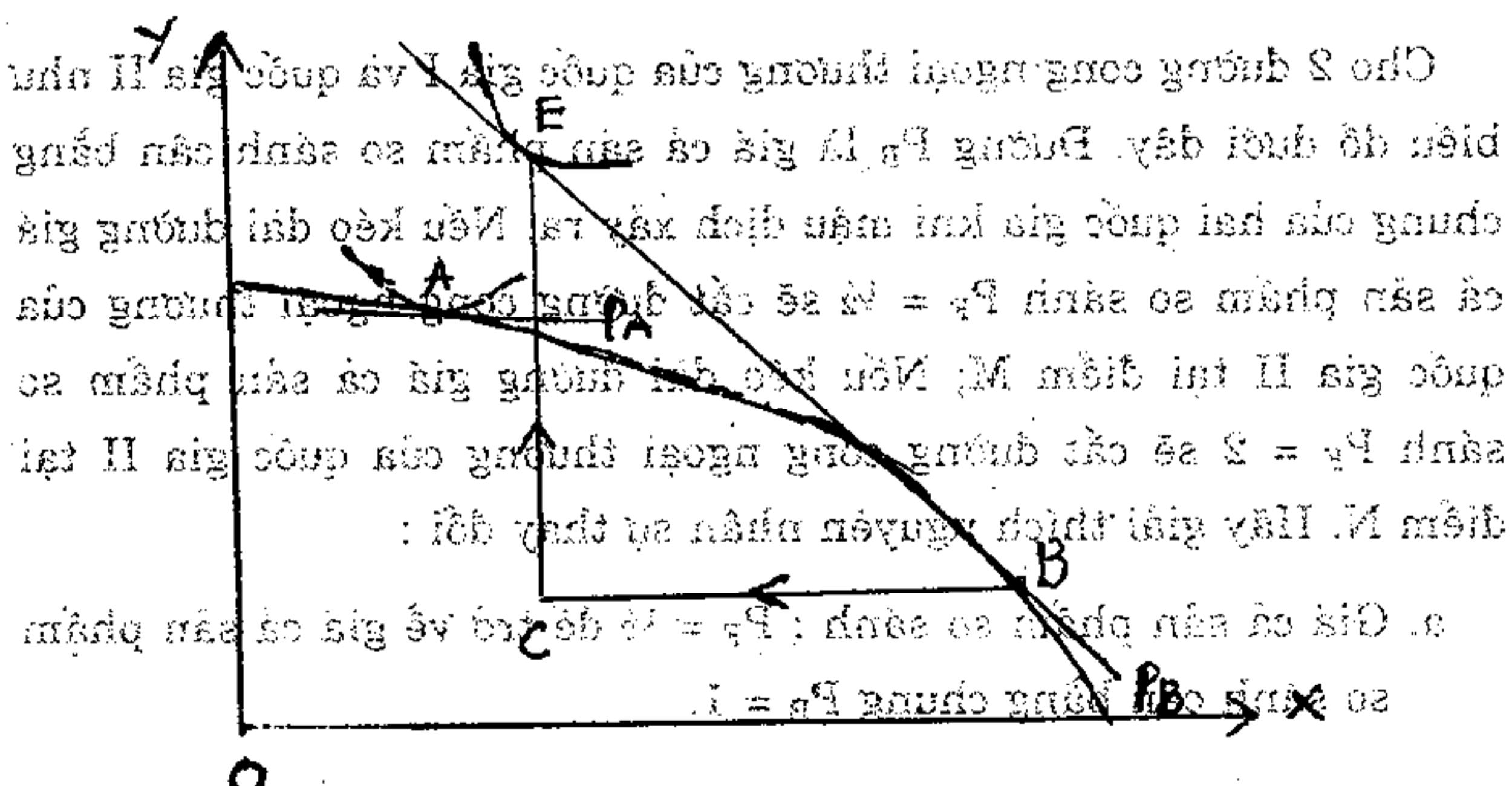
d. Khi sản phẩm X (cố số lượng đồ bằng trực X) là tương đối thâm dụng lao động so với Y, thì hạn chế lao động sẽ dốc hơn so với hạn chế tư bản.

e. Đường giới hạn khả năng sản xuất của nước thừa tư bản sẽ nghiêng về phía trực đo sản phẩm thâm dụng tư bản.

II. Bài Tập

Bài 1:

Cho biểu đồ như hình dưới đây :



hãy chỉ ra:

- Giá cả sản phẩm so sánh cân bằng nội địa khi chưa có mậu dịch xảy ra.
- Giá cả sản phẩm so sánh cân bằng chung khi mậu dịch xảy ra.

Bài 2 :

Cho giá cả sản phẩm so sánh cân bằng nội địa của hai quốc gia lần lượt là $P_A = 1/4$ và $P_{A'} = 3$. Hãy phân tích cơ sở, mô hình và lợi ích mậu dịch của hai quốc gia bằng biểu đồ. Các số liệu khác, sinh viên tự cho.

Bài 3 :

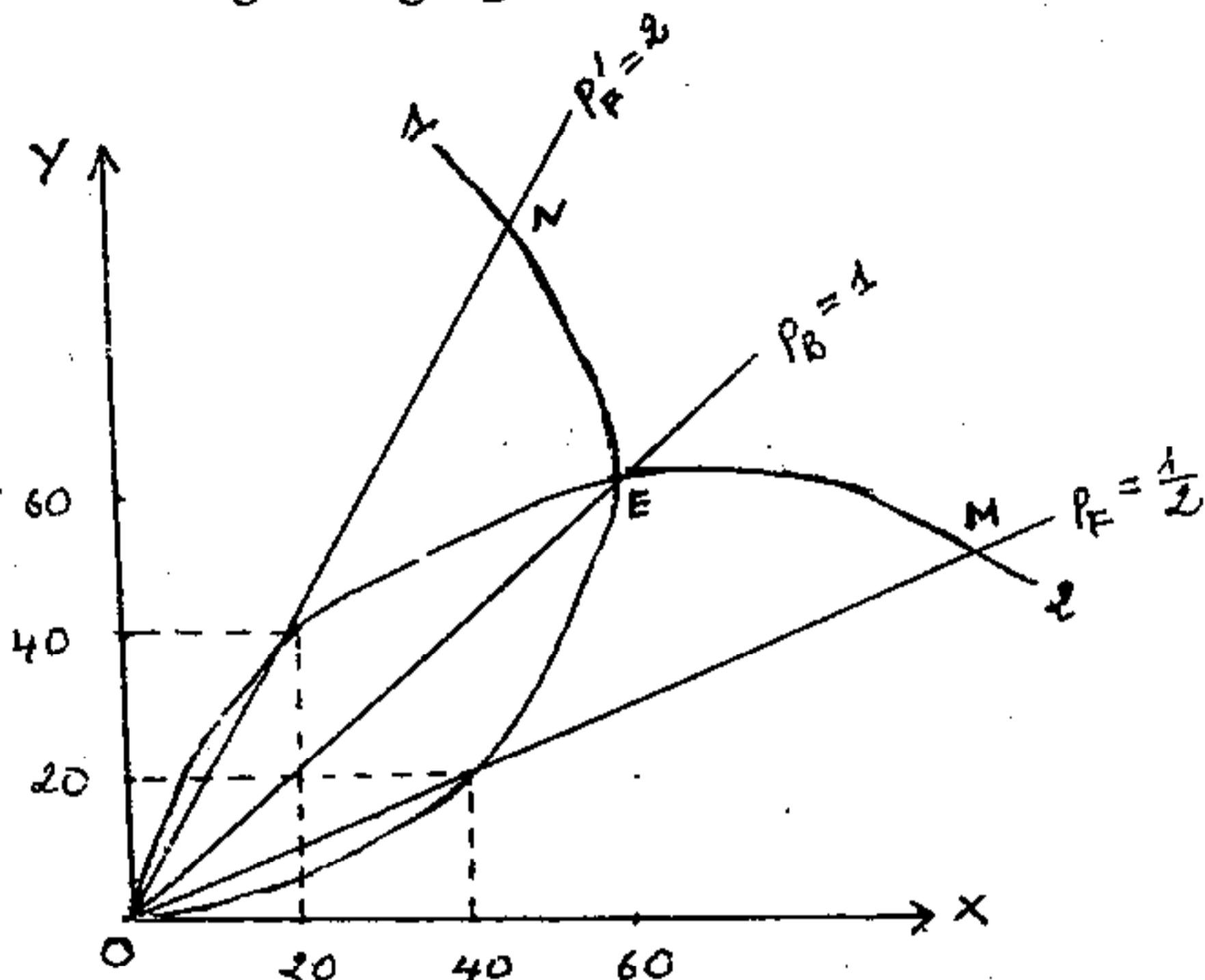
Bằng biểu đồ, hãy phân tích cơ cấu lợi ích mậu dịch của quốc gia A, biết rằng khi có mậu dịch xảy ra, giá cả sản phẩm so sánh cân bằng nội địa của quốc gia này là $P_A = 2/3$, của thế giới là $P_W = 1$. Giả thiết quốc gia này là một nước nhỏ.

Bài 4 :

Cho 2 đường cong ngoại thương của quốc gia I và quốc gia II như biểu đồ dưới đây. Đường P_B là giá cả sản phẩm so sánh cân bằng chung của hai quốc gia khi mậu dịch xảy ra. Nếu kéo dài đường giá cả sản phẩm so sánh $P_F = 1/2$ sẽ cắt đường cong ngoại thương của quốc gia II tại điểm M; Nếu kéo dài đường giá cả sản phẩm so sánh $P_F = 2$ sẽ cắt đường cong ngoại thương của quốc gia II tại điểm N. Hãy giải thích nguyên nhân sự thay đổi :

- Giá cả sản phẩm so sánh : $P_F = 1/2$ để trở về giá cả sản phẩm so sánh cân bằng chung $P_B = 1$.

b. Giá cả sản phẩm so sánh $P_F = 2$ để trở về giá cả sản phẩm so sánh cân bằng chung $P_B = 1$.



Bài 5 :

Giả sử tỷ lệ mậu dịch của một quốc gia tăng từ 100% đến 110% trong năm 1993.

- Tỷ lệ mậu dịch của bạn hàng mậu dịch sẽ giảm đi bao nhiêu ?
- Vì sao lợi ích của bạn hàng mậu dịch bị thiệt hại ?

Bài 6 :

Cho thị trường quốc gia A, sản xuất hai loại sản phẩm X và Y, để sản xuất 1 đơn vị sản phẩm X cần 10 đơn vị lao động và 5 đơn vị tư bản, để sản xuất 1 đơn vị sản phẩm Y cần 2 đơn vị lao động và 4 đơn vị tư bản.

- Xác định sản phẩm nào là sản phẩm thâm dụng tư bản và lao động.

~~Nhà bạ Vẽ đồ thị các ràng buộc về lao động và tư bản đối với sản xuất của quốc gia A.~~

~~L = 8~~ là giá trị quốc dân số của n

Bài 7 :

Bây giờ có thêm quốc gia B, để sản xuất 1 đơn vị sản phẩm X cần 4 đơn vị lao động và 1 đơn vị tư bản, 1 đơn vị sản phẩm Y cần 2 đơn vị lao động và 3 đơn vị tư bản.

Giá so sánh lao động của quốc gia B là $\frac{3}{2}$ trong khi quốc gia A là $\frac{1}{2}$.

- a. Xác định cơ sở, mô hình mậu dịch khi hai quốc gia có quan hệ buôn bán với nhau.
- b. Khi thực hiện giao thương với quốc gia A, giá lao động ở quốc gia B sẽ tăng hay giảm một cách tương đối so với giá cả tư bản ? Tại sao ?

- c. Khi chính phủ quốc gia B đánh thuế sản phẩm nhập khẩu từ quốc gia A, thu nhập của người sở hữu tư bản ở quốc gia B sẽ thay đổi như thế nào ? Vui lòng giải thích bằng cách sử dụng

Bài 8 :

Có số liệu cho trong bảng sau :

Quốc gia	Chi phí sản xuất	A		B	
		I	II	I	II
Sản phẩm	K	L	K	L	K
Sản phẩm	10	15	15	20	25

Hàng sản phẩm A		Hàng sản phẩm B		Đầu tư ban đầu	Doanh thu	Lợi nhuận	
J	K	B	J	K	3	2	6
8	$\frac{P_L}{P_K}$	1		6/4	A	1/2	5

Bằng lý thuyết H-O hãy xác định mô hình mậu dịch của hai quốc gia và biểu thị lợi thế so sánh của mỗi quốc gia trên biểu đồ.

Bài 9: Dưới đây là một bài toán về mô hình H-O. Hãy giải quyết nó bằng cách áp dụng các bước sau:
- Xác định mảng sản xuất và nhập khẩu của hai quốc gia.
- Giả sử có tài liệu sau:

Hãy xác định cơ sở, mô hình mậu dịch của hai quốc gia.

Sản phẩm	Chi phí sản xuất		Quốc gia I		Quốc gia II	
	K	L	K	L	K	L
X	4	2	5	2		
Y	8	3	10	3		
P_K/P_L		4/5		6/8		

Bài 10: Tính lợi thế so sánh của hai quốc gia A và B.
- So sánh lợi thế so sánh của hai quốc gia A và B.
- So sánh lợi thế so sánh của hai quốc gia A và B.

Chi phí sản xuất Sản phẩm	Quốc gia I		Quốc gia II	
	K	L	K	L
A	1	2	2	3
B	2	2	6	3
P_L/P_K	$3/2$		$1/2$	

Bằng lý thuyết H-O. hãy xác định mô hình mậu dịch của hai quốc gia và biểu thị lợi thế so sánh của mỗi quốc gia trên biểu đồ ?

Bài 11:

Quốc gia A là quốc gia dư thừa lao động, khan hiếm tư bản; quốc gia B là quốc gia dư thừa tư bản, khan hiếm lao động. Sản phẩm X là sản phẩm thâm dụng lao động; Sản phẩm Y là sản phẩm thâm dụng tư bản.

- a. Xác định mô hình mậu dịch của hai quốc gia.
- b. Cho biết thu nhập của người sở hữu tư bản ở quốc gia A sẽ thay đổi như thế nào nếu có mậu dịch tự do xảy ra giữa hai quốc gia.

Bài 12 :

Ý và Hy Lạp sản xuất hai mặt hàng vải C và lương thực F với lợi suất không đổi theo qui mô. Hy Lạp thừa lao động tương đối so với Ý và vải thâm dụng lao động tương đối so với lương thực (Ở tất

cả các mức tiền lương công nhân). Cân bằng quốc tế lúc ban đầu bị thay đổi khi cầu vải tăng lên

Bạn có thể dự đoán gì về ảnh hưởng dài hạn của các biến sau đây:

- a. Tỷ lệ mậu dịch của mỗi quốc gia ?
- b. Sản lượng lương thực và vải ở Hy Lạp và Ý.
- c. Sản phẩm tư bản biên và sản phẩm lao động biên ở hai ngành công nghiệp.

Bài 13 :

Xét mô hình H-O cho Anh và Hoa Kỳ với giả thiết hàm sản xuất thép là đồng nhất với hàm sản xuất vải. Các giả thiết khác của lý thuyết H-O vẫn được giữ lại.

- a. Hàm sản xuất đồng nhất giữa thép và vải cho ta hình dạng của đường giới hạn khả năng sản xuất của Anh và Hoa Kỳ thế nào?
- b. Có cơ sở mậu dịch giữa hai quốc gia này không ?
- c. Giải thích ý nghĩa của việc đồng nhất hàm sản xuất giữa thép và vải cho các lý thuyết : H-O, H-O-S.

Bài 14 :

Tây Ban Nha là nền kinh tế mở và nhỏ. Quốc gia này giao thương hai mặt hàng X và Y với các nước trên thế giới với tỷ lệ mậu dịch cố định là $1X : 2Y$. Nguồn lực vốn có của quốc gia gồm 37200 đơn vị lao động và 18000 đơn vị tư bản. Tại điểm cân bằng trong nước, các hệ số sản xuất tối ưu cho như sau:

		Lao động	Tư bản
		Đối	Đối
X	4	3	3
Y	5	1	1

Giả thiết rằng Tây Ban Nha tiêu thụ hàng hóa nội địa với một tỉ lệ không đổi $1X/1Y$, giao dịch là tự cung tự cấp.

- a. Xác định các giới hạn tư bản và lao động của Tây Ban Nha.
- b. Tìm sản lượng X và Y trong trường hợp tự cung tự cấp.
- c. Xác định lượng tiêu dùng hai mặt hàng X và Y trong trường hợp trên.

d. Tính lượng xuất nhập khẩu X và Y.

Để trả lời các câu hỏi trên, ta cần xác định số lượng sản xuất hàng hóa nội địa và số lượng nhập khẩu hàng hóa. Để làm được điều này, ta cần xác định số lượng lao động và tư bản mà Tây Ban Nha có thể cung cấp để sản xuất hàng hóa. Ta có thể xác định số lượng lao động và tư bản bằng cách áp dụng công thức sau:

$$S = \frac{L}{L + K}$$

S là số lượng sản xuất hàng hóa, L là số lượng lao động, K là số lượng tư bản.

Để xác định số lượng lao động và tư bản, ta cần xác định số lượng sản xuất hàng hóa và số lượng lao động và tư bản. Ta có thể xác định số lượng sản xuất hàng hóa bằng cách áp dụng công thức sau:

và sau đó là thuế xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, thuế xuất nhập khẩu không phải là thuế quan.

CHƯƠNG IV là phần cuối cùng của bài học này. Mục đích của

đây là để bạn nắm vững về thuế quan và thuế xuất nhập khẩu.

THUẾ QUAN - MỘT HÌNH THỨC HẠN CHẾ

Để hiểu rõ hơn về thuế quan, chúng ta cần nắm vững về

MẪU DỊCH

Đó là một bài tập nhằm giúp bạn nắm vững về thuế quan.

I. Lý thuyết :

Để bắt đầu bài

1. Nội dung và ý nghĩa của chính sách ngoại thương ?
2. Khái niệm và vai trò của thuế quan. Tại sao ở các nước phát triển không đánh thuế quan vào sản phẩm xuất khẩu ?
3. Phân loại thuế quan, cách tính và lịch sử phát triển thuế quan
4. Phân biệt nước lớn, nước nhỏ khi đánh thuế quan ?
5. Khái niệm số dư của người sản xuất và số dư của người tiêu dùng. Vì sao số dư của người tiêu dùng là số dư của người tiêu dùng thay đổi như thế nào ?
6. Khi chính phủ đánh thuế quan, lợi ích của nhà sản xuất, của người tiêu dùng thay đổi như thế nào ?
7. Tổn thất ròng của một quốc gia khi chính phủ đánh thuế quan là những phần nào? Hãy phân tích ý nghĩa kinh tế của chúng.

8. Những điều gì có thể rút ra từ công thức tính tỷ lệ bảo hộ thực sự. Mọi quan hệ giữa gvt, doanh nghiệp và kinh tế là như thế nào?

9. Nội dung của định lý Stolper-Samuelson ? Dùng định lý này có thích hợp cho một nước lớn hay không ? Có phải định lý này là hệ quả của lý thuyết H-O-S hay không ?
10. Nước lớn có ưu thế gì so với nước nhỏ khi đánh thuế quan ? Hãy phân tích tác động cân bằng tổng quát của thuế quan đối với sản xuất và tiêu dùng ở nước lớn.
11. Phân tích cân bằng tổng quát sự tác động của thuế quan đối với nước nhỏ ?
12. “Thuế quan là một hình thức phân phối lại thu nhập từ người tiêu dùng là người phải trả giá cao” sang người sản xuất là người được nhận giá cao. Hãy giải thích ?
13. Thuế quan tối ưu là gì ? Tại sao nước nhỏ không đánh được thuế quan tối ưu? “Thuế quan tối ưu” có phải là lý lẽ tốt nhất để biện minh cho chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch hay không ? Tại sao ?
14. “Thuế đánh vào hàng nhập khẩu trong một lĩnh vực nào đó luôn có nghĩa là lĩnh vực đó đang được bảo hộ”. Câu nói trên là đúng hay sai ? Giải thích.
15. Cho đường giới hạn khả năng sản xuất của một quốc gia có lợi thế so sánh về sản phẩm X. Giả sử quốc gia này là một nước nhỏ, hãy chỉ ra hiệu quả cân bằng tổng quát khi chính phủ đánh thuế 50% lên sản phẩm Y.
16. Tại sao trong một số ngành hàng, thuế quan bảo hộ đánh vào sản phẩm cuối cùng thì cao, vào nguyên vật liệu thì thấp là mục đích gì ? Trình bày cơ sở lý luận cho vấn đề này.

17. Hãy phân tích sự trái đũa giữa các nước lớn khi chính phủ các nước đó đánh thuế quan tối ưu. Điều này có liên quan gì không đến Tổ chức thương mại thế giới (WTO) ?
18. Hãy trả lời đúng, sai cho các tình huống sau:
- a. Vì chính sách tự do hóa thương mại là tốt nhất nên thuế quan không thể cải thiện phúc lợi của bất kỳ người nào ở nước ban hành chính sách thuế.
 - b. Giả thiết rằng có một quốc gia xuất khẩu các sản phẩm thâm dụng lao động, thuế quan tạo ra sự bảo hộ tích cực ngành công nghiệp cạnh tranh nhập khẩu sẽ làm cho toàn bộ công nhân khá hơn.
 - c. Thuế quan dẫn đến việc tăng tiền lương thực tế của yếu tố khan hiếm.
 - d. Khi lợi tức thuế được tái phân bổ cho khu vực tư nhân thì thuế quan đó cải thiện điều kiện thương mại.
 - e. Với những điều kiện xác định, thuế quan có thể làm cho giá cả sản phẩm so sánh trong nước của các sản phẩm nhập khẩu giảm xuống.
 - f. Thuế quan giữ lại những lợi ích mà lý thuyết lợi thế so sánh đề cập.
 - g. Thuế quan đã ngăn không cho thế giới đạt đến tình trạng tối đa hóa sản lượng sản xuất toàn cầu.

II. BÀI TẬP :

Bài 1 :

Cho hàm cầu và hàm cung của một quốc gia có dạng như sau :

$$Q_{DX} = 120 - P_X$$

$$Q_{SX} = P_X - 40$$

Trong đó: P_X là giá sản phẩm X tính bằng 1 USD, Q_{DX} ; Q_{SX} là số lượng sản phẩm X tính bằng 1 đơn vị. Giả sử đây là một nước nhỏ và giá thế giới là $P_w = P_X = 40$ USD.

- a. Hãy phân tích giá cả, tiêu dùng, sản xuất và nhập khẩu sản phẩm X của quốc gia này khi có mậu dịch tự do ?
- b. Giả sử chính phủ đánh thuế quan bằng 50% lên giá trị sản phẩm X nhập khẩu. Hãy phân tích cân bằng cục bộ sự tác động của thuế quan này ?
- c. Để sản xuất sản phẩm X, tỷ lệ nguyên liệu nhập là 80%, thuế quan đánh trên nguyên liệu nhập là 10%. Tính tỷ lệ bảo hộ thật sự cho nhà sản xuất.

Bài 2 :

Cho hàm cầu và hàm cung của một quốc gia có dạng như sau :

$$Q_{DX} = 200 - 20P_X$$

$$Q_{SX} = 40P_X - 40$$

Q_{DX} , Q_{SX} là số lượng sản phẩm X tính bằng 1 đơn vị. P_X là giá sản phẩm X tính bằng USD, Giả thiết đây là một nước nhỏ và giá thế giới là $P_X = 2$ USD.

- Hãy phân tích giá cả, tiêu dùng, sản xuất và nhập khẩu khi có mậu dịch tự do.
- Nếu chính phủ đánh thuế quan bằng 50%. Hãy phân tích cân bằng cục bộ sự tác động của thuế quan này.

Bài 3 :

Cho hàm cầu và hàm cung hàng may mặc ở thị trường nội địa Canada như sau:

$$Q_{DX} = 500 - 5P_X$$

$$7Q_{SX} = -300 + 60P_X$$

Với Q_{DX} là lượng cầu; Q_{SX} là lượng cung, và P_X là giá (tính bằng USD). Biết giá hàng may mặc ở thị trường thế giới là 20USD.

- Xác định giá và lượng cân bằng ở điều kiện tự cấp tự túc cho mặt hàng này ở Canada.
- Tìm giá cân bằng trong trường hợp thương mại tự do, lượng cầu, lượng cung và nhập khẩu hàng may mặc của nước này.
- Tính lượng tăng thặng dư tiêu dùng và lượng giảm thặng dư sản xuất do thương mại tự do đem lại so với tình trạng tự cấp tự túc.
- Thuế quan 5 USD đánh lên mỗi đơn vị hàng may mặc nhập khẩu sẽ ảnh hưởng thế nào đến giá cả, sản xuất, tiêu dùng và nhập khẩu của thị trường nội địa.

- e. Xác định khoản thu nhập của chính phủ do thuế quan đem lại và thiệt hại ròng cho nền kinh tế.
- f. Trị tối thiểu của thuế quan tính theo giá trị là bao nhiêu thì thuế đánh vào hàng may mặc mang tính cấm đoán?
- g. Minh họa kết quả bằng đồ thị.

Bài 4 :

Đồ thị cung cầu của một loại sản phẩm X (hàng thành phẩm) ở thị trường nội địa cho bởi hai phương trình sau:

$$Q_{DX} = 300 - 8P_X$$

$$Q_{SX} = -20 + 2P_X$$

Trong đó: Q_{DX} là số lượng cầu ; Q_{SX} là số lượng cung và P_X là giá (tính bằng USD). Sản phẩm này được bán trên thị trường thế giới với giá $P_w = 15$ USD, trong đó chi phí nguyên vật liệu cho mỗi đơn vị sản phẩm là $C_w = 10$ USD.

- a. Hãy xác định giá cả và số lượng cân bằng khi chưa có ngoại thương.
- b. Hãy xác định số lượng cầu, số lượng cung trong nước và số lượng hàng nhập khẩu trong trường hợp tự do hóa thương mại.
- c. Nếu chính phủ áp dụng thuế quan bảo hộ danh nghĩa với thuế suất $t = 1/3$ (33,33%), hãy xác định số lượng hàng nhập khẩu.
- d. Nếu chính phủ thay thuế quan bảo hộ danh nghĩa ở trên bằng thuế quan bảo hộ thật sự với thuế suất $t_0 = 0\%$ áp dụng cho nguyên vật liệu nhập khẩu (thuế suất cho sản phẩm cuối

cùng vẫn giữ ở mức cũ $t_1 = 1/3$). Hỏi số lượng sản phẩm cuối cùng nhập khẩu bây giờ sẽ là bao nhiêu?

Bài 5 :

Đồ thị cầu và cung một loại sản phẩm X ở thị trường nội địa cho bởi hai phương trình sau :

$$Q_{DX} = 500 - 5P_X \quad (\text{đơn vị tính } P_X \text{ là USD})$$

$$7Q_{SX} = -300 + 60P_X$$

Sản phẩm X được bán trên thị trường với giá 20 USD, trong đó chi phí nguyên vật liệu cho mỗi đơn vị sản phẩm là 10 USD.

- Xác định số lượng hàng nhập khẩu trong trường hợp tự do hóa thương mại.
- Nếu chính phủ áp dụng thuế quan bảo hộ danh nghĩa với thuế suất $t = t_1 = t_0 = 25\%$, hãy tính mức thiệt hại mà quốc gia phải gánh chịu.
- Nếu $t_0 = 0\%$, $t_1 = 25\%$, tính số lượng hàng nhập khẩu.
- Tính tỷ lệ thuế cho hàng thành phẩm nhập khẩu để khoản thu từ thuế nhập khẩu là lớn nhất.

(Với t_1 : tỷ lệ thuế đánh vào sản phẩm cuối cùng nhập khẩu

t_0 : tỷ lệ thuế đánh vào nguyên vật liệu nhập khẩu.)

Bài 6 :

Hàm cầu và hàm cung của một quốc gia có dạng như sau :

$$Q_{DX} = 140 - 2P_X$$

$$Q_{SX} = 2P_X - 40$$

Trong đó : P_X là giá sản phẩm X tính bằng 1 USD, Q_X là số lượng sản phẩm X tính bằng 1 sản phẩm. Giả thiết đây là một quốc gia nhỏ.

Nếu giá sản phẩm trên thị trường thế giới là 20 USD, trong đó chi phí nguyên liệu là 10 USD :

- a. Hãy phân tích tình hình sẽ xảy ra ở quốc gia này đối với sản phẩm X khi mậu dịch là tự do.
- b. Giả thiết chính phủ đánh thuế quan là 100% lên giá trị sản phẩm X. Hãy phân tích tình hình sẽ xảy ra ở quốc gia này.
- c. Giả thiết mức thuế quan danh nghĩa không thay đổi, nhưng thuế quan đánh trên nguyên liệu nhập là 5%. Hãy tính tỷ lệ bảo hộ thực sự trong trường hợp này.
- d. Nếu quốc gia là một nước lớn thì sau khi đánh thuế quan, giá cả thế giới sẽ thay đổi như thế nào ? Vì sao ?

Bài 7 :

Cho hàm cầu và hàm cung sản phẩm X của Việt Nam có dạng như sau :

$$Q_{DX} = 160 - 10P_X$$

$$Q_{SX} = 40P_X - 40$$

Trong đó: P_x là giá cả sản phẩm X tính bằng 10.000 đ, Q_{DX} ; Q_{SX} là số lượng sản phẩm X tính bằng 1 triệu đơn vị. Việt Nam là một quốc gia nhỏ và giá thế giới $P_x = 2$ USD.

- Hãy phân tích giá cả, tiêu dùng, sản xuất và nhập khẩu sản phẩm này của Việt Nam khi có mậu dịch tự do, nếu biết rằng 1 USD = 14.000 VND.
- Nếu chính phủ đánh thuế quan bằng 20%. Hãy phân tích cân bằng cục bộ sự tác động của thuế quan này.
- Thị trường sản phẩm X sẽ biến động như thế nào nếu đồng Việt Nam mất giá 20% so với đồng đô-la Mỹ ?

Bài 8 :

Giả sử có hàm cầu, cung về sản phẩm X của Việt Nam như sau :

$$Q_{DX} = 280 - 20P_x$$

$$Q_{SX} = 40 + 20P_x$$

Trong đó

P_x tính bằng 10.000đ.

Q_x tính bằng triệu sản phẩm.

Cho biết thêm giá thế giới về sản phẩm X là 3USD, tỷ giá hối đoái 1 USD = 14.000 VND.

- Hãy cho biết tình hình thị trường sản phẩm X như thế nào khi Việt Nam tiến hành thương mại tự do.
- Thị trường sản phẩm X của Việt Nam như thế nào khi đồng Việt Nam so với USD mất giá 10%.

Bài 9 :

Giả sử có hàm cung cầu về sản phẩm X của Việt Nam như sau:

$$Q_{DX} = 170 - P_X \quad Q_X : \text{đơn vị triệu sản phẩm.}$$

$$Q_{SX} = P_X + 10 \quad P_X : \text{đơn vị tính 10.000VND.}$$

Giá của thế giới về sản phẩm X là : $P_{X(W)} = 40$ USD.

Tỷ giá hối đoái : 1 USD = 12500 VND

- Hãy phân tích thị trường sản phẩm X tại Việt Nam khi chính phủ tiến hành thương mại tự do ?
- Phân tích cân bằng cục bộ khi chính phủ Việt Nam sử dụng thuế nhập khẩu đối với sản phẩm X là 50%.

Bài 10 :

Giả sử một xe hơi có giá nhập khẩu là 20.000 USD. Trong đó giá nhập khẩu yếu tố đầu vào là 10.000 USD. Chính phủ đánh thuế xe hơi nhập khẩu là 100% và nguyên liệu nhập là 50%. Hãy tính tỷ lệ bảo hộ thực sự ?

Bài 11 :

Một xe hơi có giá nhập khẩu là 5.000 USD, trong đó giá nhập khẩu của các yếu tố đầu vào để sản xuất ô-tô là 4000 USD. Giả thiết rằng thuế quan danh nghĩa đối với xe hơi là 100% ; thuế quan đánh trên nguyên liệu nhập là 50%. Hãy xác định tỷ lệ bảo hộ thực sự của ngành sản xuất xe hơi.

Bài 12 :

Ngành công nghiệp máy bay của Châu Âu nhận được viện trợ từ một vài chính phủ tương ứng với 20% giá bán ra của mỗi máy bay. Đồng thời, một nửa giá bán ra của một máy bay “Châu Âu” là chi phí của các bộ phận được mua từ các nước khác. Tính tỷ lệ bảo hộ thực sự mà các nhà sản xuất máy bay Châu Âu sẽ nhận được.

Bài 13 :

Có các dự án với các số liệu sau :

Dự án	1 P_w (USD)	2 C_w (USD)	3 P_d (VND)	4 C_d (VND)
A	3	2	45.000	25.000
B	140	100	1.500.000	1.100.000
C	75	55	800.000	560.000
D	7	5	800.000	55.000
E	10	8	120.000	90.000

Hãy sắp xếp theo thứ tự giảm dần về tính hấp dẫn của các dự án kể trên biết tỷ giá hối đoái 1 USD = 10.000 VND.

Với P_w : giá sản phẩm cuối cùng tính theo giá thế giới

C_w : giá nguyên vật liệu tính theo giá thế giới

P_d : giá sản phẩm cuối cùng tính theo giá trong nước

C_d : giá nguyên vật liệu tính theo giá trong nước

Bài 14 :

Cho $a_i = 0,5$; $t = 0,4$ hãy tính g khi $t_i = 0,6$; $0,8$ hoặc bằng 1 .

Cho nhận xét ?

Trong đó:

a_i : tỷ lệ giữa giá trị nhập lượng nguyên liệu với giá trị sản phẩm cuối cùng khi không có thuế quan.

t : tỷ lệ thuế đánh vào sản phẩm cuối cùng nhập khẩu.

t_i : tỷ lệ thuế đánh vào nguyên vật liệu nhập khẩu.

g : tỷ lệ bảo hộ thật sự.

Bài 15 :

Mexico dùng phụ tùng nhập khẩu trị giá 200 USD và gỗ nhập khẩu trị giá 100 USD để sản xuất 1 tivi vi có giá thế giới là 600 USD.

- Giá trị tăng thêm (VA) của ngành công nghiệp tivi Mexico là bao nhiêu?
- Giả thiết Mexico đánh thuế danh nghĩa 20% lên tivi nhập khẩu. Giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp tivi Mexico sẽ thay đổi như thế nào ? Tỷ lệ bảo hộ thực sự (ERP) cho nhà sản xuất tivi Mexico là bao nhiêu ?
- Giả thiết Mexico đánh thuế 8% và 14% lên phụ tùng và gỗ nhập khẩu. Tìm tỷ lệ bảo hộ thực sự ?(Vẫn đánh thuế danh nghĩa là 20%)

- d. Hãy tính lại tỷ lệ bảo hộ thực sự, giả thiết rằng thuế quan tương ứng đối với phụ tùng và gỗ là 50% và 35%.

Bài 16 :

Tại điểm cân bằng quốc tế, Hoa Kỳ xuất khẩu máy tính cá nhân sang Liên minh Âu Châu và nhập rượu vang. Do có thuế nhập khẩu ở Hoa Kỳ và Châu Âu mà giá (tính bằng USD) của máy tính và rượu vang là như sau:

Quốc gia Sản phẩm	Hoa Kỳ	Liên Minh Châu Âu
Máy tính (chiếc)	2000	3000
Rượu (chai)	10	5

- a. Chi phí cơ hội của máy tính cá nhân theo rượu vang ở Hoa Kỳ là bao nhiêu ? ở Châu Âu ?
- b. Tỷ lệ thay thế biên (MRS) của máy tính đối với rượu ở Hoa Kỳ là bao nhiêu ? Ở Châu Âu ?
- c. Giả thiết một người tiêu dùng Hoa Kỳ đổi 1 máy tính với 1 người tiêu dùng Châu Âu lấy 300 chai rượu. Hãy cho biết tỷ lệ trao đổi làm cho họ đều có lợi.
- d. Giả thiết Hoa Kỳ chuyển nguồn lực từ sản xuất rượu sang sản xuất máy tính và tăng sản lượng thêm 1 đơn vị máy tính ngược lại Liên minh Châu Âu giảm sản lượng bớt 1 đơn vị máy tính. Xác định những thay đổi về sản lượng của rượu ở

Hoa Kỳ và Châu Âu. Việc tái tổ chức sản xuất như vậy ảnh hưởng đến sản lượng máy tính và rượu của thế giới thế nào ?

- e. Nếu Hoa Kỳ và Châu Âu loại bỏ thuế quan, nó làm tăng sản lượng của thế giới như câu d không ? Tại sao ?

Bài 17 :

Hai quốc gia Hoa Kỳ và Nhật Bản sản xuất thép S và vải C có lao động và tư bản thỏa mãn điều kiện lợi suất theo quy mô không đổi. Hàm sản xuất của hai nước là đồng nhất, vải thâm dụng lao động tương đối so với thép, và Hoa Kỳ tương đối thừa tư bản so với Nhật. Khi mậu dịch tự do cân bằng, Hoa Kỳ xuất khẩu thép sang Nhật và nhập khẩu vải từ Nhật.

- a. Nếu thuế quan nhập khẩu tính theo giá trị là 25% của Hoa Kỳ làm tăng giá cả tương đối của vải ở Hoa Kỳ đến tỷ lệ 5c:1s thì giá cả tương đối của vải ở Nhật là bao nhiêu ?
- b. Trong hoàn cảnh nào thuế quan của Hoa Kỳ sẽ làm tăng khôi lượng nhập khẩu vải từ Nhật ?
- c. Thuế quan của Hoa Kỳ ảnh hưởng đến phúc lợi mỗi công nhân Hoa Kỳ thế nào ? Ảnh hưởng đến Nhật ra sao ?
- d. Bạn sẽ bổ túc câu trả lời của mình cho câu c thế nào nếu công nhân Hoa Kỳ được sở hữu tất cả tư bản ? Chú ý: bạn có thể giả thiết rằng tất cả lợi tức từ thuế được tái phân phối cho công nhân Hoa Kỳ.

Bài 18 :

Một quốc gia theo đuổi chính sách bảo hộ một ngành công nghiệp A, giá cả mặt hàng này ở thị trường thế giới là 140 USD/sp, chi phí nguyên vật liệu dành cho sản xuất ra một đơn vị sản phẩm ở thị trường thế giới là 100 USD. Sau khi nghiên cứu thị trường trong nước, nhà nước thấy rằng để bảo hộ thành công cho ngành công nghiệp này thì tỷ suất bảo hộ phải đạt 100%.

- a. Nếu nhà nước không đánh thuế khi nhập nguyên vật liệu, hãy tính mức thuế suất cần thiết phải đánh vào sản phẩm cuối cùng để đạt được tỷ suất bảo hộ như trên.
- b. Nay giờ quốc gia đang nằm trong một đồng minh thuế quan. Theo biểu thuế chung của đồng minh thì đối với ngành công nghiệp này chỉ được đánh thuế tối đa là 20%.

Nếu quốc gia vẫn muốn duy trì chính sách bảo hộ như cũ thì có cách nào thực hiện được hay không ?

Bài 19 :

Cho đường giới hạn sản xuất của quốc gia I - là quốc gia có lợi thế so sánh về sản phẩm X. Giả sử quốc gia này là một nước nhỏ, hãy chỉ ra hiệu quả cân bằng tổng quát khi chính phủ đánh thuế quan 100% lên giá trị sản phẩm Y.

CHƯƠNG V

NHỮNG HÌNH THỨC HẠN CHẾ MẬU DỊCH KHÁC VÀ ĐÀM PHÁN MẬU DỊCH ĐA PHƯƠNG

I. Lý thuyết :

1. Thế nào là quota ? Phân loại quota ? Tại sao ở các nước phát triển chỉ tồn tại hình thức quota nhập khẩu ?
2. Tác động cân bằng cục bộ của một quota nhập khẩu là gì ? So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa một quota nhập khẩu với một thuế quan tương đương ở giác độ tác động cân bằng cục bộ.
3. Tại sao khi cầu tăng, giá cả sản phẩm nội địa lại tăng lên dưới tác động của một quota nhập khẩu ?
4. Làm thế nào để hạn chế bớt tiêu cực trong việc phân phối giấy phép nhập khẩu ? Có sự khác nhau không trong cách sử dụng phần thu vô ngân sách của chính phủ dưới dạng thuế quan và phần thu do bán đấu giá giấy phép ?
5. Tại sao nói các nhà xuất khẩu ngoại quốc dễ dàng tác động đến khối lượng nhập khẩu vào quốc gia thông qua thuế quan, còn với quota thì họ không thể làm được điều đó ?
6. Tại sao các nhà sản xuất thích chính phủ bảo vệ mậu dịch bằng quota hơn so với thuế quan, còn với người tiêu dùng thì ngược lại ?

7. Có phải loại bỏ quota là một trong những nguyên tắc hoạt động của GATT ? Thực tế trên vòng đàm phán Uruguay đã loại bỏ được những quota nhập khẩu đối với những sản phẩm nào ?
8. Hãy liệt kê những hàng rào mậu dịch phi thuế quan khác, ngoài quota mà bạn biết.
9. Bạn hãy kể một vài cacten quốc tế và hoạt động của chúng mà bạn biết.
10. Những hình thức biểu hiện của “Hạn chế mậu dịch về mặt hành chính và kỹ thuật”. Đôi khi hàng thuỷ sản Việt Nam xuất khẩu qua Nhật bị trả về, phải chăng Nhật muốn áp dụng hình thức hạn chế mậu dịch trên đối với Việt Nam ?
11. Có những hình thức bán phá giá nào ? Thoả thuận của GATT ở vòng đàm phán Uruguay về vấn đề này như thế nào ? Bạn có thể cho biết những nước và những sản phẩm nào bị mang tiếng là bán phá giá nhiều trên thế giới.
12. Các biểu hiện của hình thức trợ cấp xuất khẩu.
13. Phân tích cân bằng cục bộ sự tác động của một trợ cấp xuất khẩu ?
14. Vì sao các nước vẫn áp dụng trợ cấp xuất khẩu một khi cái hại nhiều hơn cái lợi ?
15. Tại sao gọi là “khía cạnh kinh tế chính trị của chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch” ?
16. Hãy phân loại những lý lẽ biện hộ cho chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch.

17. Bảo vệ nhân dụng trong nước và bảo vệ ngành công nghiệp non trẻ có phải là những lý lẽ xác đáng để biện minh cho chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch ? Hãy phân tích.
18. GATT là gì ? Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của nó ?
19. Chế độ tối huệ quốc là gì ? Hãy phân tích những thuận lợi và khó khăn trước và sau khi hiệp định thương mại Việt-Mỹ có hiệu lực.
20. Bạn có thể kể về những vòng đàm phán đã qua của GATT.
21. Đặc trưng của vòng đàm phán Uruguay ? Kết quả ra sao ?
22. Quá trình chuyển đổi từ GATT sang WTO đã diễn ra như thế nào?
23. Bạn biết gì về Tổ chức thương mại thế giới (WTO)
24. Việt Nam đã chuẩn bị gia nhập WTO như thế nào ? Hãy cho biết những lợi ích mà Việt Nam sẽ thu được khi gia nhập WTO.
25. Hãy phân tích những thách thức khi Việt Nam gia nhập WTO?
26. Phải chăng hiện nay đang sống lại một chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch mới có lợi cho các nước phát triển mà không có lợi cho các nước đang phát triển ?
27. “Bất kỳ một công cụ nào nhằm can thiệp vào ngoại thương đều làm giảm lợi tức của quốc gia”. Anh (Chị) hãy cho biết câu nói trên đúng hay sai ? Giải thích.

28. “Khi nhà nước can thiệp nền kinh tế bằng công cụ trợ cấp xuất khẩu thì người được lợi nhiều nhất là người tiêu dùng nước ngoài”. Hãy nhận định câu nói trên.
29. Anh (Chị) hiểu như thế nào về “Thoả thuận hạn chế xuất khẩu tự nguyện”. Hãy trình bày ưu khuyết điểm so với hạn ngạch nhập khẩu thông thường xét trên hai góc độ: nước nhập khẩu và nước xuất khẩu”.

II. BÀI TẬP :

Bài 1 :

Bằng biểu đồ, hãy chỉ ra sự thay đổi về giá cả, sản xuất, tiêu dùng và nhập khẩu dưới tác dụng của 1 quota nhập khẩu khi :

- a. cầu giảm
- b. cung giảm

Bài 2 :

Giả sử có hàm cầu, cung về sản phẩm X của Việt Nam như sau :

$$Q_{DX} = 150 - P_X \quad (Q_X : \text{đơn vị triệu sản phẩm})$$

$$Q_{SX} = P_X + 10 \quad (P_X : \text{đơn vị USD})$$

Giá thế giới của sản phẩm X là 40 USD.

Phân tích thị trường sản phẩm X tại Việt Nam trong các trường hợp sau:

- a. Thương mại tự do.

b. Giá cả sản phẩm X của Việt Nam là bao nhiêu khi chính phủ sử dụng một hạn ngạch nhập khẩu là 30X.

Bài 3 :

Giả sử hàm cầu, cung về một mặt hàng X tại quốc gia A như sau :

$$Q_{DX} = 700 - 200P_X$$

$$Q_{SX} = -100 + 200P_X$$

(P_X tính bằng USD, Q_{DX} , Q_{SX} tính bằng một đơn vị sản phẩm)

Giá sản phẩm X được bán trên thị trường thế giới là 1 USD ($P_W = P_X = \$1$)

- Khi mậu dịch tự do, tình hình gì sẽ diễn ra tại quốc gia A với sản phẩm X.
- Nếu Nhà nước cấp một lượng quota nhập khẩu cho mặt hàng X là 200 đơn vị sản phẩm.
 - Hãy tính thu nhập của nhà nhập khẩu.
 - Thặng dư của nhà sản xuất.
- Tính lượng quota để phần thu của nhà nhập khẩu là lớn nhất.

Bài 4 :

Hàm cầu và cung lúa mì của Liên minh Châu Âu như sau:

$$Q_{DX} = 300 - 8P_X$$

$$Q_{SX} = -20 + 2P_X$$

Trong đó: P_X là giá tính bằng USD, Q_{DX} , Q_{SX} tính bằng một đơn vị sản phẩm.

Hàm cung xuất khẩu lúa mì ngoài Châu Âu vào Liên minh là

$$S_F = 18P_X - 100.$$

Trong đó: S_F là lượng xuất khẩu của các quốc gia ngoài Châu Âu.

- a. Tìm hàm cầu nhập khẩu của Liên minh Châu Âu.
- b. Mậu dịch tự do, xác định giá lúa mì và lượng nhập khẩu của Châu Âu. Tìm lượng sản xuất và tiêu dùng lúa mì của thị trường Châu Âu.
- c. Liên minh Châu Âu áp đặt hạn ngạch nhập khẩu cho phép nhập 100 giá lúa mì. Xác định ảnh hưởng của hạn ngạch này đối với sản xuất, tiêu dùng, giá cả và lượng nhập khẩu của Châu Âu.
- d. Tính các ảnh hưởng của hạn ngạch nhập khẩu đối với số dư sản xuất số dư tiêu dùng. Xác định lợi nhuận tối đa mà chính phủ thu được nhờ bán đấu giá giấy phép nhập khẩu.
- e. Minh họa kết quả bằng đồ thị.

Bài 5 :

Cho hàm cầu và hàm cung của một quốc gia có dạng như sau:

$$Q_{DX} = 160 - 30P_X$$

$$Q_{SX} = 20P_X - 40$$

Trong đó Q_{DX} , Q_{SX} là số lượng sản phẩm X tính bằng 1 đơn vị, P_X là giá cả sản phẩm X tính bằng USD. Giả thiết đây là một nước nhỏ và giá thế giới là $P_X = 2$ USD.

- a. Hãy phân tích thị trường về sản phẩm X ở quốc gia trên khi có mậu dịch tự do.
- b. Nếu chính phủ áp định một quota nhập khẩu bằng $50X$ (tương đương với thuế quan bằng 50%). Hãy phân tích cân bằng cục bộ sự tác động của quota này.
- c. So sánh với thuế quan tương đương trên khi có sự suy giảm về cầu (đường cầu tịnh tiến qua trái xuống dưới thành D'_X cắt đường S_X tại mức giá $P_X = 3,5$).

(Chú ý: Sinh viên không cần nói số liệu cụ thể, chỉ cần nói tăng, giảm, hay không đổi về giá cả, tiêu dùng, sản xuất và nhập khẩu).

Bài 6 :

Hàm cầu và cung của một quốc gia có dạng như sau :

$$Q_{DX} = 300 - 60P_X$$

$$Q_{SX} = -20 + 20P_X$$

Trong đó Q_{DX} , Q_{SX} là số lượng sản phẩm X tính bằng 1 đơn vị, P_X là giá cả sản phẩm X tính bằng USD. Giả thiết đây là một nước nhỏ và giá thế giới là $P_X = 2$ USD.

- a. Hãy phân tích giá cả trong nước, sản xuất, tiêu dùng và nhập khẩu của quốc gia khi có mậu dịch tự do.

- b. Nếu chính phủ áp định một quota nhập khẩu bằng $80X$ (tương đương với thuế quan bằng 50%). Hãy phân tích cân bằng cục bộ sự tác động của quota này.
- c. So sánh với thuế quan tương đương trên khi có sự gia tăng về cầu (đường cầu tịnh tiến qua phải lên trên thành D'_X cắt đường cung S_X tại mức giá $P_X = \$4,5$). (Chú ý: Sinh viên không cần nói số liệu cụ thể, chỉ cần nói tăng, giảm, hay không đổi về giá cả, tiêu dùng, sản xuất và nhập khẩu).

Bài 7:

Cho mô hình cầu, cung mặt hàng X ở một quốc gia như sau :

$$Q_{DX} = -4P_X + 656$$

$$Q_{SX} = 10P_X - 240$$

Với t : thuế suất nhập khẩu mặt hàng X, $t = \frac{P_1 - P_w}{P_w}$

Q_2S , q_2D : quota nhập khẩu.

P_w : giá thế giới mặt hàng X.

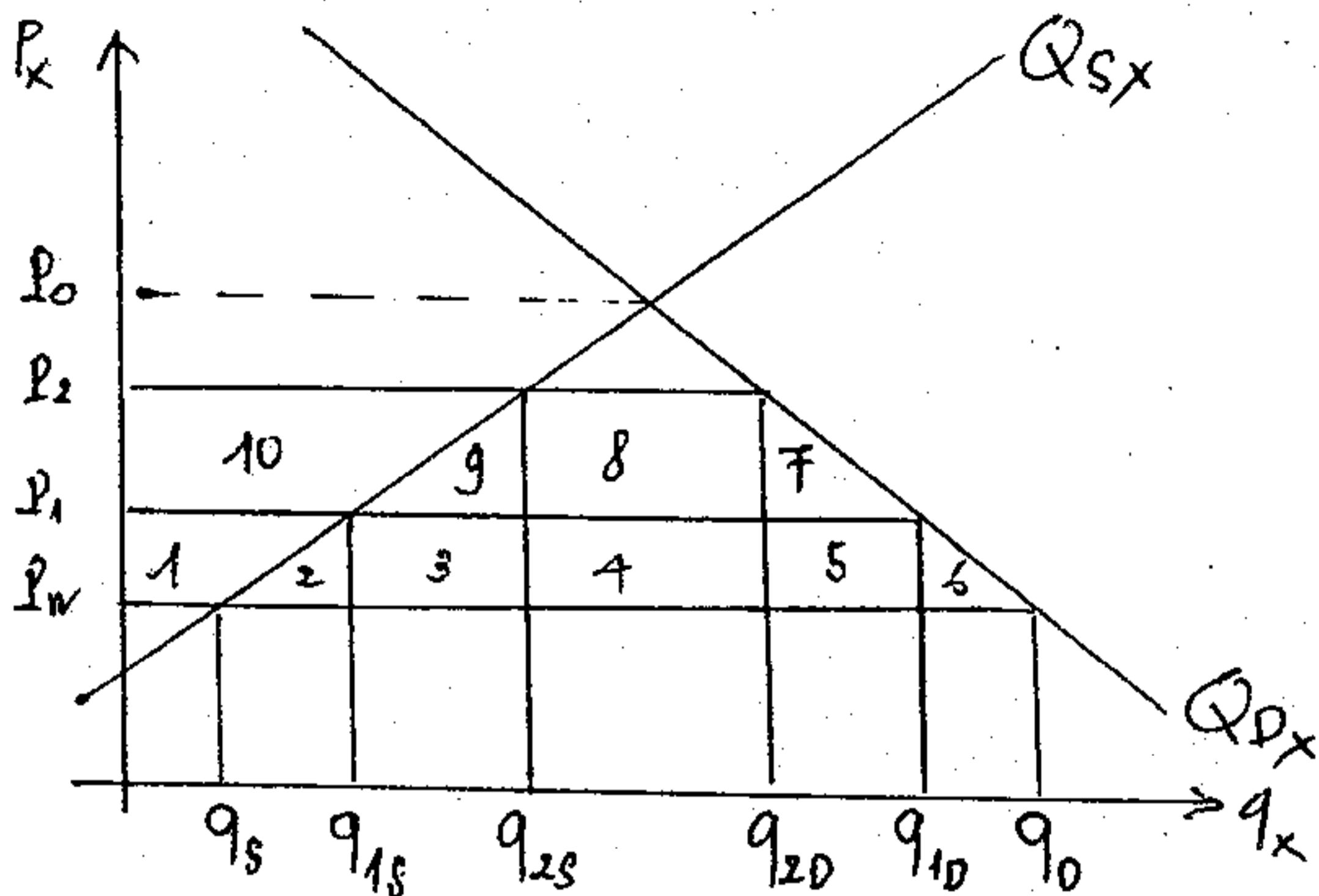
a. Hãy giải thích ý nghĩa kinh tế của 10 hình vẽ dưới đây.

b. Cho $t = 20\%$, $P_w = 40$, hạn nhập khẩu bằng 126

- Tính phần thuế nhà nước thu được.

- Xác định mức giá P_2 .

- Tính phần thu của nhà nhập khẩu.



Bài 8 :

Hàm cầu và cung của một quốc gia có dạng như sau:

$$Q_{DX} = 100 - 20P_X$$

$$Q_{SX} = 20 + 20P_X$$

(P_X tính bằng USD, Q_{DX} , Q_{SX} tính bằng một đơn vị sản phẩm)

Biết giá thế giới về sản phẩm này là 1 USD.

- Xác định giá, sản lượng cân bằng, tỷ lệ bảo hộ thực sự trong điều kiện nền kinh tế đóng.
- Nếu thuế quan nhập khẩu là 50%, phân tích ảnh hưởng đối với các chủ thể liên quan.

- c. Giả sử nhà nước chỉ can thiệp bằng công cụ hạn ngạch nhập khẩu, tính lượng quota nhập khẩu cần thiết tương đương với mức thuế quan nhập khẩu là 25%.
- d. Khi nhà nước bảo hộ mặt hàng này bằng cả hai loại công cụ: hạn ngạch và thuế quan nhập khẩu, biết lượng quota nhập khẩu là 20 X, tổng giá trị thuế nhập khẩu thu là 5USD, tính phần tăng thặng dư của nhà sản xuất nhờ được bảo hộ bằng thuế, quota và nhờ cả hai công cụ này.

Bài 9 :

Giả sử có hàm cung, cầu về sản phẩm X của Việt Nam như sau :

$$Q_{DX} = 150 - P_X \quad (Q_X : \text{đơn vị triệu sản phẩm})$$

$$Q_{SX} = P_X + 10 \quad (P_X : \text{đơn vị USD})$$

Giá thế giới của sản phẩm X là 100 USD.

Phân tích thị trường sản phẩm X tại Việt Nam trong các trường hợp sau:

- a. Thương mại tự do.
- b. Chính phủ Việt Nam trợ cấp xuất khẩu đối với sản phẩm X là 30%.

Bài 10 :

Hàm cầu và cung về sản phẩm X của một quốc gia là:

$$Q_{DX} = 120 - P_X$$

$$Q_{SX} = P_X - 40$$

Trong đó P_X là giá sản phẩm X tính bằng 1 USD, Q_X là số lượng sản phẩm X tính bằng 1 đơn vị. Giả thiết nước này là một nước nhỏ.

- a. Nếu giá sản phẩm X trên thị trường thế giới là 100 USD, hãy phân tích tình hình gì sẽ xảy ra ở quốc gia này đối với sản phẩm X khi mậu dịch là tự do.
- b. Giả thiết chính phủ tiến hành một trợ cấp xuất khẩu bằng 20 USD cho một đơn vị sản phẩm X xuất khẩu. Hãy phân tích tình hình gì sẽ xảy ra ở quốc gia này đối với sản phẩm X.
- c. Tính tỷ lệ trợ cấp xuất khẩu trong trường hợp trên.
- d. Xét ở bình diện thế giới, ai sẽ là người có lợi nhuận nhất khi chính phủ tiến hành một trợ cấp xuất khẩu như vậy ? Vì sao ?

Bài 11 :

Hàm cầu và hàm cung của Việt Nam về sản phẩm X có dạng như sau :

$$Q_{DX} = 80 - 20 P_X$$

$$Q_{SX} = 40 + 20 P_X$$

Trong đó Q_{DX} , Q_{SX} là số lượng sản phẩm X tính bằng 1 triệu đơn vị ; P_X là giá cả sản phẩm X tính bằng 10.000 đ. Việt Nam là 1 quốc gia nhỏ và giá thế giới $P_W = P_X = 2$ USD.

- a. Hãy phân tích tình hình gì sẽ xảy ra với sản phẩm X khi có mậu dịch tự do (giả thiết 1 USD = 14.000 VND).

- b. Nếu chính phủ trợ cấp 4.000 đ/1 đơn vị sản phẩm X xuất khẩu, hãy:
- c. Tính tỷ lệ trợ cấp xuất khẩu.
- d. Phân tích cân bằng cục bộ sự tác động của trợ cấp xuất khẩu đó.
- e. Ai là người có lợi nhiều nhất trong trường hợp này.

Bài 12 :

Cho phương trình cầu, cung về sản phẩm X của quốc gia A như sau (quốc gia nhỏ).

$$Q_{DX} = 400 - 10P_X \quad (P_X \text{ tính bằng USD})$$

$$Q_{SX} = 100 + 5P_X$$

Giá sản phẩm X trên thị trường thế giới là 20 USD, chính phủ quốc gia A sau khi trợ cấp cho sản phẩm X thì xuất khẩu được 75 đơn vị sản phẩm, lượng cung trong nước bằng 1,5 lượng cầu trong nước về mặt hàng X.

- a. Tính bằng 2 cách : tỷ lệ trợ cấp xuất khẩu đối với sản phẩm X của quốc gia A.
- b. Số tiền mà chính phủ chi ra để trợ cấp xuất khẩu.
- c. Nếu giá sản phẩm trên thị trường thế giới bây giờ là 22 USD, tính số lượng ngoại tệ tăng thêm nhờ chính sách trợ cấp xuất khẩu của chính phủ.

Bài 13 :

Thị trường sản phẩm X tại quốc gia A như sau :

$$Q_{DX} = 80 - 10P_X$$

$$Q_{SX} = 20 + 5P_X$$

Trong đó P_X là giá đơn vị sản phẩm X tính bằng USD. Q_X là số lượng sản phẩm, đơn vị tính là sản phẩm. Giá sản phẩm X trên thị trường thế giới là £3 (pound). Tỷ giá hối đoái $R_{\$/\text{£}} = 2$.

- a. Xác định giá cả và số lượng cân bằng khi chưa có mậu dịch xảy ra.
- b. Hãy xác định số lượng tiêu dùng, sản xuất và nhập khẩu của quốc gia khi có mậu dịch tự do.
- c. Nếu chính phủ trợ cấp 1 USD cho 1 đơn vị sản phẩm X xuất khẩu, hãy phân tích cân bằng cục bộ sự tác động của trợ cấp này.

Bài 14 :

Cho hàm cầu và hàm cung của một quốc gia có dạng như sau :

$$Q_{DX} = 200 - 20P_X$$

$$Q_{SX} = -120 + 60P_X$$

Trong đó P_X là giá cả sản phẩm X tính bằng USD, giả thiết đây là một quốc gia nhỏ và giá thế giới là 5 USD.

- a. Xác định giá cả và số lượng cân bằng khi chưa có mậu dịch xảy ra.
- b. Hãy xác định số lượng tiêu dùng, sản xuất và xuất khẩu của quốc gia khi có mậu dịch tự do.

c. Nếu chính phủ trợ cấp 1 USD cho 1 đơn vị sản phẩm X xuất khẩu, hãy phân tích cân bằng cục bộ sự tác động của trợ cấp này.

Bài 15 :

Cho phương trình đường cầu nội địa : $Q_{DX} = 100 - 20P_X$

Đường cung nội địa : $Q_{SX} = 20 + 20P_X$

Cho phương trình đường cầu nước ngoài : $Q^*_{DX} = 80 - 20P_X$

Đường cung nước ngoài : $Q^*_{SX} = 40 + 20P_X$

- Xác định đường cầu nhập khẩu của nội địa và đường cung xuất khẩu của nước ngoài.
- Khi hai quốc gia có quan hệ mậu dịch với nhau, tìm giá thế giới và khối lượng mậu dịch (giả sử thế giới chỉ có hai quốc gia).
- Giả sử rằng chính phủ nước ngoài trợ cấp 0,5 USD / đơn vị sản phẩm, phân tích tác động đối với từng chủ thể và quốc gia.

Bài 16 :

Hàm cầu và cung gỗ của Liberia như sau:

$$P_X = 100 - 0,9Q_{DX}$$

$$P_X = 5 + 0,05Q_{SX}$$

Trong đó: P_X là giá (tính bằng USD), Q_{DX} , Q_{SX} tính bằng một đơn vị sản phẩm). Giá ở thị trường thế giới là 30 USD mỗi đơn vị sản phẩm.

- a. Xác định giá và lượng cân bằng trong tình trạng tự cấp tự túc.
- b. Khi mậu dịch là tự do, hãy xác định lượng gỗ sản xuất và tiêu dùng của Liberia.
- c. Chính phủ Liberia đánh thuế xuất khẩu 5 USD cho mỗi đơn vị gỗ. Tìm ảnh hưởng của thuế xuất khẩu lên giá trong nước, lượng gỗ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu của Liberia.
- d. Xác định ảnh hưởng của thuế xuất khẩu đối với việc phân phối thu nhập. Tồn thất ròng do thuế xuất khẩu gây ra là bao nhiêu ?

CHƯƠNG VI

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ - LIÊN HIỆP QUAN THUẾ

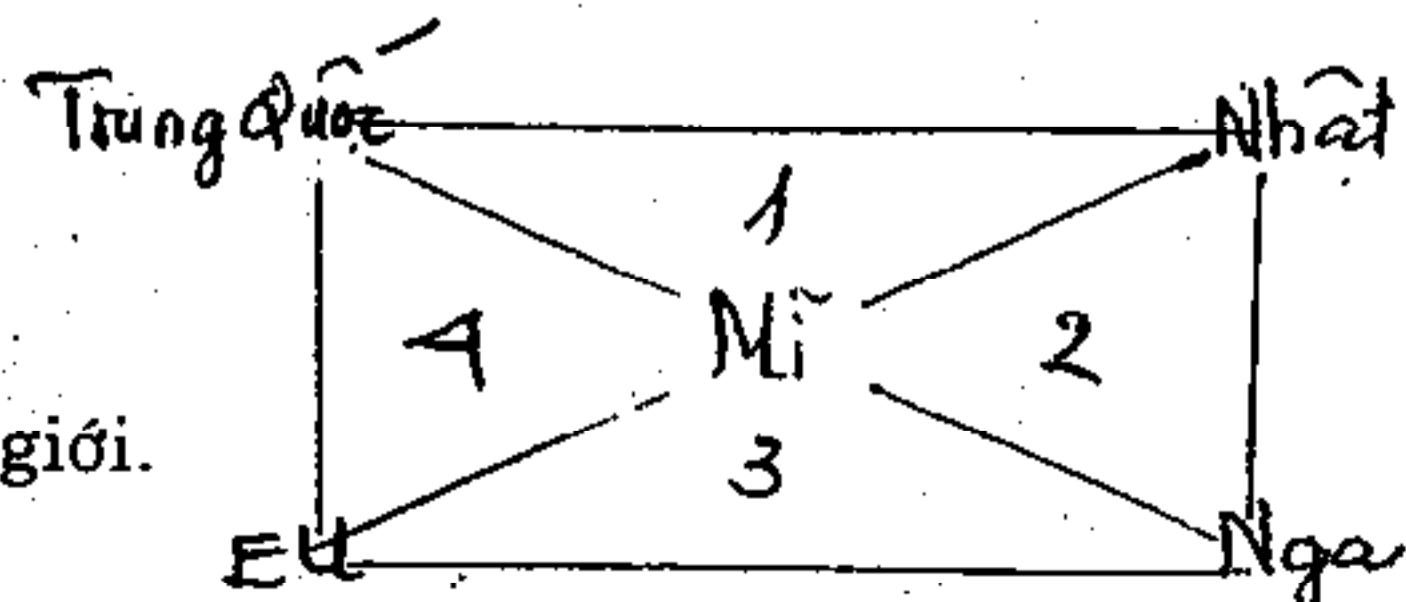
I. Lý thuyết :

1. Liên kết kinh tế quốc tế là gì ? Tại sao phải tiến hành liên kết kinh tế quốc tế ?
2. Các hình thức liên kết kinh tế quốc tế từ cao nhất đến thấp nhất ? Cho thí dụ minh họa mỗi loại.
3. Tại sao nói Liên hiệp kinh tế là hình thức liên kết kinh tế quốc tế cao nhất. Hãy phân tích sự chuyển đổi EC thành EU và sự liên kết đã và sẽ phát triển như thế nào ?
4. Thế nào là tạo lập mậu dịch ? (Trade Creation) và tác động của nó đến sản xuất, tiêu dùng và lợi ích của quốc gia ?
5. Chuyển hướng mậu dịch là gì ? (Trade Diversion) và ảnh hưởng của nó như thế nào đối với lợi ích sản xuất và tiêu dùng của quốc gia ?
6. Hãy so sánh sự giống và khác nhau giữa liên hiệp quan thuế tạo lập mậu dịch và liên hiệp quan thuế chuyển hướng mậu dịch.

7. Nội dung của lý thuyết tốt nhất loại II và phân tích đối với trường hợp liên hiệp quan thuế.
8. Hãy phân tích những điều kiện có nhiều khả năng làm gia tăng phúc lợi của một liên hiệp quan thuế.
9. Những tác động tinh khắt của một liên hiệp quan thuế.
10. Phân tích các lợi ích động từ liên hiệp quan thuế và so sánh hiệu quả của nó với các lợi ích tĩnh.
11. Lịch sử hình thành và mức độ liên kết của Cộng đồng kinh tế Châu Âu (EEC) và tác động của nó trong mậu dịch hàng hoá công nghiệp và hàng hoá nông nghiệp đối với phần còn lại của thế giới.
12. Hãy phân tích lợi ích tĩnh và lợi ích động đối với các thành viên từ sự tạo thành EEC.
13. Lịch sử và sự phát triển Hiệp hội mậu dịch tự do Châu Âu (EFTA) và so sánh với EEC.
14. Hãy phân tích sự hình thành và sự phát triển của khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA).
15. Bạn biết gì về hội nghị thương định (cuối năm 1994) ở Miami (Mỹ) quyết định về việc thành lập khu vực mậu dịch tự do lớn nhất Châu Mỹ.
16. Trình bày nội dung cơ bản của APEC.

17. Triển vọng để APEC trở thành khu vực mậu dịch tự do như thế nào? Những thử thách gì đối với Việt Nam khi đã trở thành một thành viên của APEC ?
18. Những cỗ gǎng liên kết kinh tế giữa các nước đang phát triển? Tại sao những cỗ gǎng đó thường gặp trở ngại và hay thất bại? Bạn biết gì về hình thức liên kết tam giác tăng trưởng nhanh?
19. Trình bày nội dung cơ bản của ASEAN, AFTA.
20. Lộ trình của Việt Nam tham gia vào AFTA ? Cơ hội và thách thức ?
21. Hãy phân biệt sự giống và khác nhau giữa khu vực mậu dịch tự do với liên hiệp quan thuế. AFTA thuộc hình thức liên kết nào và những lợi ích mà Việt Nam sẽ thu được khi tham gia tổ chức này.
22. Tại sao trước đây EEC hoạt động có hiệu quả hơn so với EFTA ?
23. Càng nhiều thành viên tham gia trong một liên hiệp quan thuế càng có lợi. Liên hệ đến việc mở rộng một số hình thức liên kết kinh tế quốc tế hiện nay trên thế giới ?
24. Trong các tam giác sau, tam giác nào ảnh hưởng mạnh đến tình hình:

- Kinh tế thế giới.
- An ninh chính trị thế giới.



- Kinh tế Châu Á.

- Kinh tế Châu Âu.

25. Khu mậu dịch tự do và mậu dịch tự do toàn cầu, trường hợp nào có lợi cho những nước đang phát triển như Việt Nam, xu thế nào được coi là thắng thế ?
26. Việc chuyển hướng mậu dịch làm cho quốc gia nằm ngoài liên hiệp thuế quan suy giảm lợi ích, bên cạnh đó làm giảm lợi ích của quốc gia nhập khẩu hàng hoá và giảm năng suất của thế giới. Hãy lý giải tại sao nước nhập khẩu hàng hoá không hạ thấp thuế suất nhập khẩu để có lợi về mọi mặt.
27. Hãy trả lời đúng, sai cho các tình huống sau:
- a. Chuyển hướng mậu dịch là khi các thành viên trong khu vực mua bán tự do cấm nhập khẩu từ phần còn lại của thế giới.
 - b. Hoa Kỳ là một thí dụ của một liên minh kinh tế.
 - c. Liên hiệp quan thuế dẫn đến hai xu hướng đối lập : hướng về tình trạng tự do hoá thương mại cộng với xu hướng bảo hộ mạnh hơn.
 - d. Liên hiệp quan thuế luôn cải thiện phúc lợi.
 - e. Ảnh hưởng tiêu thụ của liên hiệp thuế quan dẫn đến thực tế rằng sau khi thành lập liên hiệp thì giá giảm dẫn đến tăng tiêu dùng của các nước thành viên.

II. BÀI TẬP :

Bài 1 :

Cho chi phí sản xuất sản phẩm A của ba quốc gia trong bảng dưới đây :

Quốc gia	I	II	III
Chi phí sản xuất (USD)	14	10	6

- Giả thiết quốc gia I đánh một thuế quan không phân biệt 100% lên sản phẩm A. Trong trường hợp này quốc gia I sẽ nhập khẩu sản phẩm A từ nước nào hay tự sản xuất trong nước ?
- Nếu bây giờ quốc gia I lập một liên hiệp quan thuế với quốc gia II. Liên hiệp quan thuế đó có tên là gì ? Tại sao ?

Bài 2 :

Có số liệu cho trong bảng sau :

Quốc gia	I	II	III
Chi phí sản xuất sản phẩm X (USD)	8	10	6

- Nếu QG II đánh thuế quan không phân biệt bằng 100% lên giá trị sản phẩm X nhập khẩu từ QG I và QG III. Trong

trường hợp này QG II sẽ nhập khẩu sản phẩm X từ QG I, QG III hay tự sản xuất trong nước ?

- b. Nếu bây giờ QG II liên kết với QG I trong một liên hiệp quan thuế. Giá cả sản phẩm X ở QG II sẽ là bao nhiêu và liên hiệp quan thuế đó là loại gì ? Vì sao ?

Bài 3 :

Có số liệu cho trong bảng sau :

Quốc gia	A	B	C
Giá cả sản phẩm X (USD)	10	3	4

Giả thiết quốc gia A là một nước nhỏ.

- a. Nếu mậu dịch là tự do thì giá cả sản phẩm X ở quốc gia A sẽ là bao nhiêu?
- b. Nếu quốc gia A đánh thuế quan không phân biệt 100% lên giá trị sản phẩm X nhập khẩu từ quốc gia B và quốc gia C. Giá cả sản phẩm X ở quốc gia A bây giờ là bao nhiêu ?
- c. Vẽ biểu đồ và phân tích những tác động cân bằng cục bộ trong trường hợp trên (câu b).
- d. Nếu quốc gia A xây dựng một liên hiệp quan thuế với quốc gia C. Liên hiệp quan thuế đó là loại gì ? Vì sao ?

Bài 4 :

Chi phí sản xuất 1 đơn vị sản phẩm X của ba quốc gia được cho trong bảng sau:

Quốc gia	A	B	C
Chi phí SX 1 đvsp X (USD)	8	5	3

- a. Nếu quốc gia A đánh thuế quan không phân biệt bằng 100% lên giá trị sản phẩm X nhập khẩu từ quốc gia B và C. Quốc gia A sẽ nhập khẩu sản phẩm X từ quốc gia nào hay tự sản xuất trong nước?
- b. Nếu quốc gia A liên kết với quốc gia B trong một liên hiệp quan thuế, bây giờ quốc gia A sẽ nhập khẩu sản phẩm X từ quốc gia nào hay tự sản xuất trong nước ?
- c. Liên hiệp quan thuế trên thuộc loại gì ? Tại sao ?

Bài 5 :

Cho cầu, cung về mặt hàng X ở quốc gia I như sau :

$$Q_{DX} = 140 - 20P_X$$

$$Q_{SX} = -20 + 20 P_X \quad (P_X \text{ tính bằng USD})$$

Biết giá mặt hàng X ở quốc gia II và III lần lượt là 1,5 USD; 2 USD.

- a. Khi các quốc gia thiết lập quan hệ mậu dịch với nhau trong điều kiện quốc gia I đánh thuế nhập khẩu không phân biệt 100% lên sản phẩm X, tình hình gì sẽ diễn ra ở quốc gia I.
- b. Nay giờ quốc gia I lập một liên hiệp thuế quan với quốc gia II.
- Liên hiệp thuế quan này thuộc hình thức nào ?
 - Tính phần lợi ích mà quốc gia I thu được.

Bài 6 :

Cùng với phần giả thiết như câu trên, nay giờ quốc gia I lập một liên hiệp thuế quan với quốc gia III.

- a. Liên hiệp thuế quan này thuộc hình thức nào ?
- b. Xác định phần tổn thất (lợi ích) mà quốc gia I thu được.
- c. Gọi t là tỷ lệ thuế nhập khẩu quốc gia I đánh vào sản phẩm X, nếu :

$$P_{II} + tP_{II} \geq P_I$$

$$P_{III} + tP_{III} \geq P_I$$

thì hình thức của liên hiệp thuế quan này có thay đổi hay không ?
Lấy một ví dụ minh họa.

Bài 7 :

Giả sử có tài liệu sau đây :

Quốc gia	A	B	C
Chỉ tiêu	A	B	C
Giá sản phẩm X (USD/sp)	16	10	6

- a. Khi thương mại tự do, các quốc gia tham gia ngoại thương như thế nào ?
- b. Khi nào quốc gia B xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm X.
- c. Nếu quốc gia A sử dụng thuế nhập khẩu với tỷ lệ là 100% thì mối quan hệ ngoại thương giữa các quốc gia như thế nào ?
- d. Hãy nêu tên liên hiệp thuế quan trong trường hợp :
 - Quốc gia A thành lập liên hiệp thuế quan với quốc gia B.
 - Quốc gia A thành lập liên hiệp thuế quan với quốc gia C.

Bài 8 :

Giả thiết chi phí trung bình mỗi chai rượu ở Bồ Đào Nha là \$1,5; ở Pháp là \$2,0; ở Ý là \$2,4 và ở Đức là \$2,5. Thuế nhập khẩu tính theo giá trị ở Bồ Đào Nha là 25%; ở Pháp là 30%; ở Ý 100% và ở Đức 60%.

- a. Quốc gia nào là nước nhập khẩu rượu ?
- b. Quốc gia nào là nước xuất khẩu ?
- c. Nay Ý và Đức thành lập 1 khu vực buôn bán tự do. Cả hai nước này loại trừ thuế nhập khẩu đánh vào thương mại hai chiều nhưng vẫn giữ lại hàng rào thuế quan đánh vào các sản phẩm nhập từ nước thứ ba. Lúc này, mô hình thương mại rượu vang là thế nào ? Hình thức vùng mậu dịch tự do này dẫn đến việc tạo lập mậu dịch hay chuyển hướng mậu dịch ? Có khả năng chênh hướng mậu dịch không ?
- d. Ý và Đức chuyển vùng mậu dịch tự do này thành đồng minh thuế quan bằng cách thừa nhận thuế suất thống nhất chung đối với phần còn lại của thế giới là 50%. Mô hình thương mại

rượu vang lúc này thế nào? Việc thành lập đồng minh thuế quan dẫn đến tạo lập mậu dịch hay chuyển hướng mậu dịch?

- e. Giả thiết Pháp gia nhập đồng minh thuế quan thành lập bởi Ý và Đức. Do đó Pháp cũng thừa nhận thuế suất 50% nói trên. Các nước thành viên loại trừ tất cả hàng rào thuế quan đối với mậu dịch đa phương, mô hình thương mại mới của rượu là gì? Việc mở rộng đồng minh thuế quan này có dẫn đến việc tạo lập mậu dịch hoặc chuyển hướng mậu dịch không?

Bài 9 :

Hàm cầu và cung vải của Canada là :

$$Q_{DX} = 1500 - 100P$$

$$Q_{SX} = 100P - 50$$

Giá vải ở Hoa Kỳ là \$3 mỗi mét và \$2 trên thế giới. Canada là nước nhỏ không ảnh hưởng đến giá cả Hoa Kỳ và thế giới. Ban đầu Canada áp định thuế 100% đối với vải nhập khẩu từ nước ngoài.

- a. Xác định giá cả cân bằng, sản suất và tiêu thụ trong nước, nhập khẩu và phần thu ngân sách của chính phủ nước này.
- b. Canada thành lập khu vực mua bán tự do NAFTA với Hoa Kỳ. Xác định cân bằng mới ở nước này, nghĩa là tìm giá vải, sản xuất, tiêu dùng, nhập khẩu và phần thu thuế của chính phủ.
- c. NAFTA là tạo lập mậu dịch hay chuyển hướng mậu dịch?
- d. Xác định ảnh hưởng của NAFTA đối với phúc lợi của Canada.

Bài 10 :

Hàm cầu, cung rượu vang của Anh cho như sau :

$$Q_{DX} = 125 - 5p$$

$$Q_{SX} = 25p - 25$$

Giá mỗi chai rượu ở Bồ Đào Nha là \$3; ở Pháp là \$4

- a. Trong điều kiện thương mại tự do, xác định giá rượu cân bằng, sản xuất, tiêu dùng và nhập khẩu ở thị trường nội địa.
- b. Giả thiết Anh áp dụng 100% thuế tính theo giá trị lên rượu nhập khẩu. Xác định giá cân bằng mới của Anh, sản xuất, tiêu dùng, nhập khẩu và doanh thu thuế từ rượu vang.
- c. Anh thành lập liên hiệp quan thuế với Pháp và loại bỏ thuế nhập khẩu hàng hóa từ Pháp nhưng vẫn duy trì thuế nhập khẩu hàng hóa từ Bồ Đào Nha. Xác định giá cân bằng mới của rượu, sản xuất, tiêu dùng nhập khẩu và phần thu ngân sách của chính phủ.
- d. Liên minh thuế quan này dẫn đến sự tạo lập mậu dịch hay chuyển hướng mậu dịch ?
- e. Ảnh hưởng của liên minh thuế quan đối với phúc lợi của Anh như thế nào?

CHƯƠNG VII

MẬU DỊCH QUỐC TẾ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

I. Lý thuyết :

1. Những đặc trưng của các nước đang phát triển trong mậu dịch quốc tế ?
2. Luận chứng của “những người bi quan về thương mại quốc tế” ? Làm thế nào để khắc phục tình trạng suy giảm tỷ lệ mậu dịch ở các nước đang phát triển ?
3. Tại sao tỷ lệ mậu dịch của các nước đang phát triển lại giảm sút ?
4. Có phải là lý thuyết chuẩn về mậu dịch quốc tế dựa trên cơ sở lợi thế so sánh là không đúng đắn với các nước đang phát triển không ? Tại sao ?
5. Tại sao các nước đang phát triển lại tấn công mạnh vào lý thuyết truyền thống về mậu dịch quốc tế ?
6. Hãy phân tích vì sao nhu cầu về thực phẩm và nguyên liệu lại giảm đi một cách tương đối ?
7. Nguyên nhân nào dẫn đến các nước đang phát triển lâm vào tình trạng khó khăn ?
8. Theo Haberler thì mậu dịch quốc tế có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế của các nước đang phát triển ?

9. Có bao giờ mậu dịch quốc tế cũng gây tác hại cho sự phát triển kinh tế của các nước đang phát triển không ?
10. Luận chứng của “những người lạc quan về thương mại quốc tế” ?
11. Vì sao các quốc gia mới như Mỹ, Canada, Achentina, Uruguay, Nam phi, ... lại có điều kiện phát triển kinh tế khá trong suốt thế kỷ 19 ? Vai trò của thương mại quốc tế ở đây như thế nào ?
12. Có sự thay đổi như thế nào trong cơ cấu xuất khẩu của các nước đang phát triển trong những năm gần đây ? Liên hệ đến Việt Nam.
13. Hãy phân biệt các loại tỷ lệ mậu dịch. Loại nào là quan trọng đối với các nước đang phát triển ?
14. Hãy phân tích nguyên nhân tại sao tỷ lệ mậu dịch hàng hoá của các nước đang phát triển, những nước xuất khẩu hàng hoá truyền thống và nguyên liệu thô vào Anh quốc thời kỳ 1870–1938 lại giảm ? Và những nguyên nhân đó có là chính đáng để kết luận tỷ lệ mậu dịch suy giảm thực sự hay không?
15. Những nghiên cứu tiếp theo của Kindleberger, Lipsey, Spraos, Grill và Yang đã khẳng định thêm điều gì về tỷ lệ mậu dịch của các nước đang phát triển trong vòng 100 năm qua ? Vì sao nói những nghiên cứu đó nhìn chung đều chưa có cơ sở chắc chắn ?
16. Tại sao nói đường cầu và đường cung đối với sản phẩm truyền thống ở các nước đang phát triển là không bền và không co

dân ? Và điều đó ảnh hưởng đến giá cả xuất khẩu của họ như thế nào ?

17. Giá cả xuất khẩu không ổn định đã ảnh hưởng đến thu nhập xuất khẩu như thế nào ? Macbean đã phủ định điều này ra sao ?
18. Vai trò của các Ban tiếp thị “Marketing Board” như thế nào trong việc ổn định giá cả xuất khẩu của các nước đang phát triển ?
19. Các hình thức cơ bản của các hợp đồng hàng hoá quốc tế, phân tích và cho thí dụ mỗi loại ?
20. Tại sao đa số các hiệp định hàng hoá quốc tế ở các nước đang phát triển đều thất bại từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai ?
21. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã thực hiện những khoản bồi thường như thế nào đối với các nước đang phát triển ?
22. Vì sao trong thập kỷ 50-60 các nước đang phát triển lại cố gắng tiến hành công nghiệp hoá ?
23. Vì sao các nước đang phát triển đã áp dụng chiến lược công nghiệp hoá thay thế hàng nhập khẩu ? Những đặc điểm của chiến lược này thể hiện như thế nào ?
24. Đặc trưng của chiến lược công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu ở các nước đang phát triển ?
25. Những vấn đề gì đang đặt ra đối với các nước đang phát triển ?

26. Nhu cầu của các nước đang phát triển về một trật tự kinh tế quốc tế mới (NIEO) là gì ?
27. Tại sao xuất khẩu ở các nước đang phát triển lại không ổn định ? Làm thế nào để khuyến khích xuất khẩu ở các nước này ?
28. Nhận định “tổn cầu hoá sẽ dẫn đến sự phân hoá sâu sắc giữa các nước trên thế giới” là đúng hay sai, hãy giải thích ?
29. Hãy phân biệt “Chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu” với “Chiến lược công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu” và liên hệ đến Việt Nam.
30. Việc giảm nợ, xoá nợ cho các nước nghèo đã được thế giới thực hiện như thế nào ? Hãy liên hệ đến những cam kết gần đây trong những hội nghị của WTO, IMF, OECD, G-8, ...

II. Bài tập :

Bài 1 :

Cho đường giới hạn khả năng sản xuất với chi phí cơ hội tăng của một quốc gia đang phát triển. Trục hoành biểu thị sản phẩm truyền thống, trục tung biểu thị sản phẩm công nghiệp. Hãy chỉ ra sự tác động trên đường giới hạn khả năng sản xuất nếu giả thiết có một sự gia tăng kỹ thuật chỉ đối với sản phẩm truyền thống ?

Bài 2 :

Cho chỉ số giá cả xuất khẩu, chỉ số giá cả nhập khẩu, khối lượng xuất khẩu và năng suất xuất khẩu của một quốc gia đang

phát triển năm 1990 là 100. Điều gì sẽ xảy ra vào năm 1995 đối với :

- a. Tỷ lệ mậu dịch hàng hóa nếu chỉ số giá cả xuất khẩu chỉ tăng có 5% nhưng chỉ số giá cả nhập khẩu tăng những 10%?
- b. Tỷ lệ mậu dịch theo thu nhập nếu khối lượng xuất khẩu tăng đến 120 ?
- c. Tỷ lệ mậu dịch theo yếu tố đơn nếu năng suất xuất khẩu tăng đến 130 ?
- d. Với sự tính toán trên, bạn có thể kết luận gì về tình trạng của quốc gia (tốt hơn hay tồi hơn) của năm 1995 so với năm 1990? Tại sao ?

Bài 3 :

Hãy liệt kê những quan điểm cho rằng mậu dịch quốc tế có thể làm chậm đi sự phát triển của một quốc gia và phân tích những sai lầm của những quan điểm đó ?

Bài 4 :

Hãy vẽ một biểu đồ chỉ ra rằng khi cung về một sản phẩm tăng lên làm cho giá cả giảm mạnh và đường cầu trong trường hợp này là một đường kém co dãn.

Bài 5 :

Khoa học kỹ thuật phát triển mạnh trên thế giới sẽ ảnh hưởng như thế nào đến một nước chuyên môn hóa vào sản xuất sắt ?

Bài 6 :

Vì sao các nước đang phát triển lại rất thành công nếu xuất khẩu hàng dệt, quần áo may sẵn và giày da ?

Bài 7 : Các câu nói sau đây là đúng hay sai, hãy giải thích ?

- a. Viện trợ là tất cả sự giúp đỡ mà các nước đang phát triển cần.
- b. Khó khăn của nước phát triển là phải cạnh tranh với giá công nhân rẻ mạt từ các nước đang phát triển.
- c. Các nước đang phát triển cũng có thể xuất khẩu những sản phẩm kỹ thuật cao.
- d. Các nước đang phát triển chỉ có thể thu lợi lớn nhất từ việc xuất khẩu những sản phẩm nông nghiệp và nguyên liệu thô.
- e. Việc bảo hộ mậu dịch của các nước phát triển có hại cho các nước đang phát triển.
- f. Các nước phát triển buôn bán với các nước đang phát triển có lợi hơn là buôn bán giữa các nước phát triển với nhau.

CHƯƠNG VIII

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

I. Lý thuyết :

1. Phân tích hình thái đầu tư nước ngoài trực tiếp và gián tiếp.
Phân biệt cổ phiếu và trái phiếu.
2. Tình hình đầu tư phiếu khoán trên thế giới.
3. Tình hình đầu tư trực tiếp trên thế giới.
4. Đầu tư trực tiếp của Mỹ, Nhật Bản vào các nước NIC, ASEAN, Trung Quốc.
5. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam.
6. Phải chăng dòng chảy tư bản chỉ chuyển động từ các nước có lợi nhuận thấp sang các nước có lợi nhuận cao? Sự ảnh hưởng của yếu tố rủi ro ở đây là như thế nào ?
7. Phân biệt các khái niệm cổ tức, lợi tức.
8. Những ưu điểm do đầu tư trực tiếp mang lại cho nước chủ nhà, đối với nước đầu tư ?
9. Tại sao nói “đầu tư trực tiếp như con dao hai lưỡi” đối với nước chủ nhà ?
10. Khái niệm “liên kết ngang và liên kết dọc” trong đầu tư trực tiếp.

11. Nguyên nhân nào dẫn đến việc di chuyển tư bản trên phạm vi quốc tế ?
12. Vì sao ngày nay đầu tư trực tiếp vào các nước tư bản phát triển lại gia tăng ?
13. Phải chăng hiện nay chỉ có các nước tư bản phát triển mới đầu tư ra nước ngoài ?
14. Những lĩnh vực kinh tế nào được các nước đầu tư nhiều nhất?
15. Những khu vực nào trên thế giới hấp dẫn đối với đầu tư nước ngoài nhiều nhất ?
16. Bằng biểu đồ hãy phân tích hiệu quả phúc lợi của việc di chuyển nguồn lực quốc tế.
17. Thu nhập của người lao động ở nước chủ nhà và nước đầu tư thay đổi như thế nào dưới tác động của đầu tư ?
18. Đầu tư có ảnh hưởng gì đến cán cân thanh toán của nước chủ nhà và nước đầu tư ?
19. Tỷ suất thuế khác nhau giữa các nước ảnh hưởng như thế nào đến lợi nhuận thu được nhờ đầu tư ?
- 20: Vì sao có sự hình thành các công ty đa quốc gia ?
21. Hãy phân biệt công ty đa quốc gia (Multinational Corporation) với công ty xuyên quốc gia (Transnational Corporation).

22. Hãy kể tên những công ty đa quốc gia trên thế giới mà bạn biết ! Có những công ty nào thuộc khu vực kinh tế Châu Á – Thái bình dương.
23. Ảnh hưởng sự hoạt động của các công ty đa quốc gia đối với nước đầu tư ?
24. Ảnh hưởng sự hoạt động của các công ty đa quốc gia đối với nước chủ nhà ? Các nước này đã cố gắng hạn chế những tác động tiêu cực và làm tăng những tác động tích cực như thế nào ?
25. Thế nào là di chuyển nguồn lao động quốc tế. So với di chuyển nguồn tư bản, di chuyển nguồn lao động có những đặc điểm gì ?
26. Tác động của di chuyển nguồn lao động đến tiền lương thực tế, sản phẩm và phân phối thu nhập quốc dân ở nước di cư và nước nhập cư?
27. Thế nào là chảy máu chất xám ? Tại sao nói đây là một vấn đề nan giải, phức tạp ? Làm thế nào để khắc phục được hiện tượng này ?
28. Có phải ngày nay đang có nhiều lao động từ các nước phát triển vào các nước đang phát triển, đặc biệt là khu vực Châu Á Thái bình dương ?
29. Có những thay đổi gì trong xu hướng đầu tư quốc tế ngày nay ?
30. Tại sao ở các nước tư bản phát triển, tổ chức công đoàn luôn đấu tranh đòi chính phủ hạn chế sự di chuyển tư bản ra nước ngoài ?

31. Có gì thay đổi trong cách xếp hạng các công ty đa quốc gia ngày nay và vai trò của các công ty đa quốc gia trong việc di chuyển nguồn tư bản quốc tế ?
32. Tại sao trong những năm gần đây, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam suy giảm mạnh ? Chính phủ Việt Nam đã làm gì để khơi dậy lòng tin nơi các nhà đầu tư ? Và dự báo của bạn về đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong thời gian tới ?
33. Viện trợ phát triển chính thức (ODA) có những chức năng gì ? Liên hệ đến tình hình thu hút ODA ở Việt Nam trong thời gian qua.
34. Tình hình xuất khẩu lao động ở Việt Nam trong thời gian qua như thế nào ? Đâu là những khó khăn và dự báo của bạn ?

II Bài tập :

Bài 1 :

Cho hai hệ tọa độ 2 trục biểu thị thị trường tư bản của nước đầu tư và nước chủ nhà một cách riêng biệt. Hãy chỉ ra tác động của dòng chảy tư bản đối với :

- Nước đầu tư.
- Nước tiếp nhận đầu tư (nước chủ nhà).

Bài 2 :

Theo những số liệu mới nhất của Bộ kế hoạch và đầu tư (MPI), bạn hãy cho biết tổng số đầu tư trực tiếp vào Việt Nam phân theo nước đầu tư, lĩnh vực đầu tư và địa phương tiếp nhận đầu tư ?

Bài 3 :

Quá trình di chuyển tư bản được biểu thị qua biểu đồ dưới đây :

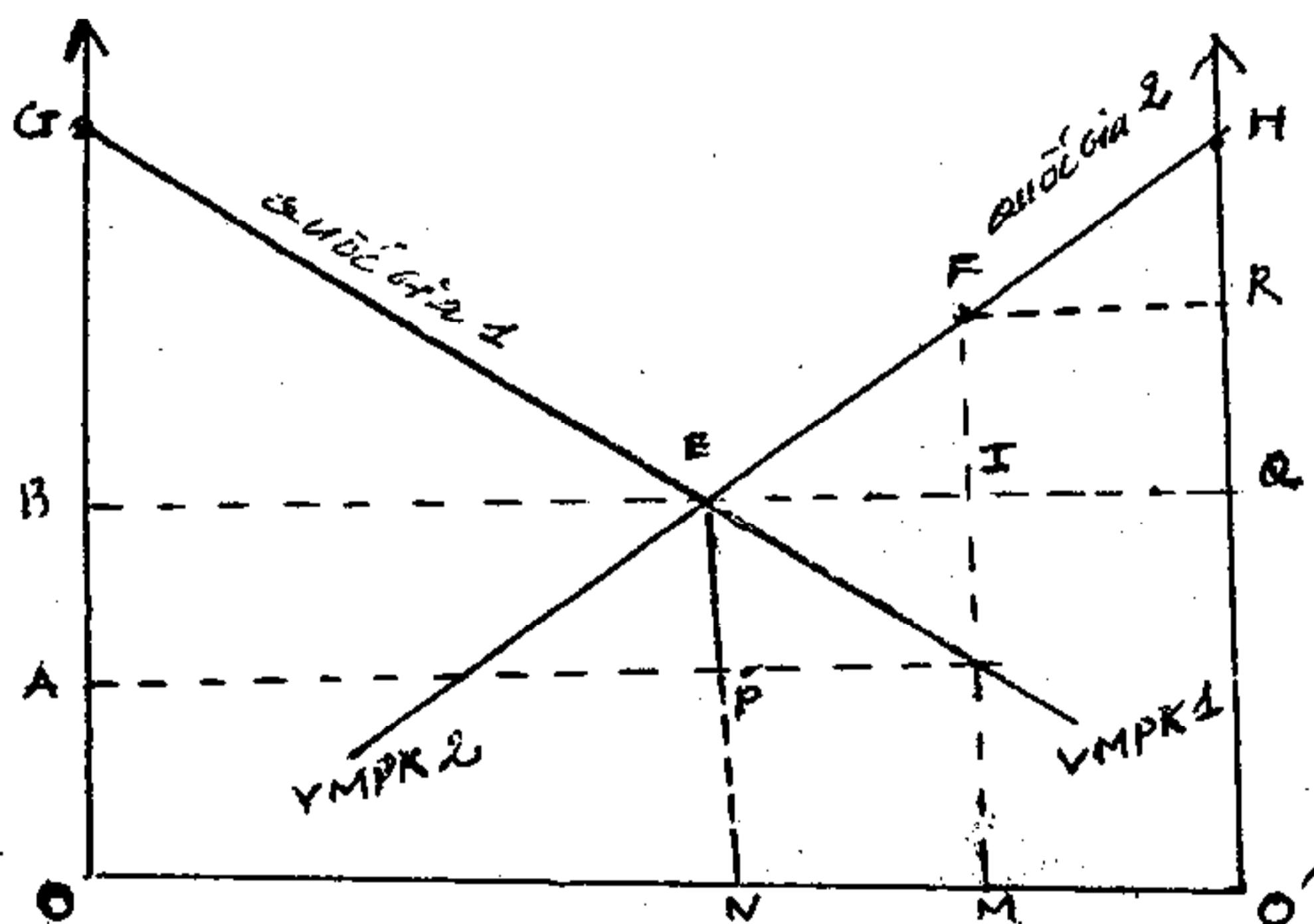
Hãy cho biết dưới tác động của dòng chảy tư bản thì :

a. Khi nào lợi ích ở hai quốc gia bằng nhau ?

b. Khi nào lợi ích của quốc gia 1 lớn hơn ?

c. Khi nào lợi ích của quốc gia 2 lớn hơn ?

d. Nguyên tắc chung có thể rút ra ở đây là gì ?



Bài 4 :

Sử dụng biểu đồ ở bài tập 3, hãy phân tích :

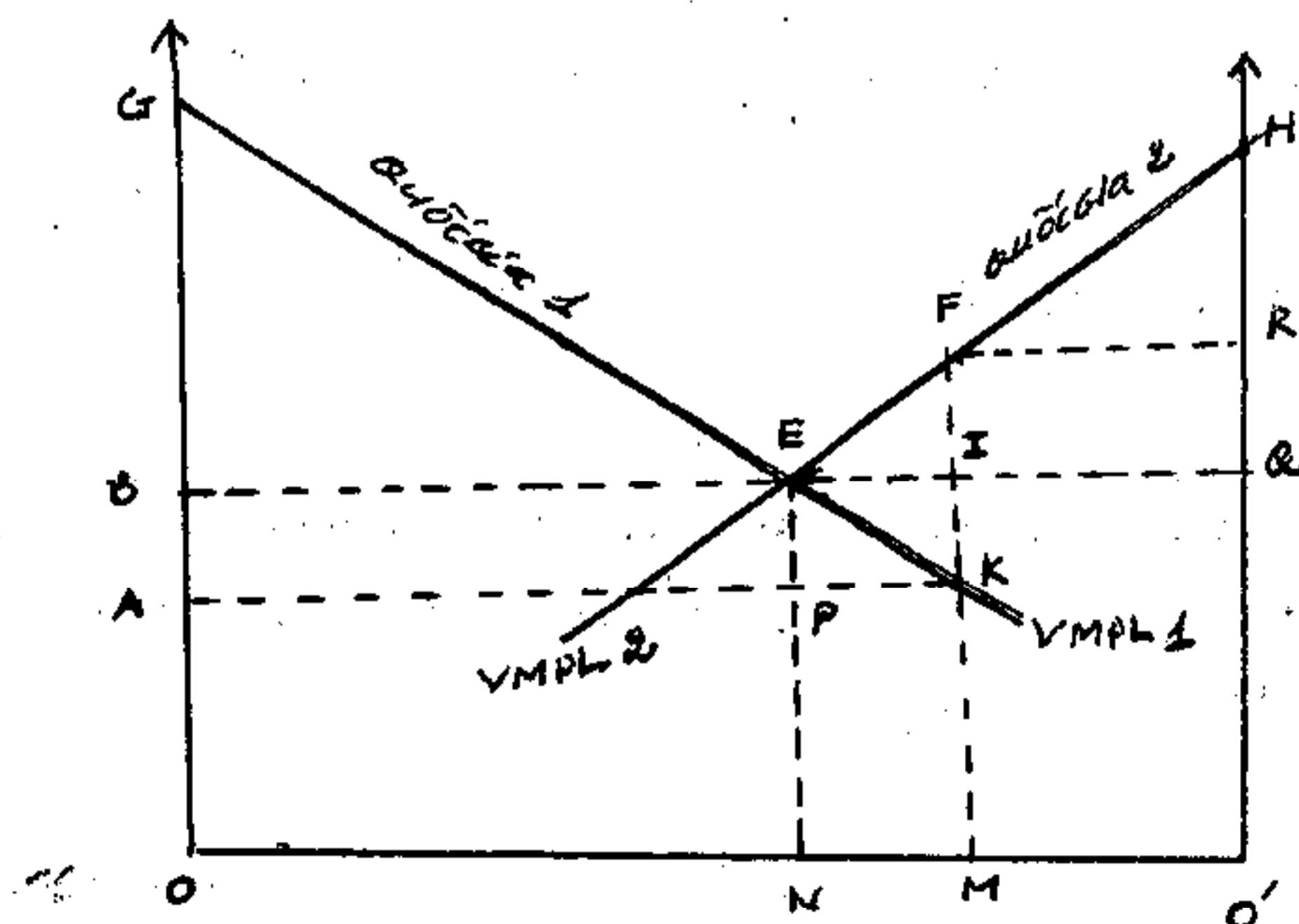
- Tại sao các tổ chức công đoàn ở các nước phát triển luôn đấu tranh đòi chính phủ hạn chế đầu tư ra nước ngoài ?
- Người lao động ở các nước đang phát triển lại thích chính phủ tiếp nhận đầu tư nước ngoài ?

Bài 5 :

Bạn có thể kể tên hoạt động của 10 công ty đa quốc gia lớn nhất thế giới thông qua các số liệu về doanh số bán ra, lợi nhuận, tài sản, tổng số vốn cổ phần, tỷ suất lợi nhuận, thị giá cổ phiếu,...

Bài 6 :

Biểu đồ dưới đây biểu thị sự di chuyển lao động giữa hai quốc gia. Thông qua biểu đồ này hãy giải thích vì sao ở các nước tư bản phát triển, người lao động phản đối việc chính phủ cho phép nhập cư. Phải chăng mọi lợi ích từ việc di cư chỉ tập trung vào nước tiếp nhận người di cư đến ?



CHƯƠNG IX

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI VÀ TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

I. Lý thuyết :

1. Thị trường ngoại hối là gì ? Tại sao cần thiết phải có thị trường ngoại hối ?
2. Hãy kể tên những thị trường ngoại hối lớn trên thế giới và khối lượng giao dịch ở quy mô như thế nào ?
3. Đặc điểm của thị trường ngoại hối là gì ? Tại sao chỉ có các ngân hàng mới thực hiện được những chức năng của thị trường ngoại hối ?
4. Tại sao nói thị trường ngoại hối là thị trường một giá ?
5. Hãy phân tích cung, cầu ngoại tệ của một quốc gia. Tại sao nói cung và cầu đan xen, hòa nhập vào nhau thông qua ngân hàng thương mại ?
6. Ở Việt Nam đã hình thành thị trường ngoại hối chưa? Tại sao?
7. Trung tâm giao dịch ngoại tệ của Việt Nam là gì ? Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động. Sự can thiệp của Ngân hàng Trung ương như thế nào?

8. Có phải “Thị trường ngoại tệ liên ngân hàng” là bước quan trọng trong quá trình triển khai thị trường ngoại hối ở Việt Nam ? Tại sao?
9. Những ưu điểm của thị trường ngoại hối là gì ?
10. Các đối tượng tham gia vào thị trường ngoại hối và vai trò của họ như thế nào ?
11. Hãy cho biết chức năng của Ngân hàng Trung ương trong việc điều tiết thị trường ngoại hối.
12. Nghiệp vụ giao ngay (Spot) là gì ? Hãy cho một ví dụ cụ thể về cách thanh toán bằng nghiệp vụ này.
13. Nghiệp vụ buôn bán có thời hạn (Forward) là gì ? Có thể cho ví dụ minh họa.
14. Hãy phân tích các chức năng của thị trường ngoại hối.
15. Tỷ giá hối đoái là gì ? Vai trò của tỷ giá hối đoái ?
16. Có những cách biểu thị tỷ giá hối đoái nào ? Việt Nam ta biểu hiện chúng theo kiểu nào ?
17. Chính sách tỷ giá hối đoái hiện nay của Việt Nam như thế nào ?
18. Hãy phân tích sự cân bằng của tỷ giá hối đoái.
19. Mối quan hệ giữa tỷ giá hối đoái có thời hạn và tỷ giá hối đoái giao ngay. Cho thí dụ để minh họa.

20. Phương pháp tính chéo dùng để xác định tỷ giá hối đoái là gì? Cho thí dụ minh họa.
21. Có những chế độ tỷ giá hối đoái nào và kinh nghiệm áp dụng các chế độ tỷ giá hối đoái trên thế giới.
22. Tại sao nói tỷ giá hối đoái như “hàn thủ biếu”? Nhà nước phải áp dụng những biện pháp gì để điều chỉnh tỷ giá hối đoái?
23. Buôn bán chứng khoán là gì? Tại sao nói chính buôn bán chứng khoán đã làm cho giá cả thị trường trở nên cân bằng?
24. Đầu cơ ngoại tệ có những đặc điểm gì? Cho biết một vài hình thức đầu cơ ngoại hối?
25. Sự rủi ro trong trao đổi ngoại tệ thể hiện như thế nào và ảnh hưởng của nó đến vấn đề đầu tư?
26. Tại sao khi tỷ giá hối đoái thay đổi theo hướng tăng giá trị đồng tiền trong nước lại chỉ có lợi cho các nhà nhập khẩu, gây thiệt hại cho các nhà xuất khẩu?
27. Nếu Nhật Bản phá giá đồng Yên, ở Việt Nam sẽ bị những tác động gì?
28. Theo bạn, tỷ giá hối đoái hiện nay ở Việt Nam đã hợp lý hay chưa? Nếu cần thay đổi, sẽ thay đổi theo hướng nào? Tại sao?
29. Hãy cho biết, trong thời gian qua, chính phủ Việt Nam đã có những chính sách gì để tác động vào thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

30. Hãy thảo luận xem tại sao người ta thường khẳng định rằng các nhà xuất khẩu sẽ chịu tổn thất khi đồng tiền của nước họ tăng giá trên thực tế so với đồng tiền nước ngoài và phát tài khi đồng tiền nước họ giảm giá trên thực tế. Điều này có hoàn toàn lúc nào cũng đúng như vậy nếu xét cho tình trạng cả cán cân thanh toán của quốc gia ?
31. Nếu tất cả các điều kiện khác đều như nhau, bạn có thể dự đoán các thay đổi sau đây sẽ thay đổi như thế nào với tỷ giá hối đoái thực tế của một đồng tiền so với các đồng tiền nước ngoài :
- a. Tổng mức chi tiêu chung không đổi, nhưng những người sống trong nước quyết định chi tiêu nhiều hơn mức thu nhập của mình cho các sản phẩm phi mậu dịch và ít hơn cho các sản phẩm mậu dịch.
 - b. Các cư dân nước ngoài chuyển nhu cầu của họ từ các hàng hoá của chính họ sang hàng hoá xuất khẩu của chúng ta.
- Chính phủ nới lỏng hạn ngạch nhập khẩu cho một số mặt hàng tiêu dùng cao cấp.
32. Nếu các công ty ô tô của Mỹ làm một cuộc đột phá trong công nghệ ô tô và có khả năng sản xuất một loại xe ô tô công suất rất lớn thì đồng đô la Mỹ sẽ thay đổi như thế nào ?
33. “Phá giá hay tỷ giá tăng đều khuyến khích xuất khẩu gia tăng” Nhận định câu nói trên.

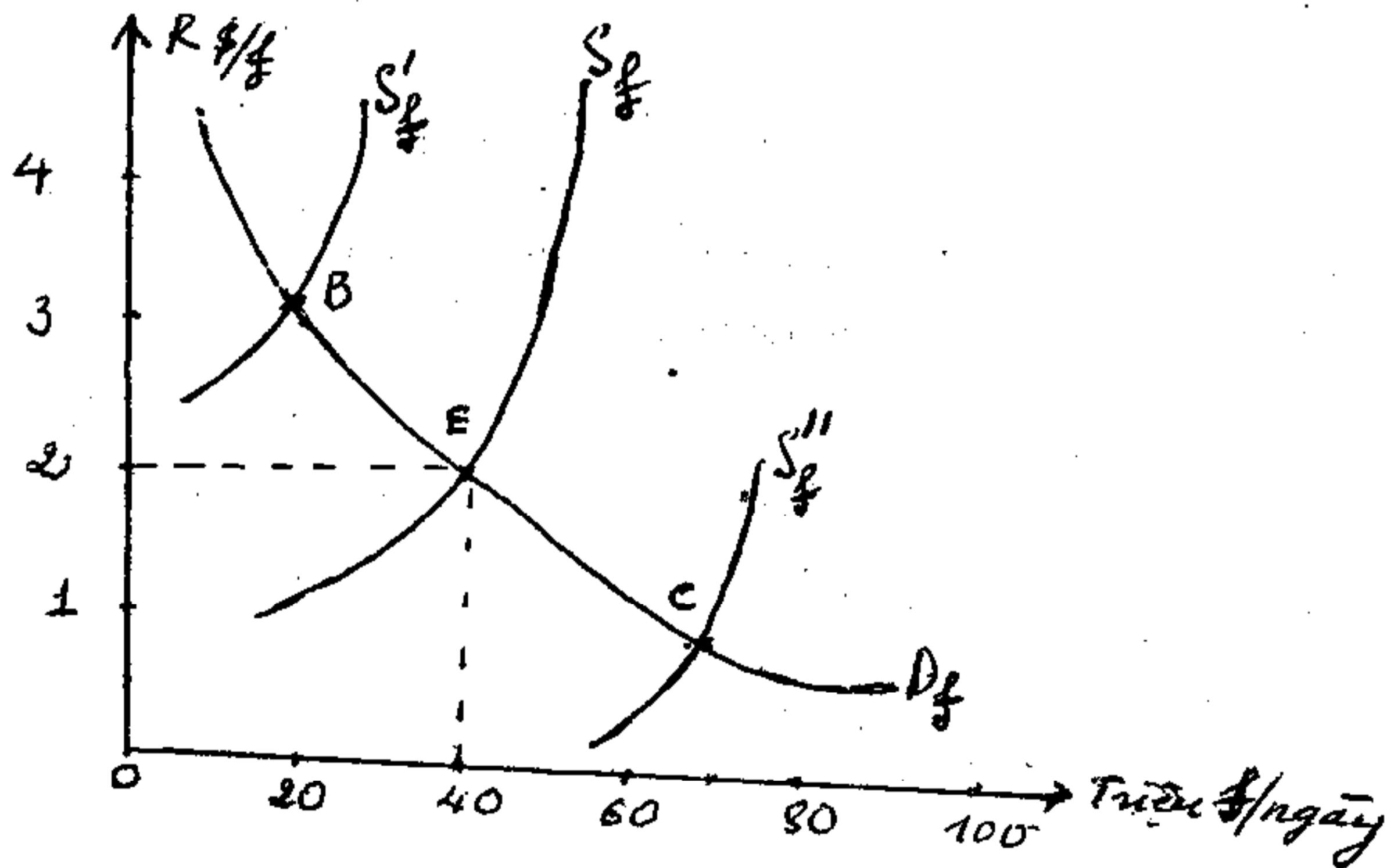
II. BÀI TẬP :

Bài 1 :

Cung và cầu về đồng bảng Anh được cho trong biểu đồ dưới đây :

Giả thiết rằng áp dụng hệ thống hối đoái linh hoạt. Hãy xác định điểm cân bằng của tỷ giá hối đoái và số lượng ngoại tệ cân bằng với đường cung cắt đường cầu tại các điểm :

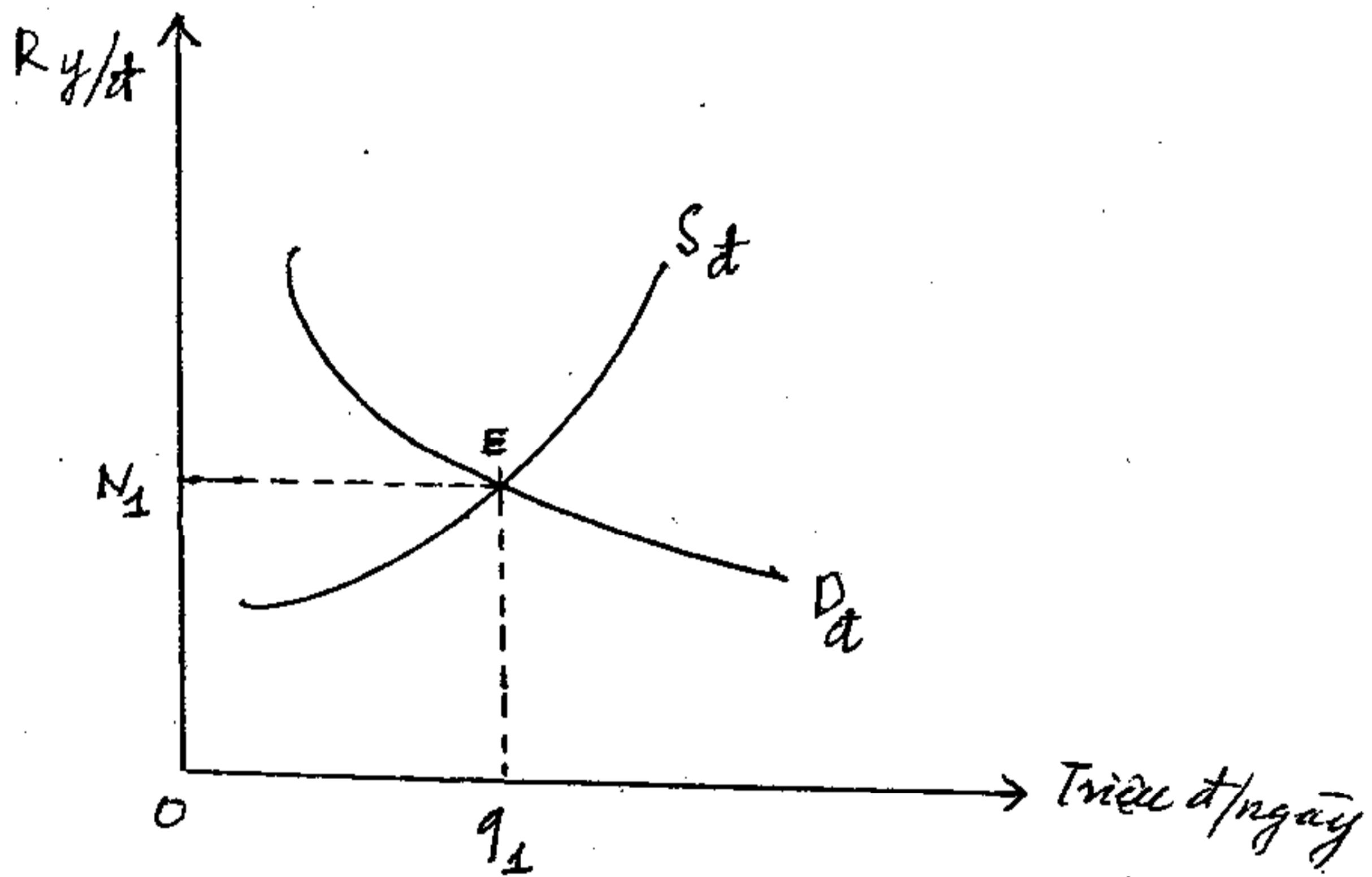
- Điểm B
- Điểm C
- Nếu quốc gia muốn giữ một tỷ giá hối đoái cố định $R = 1$ (như trên biểu đồ) thì số lượng đồng bảng Anh dự trữ ở ngân hàng trung ương sẽ thu vào hay mất đi bao nhiêu mỗi ngày ?



Bài 2 :

Tại thị trường Nhật Bản, cung và cầu của đồng Việt Nam được cho như trong biểu đồ dưới đây:

Giá trị đồng Việt Nam và đồng Yên Nhật sẽ thay đổi như thế nào nếu người Việt Nam thích mua nhiều hàng hóa của Nhật Bản ? Hãy giải thích bằng biểu đồ !



Bài 3 :

Cho biết tỷ giá hối đoái ở các thị trường như sau:

- Tại thị trường Newyork $R_{\$/đ} = 2,0$

- Tại thị trường Tokyo $R_{¥/\$} = 100$

- Tại thị trường London $R_{¥/đ} = 210$

Hãy tính lợi nhuận mà nhà buôn bán chứng khoán thu được khi dùng £1.000 để trao đổi.

Bài 4 :

Hãy tính lợi nhuận mà nhà buôn bán chứng khoán thu được khi dùng 1 triệu đồng frăng Pháp để trao đổi. Biết rằng tỷ giá hối đoái ở các thị trường như sau:

Tại thị trường Tokyo $R_{Y/F}$ = 20

Tại thị trường Paris $R_{F/\$}$ = 5

Tại thị trường Newyork $R_{Y/\$}$ = 105

(Giả thiết các khoản chi phí dịch vụ không đáng kể)

Bài 5 :

Có tình hình tỷ giá hối đoái ở các trung tâm như sau:

- Thị trường Newyork \$2 = £1

- Thị trường London ¥250 = £1

- Thị trường Tokyo ¥120 = \$1

Giả sử người buôn bán chứng khoán có 1 triệu USD, hỏi người đó tiến hành mua bán như thế nào để có lợi nhuận cao nhất.

Bài 6 :

Tại thị trường Tokyo, tỷ giá hối đoái giao ngay $SR = R_{Y/\$} = 100$. Sau 3 tháng, tỷ giá hối đoái có thời hạn tính trước $FR = R_{Y/\$} = 140$.

Hãy xác định sự lên hoặc xuống giá có thời hạn tính trước của đồng ngoại tệ sau 1 năm.

Bài 7 :

Giả sử cho tỷ giá hối đoái giao ngay SR = \$2=£1 và tỷ giá hối đoái có kỳ hạn 3 tháng FR = \$1,96/£1. Hãy tính mức độ lời lỗ mà :

- a. Nhà nhập khẩu Mỹ mua hàng hóa của Anh trị giá £10.000
- b. Nhà xuất khẩu Anh bán hàng hóa cho Mỹ trị giá \$1.000.000.

Bài 8 :

1 dollar Mỹ ăn 8 phrăng Pháp, nhưng 2 phrăng Thụy Sỹ cũng ăn 1 dollar. Như vậy, tỷ giá hối đoái phrăng Pháp/ phrăng Thụy Sỹ là bao nhiêu ?

CHƯƠNG X

CÁN CÂN THANH TOÁN

I. Lý thuyết :

1. Cán cân thanh toán là gì và vai trò của nó ? Phân loại cán cân thanh toán ?
2. Giao dịch quốc tế là gì ? Đâu là những cư dân của quốc gia tham gia vào cán cân thanh toán ?
3. Thế nào là thâm hụt và thặng dư trong cán cân thanh toán ?
4. Bên có và bên nợ trong cán cân thanh toán phản ánh cái gì ?
5. Phân biệt “luồng tư bản đi ra” và “luồng tư bản đi vào” của một quốc gia ?
6. Nội dung của cán cân thanh toán bao gồm những khoản mục nào ?
7. Thế nào là hạch toán ghi sổ kép ? Tại sao trong hạch toán ghi sổ kép thường bao gồm hạng mục có tên gọi “Sự khác nhau về mặt thống kê”. Khoản mục này tăng lên khi nào ?
8. Thế nào là tài khoản vãng lai, tại sao cán cân thương mại và cán cân thanh toán vãng lai không trùng nhau ?
9. Thế nào là tài khoản vốn, nguyên tắc ghi vào “bên nợ”, “bên có” ở đây như thế nào ?

10. Đâu là những cân đối bên trong và bên ngoài của cán cân thanh toán ?
11. Có những yếu tố nào ảnh hưởng đến cán cân thanh toán và sử dụng những nhân tố đó như thế nào để làm cân bằng cán cân thanh toán ?
12. Nguyên nhân nào dẫn đến sự thâm hụt cán cân thanh toán của Mỹ trong những năm 80 ?
13. Hãy cho biết cán cân thanh toán của Việt Nam trong những năm gần đây và rút ra nhận xét gì ?
14. Sự thiếu hụt trong cán cân thanh toán dẫn đến điều gì ? Làm thế nào để cứu vãn sự thiếu hụt trong cán cân thanh toán ?
15. Bạn có biết tổng hợp chi tiêu ngân sách của chính phủ Việt Nam trong những năm gần đây ?
16. Hãy cho biết tình trạng của cán cân thanh toán trong nền kinh tế thị trường tự do với hệ thống tỷ giá hối đoái hoàn toàn linh hoạt và trong nền kinh tế duy trì hệ thống tỷ giá hối đoái cố định.
17. Năm 1981, Quốc hội Mỹ đã thông qua đạo luật cho phép cắt giảm đáng kể thuế thu nhập cá nhân trong suốt 3 năm liền. Hãy cho biết chính sách này đã ảnh hưởng đến cán cân thương mại như thế nào ? Một sự thâm hụt trong cán cân thương mại có phải lúc nào cũng hoàn toàn xấu không ?

II. Bài tập :

Bài 1 :

Phải chăng một quốc gia có thặng dư trong tài khoản vãng lai cũng có nghĩa là họ đang ở trạng thái phồn thịnh.

Bài 2 :

Điều gì sẽ xảy ra đối với cung tiền tệ của một quốc gia khi có một sự :

- a. Thâm hụt trong cán cân thanh toán.
- b. Thặng dư trong cán cân thanh toán.

Bài 3 :

Hãy chỉ ra những giao dịch quốc tế trong cán cân thanh toán của Hàn Quốc bằng hạch toán ghi sổ kép :

- a. Một công dân Hàn Quốc nhập khẩu hàng hóa trị giá \$600 từ một công dân Ý và đồng ý trả trong 3 tháng
- b. Sau 3 tháng công dân Hàn Quốc trả tiền cho sổ hàng nhập khẩu của ông ta bằng một sự suy giảm trong tài khoản ngân hàng của mình ở Roma
- c. Hiệu quả ròng trong giao dịch quốc tế a và b ở cán cân thanh toán của Hàn Quốc trong năm đó ?

Bài 4 :

Bằng hạch toán ghi sổ kép hãy chỉ ra những giao dịch quốc tế trong cán cân thanh toán của Mỹ :

- a. Chính phủ Mỹ viện trợ cho một nước đang phát triển (qua ngân hàng trung ương) là 2 triệu USD
- b. Nước đang phát triển đó dùng số tiền 2 triệu USD từ tài khoản ở ngân hàng để nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp của Mỹ.
- c. Hiệu quả ròng trong giao dịch quốc tế a và b ở cán cân thanh toán của Mỹ?

Bài 5 :

Hãy chỉ ra những giao dịch quốc tế trong cán cân thanh toán của Việt Nam bằng hạch toán ghi sổ kép :

- a. Một nhà đầu tư Singapore mua hồi phiếu tại kho bạc Việt Nam trị giá 2.000 USD bằng việc suy giảm tài khoản của anh ta ở ngân hàng Việt Nam.
- b. Đến kỳ hạn phải thanh toán (cũng trong năm đó) nhà đầu tư Singapore nhận được 2.200 USD và gởi số tiền này vào tài khoản ngân hàng của anh ta ở Singapore.
- c. Hiệu quả ròng trong giao dịch quốc tế a và b ở cán cân thanh toán của Việt Nam ?

CHƯƠNG XI

HỆ THỐNG TÀI CHÍNH VÀ TIỀN TỆ THẾ GIỚI

I. Lý thuyết :

1. Thế nào là hệ thống tiền tệ và tài chính thế giới ? Sự phân loại của nó. Đâu là những đặc trưng của hệ thống tiền tệ thế giới được gọi là “tốt” ? Làm thế nào để đánh giá được hệ thống tiền tệ thế giới ?
2. Đặc điểm của hệ thống hối đoái theo chế độ bản vị vàng. Ngày nay tỷ giá hối đoái có còn được xác định theo nguyên tắc ngang giá vàng nữa không ? Thế nào là ngang sức mua ? Tỷ giá hối đoái theo cơ chế bản vị vàng có phải là cố định không ?
3. Ưu điểm của chế độ bản vị vàng là gì ? Dùng cơ chế “4 gọng kìm” của Hume để giải thích sự tự điều chỉnh cán cân thanh toán trong cơ chế bản vị vàng. Lý thuyết số lượng về tiền tệ nói gì ?
4. Tỷ giá hối đoái được xác định như thế nào trong hệ thống tỷ giá Bretton Woods. Tại sao đồng đô la thời kỳ đó chiếm vị trí thống soái trên thị trường thế giới. Hệ thống Bretton Woods sụp đổ như thế nào ?
5. Thế nào là tỷ giá hối đoái linh hoạt ? Nên chăng để tỷ giá hối đoái thả nổi một cách tự do ? Trên thế giới đã có những kinh nghiệm về việc thả nổi tỷ giá hối đoái một cách tự do ?

Tại sao nhờ chế độ thả nổi tỷ giá lại có thể làm tăng lương và hậu quả của nó là gì ?

6. Sự ra đời của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và chức năng hoạt động của nó ?
7. Quyền rút vốn đặc biệt (SDR) là gì ?
8. Làm thế nào để vay được tiền từ Quỹ tiền tệ quốc tế ?
9. Sự ra đời của Ngân hàng thế giới (WB) và chức năng hoạt động của nó ? So sánh với IMF.
10. Mối quan hệ giữa Việt Nam hiện nay với IMF và WB.
11. Liên minh tiền tệ Châu Âu (EMU) là gì ? Các bước tiến hành để đi tới thành lập EMU và những ưu điểm của nó ?
12. Hệ thống tiền tệ Châu Âu là gì ? Nội dung những điều khoản quan trọng nhất của EMS ? Đồng EURO là gì ?
13. Thế nào là “con rắn tiền tệ Châu Âu” ?
14. Hãy phân tích vai trò của vàng trong quá trình phát triển của Hệ thống tiền tệ quốc tế. Theo cơ chế của David Hume, thì tại sao một quốc gia có chảy máu hàng tấn vàng cũng không lo ?
15. Giả sử trong 10 năm, giá hàng hóa ở Mỹ chỉ tăng 140, còn ở Nhật tăng 168. Nếu giá trị danh nghĩa của tỷ giá hối đoái giữa dollar Mỹ và đồng yên Nhật không đổi thì sức cạnh tranh quốc tế của Nhật đã giảm đi bao nhiêu ? Giả sử tỷ giá

hối đoái Ry\$ trong thời gian đó giảm 12%, sức cạnh tranh của Nhật có còn bị giảm nữa không ?

16. Cho biết vai trò của IMF trong việc giúp các nước đang phát triển để khắc phục hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ vừa qua ở Đông Nam Á.
17. Phân tích những cản trở trong việc thống nhất một đồng tiền chung châu Âu – giá trị đồng Euro liên tục suy giảm, tại sao ?

II. Bài tập :

Bài 1 :

Hãy cho biết nội dung những câu nói sau đây thuộc về thuật ngữ nào :

1. “ Các thành viên của EC thử nghiệm quay lại chế độ tỷ giá hối đoái cố định”.
2. “ Một nguyên tắc mà trong đó mỗi một đồng dollar Úc trong chu kỳ hoạt động cần phải được hoàn trả bằng giá trị tương đương của vàng trong kho dự trữ của Ngân hàng Trung ương”.
3. “ Một chế độ mà trong đó tỷ giá hối đoái được thả nổi nhưng đôi khi vẫn có sự can thiệp của Ngân hàng Trung ương trong ngắn hạn”.
 - a. Chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý.
 - b. Hệ thống tiền tệ châu Âu
 - c. Bảo chứng bằng vàng 100%

Bài 2 :

Giả thiết Mỹ có giá trị ngang giá vàng là \$20,67/Ounce và giá trị ngang giá vàng của Anh là £4,25/Ounce.

- a. Hãy xác định tỷ giá hối đoái giữa đồng đô la và đồng bảng Anh.
- b. Giả sử trong tay bạn có \$103,35., bạn có thể mua được bao nhiêu vàng ở Mỹ ?
- c. Nếu tỷ giá hối đoái tăng lên tới 5, bao nhiêu vàng ở Anh bạn có thể mua được ?
- d. Với số vàng mua được ở Mỹ, bạn sẽ có bao nhiêu £ nếu bạn gửi số vàng đó qua Anh (giả sử chi phí gởi tiền là không đáng kể)

Bài 3 :

Có hai quốc gia I và II hoạt động dưới chế độ bản vị vàng. Xuất phát điểm cả hai quốc gia đều ở trạng thái cân bằng. Giả thiết rằng bây giờ quốc gia I hạn chế nhập khẩu từ quốc gia II.

- a. Điều gì sẽ xảy ra đối với xuất khẩu và cán cân thanh toán của quốc gia II?
- b. Hãy cho biết sự thay đổi như thế nào đối với tổng cầu, sản lượng và công ăn việc làm của quốc gia II.
- c. Tỷ giá hối đoái và dự trữ vàng ở quốc gia II sẽ thay đổi theo chiều hướng như thế nào ?

- d. Điều này ảnh hưởng như thế nào đối với cung tiền tệ ở quốc gia này?
- e. Bằng cách tương tự, phân tích sự thay đổi đối với quốc gia I.

Bài 4 :

Có hai quốc gia A và B thực hiện chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi đang ở trong tình trạng lạm phát cao. Giả thiết bây giờ quốc gia A chống lạm phát bằng cách áp dụng một chính sách thắt chặt tiền tệ

- a. Tỷ giá hối đoái của quốc gia A sẽ thay đổi tương đối như thế nào so với quốc gia B ?
- b. Điều đó tác động lên tính cạnh tranh của quốc gia A như thế nào?
- c. Tỷ lệ lạm phát ở quốc gia B sẽ thay đổi ra sao ?

Bài 5 :

Giả sử căn cứ vào tiềm lực kinh tế và sự tham gia vào mậu dịch quốc tế, một quốc gia có hạn ngạch đóng góp vào IMF 200 triệu USD. Hãy xác định phương thức đóng góp và phương thức vay từ IMF của quốc gia trên như thế nào ?

TRẢ LỜI BÀI TẬP

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ QUỐC TẾ

Bài tập 1 và bài tập 2, giáo viên có thể cùng sinh viên thảo luận trên lớp.

Bài 3 :

- a. Trong bảng trên, cơ cấu thương mại của EC lại khác Nhật vì Nhật Bản nghèo tài nguyên, phải nhập khẩu các mặt hàng sơ chế nhiều hơn so với EC, trái lại Nhật Bản lại xuất khẩu nhiều sản phẩm tinh chế hơn.
- b. Cơ cấu thương mại của Hồng Kông sẽ gần giống với “các nước đang phát triển ở châu Á” trong bảng hơn là so với Mỹ, EC và Nhật.

Bài 4 :

Qua bảng ta thấy việc mở cửa của các nước đang phát triển có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tăng trưởng kinh tế và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư ở các nước này. Cụ thể, ở cả 2 thời kỳ, càng mở cửa, tốc độ tăng trưởng càng cao và ngược lại. Đồng thời, càng mở cửa, chỉ số ICOR càng thấp chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn đầu tư càng cao.

CHƯƠNG II

LÝ THUYẾT CỔ ĐIỂN VỀ MẬU DỊCH QUỐC TẾ.

Bài 1 :

a. Lợi thế tuyệt đối :

- Trường hợp A : quốc gia I có lợi thế tuyệt đối ở X, không có lợi thế tuyệt đối ở Y và quốc gia II thì ngược lại
- Trường hợp B : quốc gia I có lợi thế tuyệt đối ở cả 2 sản phẩm, quốc gia II không có lợi thế tuyệt đối ở cả 2 sản phẩm.
- Trường hợp C : quốc gia I có lợi thế tuyệt đối ở X, không có lợi thế tuyệt đối ở Y và quốc gia II không có lợi thế tuyệt đối ở sản phẩm nào.
- Trường hợp D : quốc gia I có lợi thế tuyệt đối ở cả 2 sản phẩm, quốc gia II không có lợi thế tuyệt đối ở sản phẩm nào.

b. Lợi thế so sánh :

- Trường hợp A : quốc gia I có lợi thế so sánh ở X, không có lợi thế so sánh ở Y, quốc gia II có lợi thế so sánh ở Y, không có lợi thế so sánh ở X,

- Trường hợp B : quốc gia I có lợi thế so sánh ở X, không có lợi thế so sánh ở Y, quốc gia II có lợi thế so sánh ở Y, không có lợi thế so sánh ở X.
- Trường hợp C : quốc gia I có lợi thế so sánh ở X, không có lợi thế so sánh ở Y, quốc gia II có lợi thế so sánh ở Y, không có lợi thế so sánh ở X.
- Trường hợp D : cả hai quốc gia đều không có lợi thế so sánh ở sản phẩm nào.

c. Khả năng xảy ra mậu dịch :

Tất cả các trường hợp A,B,C đều xảy ra mậu dịch, riêng trường hợp D, mậu dịch không xảy ra vì $\frac{a_1}{b_1} = \frac{a_2}{b_2}$ hoặc $\frac{a_1}{a_2} = \frac{b_1}{b_2}$ tức là $\frac{4}{2} = \frac{2}{1}$

Bài 2 :

a. Cơ sở mậu dịch : là lợi thế tuyệt đối.

- Quốc gia I có lợi thế tuyệt đối so với quốc gia II về sản phẩm A vì chi phí sản xuất thấp hơn ($20^h/kg < 60^h/kg$)
- Quốc gia II có lợi thế tuyệt đối so với quốc gia I về sản phẩm B vì chi phí sản xuất thấp hơn ($15h/m < 30h/m$)

Mô hình mậu dịch của 2 quốc gia : từ lợi thế tuyệt đối, mô hình mậu dịch của 2 quốc gia như sau :

Quốc gia I xuất khẩu sản phẩm A, nhập khẩu sản phẩm B

Quốc gia II xuất khẩu sản phẩm B, nhập khẩu sản phẩm A

b. Do các quốc gia trao đổi sản phẩm với nhau chứ không trao đổi giờ lao động (chi phí). Vì vậy cần phải đổi ra sản phẩm/giờ lao động. Chúng ta có tài liệu sau :

Quốc gia Sản phẩm	I	II
A (Kg / giờ lao động)	1/20	1/60
B (m / giờ lao động)	1/30	1/15

- Trường hợp I : Thương mại từ quốc gia I sang quốc gia II.
Ta có khung tỷ lệ trao đổi như sau :

$$\frac{1}{30}B < \frac{1}{20}A < \frac{3}{15}B$$

hay $2B < 3A < 12B$

Từ đó ta có : $3A = 7B$ thì lợi ích từ thương mại của 2 quốc gia là bằng nhau

- Trường hợp II : thương mại từ quốc gia II sang quốc gia I.
Ta có khung tỷ lệ trao đổi như sau :

$$\frac{1}{60}A < \frac{1}{15}B < \frac{1}{10}A$$

hay $1A < 4B < 6A$

Từ đó ta có $4B = 3,5A$ thì lợi ích từ thương mại của 2 quốc gia là bằng nhau.

Bài 3 :

- a. Lợi thế so sánh
- b. Quốc gia I, xuất A, nhập B

Quốc gia II xuất B, nhập A

- c. Khung tỷ lệ trao đổi

$$\frac{1}{20}A < \frac{1}{3}B < \frac{1}{5}A \text{ hoặc } \frac{1}{12}B < \frac{1}{20}A < \frac{1}{3}B$$

Thí dụ lấy

$$\frac{1}{3}B = \frac{1}{10}A \rightarrow \text{quốc gia I} \text{ lợi } \frac{1}{6}B \text{ và quốc gia II} \text{ lợi } \frac{1}{20}A.$$

- d. $1 < R_{\$/£} < 4$

Bài 4 :

- a) Giá cả lao động cho 2 sản phẩm ở 2 quốc gia là :

Giá cả lao động	Quốc gia I (£)	Quốc gia II (\$)
X	50	120
Y	75	150

b) Với $R_{\$/£} = 2$, có nghĩa là $\$2 = £1$, ta có

Giá cả lao động tính bằng USD	Quốc gia I	Quốc gia II
X	100	120
Y	150	150

Vậy ở tỷ lệ trao đổi này, mậu dịch không xảy ra vì quốc gia II không đồng ý trao đổi.

c) Với $K_{\$/£} = 2,4$, có nghĩa là $\$2,4 = £1$, ta có

Giá cả lao động tính bằng USD	Quốc gia I	Quốc gia II
X	120	120
Y	180	150

Vậy, ở tỷ lệ trao đổi này, mậu dịch không xảy ra vì quốc gia I không đồng ý trao đổi.

d) Khung tỷ lệ trao đổi giữa hai đồng tiền để ở đó có mậu dịch xảy ra là :

$$2 < R_{\$/£} < 2,4$$

Bài 5 :

Áp dụng công thức

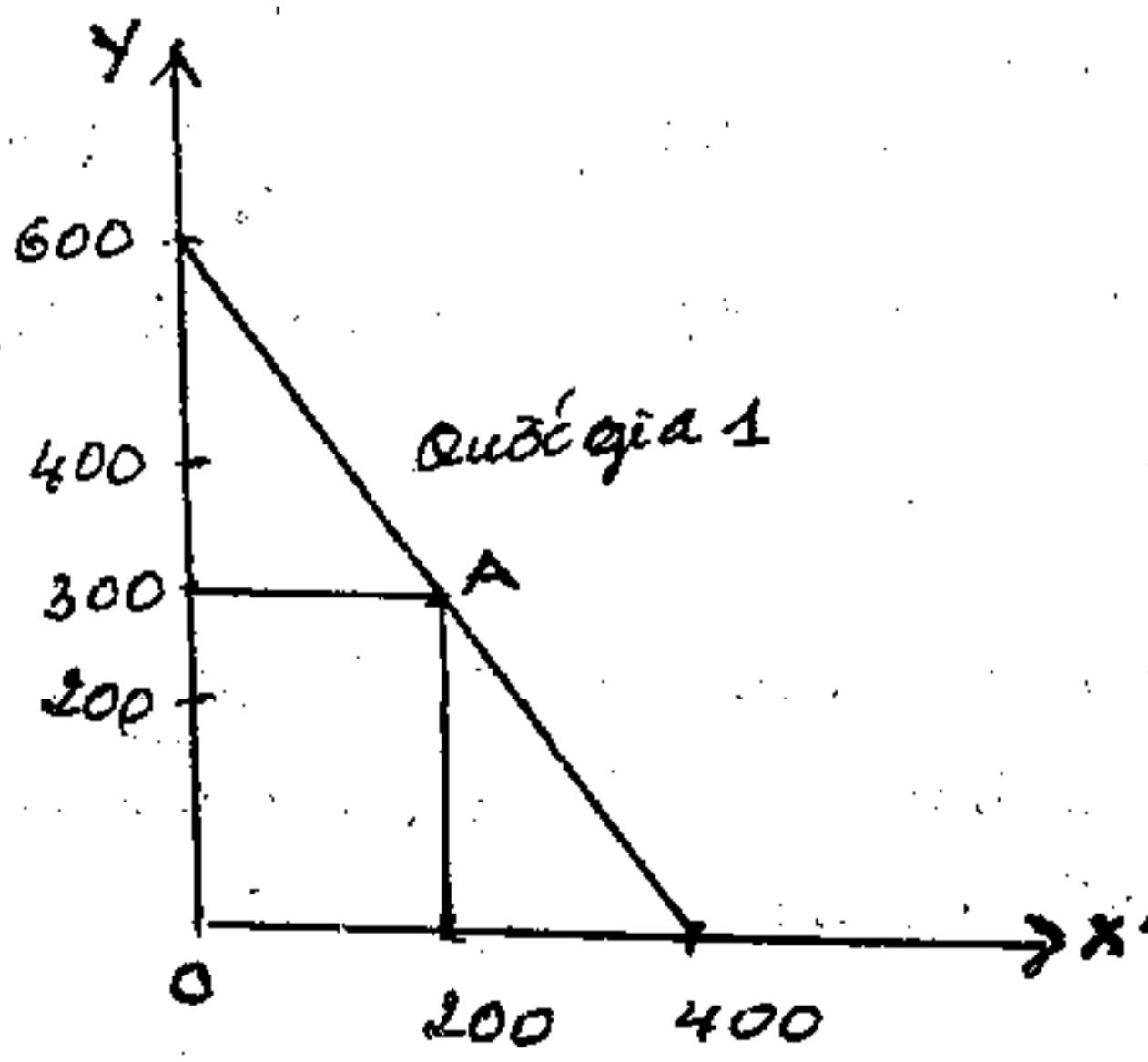
$$RCA = \frac{E_1}{E_C} : \frac{E_2}{E_W}, \text{ ta có}$$

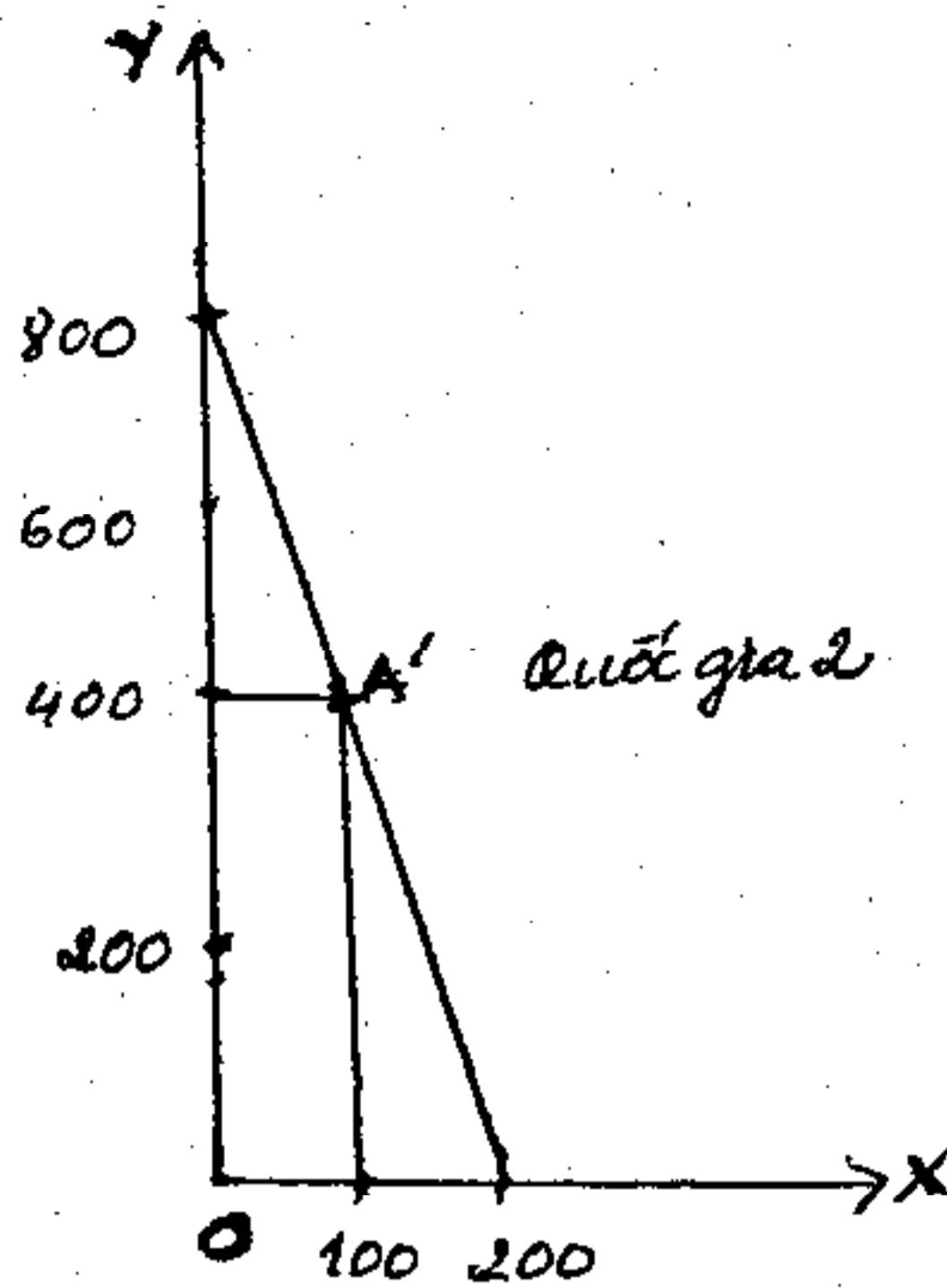
$$RCA = \frac{0,5}{40} : \frac{1}{500} = \frac{5}{400} \times \frac{500}{1} = 6,25$$

Như vậy theo quy ước chỉ số RCA $\geq 2,5$, chứng tỏ sản phẩm này của quốc gia có lợi thế so sánh rất cao (sinh viên đọc thêm “Quy luật lợi thế so sánh thể hiện ở các nước ASEAN” – Giáo trình Kinh tế Quốc tế trang 64 – 69)

Bài 6 :

a.





b. $\frac{3}{2} < \frac{P_x}{P_y} < 4$

c. $\frac{9}{4} < R_{\$/\text{£}} < 6$

d. Giả sử lấy tỷ lệ trao đổi $\frac{P_x}{P_y} = 2$, $100x = 200y$, ta có lợi ích của quốc gia I là $33,4x$ và quốc gia II là $200y$.

Bài 7 :

a. Cơ sở mậu dịch : lợi thế so sánh. Vì quốc gia I có lợi thế tuyệt đối cả 2 sản phẩm A và B (chi phí sản xuất A và B của quốc gia I đều thấp hơn quốc gia II)

- quốc gia I có lợi thế so sánh về sản phẩm A
- quốc gia II có lợi thế so sánh về sản phẩm B

Vì

$$\frac{2}{3} < \frac{6}{4}$$

b. Mô hình mậu dịch :

- Quốc gia I xuất khẩu sản phẩm A, nhập khẩu sản phẩm B
- Quốc gia 2 xuất khẩu sản phẩm B, nhập khẩu sản phẩm A

c. Do các quốc gia trao đổi sản phẩm với nhau, không trao đổi giờ lao động (chi phí). Vì vậy cần phải đổi ra sản phẩm/giờ lao động. Chúng ta có tài liệu sau :

Quốc gia Sản phẩm	I	II
A (kg / giờ lao động)	$\frac{1}{2}$	$\frac{1}{6}$
B (m / giờ lao động)	$\frac{1}{3}$	$\frac{1}{4}$

d. Trường hợp I : thương mại từ quốc gia I sang quốc gia II. Ta có khung tỷ lệ trao đổi như sau :

$$\frac{1}{3}B < \frac{1}{2}A < \frac{3}{4}B$$

Hay

$$4A < 6B < 9B$$

Từ đó ta có $6A = 6,5B$ thì lợi ích từ thương mại của 2 quốc gia là bằng nhau.

e. Trường hợp II : thương mại từ quốc gia II sang quốc gia I. Ta có khung tỷ lệ trao đổi như sau :

$$\frac{1}{6}A < \frac{1}{4}B < \frac{3}{8}B$$

Hay $4A < 6B < 9B$

Từ đó ta có $6B = 6,5A$ thì lợi ích của 2 quốc gia là bằng nhau.

Bài 8 :

a. - Cơ sở : Lý thuyết lợi thế tuyệt đối

- Mô hình : quốc gia I: xuất B, nhập A
quốc gia II: xuất A, nhập B

b. Không xảy ra

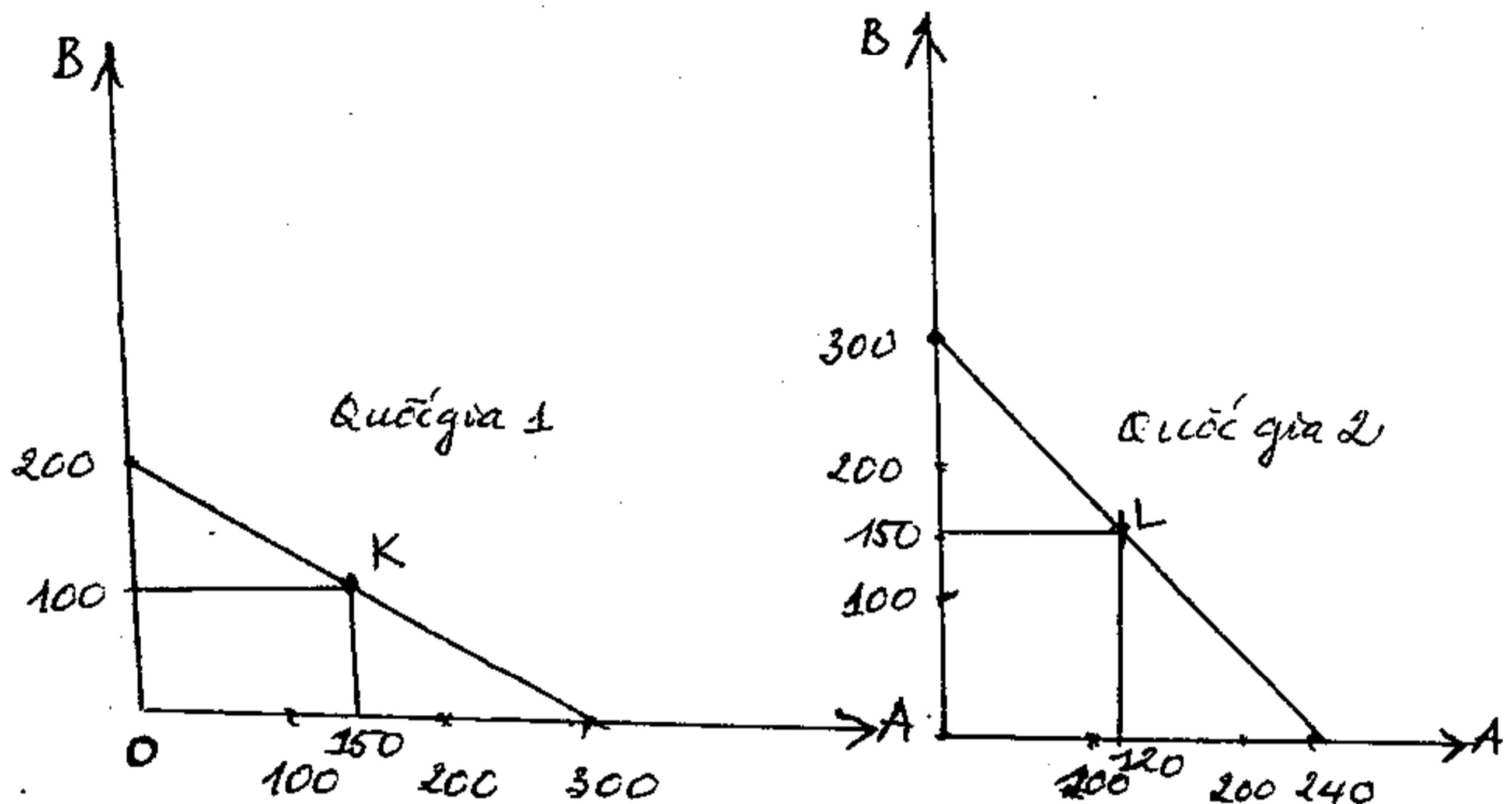
c. $\frac{P_A}{P_B} = \frac{2}{3}$

Bài 9 :

a. Chi phí cơ hội sản xuất sản phẩm A, B của 2 quốc gia được thể hiện qua bảng sau :

Quốc gia	I	II
Chi phí cơ hội		
Sản phẩm A	$\frac{2}{3}$	$\frac{5}{4}$
Sản phẩm B	$\frac{3}{2}$	$\frac{4}{5}$

b. Đường giới hạn khả năng sản xuất của 2 quốc gia

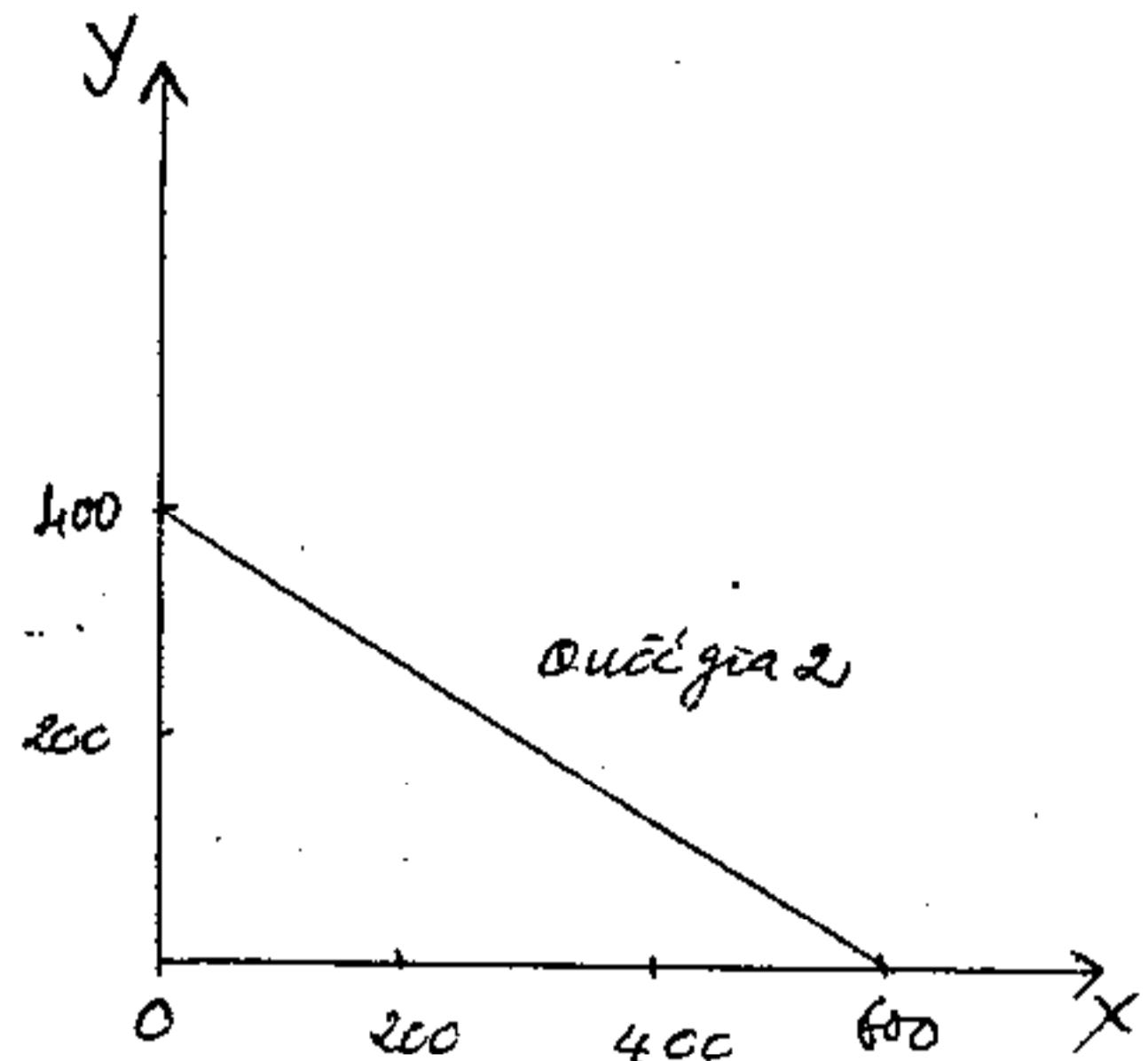
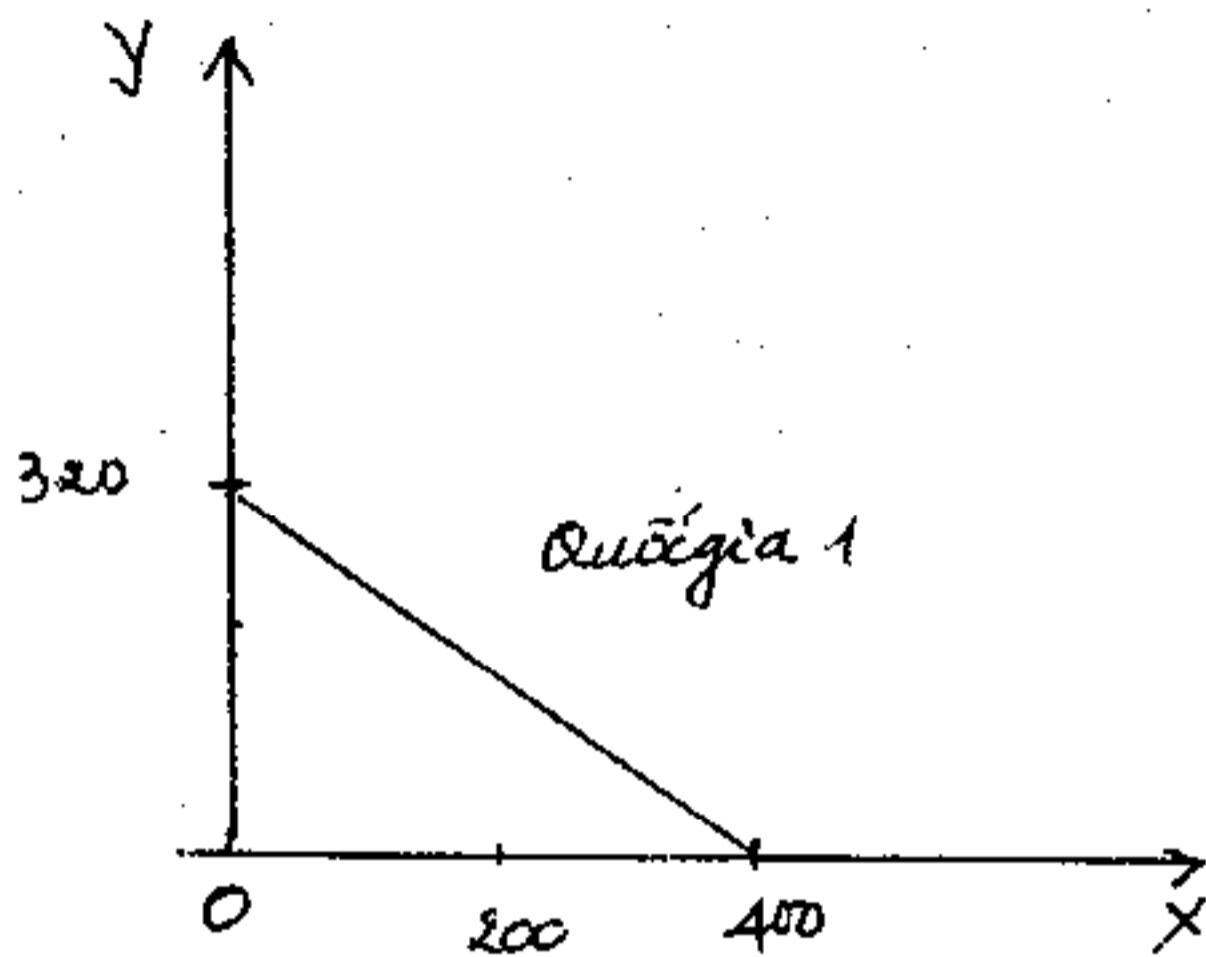


- Quốc gia I có lợi thế về sản phẩm A vì chi phí cơ hội nhỏ hơn ($\frac{2}{3} < \frac{5}{4}$)
- Quốc gia II có lợi thế về sản phẩm B vì chi phí cơ hội nhỏ hơn ($\frac{4}{5} < \frac{3}{2}$)
- Mô hình mậu dịch của 2 quốc gia :
 - + Quốc gia I xuất khẩu sản phẩm A, nhập khẩu sản phẩm B

- + Quốc gia II xuất khẩu sản phẩm B, nhập khẩu sản phẩm A
- Lợi ích : quốc gia I chuyên môn hóa A đạt tới điểm H, quốc gia II chuyên môn hóa B đạt tới điểm H'. Giả sử quốc gia I và quốc gia II trao đổi theo tỷ lệ $6A = 5B$. Lượng thương mại là $120A : 100B$. Quá trình chuyên môn hóa và trao đổi dẫn đến 2 quốc gia đạt tiêu dùng tại điểm E và E'. Thương mại đã đem lại những lợi ích sau cho quốc gia I và quốc gia II :
 1. Hai quốc gia I và II đạt tiêu dùng trên khả năng sản xuất của mình. Điểm E và E' nằm phía ngoài đường giới hạn khả năng sản xuất.
 2. Quy mô tiêu dùng của 2 quốc gia tăng : quốc gia I tăng được tiêu dùng 30 sản phẩm A, quốc gia II tăng được tiêu dùng 50 sản phẩm B.
 3. Hiệu quả sử dụng tài nguyên của thế giới tăng vì quy mô sản xuất sản phẩm A tăng được 30 sản phẩm, sản phẩm B tăng 50 sản phẩm. Trong khi đó tài nguyên của thế giới không tăng.
 4. Người tiêu dùng cả 2 quốc gia được tiêu dùng sản phẩm A và B với giá rẻ hơn nội địa. Vì sản phẩm A do quốc gia I cung ứng với giá thấp hơn quốc gia II và ngược lại.

Bài 10 :

a.



b. Mô hình mậu dịch :

Quốc gia I : xuất Y, nhập X

Quốc gia II : xuất X, nhập Y

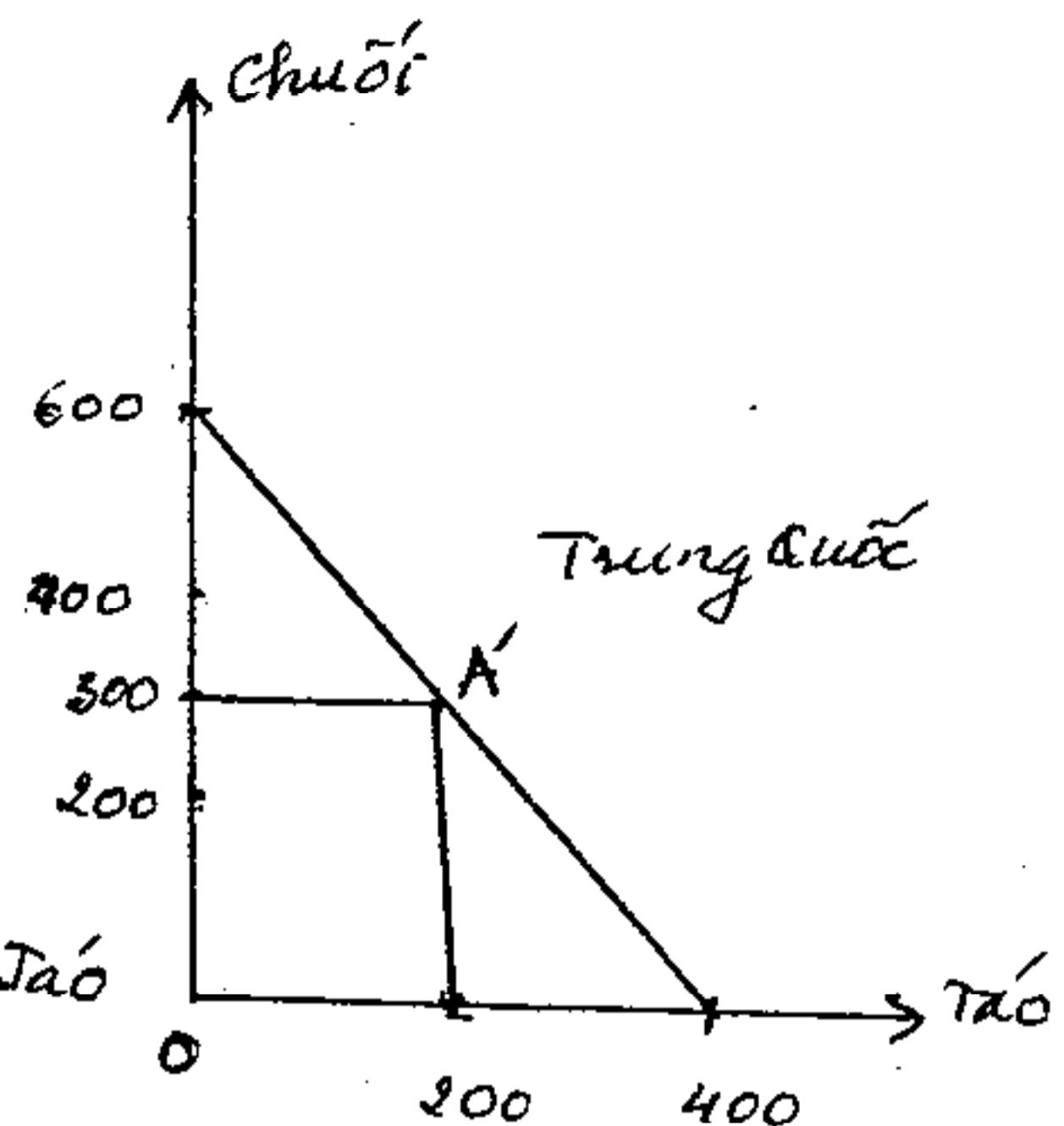
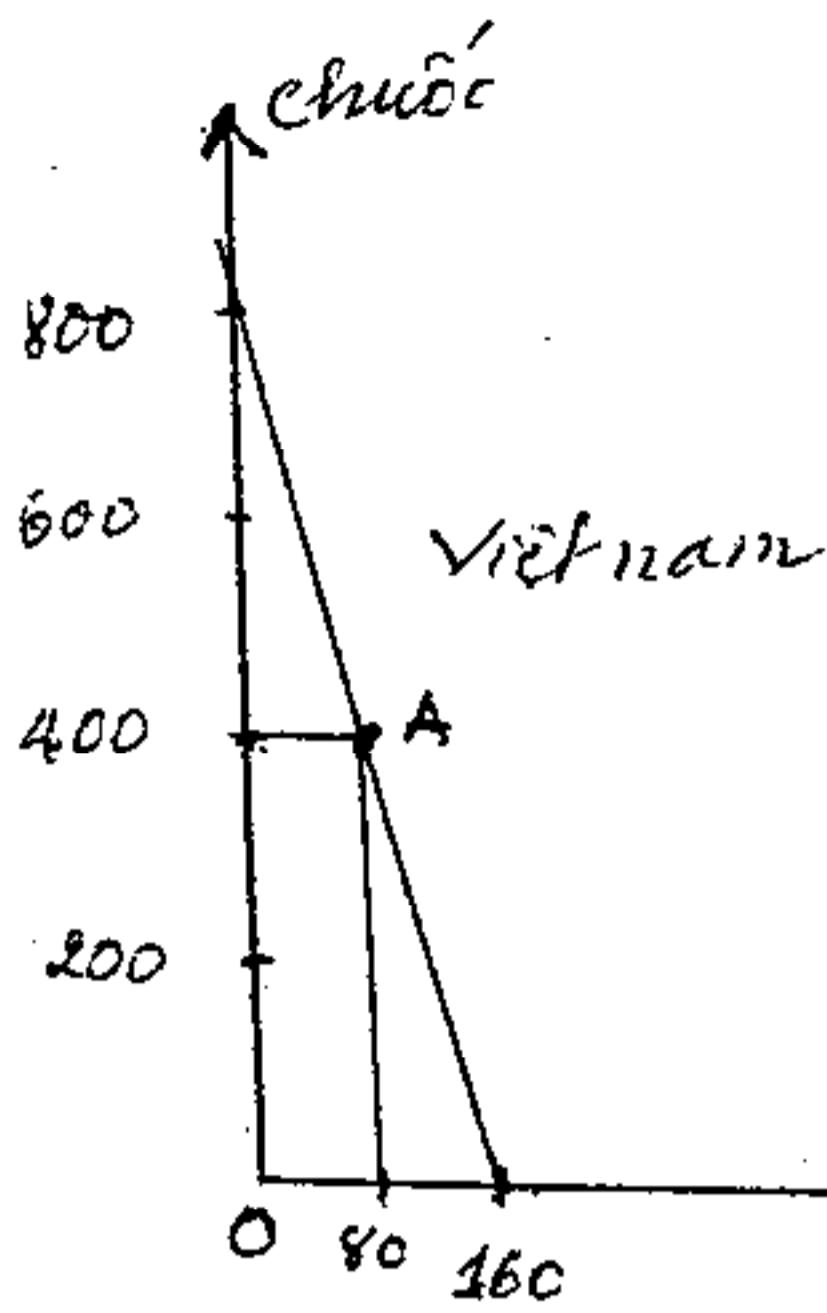
c. Khung tỷ lệ trao đổi :

$$\frac{5}{4}X < Y < \frac{3}{2}X$$

$$\frac{P_x}{P_y} = 1 \Rightarrow \text{mậu dịch không xảy ra}$$

Bài 11:

a.



$$b. \left(\frac{P_T}{P_C} \right)_{Việt Nam} = 5; \quad \left(\frac{P_T}{P_C} \right)_{Trung Quốc} = \frac{3}{2}$$

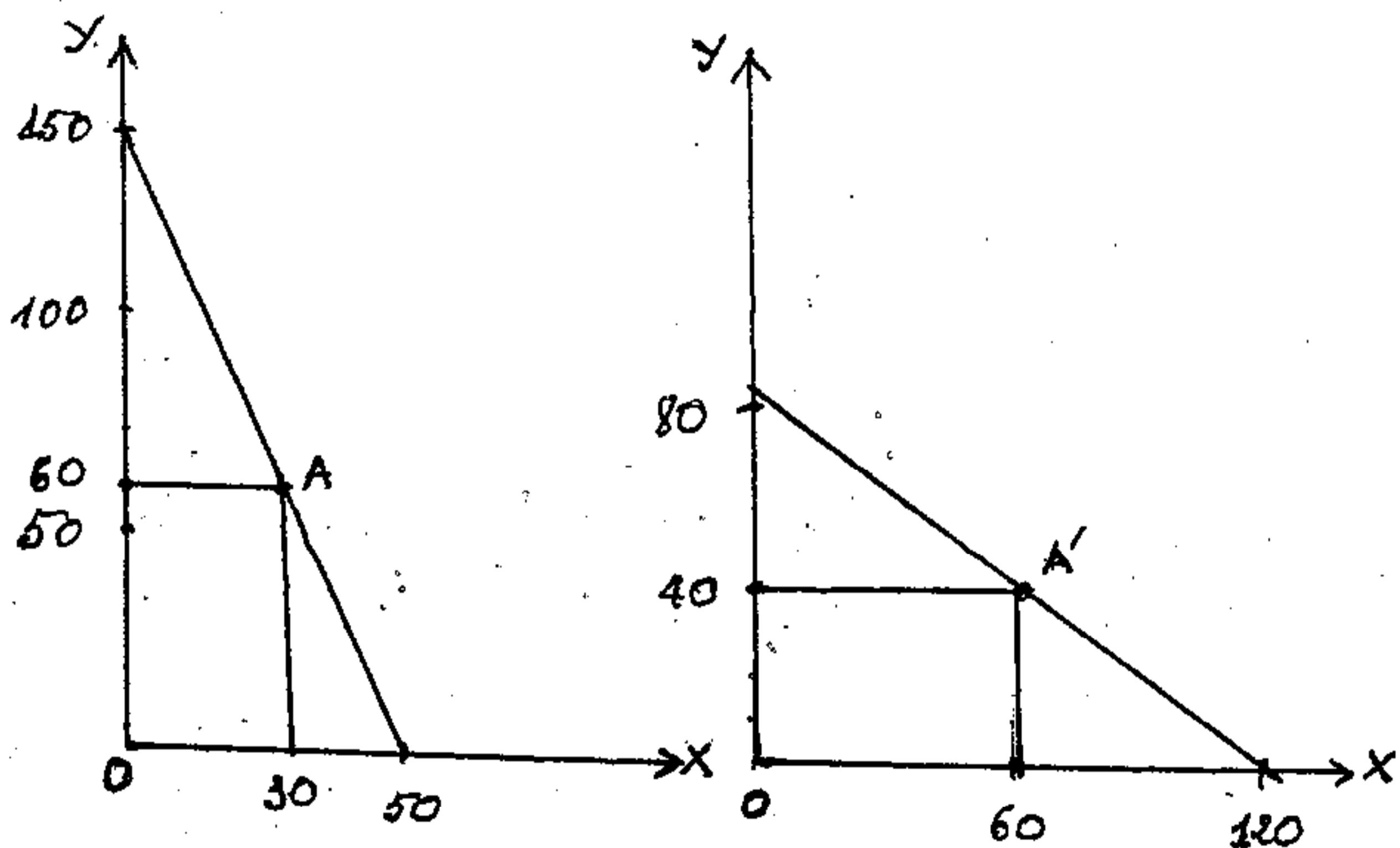
$$\left(\frac{P_C}{P_T} \right)_{Việt Nam} = \frac{1}{5}; \quad \left(\frac{P_C}{P_T} \right)_{Trung Quốc} = \frac{2}{3}$$

$$c. Giả sử lấy tỷ lệ trao đổi \frac{P_T}{P_C} = 2, ta có 200T = 400C$$

→ Lợi ích mậu dịch của Việt Nam 120 táo và của Trung Quốc là 100 chuối

Bài 12 :

a.



b. Nếu lấy tỷ lệ trao đổi $\frac{P_x}{P_y} = 1$, quốc gia I xuất 60y và quốc gia II xuất 60x, ta có quốc gia I lợi 30x, 30y và quốc gia II lợi 20y.

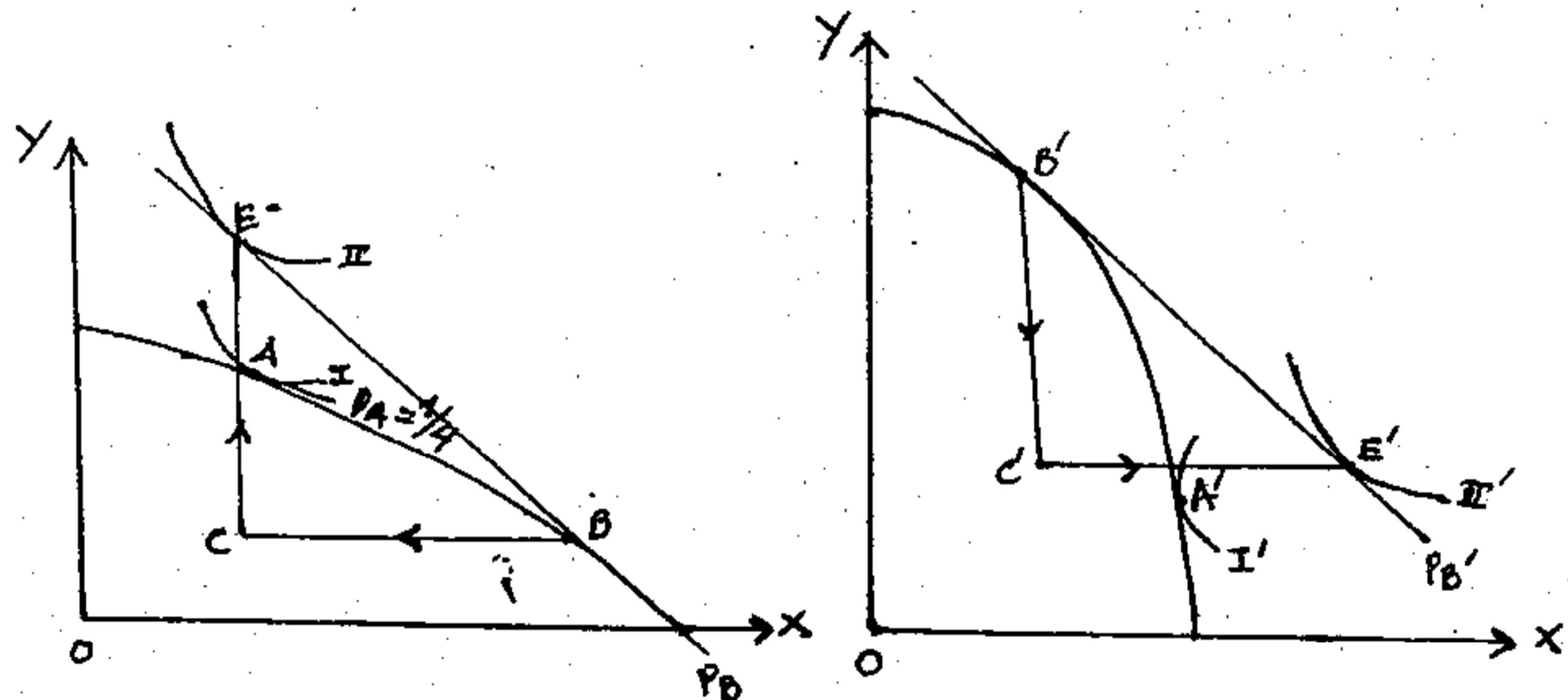
CHƯƠNG III

LÝ THUYẾT HIỆN ĐẠI VỀ MẬU DỊCH QUỐC TẾ

Bài 1 :

- P_A là giá cả sản phẩm so sánh cân bằng nội địa khi chưa có mậu dịch xảy ra
- P_B là giá cả sản phẩm so sánh cân bằng chung khi mậu dịch xảy ra

Bài 2 :



Vì $p_A = \frac{1}{4} \neq p_{A'} = 3 \rightarrow$ Mậu dịch xảy ra

$p_A = \frac{1}{4} < p_{A'} = 3$, trong đó $p_A = \left(\frac{p_X}{P_Y} \right) QGI$ và $p_{A'} = \left(\frac{p_X}{P_Y} \right) QGH$

\Rightarrow

quốc gia I có lợi thế so sánh về X
quốc gia II có lợi thế so sánh về Y

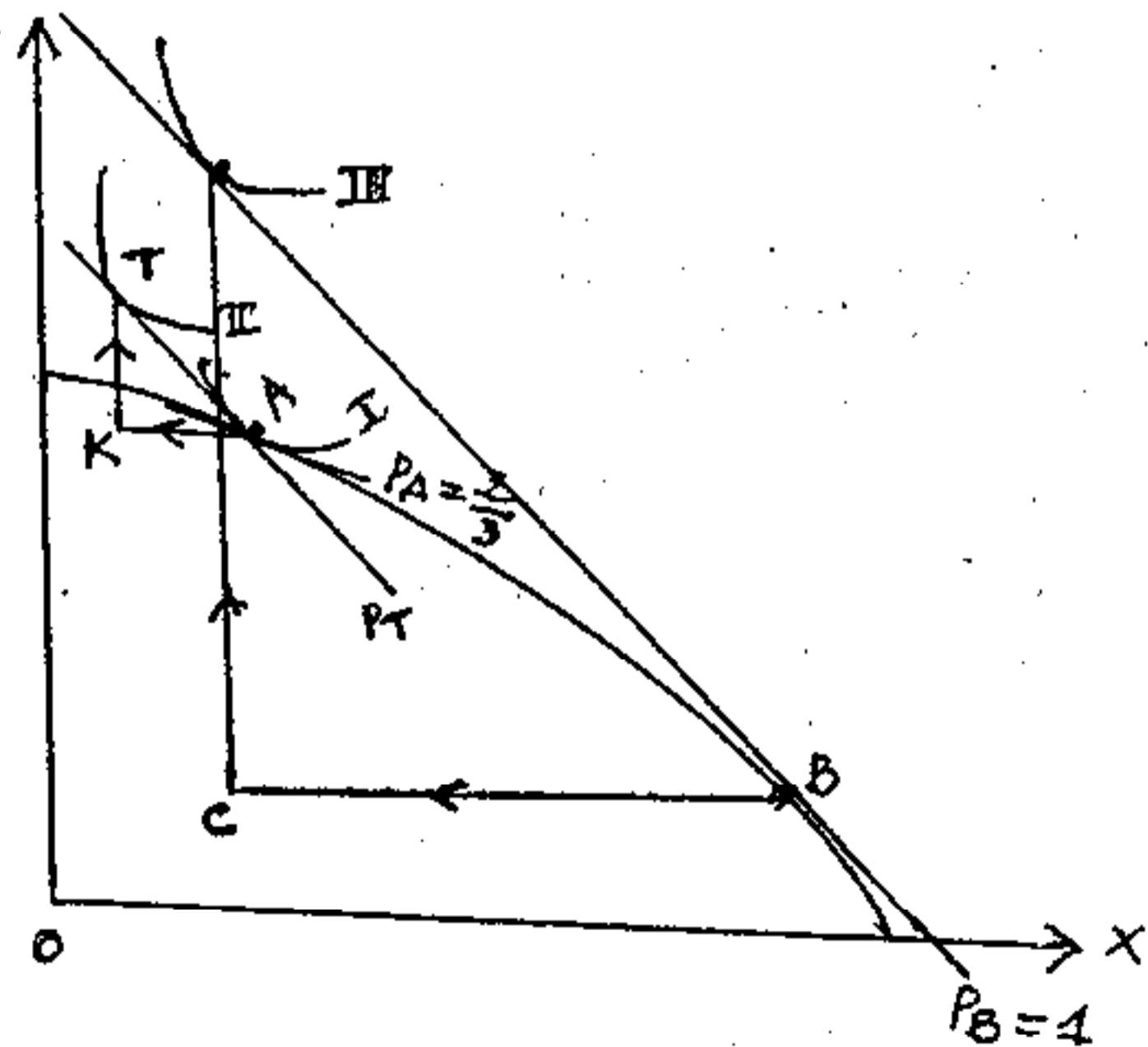
quốc gia I xuất X nhập Y
quốc gia II xuất Y nhập X

- Quốc gia I xuất BC sản phẩm X bằng quốc gia II nhập khẩu C'E'sản phẩm X, quốc gia II xuất B'C' sản phẩm Y = quốc gia I nhập khẩu CE sản phẩm Y \Rightarrow tiêu dùng đạt tới những điểm E và E' thuộc các đường bàng quan II và II'. Tức tiêu dùng đã đạt tới những đường bàng quan mới cao hơn, chứng tỏ lợi ích của mậu dịch.

Bài 3 :

Vì $p_A = \frac{2}{3} \neq p_W = 1 \Rightarrow$

Mậu dịch xảy ra



$$P_A = \frac{2}{3} < P_W = 1$$

Quốc gia A có lợi thế so sánh về X
 Thế giới có lợi thế so sánh về Y } $\xrightarrow{\text{quốc gia I xuất X nhập Y}}$
 Quốc gia I xuất X nhập Y
 Thế giới xuất Y nhập X

- Phân tích lợi ích từ trao đổi.

Điểm sản xuất vẫn ở A, vì là quốc gia nhỏ hơn nên theo tỷ lệ
 trao đổi của thế giới, tức là $P_W = \frac{P_X}{P_Y} = 1 \Rightarrow$ quốc gia xuất AK =
 nhập khẩu KT

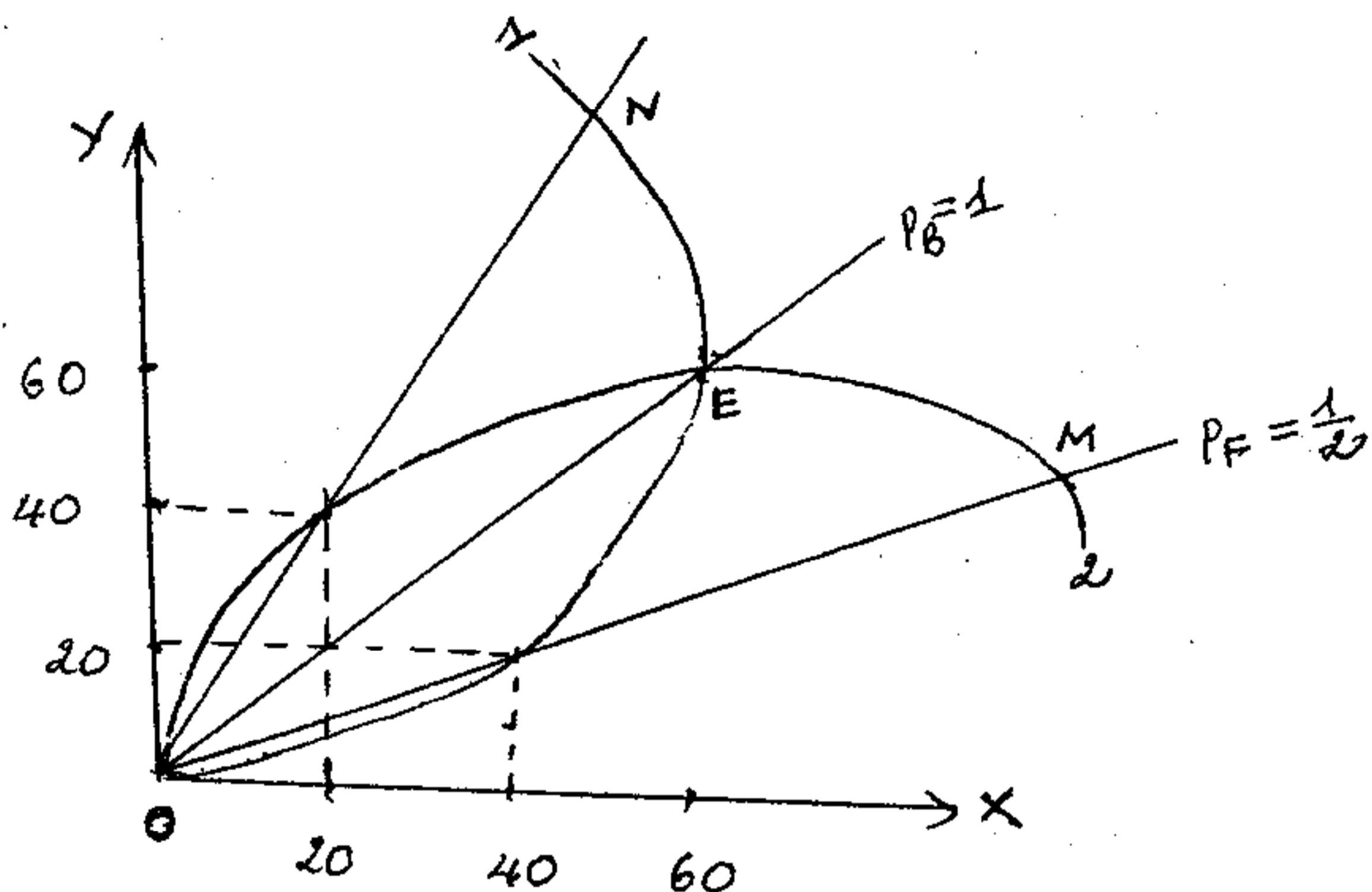
\Rightarrow tiêu dùng đạt tới điểm $T \in II$ - so sánh T với A \Rightarrow lợi ích
 từ trao đổi.

- Phân tích lợi ích từ chuyên môn hóa.

Điểm sản xuất dịch chuyển từ A \rightarrow B, vẫn theo $P_W = \frac{P_X}{P_Y} = 1$,
 quốc gia A xuất khẩu BC = nhập CE \rightarrow tiêu dùng đạt tới điểm
 $E \in III$ so sánh E với T ta có lợi ích từ chuyên môn hóa.

(Chú ý : nếu muốn, sinh viên có thể cho thêm số liệu cụ thể hơn)

Bài 4 :



a. Với $P_F = \frac{1}{2} \rightarrow$ đường cong ngoại thương của quốc gia II thể hiện là đường cầu cắt đường giá tại điểm M, ở đó quốc gia II muốn nhập khẩu nhiều X hơn là quốc gia I muốn xuất → mậu dịch không cân đối, trong trường hợp này cầu > cung → giá cả phải tăng lên để trở về mức cân bằng $P_B = 1$

b. Với $P_F = 2 \rightarrow$ đường cong ngoại thương của quốc gia I thể hiện là đường cầu cắt đường giá tại điểm N, ở đó quốc gia I muốn nhập nhiều Y hơn là quốc gia II muốn xuất → mậu dịch không cân đối, trường hợp này cầu > cung → giá cả phải tăng lên để trở về mức cân bằng $P_B = 1$ (chú ý :

$$\frac{P_X}{P_Y} = P_F = 2 \text{ chính là } \frac{p_Y}{p_X} = \frac{1}{2})$$

Bài 5 :

a. Tỷ lệ của bạn hàng mậu dịch sẽ giảm đi

$$100 - \left(\frac{100}{110} \right) \times 100 = 9,1\%$$

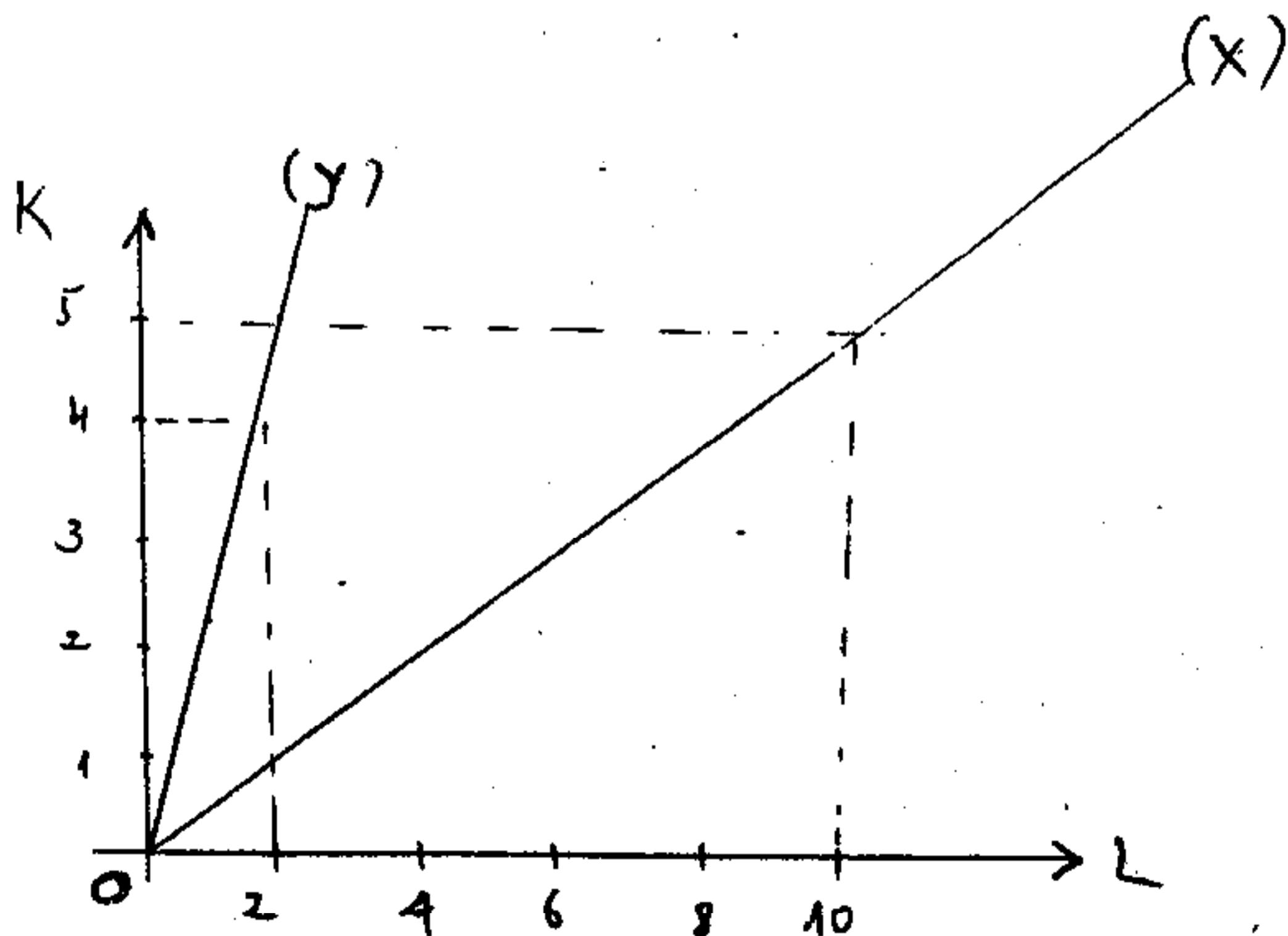
b. Lợi ích của bạn hàng mậu dịch bị thiệt vì số tiền quốc gia nhận được nhờ xuất khẩu ít hơn số tiền mà quốc gia phải bỏ ra để nhập khẩu, biểu hiện của sự nhập siêu.

Bài 6 :

a. X : sản phẩm thâm dụng lao động

Y : sản phẩm thâm dụng tư bản

b.



Bài 7 :

- a. - Cơ sở : Lý thuyết nguồn lực sản xuất vốn có
- Mô hình : quốc gia A : xuất X, nhập Y
: quốc gia B : xuất Y, nhập X
- b. Giảm tương đối
- c. Giảm tương đối

Bài 8 :

Quốc gia I : xuất B, nhập A

Quốc gia II : xuất A, nhập B

Bài 9 :

a. Cơ sở mâu dịch của 2 quốc gia là lý thuyết H-O và H-O-S

b. Xét quốc gia I : $\left(\frac{K}{L}\right)_X = \frac{4}{2} = 2$

$$\left(\frac{K}{L}\right)_Y = \frac{8}{3}$$

$$\Rightarrow \left(\frac{K}{L}\right)_X < \left(\frac{K}{L}\right)_Y \text{ và đi đến kết luận :}$$

Sản phẩm Y : thâm dụng vốn (K)

Sản phẩm X : thâm dụng lao động (L)

- Xét quốc gia II

$$\left(\frac{K}{L} \right)_X = \frac{5}{2} = 2,5; \left(\frac{K}{L} \right)_Y = \frac{10}{3}$$
$$\Rightarrow \left(\frac{K}{L} \right)_X < \left(\frac{K}{L} \right)_Y \text{ và đi đến kết luận :}$$

Sản phẩm Y : thâm dụng vốn (K)

Sản phẩm X : thâm dụng lao động (L)

c. Mặt khác ta có

$$\left(\frac{P_K}{P_L} \right)_{QG I} < \left(\frac{P_K}{P_L} \right)_{QG II} \left(\frac{4}{6} < \frac{6}{8} \right)$$

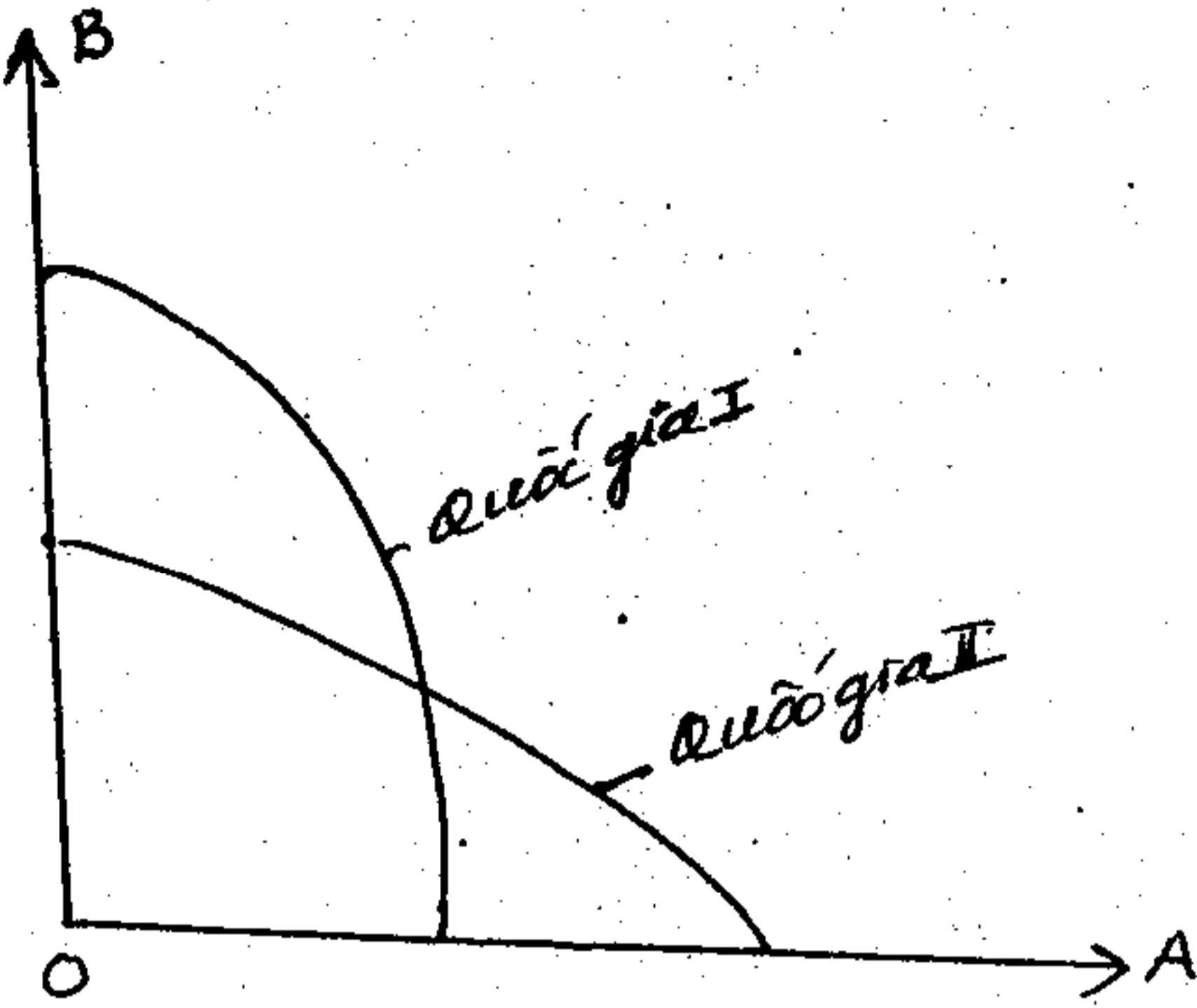
Kết luận : quốc gia I dư thừa vốn (K), quốc gia II dư thừa lao động (L).

Kết luận chung : mô hình mậu dịch của 2 quốc gia như sau :

- quốc gia I xuất khẩu sản phẩm Y, nhập khẩu sản phẩm X
- quốc gia II xuất khẩu sản phẩm X, nhập khẩu sản phẩm Y

Bài 10 :

Mô hình mậu dịch của 2 quốc gia là : quốc gia I xuất B, nhập A và quốc gia II xuất A, nhập B. Lợi thế so sánh của mỗi quốc gia được biểu thị trên biểu đồ như sau :



Bài 11 :

a. Quốc gia A xuất X nhập Y

Quốc gia B xuất Y nhập X

b. Thu nhập của người sở hữu tư bản ở quốc gia A sẽ giảm khi có mậu dịch tự do xảy ra giữa hai quốc gia.

Bài 12 :

- a. Tỷ lệ mậu dịch của Hy Lạp tăng, tỷ lệ mậu dịch của Ý giảm.
- b. Cả hai nước đều có sản lượng vải sẽ tăng và sản lượng lương thực giảm
- c. Sản phẩm lao động biên sẽ tăng ở cả 2 ngành công nghiệp của 2 nước; sản phẩm tư bản biên sẽ giảm ở cả 2 ngành công nghiệp của 2 nước

Bài 13 :

- a. Đường giới hạn khả năng sản xuất của Anh và Hoa Kỳ trở thành đường thẳng
- b. Không có cơ sở mâu dịch do chi phí cơ hội là giống nhau giữa 2 nước
- c. Cả hai mặt hàng là thâm dụng lao động, vì vậy không thể áp dụng lý thuyết H-O. Giá cả yếu tố chỉ được xác định bằng nguồn lực vốn có, chúng lại khác nhau giữa hai nước.

Bài 14 :

a. Giới hạn lao động $4X + 5Y = 37200$

Giới hạn tư bản $3X + 1Y = 18000$

b. $X = 4800; Y = 3600$

Chú ý : Sản lượng của Tây Ban Nha cho bởi điểm cắt của giới hạn lao động và tư bản

c. Thu nhập quốc gia của Tây Ban Nha = $\frac{P_x}{P_y} X + Y =$
 $2 \times 4.800 + 3600 = 13.200$

Cho giá trị tiêu dùng bằng thu nhập quốc gia:

$$2x_c + y_c = 13.200$$

và $x_c = y_c$

Giải các phương trình trên ta được $x_c = y_c = 4400$

d. Xuất khẩu sản phẩm X $x = 4.800 - 4.400 = 400$

Nhập khẩu sản phẩm Y $y = 4.400 - 3.600 = 800$

CHƯƠNG IV

THUẾ QUAN - MỘT HÌNH THỨC HẠN CHẾ MẬU DỊCH

Bài 1 :

+ Khi chưa có mậu dịch

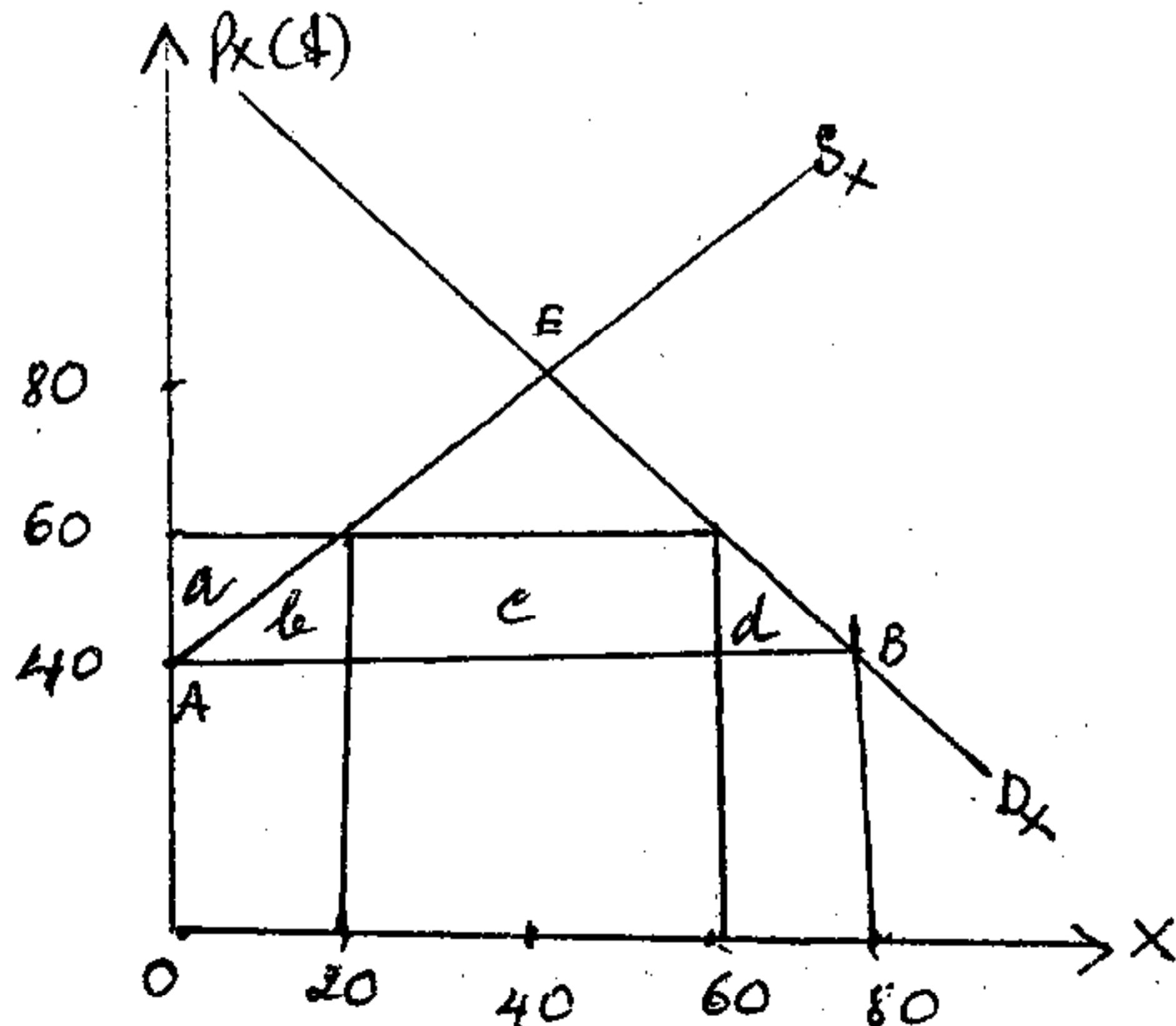
Giá cả cân bằng :

$$Q_{DX} = Q_{SX} \rightarrow 120 - P_X = P_X - 40$$

$$2P_X = 160 \rightarrow P_X = 80 \text{ (USD)}$$

Sản lượng cân bằng :

$$Q_{DX} = Q_{SX} = 40 X$$



a. Khi có mậu dịch tự do

- $P_X = \$ 40$
- $TD = 80X$
- $SX = 0X$
- $NK = 80X$

b. Khi chính phủ đánh thuế quan bằng 50% \rightarrow

- $P_X = \$ 60$
 - $TD = 60X$
 - $SX = 20X$
 - $NK = 40X$
 - Ngân sách chính phủ = c
- \Rightarrow Số dư người tiêu dùng giảm = a + b + c + d.

Trong đó : a = 20 USD, b = 20 USD, c = 80 USD, d = 20 USD

$\rightarrow a + b + c + d = 140$ USD

- Số dư người sản xuất tăng lên bằng a = 20 USD
- - Ngân sách chính phủ tăng bằng c = 80 USD
- Thiệt hại ròng = b + d = 20 + 20 = 40 USD

c. Theo công thức $g = \frac{t - a_i t_i}{1 - a_i}$ ta có

$$g = \frac{0,5 - (0,8 \times 0,1)}{1 - 0,8} = 2,1 \text{ hay } 210\%$$

Như vậy, tỷ lệ bảo hộ thực sự cho nhà sản xuất là 210%

Bài 2 :

a. Khi có mậu dịch tự do :

$$P_X = \$2, TD = 160X, SX = 40X, NK = 120X$$

c. Nếu chính phủ đánh thuế quan bằng 50% $\rightarrow P_X = \$3,$

$$TD = 140X, SX = 80X, NK = 60X$$

- Số dư người sản xuất là $a = 60$ USD
- Số dư người tiêu dùng giảm là 150 USD
- Ngân sách chính phủ tăng là 60 USD

$$\rightarrow \text{Thiệt hại ròng} = b + d = 20 + 10 = \$30$$

Bài 3 :

a. Cho $Q_d = Q_s = Q$ suy ra

$$Q = 300, P = 40 \text{ USD}$$

b. $P = 20 \text{ USD}, Q_d = 500 - 5 \times 20 = 400$

$$Q_s = (-300 + 60 \times 20) / 7 = 128,6$$

$$\text{Nhập khẩu} = Q_d - Q_s = 400 - 128,6 = 271,4$$

d. Thặng dư tiêu dùng tăng =

$$(40-20) \times 300 + (40 - 20)(400 - 300) / 2 = 7000 \text{ USD}$$

Thặng dư sản xuất giảm =

$$(40-20) \times 128,6 + (40-20)(300-128,6)/2 = 4288 \text{ USD}$$

d. $P' = 20 + 5 = 25 \text{ USD}$

$Q'_d = 500 - 5 \times 25 = 375$

$Q'_s = (-300 + 60 \times 25)/7 = 171,4$

Nhập khẩu = $375 - 171,4 = 203,6$

e. Thu nhập từ thuế = $5 \text{ USD} \times 203,6 = 1018 \text{ USD}$

Thiệt hại do tiêu dùng = $5 \text{ USD} \times (400 - 375)/2 = 62,5 \text{ USD}$

Thiệt hại do sản xuất = $5 \text{ USD} \times (171,4 - 128,6)/2 = 107 \text{ USD}$

f. 20 USD

Bài 4 :

a. $p_o = 32$

$q_o = 44$

b. Mậu dịch tự do

$q_d = 180$

$q_s = 10$

$q_{nk} = 170$

c. $q_{nk} = 120$

d. $q_{nk} = 20$

Bài 5 :

$$q_{nk} = 271$$

Thiệt hại của quốc gia : 169,5

$$q_{nk} = 136$$

$$t = 50\%$$

Bài 6 :

- Khi chưa có mậu dịch

Giá cả cân bằng

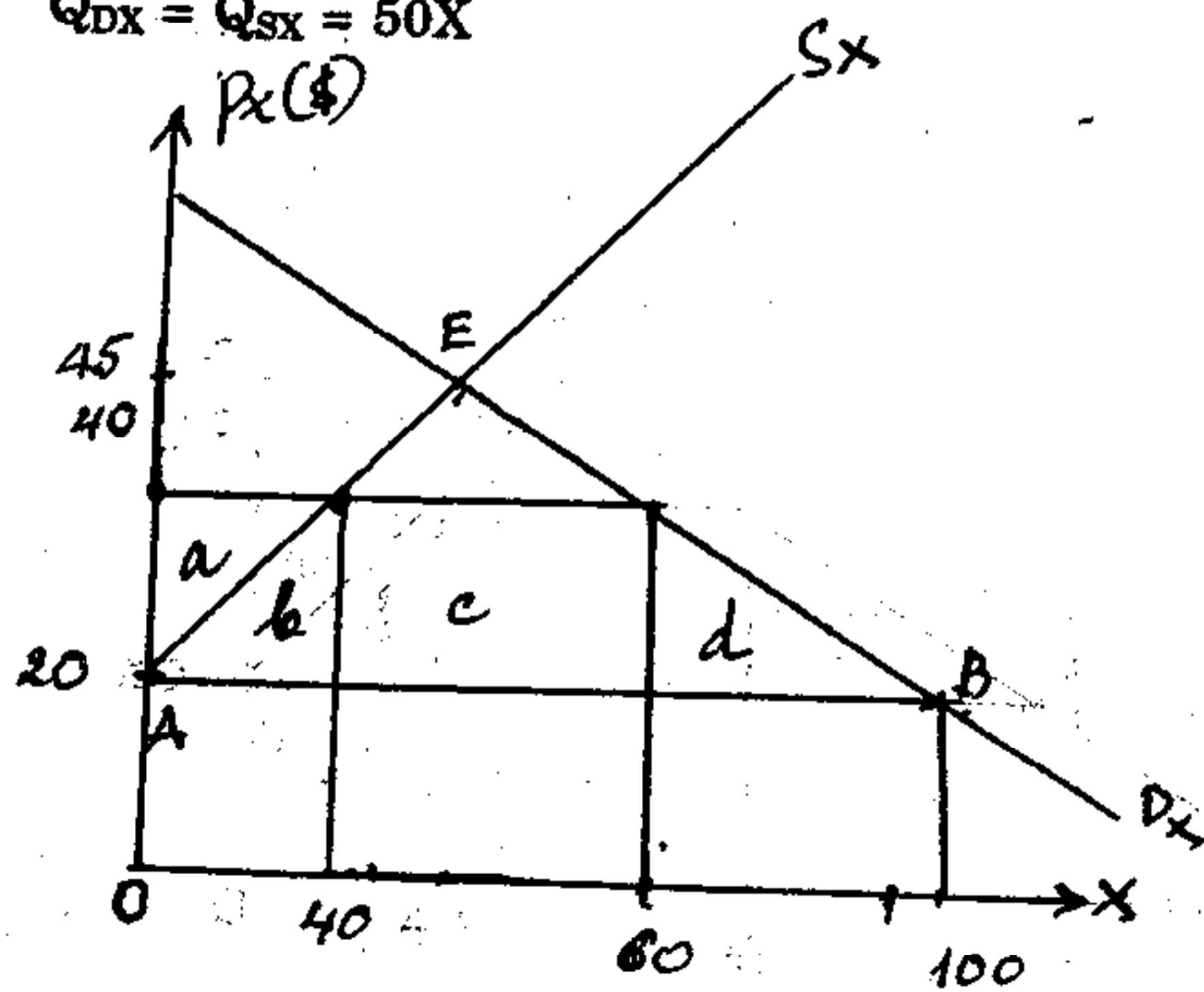
$$Q_{DX} = Q_{SX} \rightarrow 140 - 2P_X =$$

$$2P_X - 40 \rightarrow 4P_X = 180$$

$$\rightarrow P_X = 45 \text{ USD}$$

- Sản lượng cân bằng

$$Q_{DX} = Q_{SX} = 50X$$



a. Khi có mậu dịch tự do

$$P_X = 20 \text{ USD}, TD = 100X, SX = 0, NK = 100X$$

b. Khi chính phủ đánh thuế quan bằng 100% \rightarrow

$$P_X = 40 \text{ USD}, TD = 60X, SX = 40X, NK = 20X$$

Ngân sách chính phủ tăng là $= c = 400 \text{ USD}$

Số dư người sản xuất tăng lên $= a = 400 \text{ USD}$

Số dư người tiêu dùng giảm đi =

$$a + b + c + d = 400 + 400 + 400 + 400 = 1.600 \text{ USD}$$

Thiệt hại ròng $= b + d = 400 + 400 = 800 \text{ USD}$

c. Với $t = 100\%$, $t_i = 5\%$, g sẽ là :

$$\text{Trước hết tính } a_i = \frac{10}{20} = 0,5$$

$$\text{Theo công thức } g = \frac{t - a_i t_i}{1 - a_i}, \text{ ta có } g = \frac{1 - 0,5 \times 0,05}{1 - 0,5}$$

$$g = 1,95 \text{ hay } 195\%$$

d. Nếu quốc gia trên là 1 nước lớn thì sau khi đánh thuế quan, giá thế giới không còn là 20 USD nữa mà là nhỏ hơn so với 20 USD vì nước lớn chi phí được giá thế giới, cung cầu của họ về một sản phẩm nào đó có ảnh hưởng rất lớn đến giá cả sản phẩm đó trên thị trường thế giới.

Bài 7 :

- Khi chưa có mậu dịch xảy ra :

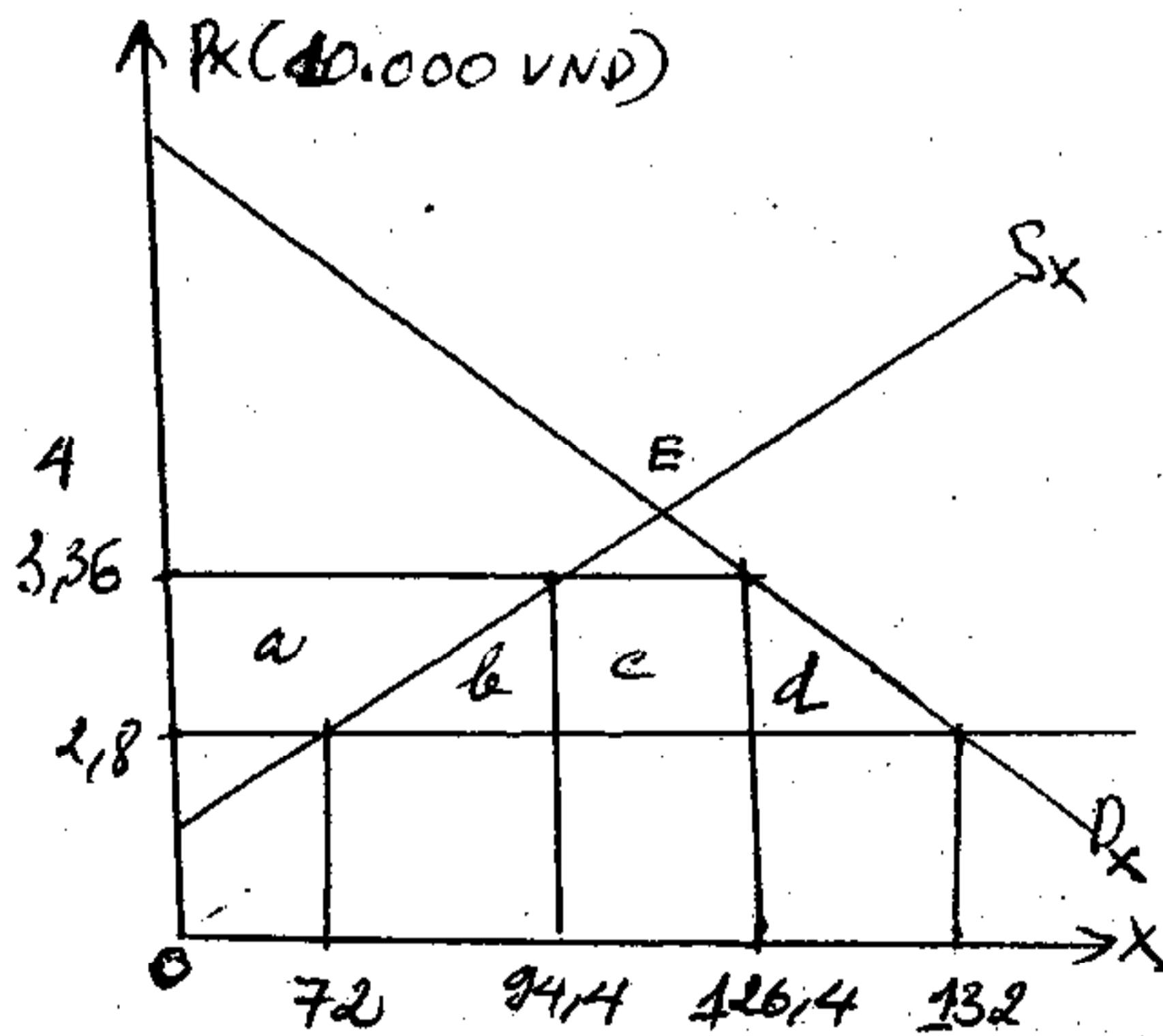
Giá cả cân bằng

$$Q_{DX} = Q_{SX} \Rightarrow 160 - 10P_X = 40 P_X - 40$$

$$50P_X = 200 \rightarrow P_X = 40.000 \text{ đồng}$$

- Sản lượng cân bằng :

$$Q_{DX} = Q_{SX} = 120 \text{ triệu X (120.000.000)}$$



a. Khi mở cửa mậu dịch tự do

Với giá thế giới $P_X = \$2$ hay 28.000 VNĐ (1 USD = 14.000 VNĐ)

Tiêu dùng = 132 triệu X, SX = 72 triệu X, NK = 60 triệu X.

b. Khi chính phủ đánh thuế quan bằng 20%, ta có

$P_X = 33600$ VND, $TD = 126,4$ triệu Xe, $SX = 94,4$ triệu Xe, $NK = 22$ triệu Xe

- Số dư người sản xuất tăng lên $a = 46,592 \times 10,000 = 465,920$ VND

- Số dư người tiêu dùng $= a + b + c + d =$

$$b = 6,272 \times 10,000 = 62,720 \text{ đồng} \rightarrow$$

$$c = 17,927 \times 10,000 = 179,200 \text{ đồng} \rightarrow$$

$$d = 1,568 \times 10,000 = 15,680 \text{ đồng} \rightarrow$$

Vì sản phẩm là đơn vị tính bằng triệu nên những kết quả tính toán trên đây phải nhân với 1.000.000 \Rightarrow

Ta có: $a = 465,92$ tỷ đồng

$$b = 62,72 \text{ tỷ đồng} \rightarrow$$

$$c = 179,27 \text{ tỷ đồng} \rightarrow$$

$$d = 15,68 \text{ tỷ đồng} \rightarrow$$

\rightarrow Thiệt hại cho người tiêu dùng $= a + b + c + d =$

$$= 465,92 + 62,72 + 179,27 + 15,68 = 823,52 \text{ tỷ đồng} \rightarrow$$

- Ngân sách chính phủ tăng lên bằng $a = 179,27$ tỷ đồng

- Thiệt hại kinh tế $= b + d = 62,72 + 15,68 = 78,47$ tỷ đồng

Nếu đồng Việt Nam mất giá 20% so với đồng đô la Mỹ, lúc đó
 $1 \text{ USD} = 16.800 \text{ VND} \rightarrow$

Khi mở cửa mậu dịch tự do, quốc gia sẽ nhập khẩu theo
giá thế giới là 2 USD có nghĩa là 33.600 VND, lúc này thị
trường về sản phẩm X của quốc gia giống hệt như đánh
thuế quan 20% đã phân tích ở trên.

Khi chính phủ đánh thuế quan bằng 20% lúc đó $P_x = 4.03 \times 10.000 \text{ VND}$, cao hơn giá sản xuất trong nước (40.000 VND).

Điều này trên thực tế có nghĩa là chính phủ muốn bảo hộ
ngành này ở mức rất cao, không nhập khẩu.

Bài Bài 8 :

Từ $Q_{Dx} = 280 - 20P_x$

$$Q_{Sx} = 40 + 20P_x$$

Ta có $P_x = 60.000$ đồng và $Q_x = 140$ triệu sản phẩm khi Việt
Nam tự cung tự cấp.

Khi Việt Nam tiến hành thương mại tự do thì Việt Nam sẽ
nhập khẩu sản phẩm X vì giá cao hơn giá thế giới ($60.000 > 42.000$).

$$Q_{Dx} = 280 - 20 \times 4,2 = 196$$

$$Q_{Sx} = 40 + 20 \times 4,2 = 124$$

Nhập khẩu: 72 triệu sản phẩm

Kim ngạch nhập khẩu: $72 \times 316 = 216$ triệu USD

b. Khi đồng Việt Nam mất giá so với USD 10% lúc đó 1 USD = 15.400 VNĐ và giá sản phẩm X của thế giới sẽ là :

$$3 \times 15.400 = 46.200 \text{ (4,62)}$$

$$Q_{DX} = 280 - 20 \times 4,62 = 187,6$$

$$Q_{SX} = 40 + 20 \times 4,62 = 132,4$$

Nhập khẩu : 55,2 triệu sản phẩm

Kim ngạch nhập khẩu : $55,2 \times 3 = 165,6$ triệu USD

Do đồng Việt Nam mất giá nên giá thế giới của sản phẩm X tính bằng VNĐ tăng dần đến nhập khẩu giảm (16,8 triệu sản phẩm).

Bài 9 :

$$Q_{DX} = 170 - P_X \quad Q_{DX} = Q_{SX} ; 170 - P_X = P_X + 10$$

$$Q_{SX} = P_X + 10 \quad P_X = 80 ; Q_{SX} = 90 \text{ triệu sản phẩm.}$$

Khi Việt Nam thực hiện tự cung tự cấp thì giá sản phẩm X là : 800 000 đ (80 theo đơn vị tính là 10.000 đ). Trong khi đó giá sản phẩm X của thế giới tính theo tiền đồng của Việt Nam là

$$P_{W(X)} = 40 \times 12.500 = 500.000 \text{ Đ (50)}$$

a. Khi Việt nam tiến hành thương mại tự do :

Do giá nội địa cao hơn giá thế giới nên Việt Nam sẽ nhập khẩu.

$$Q_{DX} = 170 - 50 = 120$$

$$Q_{SX} = 50 + 10 = 60$$

Nhập khẩu 60.000.000 sản phẩm X

Kim ngạch nhập khẩu $60 \times 40 = 2.400$ triệu USD.

Khi tiến hành thương mại tự do thị trường sản phẩm X của Việt Nam :

Sản xuất giảm $60 - 90 = -30$ triệu sản phẩm

Tiêu dùng tăng $120 - 90 = +30$ triệu sản phẩm

b. Khi chính phủ sử dụng thuế nhập khẩu là 50%, khi đó giá nhập khẩu có thuế là :

$$P_{NK+T} = (40 \times 12.500) \times 1,5 = 750.000đ (75)$$

$$Q_{DX} = 170 - 75 = 95$$

$$Q_{SX} = 75 + 10 = 85$$

Nhập khẩu : $95 - 85 = 10$ triệu sản phẩm.

Kim ngạch nhập khẩu : $10 \times 40 = 400$ triệu USD

$$\text{Lợi ích của người sản xuất} = \frac{(60 + 85) \times 25}{2} = 1.812,5 \text{ triệu đ}$$

Lượng thuế nhập khẩu của chính phủ : $10 \times 25 = 250$ triệu đ

$$\text{- Thiệt hại của người tiêu dùng} = \frac{(120 + 95) \times 25}{2} = 2.687,5 \text{ triệu đ}$$

$$\text{- Thiệt hại của quốc gia} = 2.687,5 - (1.812,5 + 250) = 616 \text{ triệu đồng}$$

Bài Bài:10:

$$a_i = \frac{10.000.000}{20.000.000} = 0,5 \text{ (50\%)} t = 100\% \text{ (1/lần)} \hat{t}_p = 50\% \text{ (0,5 lần/lần)}$$

$$g = \frac{t - a_i t_i}{1 - a_i} \times 100 \text{ (100g)} = \frac{1 - 0,5 \times 0,5}{1 - 0,5} \times 100 = 150\% \text{ 50\%}$$

Bài Bài:11:

$$a_i = \frac{4000}{5000} = 0,8 \text{ (80\%)} t = 100\% \text{ (1/lần)} \hat{t}_p = 50\% \text{ (0,5 lần/lần)}$$

$$g = \frac{t - a_i t_i}{1 - a_i} \times 100 \text{ (100g)} = \frac{1 - 0,8 \times 0,5}{1 - 0,5} \times 100 = 120\%$$

Bài Bài:12: 40\%

Bài Bài:13:

Dự án A

A A

E E

D D

C C

B B

Bài Bài:14:

$$\text{Với } t_i = 0,6 \quad 0,6g = \frac{0,4 - 0,5 \times 0,6}{1 - 0,5} \times 100 = 20\%$$

$$= t_i = 0,8 \Rightarrow g = \frac{0,4 + 0,5 \times 0,8}{1 - 0,5} \times 100 \% = 0\%$$

$$t_i = 1 \Rightarrow g = \frac{0,4 + 0,5 \times 1}{1 - 0,5} \times 100 \% = 20\%$$

Cùng với tỷ lệ bảo hộ danh nghĩa là 0,4 nhưng khi chính phủ tăng thuế nguyên liệu nhập khẩu thì tỷ lệ bảo hộ thực sự giảm.

Với tỷ lệ thuế nhập khẩu nguyên liệu là 80%, chính phủ đang yêu cầu các nhà sản xuất nội địa không nhập nguyên liệu mà sử dụng nguyên liệu nội địa.

Với tỷ lệ nhập khẩu nguyên liệu là 100%, chính phủ bắt buộc nhà sản xuất nội địa phải sử dụng nguyên liệu nội địa, không nhập khẩu nguyên liệu. Nếu nhà sản xuất nội địa nào còn nhập khẩu nguyên liệu thì chính phủ không những không bảo hộ mà còn gây thiệt hại cho nhà sản xuất nội địa.

Bài 15 :

a. VA = 600 - 200 - 100 = \$ 300

b. VA = 600x1,2 - 200 - 100 = \$ 420

$$\text{ERP} = \frac{420 - 300}{300} = 0,4 = 40\%$$

c. VA' = 600 x 1,2 - 200x1,08 - 100x1,14 = \$ 390

$$\text{ERP}' = \frac{390 - 300}{300} = 0,3 = 30\%$$

$$d. ERP'' = \frac{(600 \times 1,2) - (200 \times 1,5) - (100 \times 1,35) - 300}{300} = -0,05 < 0$$

Bài 16 :

a. Hoa Kỳ : $2000/10 = 200$ chai rượu

Châu Âu: $3000/5 = 600$ chai rượu

b. Hòa Kỳ : 200 chai rượu

Châu Âu: 600 chai rượu

c. Đối với người tiêu dùng Hoa Kỳ máy tính có trị giá bằng 200 chai rượu, nhưng họ nhận được 300 chai vì vậy họ có lợi. Đối với người tiêu dùng Châu Âu, máy tính trị giá tới 600 chai, nhưng họ trả chỉ có 300 chai vậy người tiêu dùng Châu Âu cũng có lợi

d. Thay đổi sản lượng máy tính của thế giới là bằng $+1 - 1 = 0$

Thay đổi sản lượng rượu của thế giới là bằng $-200 + 600 = +400$

e. Không, khi không có thuế, chi phí cơ hội là bằng nhau giữa hai nước và sản lượng của thế giới đã ở mức tối đa.

Bài 17 :

a. $6,25 C = 1 S$

b. Thuế quan của Hoa Kỳ sẽ tăng khối lượng nhập khẩu trong trường hợp duy nhất khi cầu nhập khẩu thép của Nhật là không co dãn

c. Công nhân Hoa Kỳ trở nên khá hơn, và công nhân Nhật trở nên nghèo hơn

d. Trong khi ảnh hưởng đối với phúc lợi của công nhân Nhật là như câu (c), thì ảnh hưởng lên phúc lợi của công nhân Hoa Kỳ có thể là dương, âm, hoặc bằng không.

Bài 18 :

- a) 28,5%
 b) Trợ cấp 12% cho nguyên vật liệu nhập khẩu

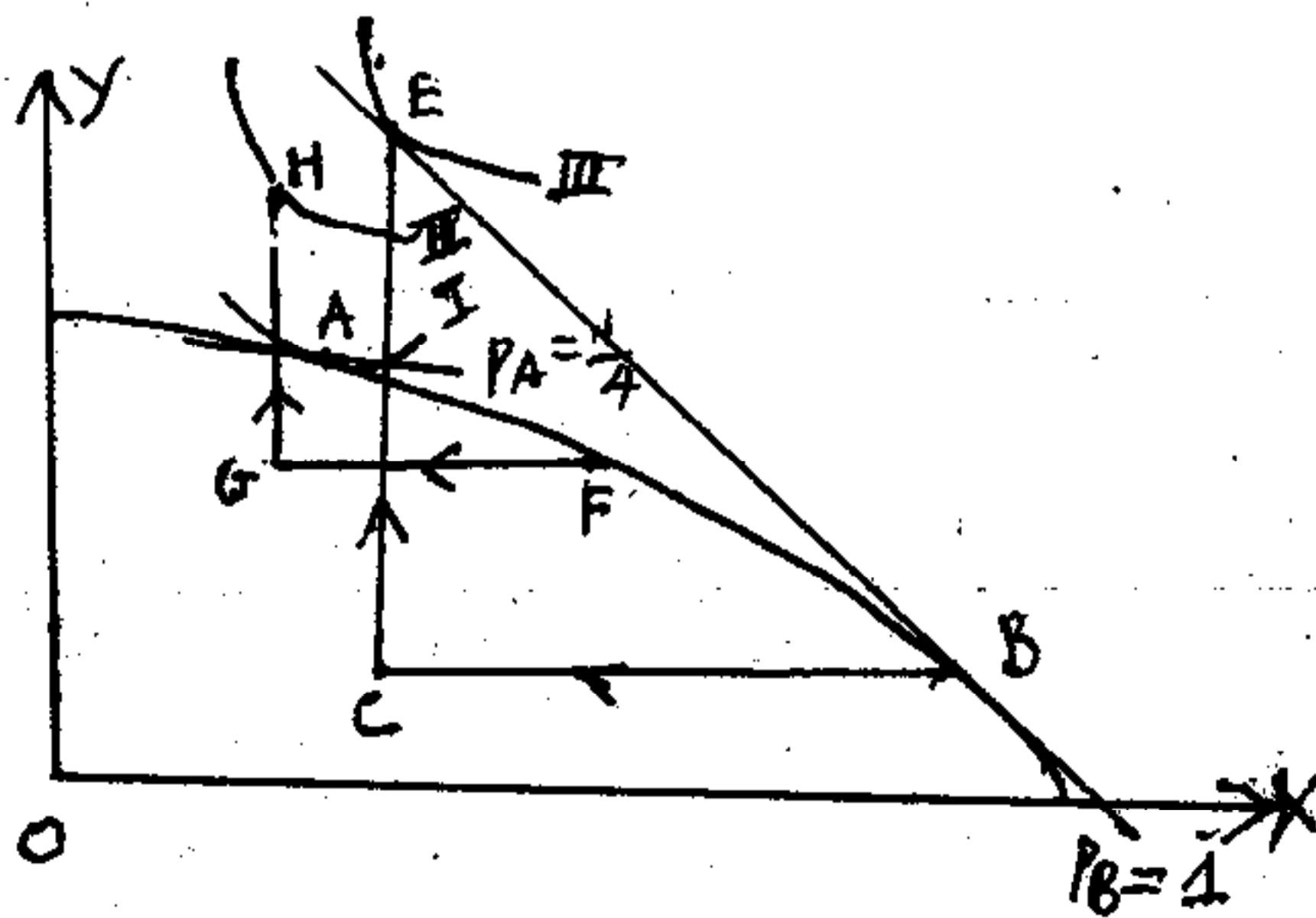
Bài 19 :

Quốc gia có lợi thế so sánh về X, tức $\left(\frac{P_X}{P_Y}\right)_{QGI} < \left(\frac{P_X}{P_Y}\right)_{TG}$

Giả sử cho $\left(\frac{P_X}{P_Y}\right)_{QGI} = \frac{1}{4}$, $\left(\frac{P_X}{P_Y}\right)_{TG} = 1$, ta có

$$\left(\frac{P_Y}{P_X}\right)_{QGI} = 4 \text{ và } \left(\frac{P_Y}{P_X}\right)_{TG} = 1$$

và cách phân tích giống như trường hợp quốc gia II (trong giáo trình), tất cả chỉ là ngược lại. Có thể minh họa như biểu đồ dưới đây

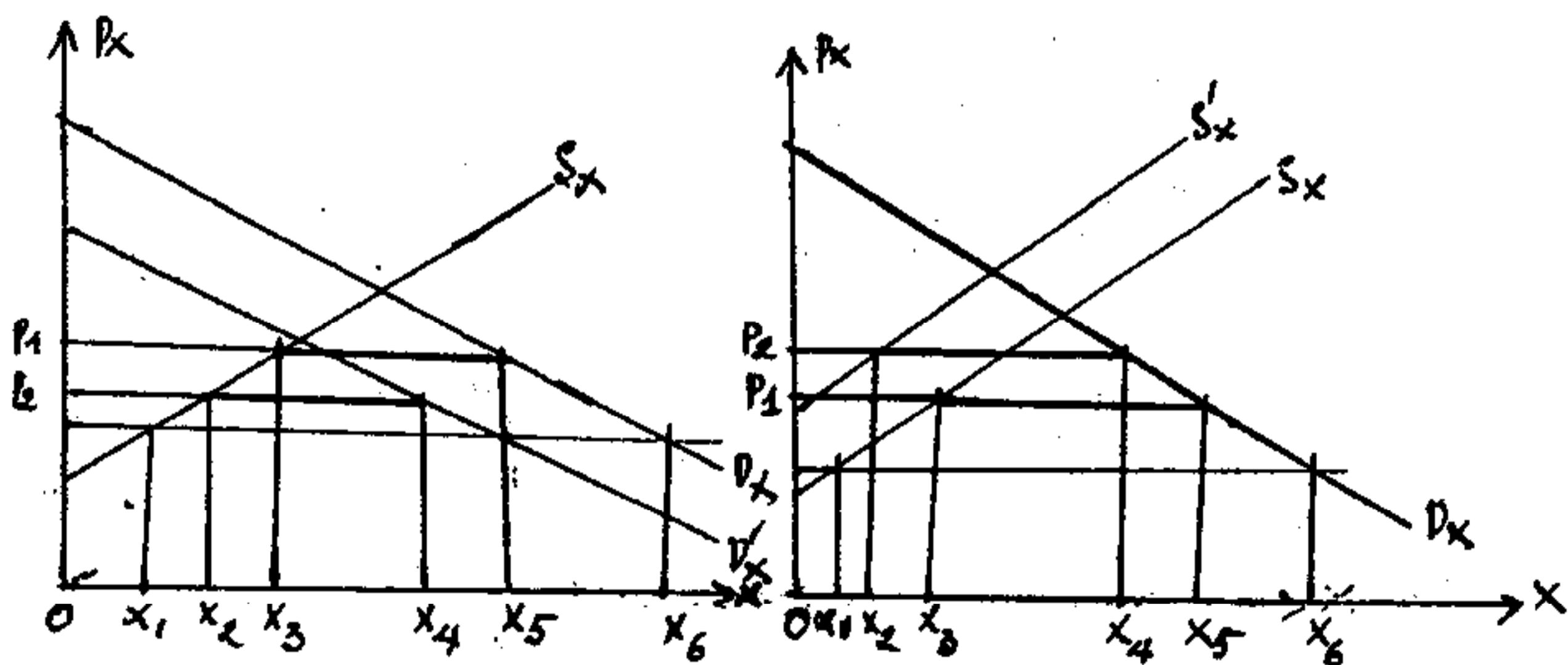


CHƯƠNG V

NHỮNG HÌNH THỨC HẠN CHẾ MẬU DỊCH KHÁC VÀ ĐÀM PHÁN MẬU DỊCH ĐA PHƯƠNG

Bài 1 :

- Trường hợp cầu giảm : giá giảm $P_1 \rightarrow P_2$ sản xuất giảm $X_3 \rightarrow X_2$ tiêu dùng giảm $X_5 \rightarrow X_4$ nhập khẩu không đổi ($X_4 - X_2 = (X_5 - X_3)$)
- Trường hợp cung giảm : giá tăng $P_1 \rightarrow P_2$ tiêu dùng giảm $P_5 \rightarrow P_4$ sản xuất giảm $X_3 \rightarrow X_2$ nhập khẩu không đổi ($X_4 - X_2 = (X_5 - X_3)$)



Bài 2:

Từ $Q_{DX} = 150 - P_x$ Ta có $P_x = 70$ USD

$Q_{SX} = P_x + 10$ $Q_x = 80$ triệu sản phẩm

- a. Khi chính phủ Việt Nam tiến hành thương mại tự do thì Việt Nam sẽ nhập khẩu sản phẩm X vì giá của thế giới thấp hơn ($40 < 70$)

$$Q_{DX} = 150 - 40 = 110$$

$$Q_{SX} = 40 + 10 = 50$$

Nhập khẩu $110 - 50 = 60$ triệu sản phẩm

Kim ngạch nhập khẩu : $60 \times 40 = 2.400$ triệu USD

Tác động đến thị trường sản phẩm X tại Việt Nam

- Sản xuất giảm $50 - 80 = - 30$ triệu sản phẩm
- Tiêu dùng tăng $110 - 80 = + 30$ triệu sản phẩm

- b. Khi chính phủ Việt Nam sử dụng 1 hạn ngạch nhập khẩu là 30 triệu sản phẩm X thì giá cả sản phẩm X tại thị trường Việt Nam sẽ là

$$Q_{DX} = 150 - P_x$$

$$Q_{SX} = P_x + 30$$

$$P_x = 55 \text{ USD}$$

- Thu nhập của nhà nhập khẩu : $30 \times 15 = 450$ triệu USD

- Thặng dư của nhà sản xuất : $\frac{(50 + 65)15}{2} = +787,5$ triệu USD

- Lợi ích của người tiêu dùng giảm : $\frac{(110 + 95)15}{2} = -1537,5$ triệu USD

- Lợi ích quốc gia bị thiệt hại

$$1.537,5 - (787,5 + 450) = 300 \text{ triệu USD}$$

Bài 3:

a. Lượng cầu : 500

Lượng cung : 100

Lượng nhập khẩu : 400

b.

- Thu nhập nhà nhập khẩu : 100

- Thặng dư nhà sản xuất : 75

c. Lượng quota : 200

Bài 4:

a. Cho $M = Q_d - Q_s = 300 - 8P + 20 - 2P$

Hoặc $M = 320 - 10P$

Trong đó: M là lượng nhập khẩu

b. Cho $M = X$

Hay $320 - 10P = 18P - 100$

$$P = 15 \text{ USD}$$

$$Q_s = -20 + 2x15 = 10$$

$$Q_d = 300 - 8x15 = 180$$

Nhập khẩu là $180 - 10 = 170$

c. Cho $M = 100$

Hay $100 = 320 - 10P$

$$P = 22 \text{ USD}$$

$$Q_s = -20 + 2x22 = 24$$

$$Q_d = 300 - 8x22 = 124$$

Nhập khẩu $124 - 24 = 100$

d. Số dư tiêu dùng mất đi = $124(22 - 15) + (180 - 124)x7/2 = 1064 \text{ USD}$

Lợi ích của số dư sản xuất = $7x10 + (24 - 10)x7/2 = 119 \text{ USD}$

Lợi nhuận do bán đấu giá = $7 \times 100 = 700 \text{ USD}$

Bài 5 :

Khi chưa có mậu dịch xảy ra

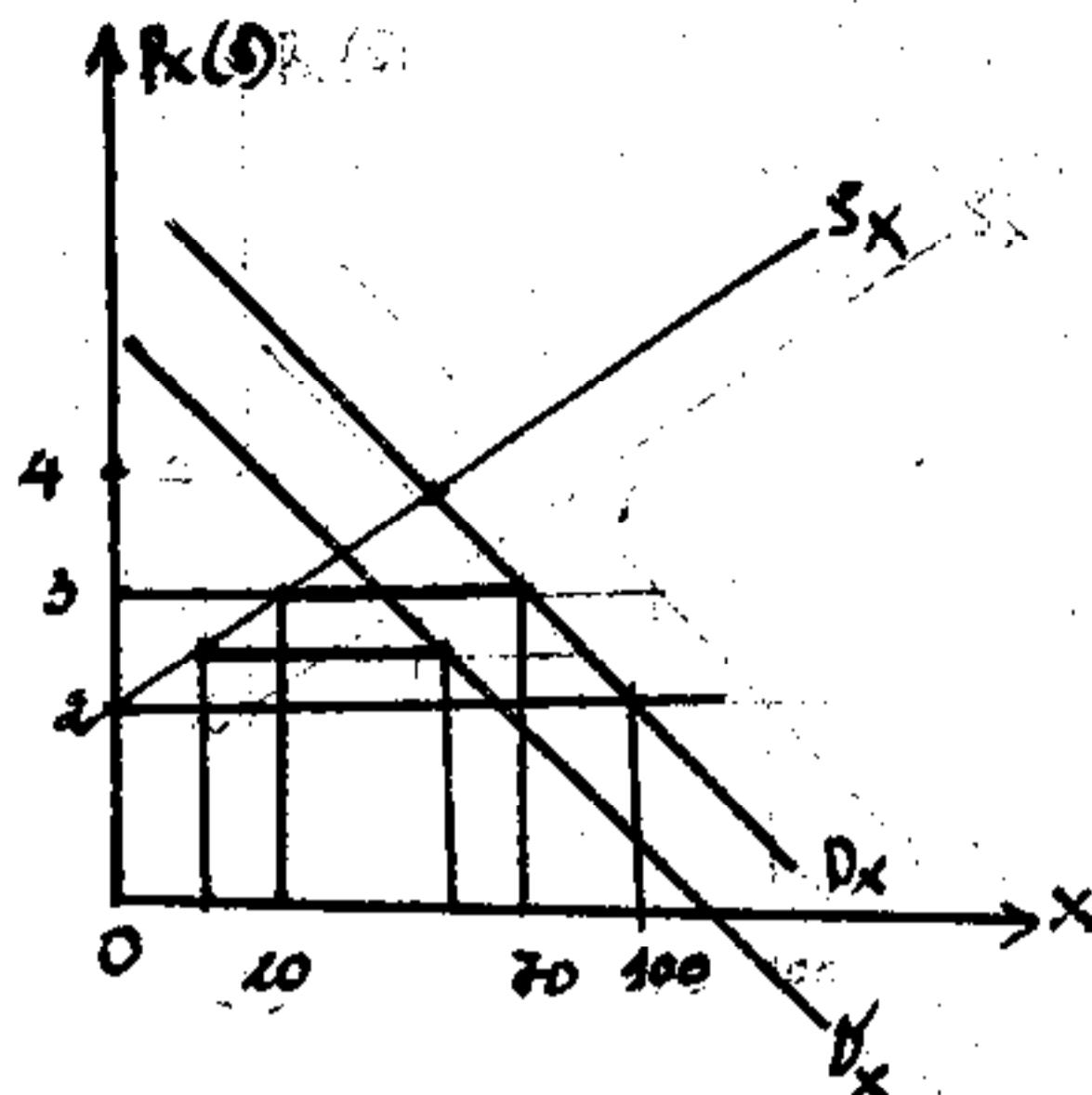
- Giá cả cân bằng

$$Q_{DX} = Q_{SX} \rightarrow 160 - 30P_X = 20P_X - 40$$

$$50P_X = 200 \rightarrow P_X = 4(\text{USD})$$

- Sản lượng cân bằng

$$Q_{DS} = Q_{SX} = 40X$$



a. Khi có mậu dịch tự do :

$$P_X = \$2, TD = 100X, SX = 0X, NK = 100X$$

b. Nếu chính phủ áp định 1 quota 50X, tính ra giá sẽ là $P_X = \$3$, tương đương với 1 thuế quan 50%, ta có

$$TD = 70X, SX = 20X, NK = 50X$$

- Số dư người tiêu dùng giảm = $a + b + c + d = 85$ USD
- Số dư người sản xuất tăng = $a = 10$ USD
- Nếu chính phủ bán với giá \$1/l đơn vị sản phẩm X nhập khẩu thì ngân sách chính phủ tăng = $c \approx \$50$
- Nếu chính phủ bán đấu giá thì 1 phần của c có thể chuyển cho nhà nhập khẩu

- Nếu chính phủ phân phối giấy phép thì phần c sẽ được chuyển hóa hoàn toàn cho nhà nhập khẩu

c. Khi có sự suy giảm về cầu, đường cầu tịnh tiến từ $D_X \rightarrow D'_X$.

Dưới tác động của thuế quan thì giá trong nước : không đổi, nhập khẩu giảm, sản xuất trong nước : không đổi, tiêu dùng giảm. Trong khi đó, dưới tác động quota thì : giá giảm, nhập khẩu không đổi, sản xuất giảm, tiêu dùng giảm.

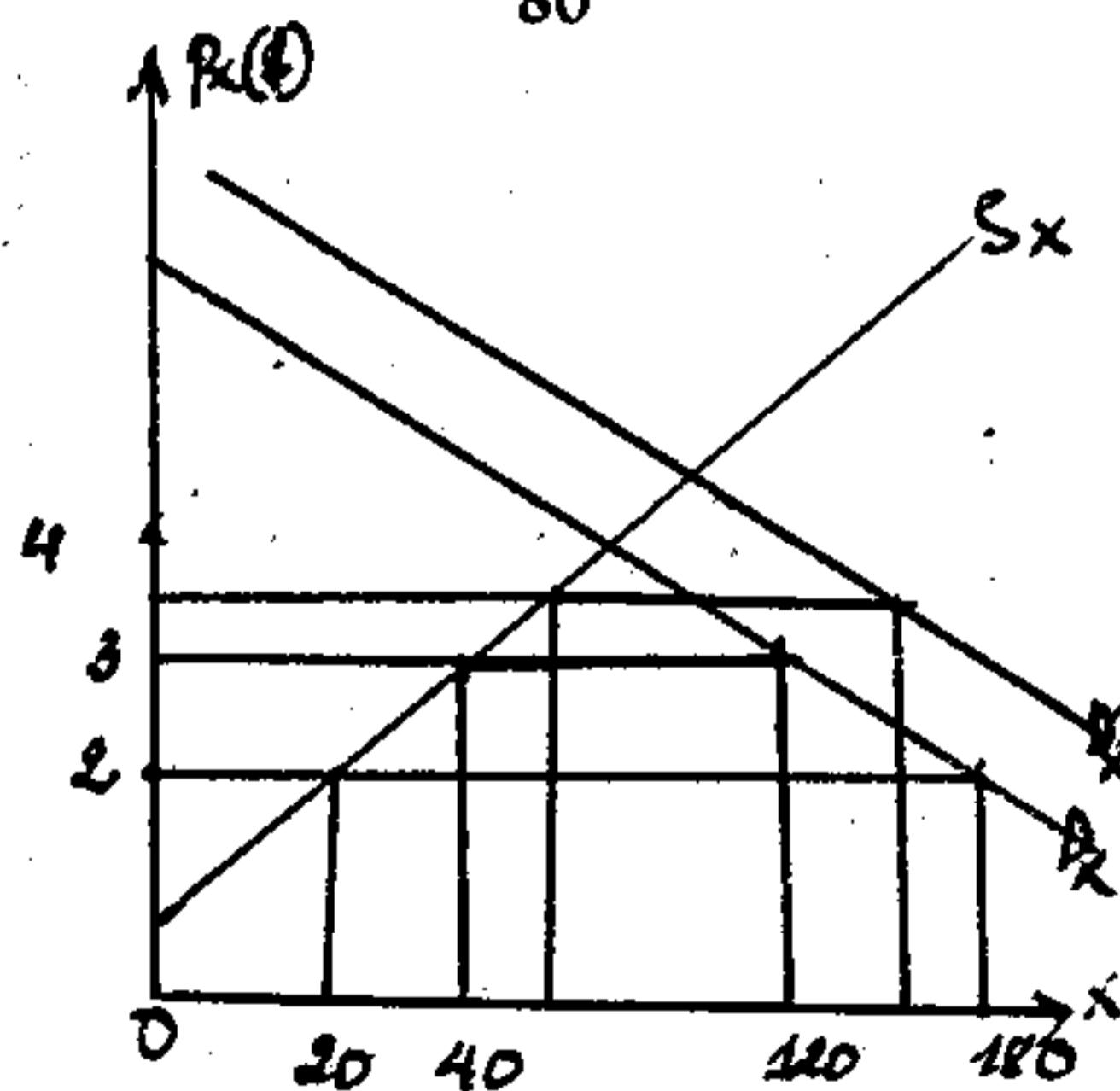
Bài 6 :

Khi chưa có mậu dịch xảy ra

- Giá cả cân bằng

$$Q_{DX} = Q_{SX} \rightarrow 300 - 60P_X = -20 + 20P_X$$

$$320 = 80P_X \rightarrow P_X = \frac{320}{80} = 4(USD)$$



- Sản lượng cân bằng

$$Q_{DX} = Q_{SX} = 60X$$

a. Khi có mậu dịch tự do

$$P_X = \$2, TD = 180X$$

$$S_X = 20X, NK = 160X$$

b. Nếu chính phủ ấn định 1 quota = 80X

Giải ra ta có $P_X = \$3$, tức là tương đương

Với 1 thuế quan 50%, lúc đó : $TD = 120X, SX = 40X$

$$NK = 80X$$

- Số dư người sản xuất tăng lên = a = \$30
- Số dư người tiêu dùng giảm = a + b + c + d
 $= \$30 + \$10 + \$80 + \$20 = \$130$
- Nếu chính phủ bán giấy phép cho các nhà nhập khẩu với mức giá \$1/l đơn vị sản phẩm X thì ngân sách chính phủ tăng lên = c = \$80.
- Nếu chính phủ bán đấu giá cho các nhà nhập khẩu thì một phần c sẽ được phân phối cho các nhà nhập khẩu.
- Nếu chính phủ phân phối (cấp phát) hạn ngạch cho các nhà nhập khẩu thì phần c sẽ hoàn toàn thuộc về nhà nhập khẩu.

c. Khi cầu tăng, đường cầu tịnh tiến $D_X \rightarrow D'_X$.

Dưới tác động của thuế quan, giá trong nước không thay đổi, tiêu dùng tăng và tăng nhiều hơn, sản xuất trong nước không đổi

và nhập khẩu tăng. Còn dưới tác động của quota, giá trong nước tăng, tiêu dùng tăng nhưng tăng ít hơn và sản xuất trong nước tăng, còn nhập khẩu không thay đổi.

Bài 7 :

- a. - S_1, S_{10} : Thặng dư nhà sản xuất
 - $S_1 \rightarrow S_{10}$: Thiệt hại của người tiêu dùng
 - S_4 : Thuế nhập khẩu
 - S_8 : Thu nhập của nhà nhập khẩu được cấp quota
- b. - Thuế nhập khẩu : 1008
- $P_2 = 55$
 - Thu nhập của nhà nhập khẩu : 882

Bài 8 :

- a. Giá cân bằng : $p_0 = 2$
 - Lượng cân bằng : $q_0 = 60$
 - Tỷ lệ bảo hộ thực sự : 100%
- b. Nhà sản xuất : 22,5
- Người tiêu dùng : - 37,5
 - Nhà nước : 10

a. **Lco Lương quota** : 30 : 30

d. **Tđ Thặng dư nhà sản xuất tăng**

- 81,875 (do hạn ngạch)

- 10,625 (do thuế)

- 22,522,5 (do thuế và hạn ngạch)

Bài Bài 9: Từ

$$Q_{Dx} = Q_{Dx}^* \Leftrightarrow 150 - P_x$$

$$Q_{Sx} = Q_{Sx}^* \Leftrightarrow P_x + 10$$

Khi thị trường cân bằng trong trạng thái tự cung tự cấp ta có:

$$P_x = 70 \text{ USD}$$

$$Q_x^* = 80 \text{ triệu sản phẩm}$$

a. Khi Việt Nam tiến hành thương mại tự do và Việt Nam sẽ xuất khẩu sản phẩm X vì giá thấp hơn giá của thế giới ($70 < 100$)

$$Q_{Dx} = 150 - 100 = 50$$

$$Q_{Sx} = 100 + 10 = 110$$

Xuất khẩu $110 - 50 = 60$ triệu sản phẩm X

Kim ngạch xuất khẩu : $60 \times 100 = 6.000$ triệu USD

Thị trường sản phẩm X tại Việt Nam biến động như sau :

- Quy mô sản xuất tăng: $110 - 80 = 30$ triệu sản phẩm/năm
- Quy mô tiêu dùng giảm: $50 - 80 = -30$ triệu sản phẩm/năm

Với trợ cấp 30% của chính phủ thì giá trợ cấp sẽ là

$$P_{XK} + \text{Trợ cấp} = 100 + 70 \times 0,3 = 121 \text{ USD/USD}$$

$$Q_{DX} = 150 - 121 = 29$$

$$Q_{SX} = 121 + 10 = 131$$

Xuất khẩu: $131 - 29 = 102$ triệu sản phẩm/năm

Kim ngạch xuất khẩu: $102 \times 100 = 10.200$ triệu USD

c. Lợi ích của nhà sản xuất tăng: $\frac{(131 + 110)21}{2} - \frac{21}{2} = +2530,5$ triệu USD

USD

d. Trợ cấp của chính phủ: $102 \times 21 = 2.142$ triệu USD

e. Thiệt hại của người tiêu dùng: $\frac{(50 + 29)21}{2} - \frac{21}{2} = 829,5$ triệu USD

f. Thiệt hại của quốc gia

$$2.530,5 - (2.142 + 829,5) = -441 \text{ triệu USD}$$

Bài Hỏi: 19:

Khi chưa có mậu dịch

- Giá cả cân bằng

$$Q_{DX} = Q_{SX} \rightarrow 120 - P_X = P_X - 40$$

$$2P_X = 160 \rightarrow P_X = 80 \text{ USD}$$

- Sản lượng cân bằng :

$$Q_{DX} = Q_{SX} = 40X$$

a. Khi có mậu dịch tự do

$$\text{Với } P_X = \$100 \rightarrow TD = 20X$$

$$SX = 60X \rightarrow XK = 40X$$

b. Khi chính phủ tiến hành trợ cấp

\$20/1 đơn vị sản phẩm X

$$\text{Xuất khẩu} \rightarrow P_X = \$110 \rightarrow SX = 70X,$$

$$TD = 10X, XK = 60X$$

⇒ - Số dư người tiêu dùng giảm = a + b = \$100 + \$50 = \$150

- Số dư người sản xuất tăng = a + b + c = \$100 + \$50 + \$500 = \$650

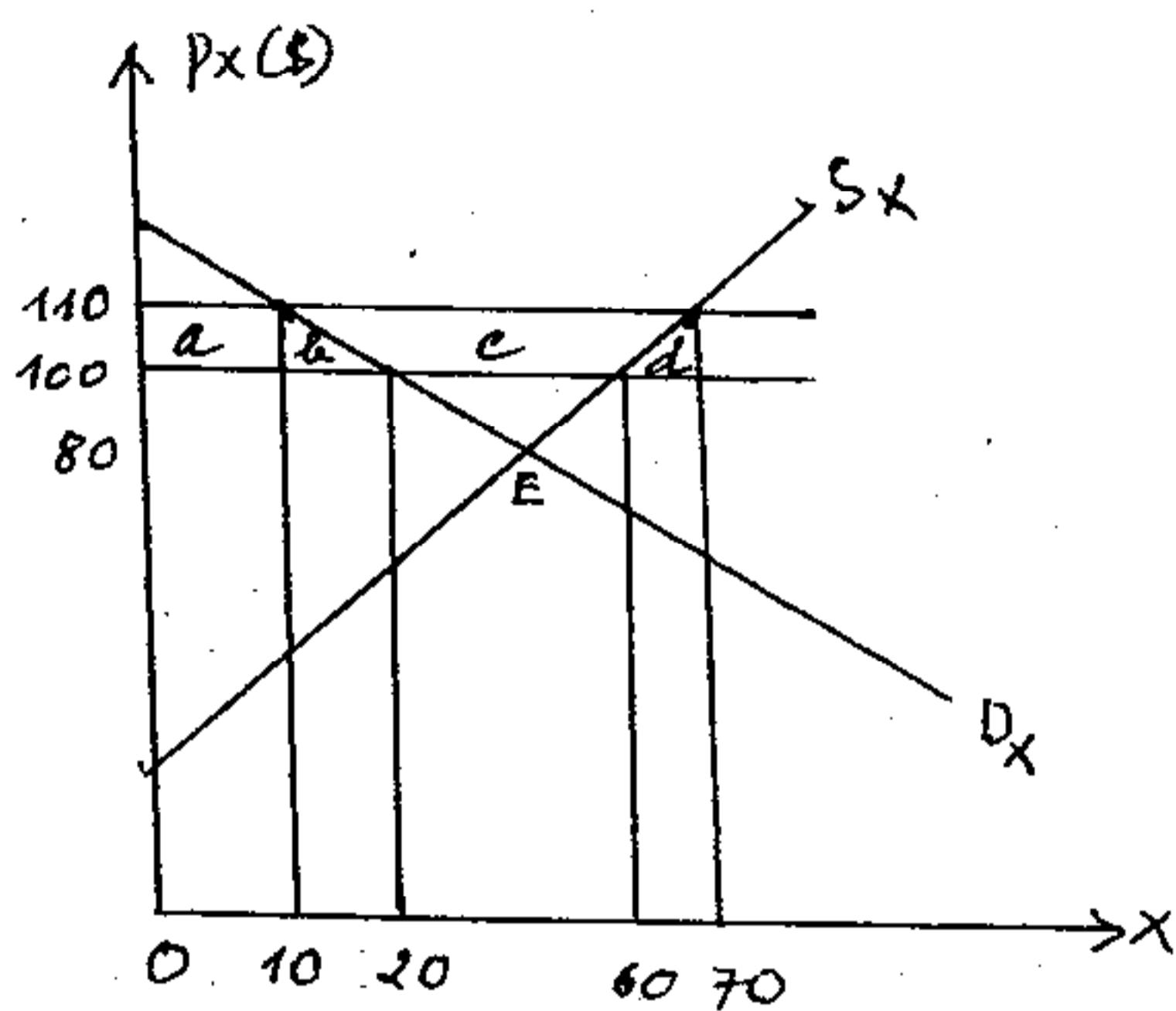
- Chính phủ tốn 1 khoảng trợ cấp = b + c + d =

$$$50 + $500 + $50 = $600$$

⇒ Thiệt hại ròng = b + d = \$50 + \$50 = \$100

c. Tỷ lệ trợ cấp xuất khẩu là 12,5%

d. Xét ở bình diện thế giới, người tiêu dùng nước ngoài là người có lợi nhuận nhất khi chính phủ tiến hành một trợ cấp như vậy, vì trước hết là nhà nhập khẩu ngoại quốc có lợi vì họ mua được nhiều sản phẩm hơn với giá không thay đổi, và sau nữa là người tiêu dùng nước họ có lợi (giả sử trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi)



Bài 11 :

Khi chưa có mậu dịch xảy ra

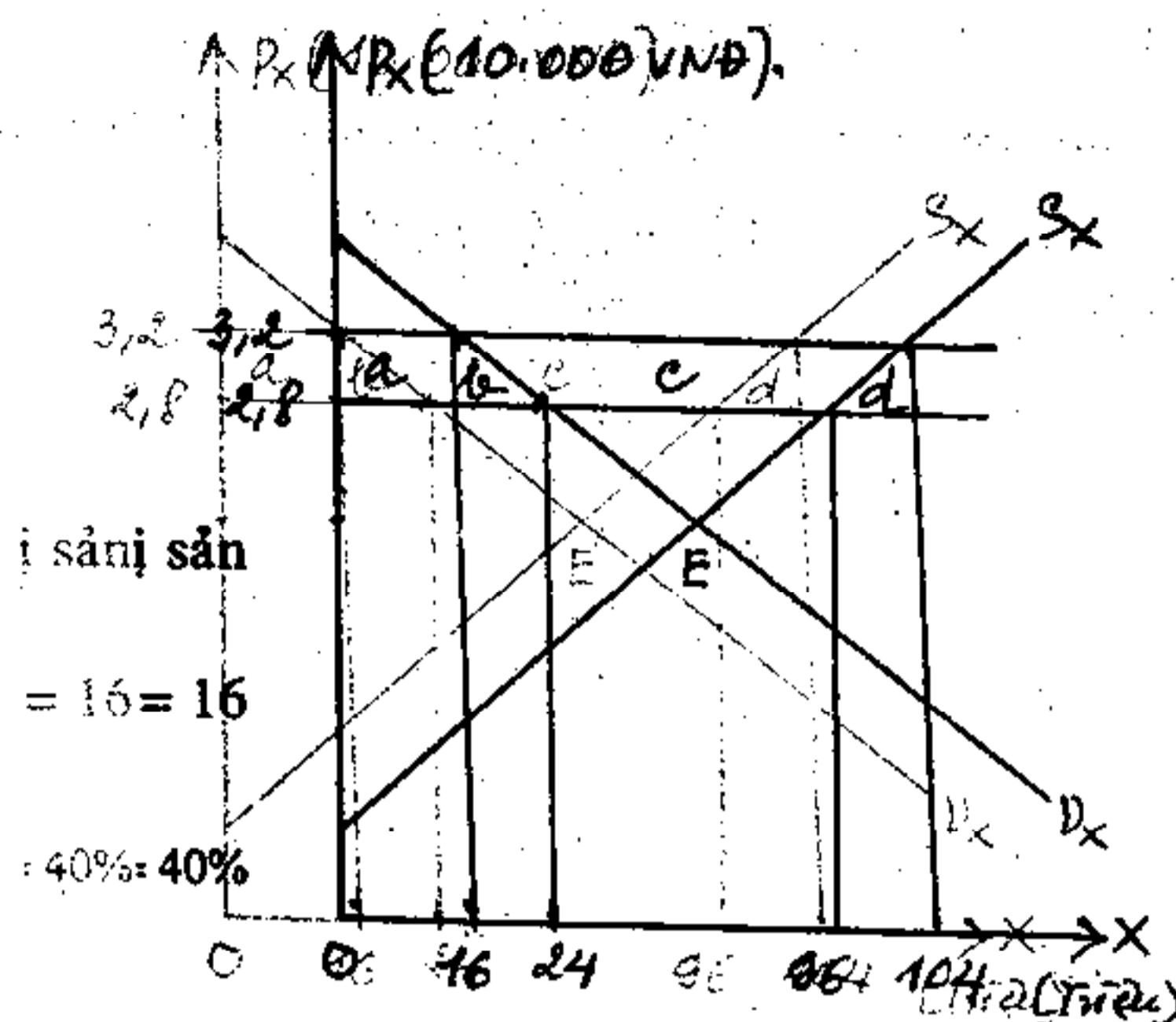
- Giá cả cân bằng :

$$Q_{DX} = Q_{SX} \rightarrow 80 - 20P_X = 40 + 20P_X$$

$$40 = 40P_X \rightarrow P_X = \$1$$

- Sản Sản lượng cung cầu bằng :

$$Q_{DX} = Q_{Dx} = Q_{Sx} = 60X$$



a. Khi Khincó mảng dịch tự do

Với $P_{DX} = P_{Sx} = \$2$, tức là 28.000 đồng, ta có

$SX = SX = 96$ triệu X; $TD = 124$ triệu X

XK $XK = 72$ triệu X

b. Nếu chính phủ trợ cấp 4000 đ/tu đơn vị sản phẩm X xuất khẩu, ta có :

$P_{DX} = P_{Sx} = 32.000đ$; $SX = 104$ triệu X; $TD = 16$ triệu X; $XK = 88$ triệu X

Tỷ lệ trợ cấp xuất khẩu $= \frac{4000}{10.000} \times 100 = 40\%$

Phân tích cung cầu cụ thể :

Số người tiêu dùng giảm $= a + b = 64 + 16$

$= 80$ (tỷ đồng)

- Số đường người sản xuất tăng = $a + b + c = 64 + 316 + 1320/82$
 $= 400$ (tỷ đồng) \rightarrow
 - Chính phủ phải tốn số khoản ngân sách là $b + c + d \rightarrow$
 $= 16 + 1320/82 = 1352$ (tỷ đồng)
- \Rightarrow Thiệt hại ròng $= b + d = 16 + 16 = 32$ (tỷ đồng)

Người sản xuất là người có lợi nhuận nhất trong trường hợp này nếu đứng ở bình diện quốc gia.

Bài H2i:12 :

Tỷ lệ trợ cấp xuất khẩu $b = 25\%$

Chính phủ chỉ trợ cấp xuất khẩu $b = 375/375$

Lương ngoại tệ tăng thêm $b = 990/990$

Bài H3i:13 :

a. Khi chưa có mậu dịch

Giá Cả cân bằng: $P_x = \$4 = \4

Sản lượng cân bằng là $Q_{Dx} = Q_{Sx} = 40X40X$

b. Khi có mậu dịch tự do: với $R_x = \$2 \rightarrow$ giá sản phẩm X trên thị trường thế giới

$= \$6 \rightarrow 6TD = 120X2\$X = 50X50X = 30X30X$

c. Nếu Chính phủ trợ cấp $\$1/1\$$ cho đơn vị sản phẩm X xuất khẩu $\rightarrow P_x = P\$7 = \7

- Số dư người tiêu dùng giảm = \$15
 - Số dư người sản xuất tăng = \$52,5
 - Chính phủ tổn 1 khoản trợ cấp = \$50
- ⇒ Thiệt hại ròng = \$12,5

Bài 14 :

a. $q_o = 4$

$$q_o = 120$$

b. $q_D = 100$

$$q_S = 180$$

$$q_{XK} = 80$$

c. Nhà sản xuất : 210

Người tiêu dùng : - 90

Nhà nước : - 160

Quốc gia : - 40

Bài 15 :

a. Đường cầu nhập khẩu nội địa

$$\begin{aligned} Q_{D_{XK}} &= Q_D - Q_S = 100 - 20P_X - 20P_X - 20 \\ &= 80 - 40P_X \end{aligned}$$

Đường cung xuất khẩu nước ngoài

$$Q_{S_{NK}} = Q_s^* - Q_D^* = 40 + 20P_X - 80 + 20P_X \\ = -40 + 40P_X$$

b. Mậu dịch tự do

$$Q_{D_{NK}} = Q_{S_{NK}}$$

$$80 - 40P_X = -40 + 40P_X$$

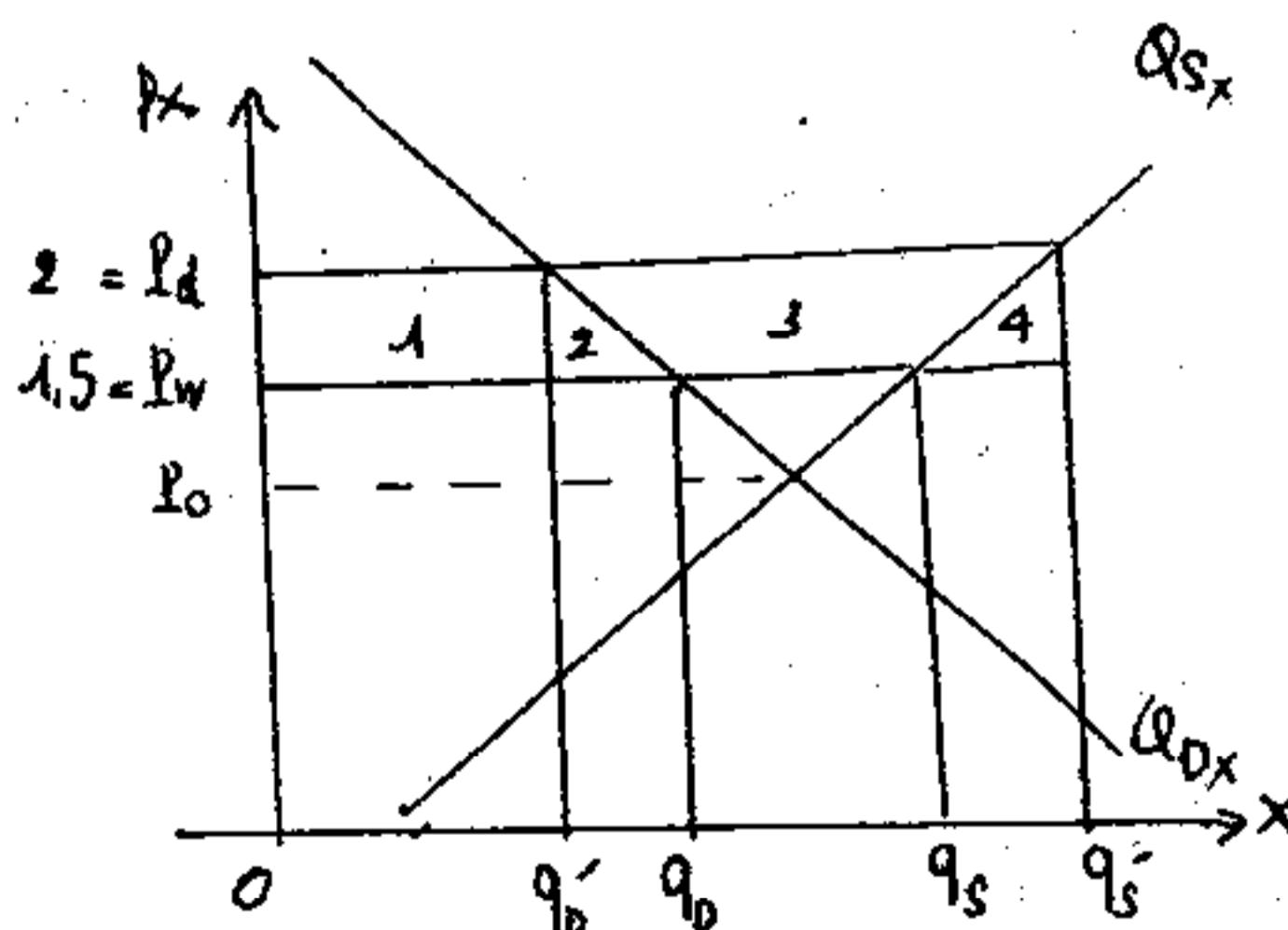
$$P_X = \frac{120}{80} = 1,5 = P_W$$

Khối lượng mậu dịch

$$Q = 80 - 40P_W = 80 - 40 \times 1,5 = 20$$

c.

$$S_1 = 40 \times 0,5 = 20$$



$$S_2 = \frac{1}{2} \times 0,5 \times 10 = 2,5$$

$$S_3 = \frac{40 + 20}{2} \times 0,5 = 15$$

$$S_4 = 2,5$$

- Người tiêu dùng : -22,5

- Nhà sản xuất : 37,5

- Nhà nước : -20

- Quốc gia : -5

Bài 16 :

a. Cho $Q_s = Q_d = Q$ và giải phương trình

Ta được: $Q_s = Q_d = Q = 100$; $P = 10$ USD

b. $Q_s = (30-5)/0,05 = 500$

$$Q_d = (100 - 30)/0,9 = 77,8$$

Khối lượng xuất khẩu = $500 - 77,8 = 422,2$.

c. $P' = 30 - 5 = 25$

$$Q'_s = (25-5)/0,05 = 400$$

$$Q'_d = (100 - 25)/0,9 = 83,3$$

Khối lượng xuất khẩu = $400 - 83,3 = 316,7$

d. Thu thuế bổ sung ngân sách = $5 \times 316,7 = 1583,5$ USD

Thặng dư tiêu dùng tăng = $5 \times 77,8 + 5 \times (83,3 - 77,8)/2 = 402,75$ USD

Thặng dư sản xuất mất đi = $5 \times 400 - 5 \times (500 - 400)/2 = 2250$ USD

Tổn thất ròng = $2250 - 1583,5 - 402,75 = 263,75$ USD

CHƯƠNG VI LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

LIÊN HIỆP QUAN THUẾ

Bài 1 :

Nếu quốc gia I đánh thuế quan không phân biệt 100% trên sản phẩm A, ta có

$$(P_X)_{QGI} = 14; \quad (P_X)_{QGII} = 20; \quad (P_X)_{QGIII} = 12$$

Trong trường hợp này, quốc gia I sẽ nhập khẩu sản phẩm A từ quốc gia III vì có chi phí thấp nhất.

Nếu bây giờ quốc gia I liên kết với quốc gia II trong một liên hiệp quan thuế. Liên hiệp quan thuế đó gọi là liên hiệp quan thuế chuyển hướng mậu dịch vì nó đã chuyển sản xuất từ 1 quốc gia không là thành viên có chi phí thấp hơn (đó là quốc gia III) sang 1 nước là thành viên có chi phí cao hơn (đó là quốc gia II)

Bài 2 :

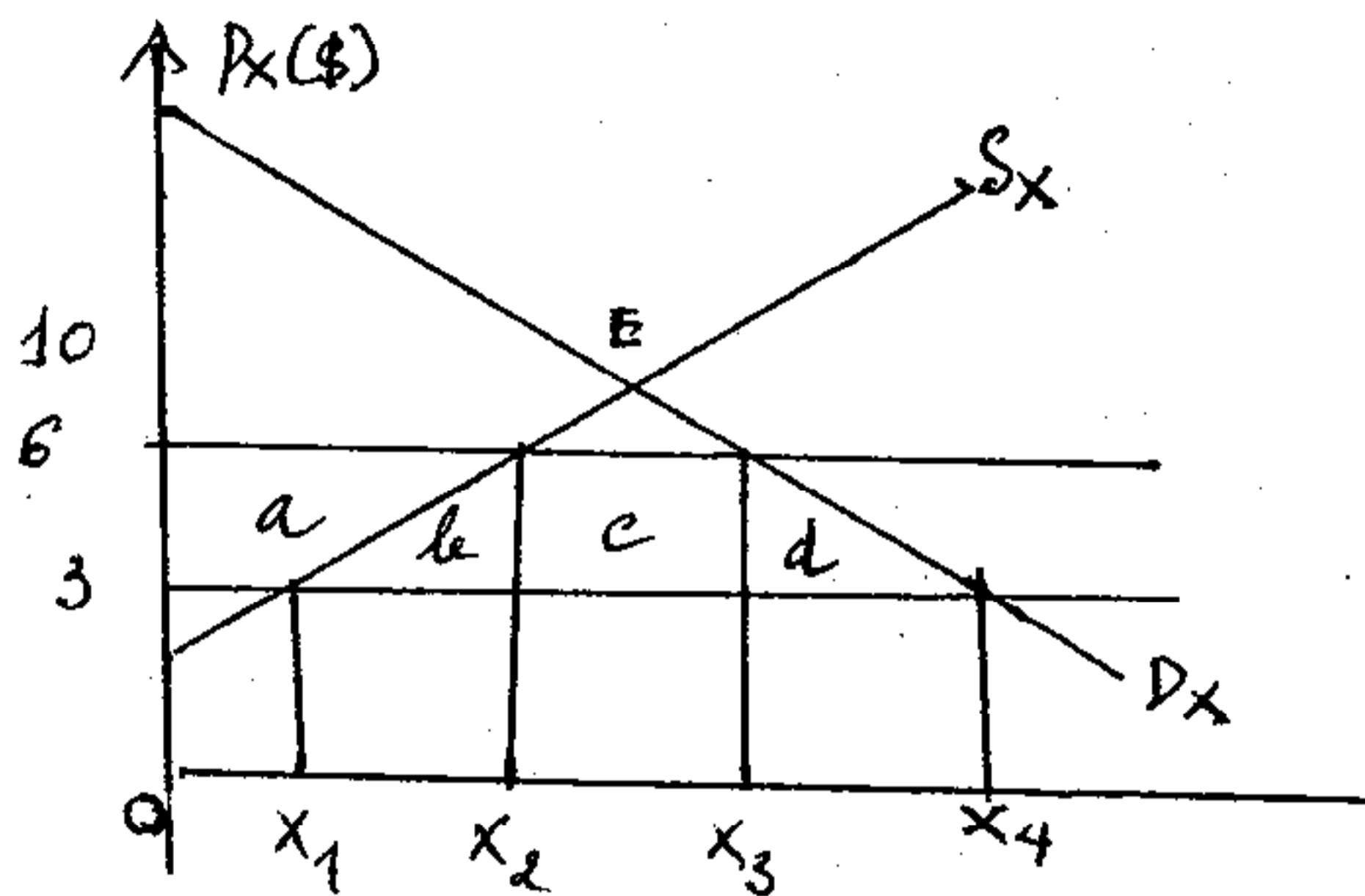
a. Quốc gia II sẽ tự sản xuất trong nước.

b. Giá sản phẩm X ở quốc gia II sẽ là 8 USD. Liên hiệp quan thuế đó gọi là liên hiệp quan thuế tạo lập mậu dịch vì đã chuyển sản xuất từ một thành viên có chi phí cao hơn (quốc gia II) sang một nước thành viên khác có chi phí thấp hơn (quốc gia I).

Bài 3 :

- a. Nếu mậu dịch là tự do thì giá cả sản phẩm X ở quốc gia A sẽ là 3 USD. (lấy giá thấp nhất vì quốc gia này là 1 nước nhỏ).
- b. Thuế quan bằng 100% đánh lên sản phẩm X từ quốc gia B và quốc gia C, giá cả sản phẩm X ở quốc gia A sẽ là 6 USD
- c.

- Số dư người tiêu dùng giảm = $a + b + c + d$



$$a = \frac{(x_1 + x_2)x3}{2};$$

$$b = \frac{(x_2 - x_1)x3}{2};$$

$$c = (x_3 - x_2) \times 3;$$

$$d = \frac{(x_4 - x_3)x3}{2};$$

- Số dư người sản xuất tăng lên = $a = \frac{(x_1 + x_2)x3}{2}$

- Ngân sách chính phủ tăng lên = $c = (x_3 - x_2)x_3$
- Thiệt hại ròng = $b + d = \frac{(x_1 + x_2)x_3}{2} + (x_4 - x_3)\frac{3}{2}$
 $= \frac{3}{2}(x_2 - x_1 + x_4 - x_3)$

d. Nếu quốc gia A xây dựng 1 liên hiệp quan thuế với quốc gia C. Liên hiệp quan thuế đó là liên hiệp quan thuế chuyển hướng mậu dịch vì nó đã chuyển sản xuất từ một nước không là thành viên có chi phí thấp hơn (đó là quốc gia B) sang 1 nước khác là thành viên có chi phí cao hơn (đó là quốc gia C)

Bài 4 :

- a. Quốc gia A nhập khẩu sản phẩm X từ quốc gia C
- b. Quốc gia A nhập khẩu sản phẩm X từ quốc gia B
- c. Chuyển hướng mậu dịch

Bài 5 :

- a. Quốc gia I sẽ nhập khẩu sản phẩm X từ quốc gia II

$$q_D = 80$$

$$q_S = 40$$

$$q_{NK} = 40$$

b.

- Tạo lập mậu dịch

- Lợi ích : 45

Bài 6 :

a. Chuyển hướng mậu dịch

b. Lợi ích : 0

c. Chuyển hướng mậu dịch sẽ thay đổi thành tạo lập mậu dịch

Bài 7 :

a. Khi thương mại tự do :

- Quốc gia C có giá thấp nhất nên chắc chắn xuất khẩu.
Quốc gia C là người cung (Sc) sản phẩm X
- Quốc gia A có giá cao nhất nên chắc chắn nhập khẩu.
Quốc gia A là người cầu (D_A) sản phẩm X
- Quốc gia B sẽ tham gia thương mại phụ thuộc vào quan hệ cung của quốc gia C và cầu của quốc gia A.

b. Quốc gia B sẽ xuất khẩu khi D_A > Sc và lúc này giá của sản phẩm X trên thị trường thế giới là 10 USD

- Quốc gia B sẽ nhập khẩu khi D_A < Sc và lúc này giá sản phẩm X trên thị trường thế giới là 6 USD

- c. Nếu quốc gia A sử dụng thuế nhập khẩu với tỷ lệ là 100% khi đó $P_B + T = 10 + 10 = 20$, $P_C + T = 6 + 6 = 12$ do vậy quốc gia A sẽ nhập khẩu từ quốc gia C.
- d. Quốc gia A thành lập liên hiệp thuế quan với quốc gia B : liên hiệp thuế quan chuyển hướng mậu dịch (vì giá của quốc gia B cao hơn so với quốc gia C).
 - Quốc gia A thành lập liên hiệp thuế quan với quốc gia C:liên hiệp thuế quan tạo lập mậu dịch (vì giá của quốc gia C nhỏ hơn quốc gia B).

Bài 8 :

- a. Pháp và Đức
- b. Bồ Đào Nha
- c. Đức có thể nhập 1 phần hoặc tất cả rượu từ Ý mức độ nhập khẩu do chuyển hướng mậu dịch quyết định. Không có khả năng mậu dịch bị chuyển hướng trong trường hợp này
- d. Cả Ý và Đức nhập rượu từ Bồ Đào Nha. Đây là hình thức tạo lập mậu dịch.
- e. Pháp ngưng nhập khẩu rượu từ Bồ Đào Nha (chuyển hướng mậu dịch). Ý và Đức chuyển việc mua rượu từ Bồ Đào Nha sang Pháp (chuyển hướng mậu dịch)

Bài 9 :

a. $P_X = \$2 \times (1 + 1,00) = \4

$$Q_s = 100x4 - 50 = 350$$

$$Q_d = 1500 - 100x4 = 1100$$

Nhập khẩu = $1100 - 350 = 750$ (từ phần còn lại của thế giới)

Doanh thu thuế = $\$2 \times 750 = \1500

b. $P' = \$3$

$$Q'_s = 250 \quad Q'_d = 1200$$

Nhập khẩu = $1200 - 250 = 950$ (từ Hoa Kỳ)

Doanh thu thuế = 0

c. Chuyển hướng mậu dịch

$$d. [(350 - 250) + (1200 - 1100)] \times 1/2 - (1100 - 350) \times 1 = -\$700$$

(phúc lợi Canada giảm)

Bài 10 :

a. $P = \$3 ; \quad Q_s = 25x3 - 25 = 50$

$$Q_d = 125 - 3x5 = 110$$

Nhập khẩu = $110 - 50 = 60$

b. $P' = \$5 ; \quad Q_s = 100 ; \quad Q_d = 100$

Nhập khẩu = 0

c. $P'' = \$4 ; \quad Q'_s = 75 ; \quad Q'_d = 105$

Nhập khẩu = $105 - 75 = 30$

Doanh thu thuế = 0

d. Tạo lập mậu dịch

e. $(105 - 75) \times 1/2 = \15 : phúc lợi Anh cải thiện

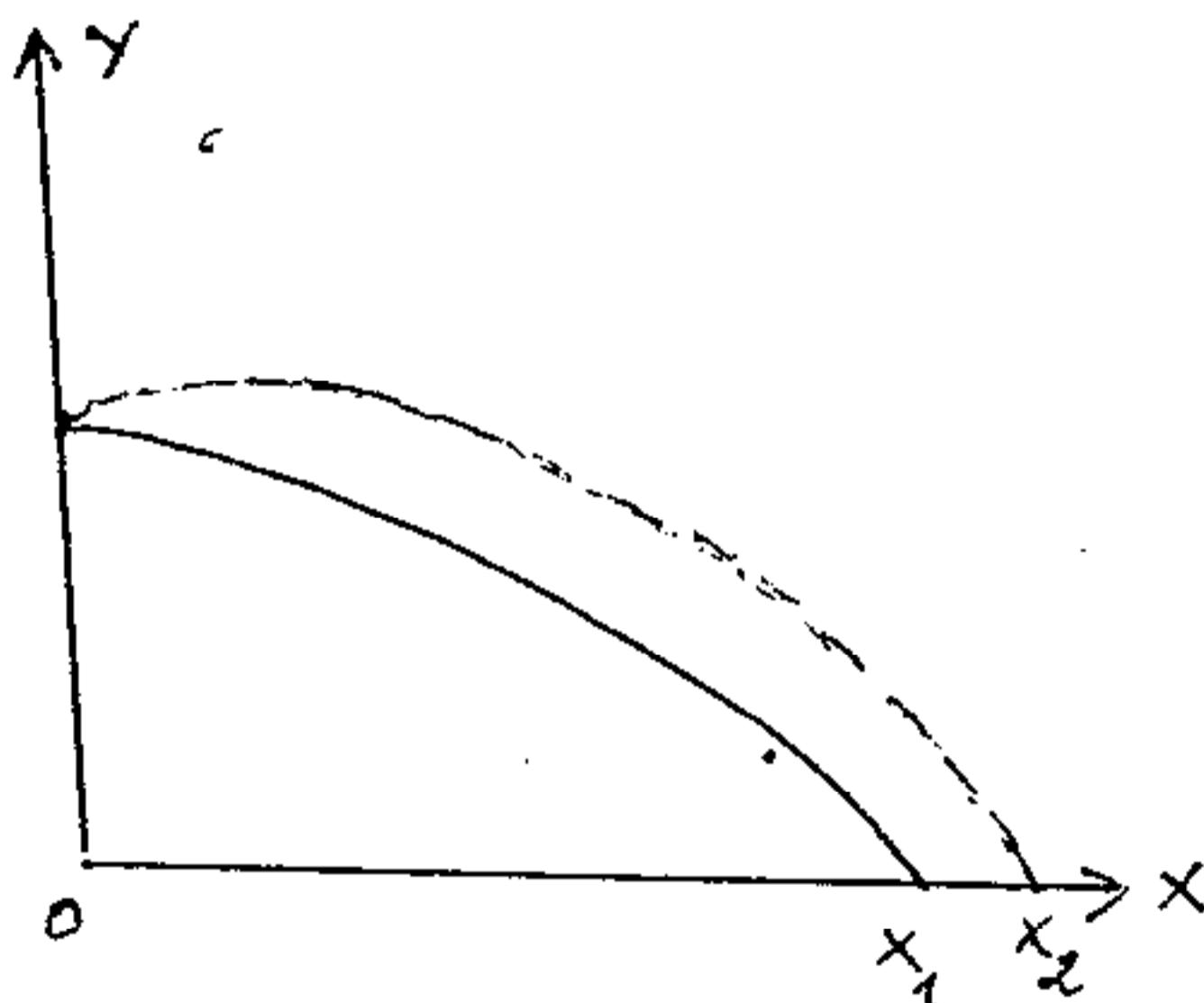
CHƯƠNG VII

MẬU DỊCH QUỐC TẾ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Bài 1 : X : sản phẩm truyền thống

Y : sản phẩm công nghiệp

Khi có sự gia tăng kỹ thuật đối với sản phẩm truyền thống, làm cho năng suất của tư bản và lao động đều tăng, đường giới hạn khả năng sản xuất của quốc gia sẽ tăng lên theo hướng sản phẩm X(tùy vào tỷ lệ tăng tiến bộ kỹ thuật), còn sản phẩm Y vẫn giữ nguyên.



Bài 2 :

a. Tỷ lệ mậu dịch hàng hóa năm 1995 sẽ là :

$$N = \frac{105}{110} \times 100 \approx 95,45\%$$

$$b. I = \frac{105}{110} \times 120 \approx 114,54\%$$

c. $S = \frac{105}{110} \times 130 \approx 124,09\%$

d. Mặc dù tỷ lệ hàng hóa của quốc gia trong năm 1995 có bị suy giảm, nhưng tỷ lệ mậu dịch theo thu nhập và theo yếu tố đơn vẫn tăng lên, chứng tỏ quốc gia vẫn ở trong tình trạng “tốt” hơn.

Bài 3 :

Những quan điểm cho rằng mậu dịch quốc tế có thể làm chậm đi sự phát triển của 1 quốc gia, phổ biến ở các nước đang phát triển vì tỷ lệ mậu dịch suy giảm, xuất khẩu không ổn định, nhiều ngành công nghiệp còn non trẻ, xu hướng toàn cầu hóa dẫn đến phân hóa các nước giàu nghèo.....

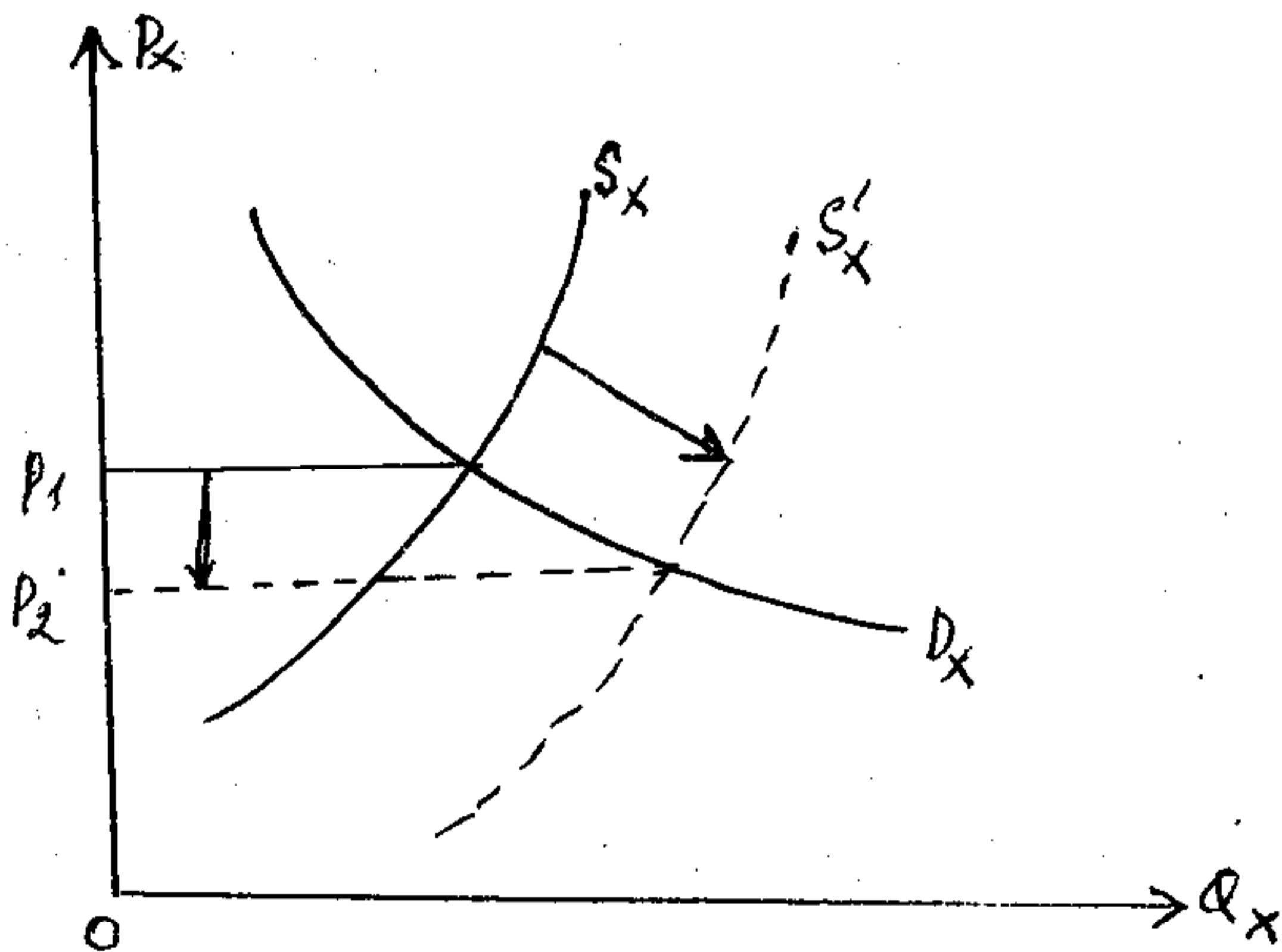
Tuy nhiên, nếu nhìn ở góc độ tổng thể cả về mặt lý thuyết và thực tiễn thì quan điểm trên là sai lầm, vì :

- Trước hết về mặt lý thuyết, không có quốc gia nào bị thiệt hại do mậu dịch tự do và bất cứ một sự can thiệp nào vào mậu dịch tự do suy cho cùng đều không có lợi.
- Còn về mặt thực tiễn, kết quả phát triển kinh tế của nhiều nước đang phát triển cho thấy nếu không nhờ có mở cửa mạnh ra bên ngoài, thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu thì họ không có được vị trí như ngày hôm nay (đặc biệt là các nước NICs và một số nước ASEAN). Hơn nữa cơ cấu hàng xuất khẩu của các nước đang phát triển cũng

sẽ thay đổi dần theo hướng gia tăng các mặt hàng chế tạo, giảm dần việc xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp chưa qua chế biến và các nguyên liệu thô.

Bài 4 :

Biểu đồ này phản ánh cung về sản phẩm truyền thống ở các nước đang phát triển bao gồm sản phẩm nông nghiệp và các nguyên liệu thô. Cả cung và cầu các loại sản phẩm này đều thuộc loại kém co dãn. Một sự gia tăng cung (hoặc suy giảm cầu) làm giá giảm mạnh. Thí dụ, trong trường hợp này cung về sản phẩm X tăng ($S_X \rightarrow S'_X$) dẫn đến giá giảm mạnh ($P_1 \rightarrow P_2$)



Bài 5 :

Sắt là một nguyên liệu thô, một khi khoa học kỹ thuật phát triển mạnh, sẽ có nhiều nguyên liệu thay thế sắt, do đó một nước chuyên môn hóa vào mặt hàng này tất sẽ gặp khó khăn.

Bài 6 :

Các nước đang phát triển rất thành công nếu xuất khẩu hàng dệt, quần áo may sẵn và giày da bởi vì đây là những mặt hàng thâm dụng lao động mà lao động là yếu tố dư thừa tương đối của các nước đang phát triển (theo lý thuyết H-O)

Bài 7 :

- a. Câu nói này là sai bởi vì viện trợ không phải là tất cả mà các nước đang phát triển cần vì các nước đang phát triển rất cần nhiều thứ, nào là giảm nợ, xóa nợ cho các nước đang phát triển, nào là tăng đầu tư vào các nước đang phát triển, không áp đặt nhân quyền vào mậu dịch, ăn chia phân phối lại 200 – 300 tỷ USD mà vòng đàm phán Uruguay mang lại, ... tức là thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới (NIEO), ở đó có lợi nhiều hơn cho các nước đang phát triển.
- b. Câu nói này là sai vì đây không phải là “khó khăn” đối với các nước phát triển vì lợi thế của các nước này là những mặt hàng thâm dụng tư bản, thâm dụng chất xám còn những mặt hàng thâm dụng lao động dựa vào giá nhân công rẻ là lợi thế

của các nước đang phát triển. Vì vậy, đây không phải những mặt hàng mà các nước phát triển phải “cạnh tranh”, chẳng qua đây là một cách nguy hiểm của các nước phát triển để đánh vào hàng hóa của các nước đang phát triển (xem thêm “lý lẽ chống lại lao động rẻ mạt ở nước ngoài” – giáo trình kinh tế quốc tế – chương V, phần “Khía cạnh kinh tế chính trị của chủ nghĩa bảo hộ”)

- c. Câu này là đúng vì trên thực tế đã có một số nước đang phát triển xuất khẩu cả các sản phẩm kỹ thuật cao như NICs, một số nước ASEAN...
- d. Câu này sai vì xuất khẩu những sản phẩm nông nghiệp và các nguyên liệu thô không thể thu lợi lớn nhất vì giá rất thấp, lại không ổn định, cầu kém co dãn theo giá, theo thu nhập ...
- e. Câu này đúng vì các nước đang phát triển rất cần mở cửa để thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu, đặc biệt cần thị trường các nước phát triển để tiêu thụ những sản phẩm mà mình có lợi thế như sản phẩm nông nghiệp, nguyên liệu thô, những sản phẩm chế tạo sử dụng nhiều lao động... Do đó việc bảo hộ mậu dịch của các nước phát triển là có hại cho các nước đang phát triển.
- f. Câu nói này vừa đúng lại vừa sai trong từng trường hợp cụ thể. Chẳng hạn ở mức độ cần tiêu thụ những sản phẩm đã bảo hộ ở các nước phát triển (hàng Đèmốt, tồn kho, chất lượng không tốt lắm...) thì buôn bán giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển có lợi hơn. Nhưng ở mức độ tăng

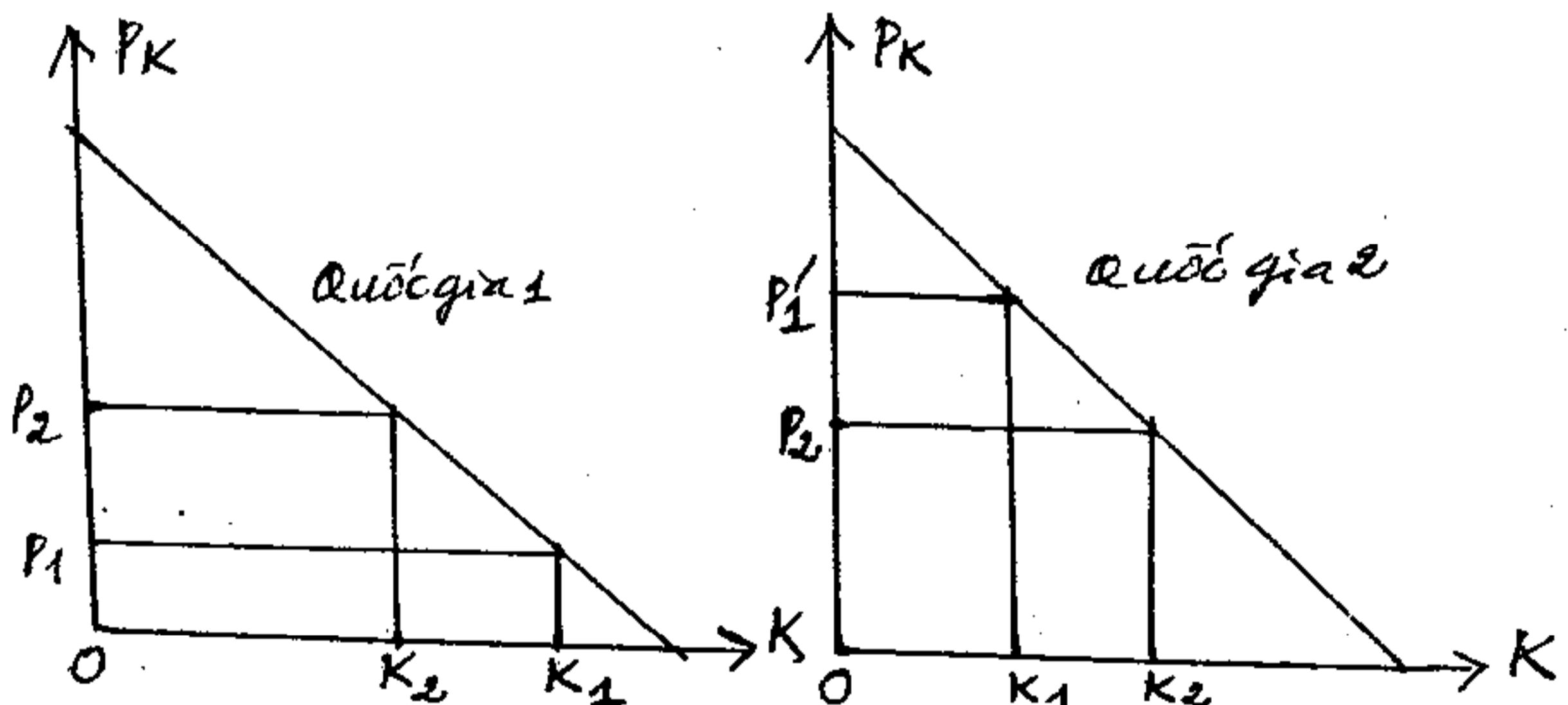
cường tính cạnh tranh thì buôn bán giữa các nước phát triển với nhau có lợi hơn vì những sản phẩm này mang tính thay thế nhau hơn là bổ sung cho nhau.

CHƯƠNG VIII

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

Bài 1 :

Thị trường tư bản của hai quốc gia được biểu thị như biểu đồ bên. Khi chưa có sự di chuyển tư bản, quốc gia I là quốc gia dư thừa tư bản, giá cả tư bản ở quốc gia này là rẻ hơn (P_1). Trong khi đó quốc gia II là quốc gia khan hiếm về tư bản nên giá cả tư bản ở quốc gia này mắc hơn (P_1').



Sau khi mậu dịch xảy ra, tức là có sự di chuyển tư bản từ quốc gia I sang quốc gia II, giá cả tư bản cân bằng giữa hai quốc gia đã đạt tới mức P_2 , lượng tư bản ở quốc gia I giảm từ $K_1 \rightarrow K_2$, trong khi đó lượng tư bản của quốc gia II lại tăng từ $K_1' \rightarrow K_2$ và cả hai quốc gia đều thu lợi, thể hiện ở các tam giác.

Bài 2 :

Theo số liệu của bộ kế hoạch và đầu tư thì tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký đến năm 2000 đạt 2.398 triệu USD, tăng hơn 200 triệu USD so với năm 1999. Tính đến 20 tháng 9 năm 2001 đã có 336 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký gần 1.941 triệu USD, tăng 41,8% về số dự án và tăng 218% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước.

Các dự án được cấp giấy phép trong 9 tháng vừa qua tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp với 263 dự án và 1.594,6 triệu USD, chiếm 78,3% về số dự án và 82,2% về số vốn đăng ký, phân theo địa phương thì chủ yếu là vùng đông nam bộ : thành phố Hồ Chí Minh : 125 dự án với số vốn đăng ký 485,8 triệu USD ; Bình Dương 78 dự án với 13,3 triệu USD ; Đồng Nai 27 dự án với 129 triệu USD ; Bà Rịa – Vũng Tàu 4 dự án với 834,8 triệu USD ; thành phố Hà Nội 27 dự án với 146,2 triệu USD...

Số dự án và số vốn đăng ký đã được cấp giấy phép trong 9 tháng đầu năm 2001

	Số dự án	Số vốn đăng ký (triệu USD)	Số vốn đăng ký bình quân 1 dự án (triệu USD)
Tổng số	336	1941,0	5;8
Công nghiệp	263	1594,6	6,1
Nông–Lâm nghiệp	10	9,2	0,9
Các ngành khác	63	337,2	5,4

Nguồn Bộ kế hoạch và đầu tư (MPI)

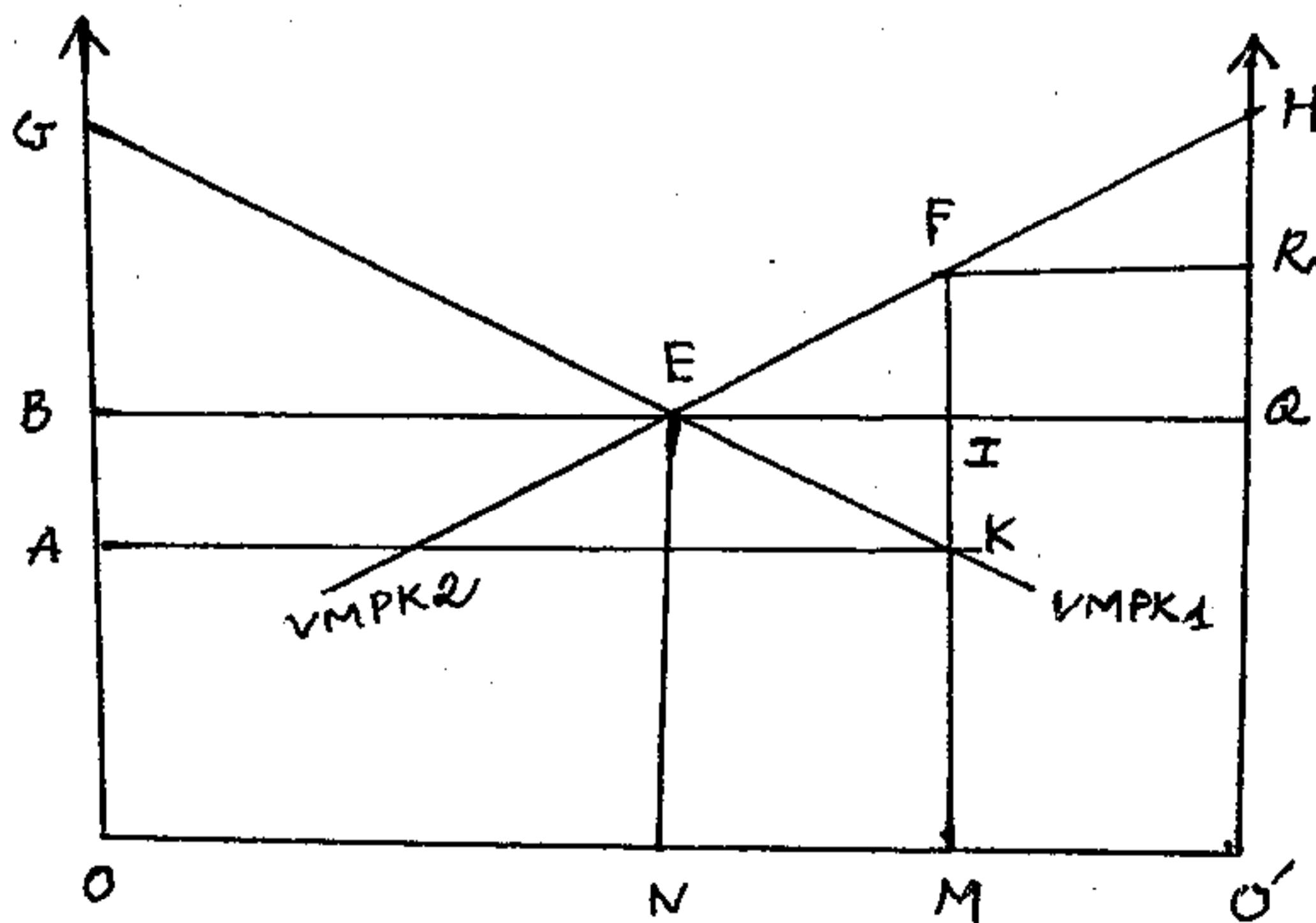
Chú ý : sinh viên sē cập nhật những số liệu mới nhất tùy thời điểm nghiên cứu.

Bài 3 :

Tất cả phụ thuộc vào giá cả tư bản ở 2 quốc gia trước và sau có sự di chuyển tư bản

- a. Nếu giá cả tư bản ở quốc gia I tăng lên đúng bằng mức giá cả tư bản ở quốc gia II giảm xuống thì lúc đó lợi ích của 2 quốc gia là bằng nhau ($\Delta KEI = \Delta IEF$)

Khi giá cả tư bản ở quốc gia II giảm đi ít hơn giá cả tư bản ở quốc gia I tăng lên thì lúc đó lợi ích của quốc gia I lớn hơn lợi ích của quốc gia II ($\Delta KEI > \Delta IEF$)



- c. Khi giá cả tư bản ở quốc gia II giảm đi nhiều hơn giá cả tư bản tăng lên ở quốc gia I thì lợi ích của quốc gia II lớn hơn ($\Delta \text{IEF} > \Delta \text{KEI}$)
- d. Nguyên tắc chung rút ra ở đây là sự chênh lệch về giá cả tư bản sau và trước khi có sự di chuyển tư bản giữa 2 quốc gia quyết định lợi ích của mỗi quốc gia.

Bài 4 :

- a. Theo biểu đồ trên ta thấy, ở các nước tư bản phát triển, trong trường hợp này là quốc gia I, sau khi có sự di chuyển tư bản ra nước ngoài, phần thu nhập của người lao động bị giảm đi (so sánh ΔAKG với ΔBEG) do đó tổ chức công đoàn là người bảo vệ quyền lợi cho người lao động thường xuyên đấu tranh đòi chính phủ hạn chế đầu tư ra nước ngoài
- b. Trái lại, người lao động ở các nước đang phát triển lại thích chính phủ tiếp nhận vốn đầu tư từ nước ngoài vì theo biểu đồ trên, thu nhập của người lao động ở nước tiếp nhận vốn đầu tư (trong trường hợp này là quốc gia II) lại tăng lên sau khi có sự di chuyển tư bản từ quốc gia I sang (so sánh ΔRFH với ΔQEH)

Bài 5 :

Mười công ty đa quốc gia có doanh thu cao nhất thế giới năm 2000 là :

Doanh nghiệp	Nước	Ngành kinh doanh	Doanh thu (tỷ USD)
1. General Motors	Mỹ	Ôtô	164
2. Daimler Chrysler	Đức	Ôtô	155
3. Ford Motors	Mỹ	Ôtô	144
4. Walt Mart Stocks	Mỹ	Bán lẻ	139
5. Mitsui	Nhật	Thương mại	109
6. Itochu	Nhật	Thương mại	108
7. Mitsubishi	Nhật	Thương mại	107
8. Exxon	Mỹ	Dầu khí	101
9. General Electric	Mỹ	Điện tử	100
10. Toyota	Nhật	Ôtô	99

(Theo báo “đầu tư” 06/01/2000)

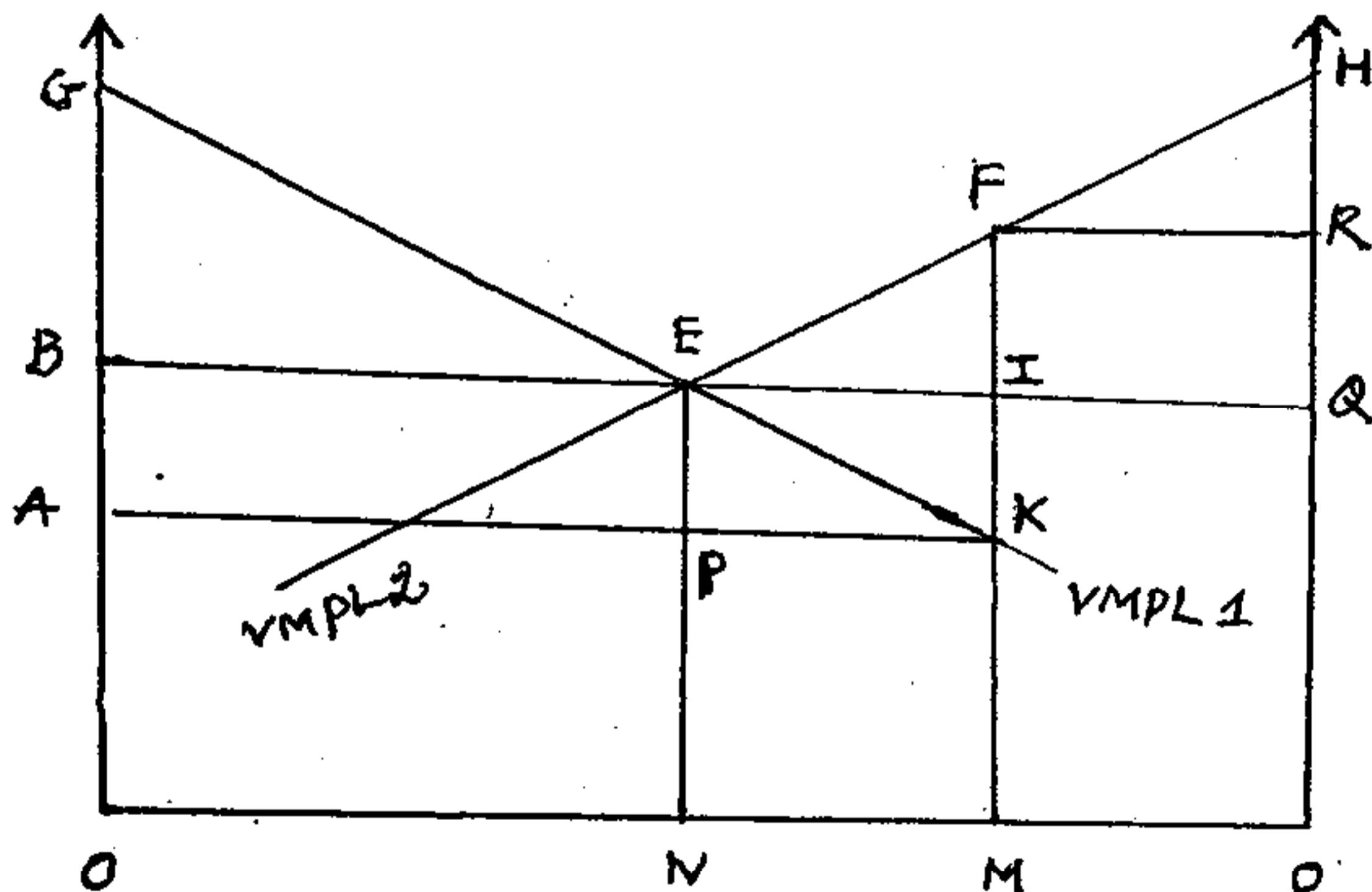
(Các chỉ tiêu khác, sinh viên cập nhật thêm)

Bài 6 :

Sau khi có sự di chuyển lao động từ quốc gia I sang quốc gia II, giá cả lao động ở quốc gia II giảm từ O'R về O'Q. Do vậy thu nhập của người lao động bị giảm đi (từ tứ giác ORFM xuống còn OQIM). Chính điều này đã giải thích tại sao, ở các nước tư bản phát triển,

người lao động lại phản đối việc chính phủ cho phép nhập cư.

Không hẳn mọi lợi ích từ việc di cư chỉ tập trung vào nước tiếp nhận người di cư đến vì người di cư sẽ gửi 1 phần thu nhập của họ về nước, giúp đỡ thân nhân của mình, đồng thời nước có người di cư có thể thu được 1 khoản thuế đánh vào những loại lao động có chuyên môn cao khi họ rời đất nước để bù đắp được những chi phí thiệt hại do đào tạo trước đây.

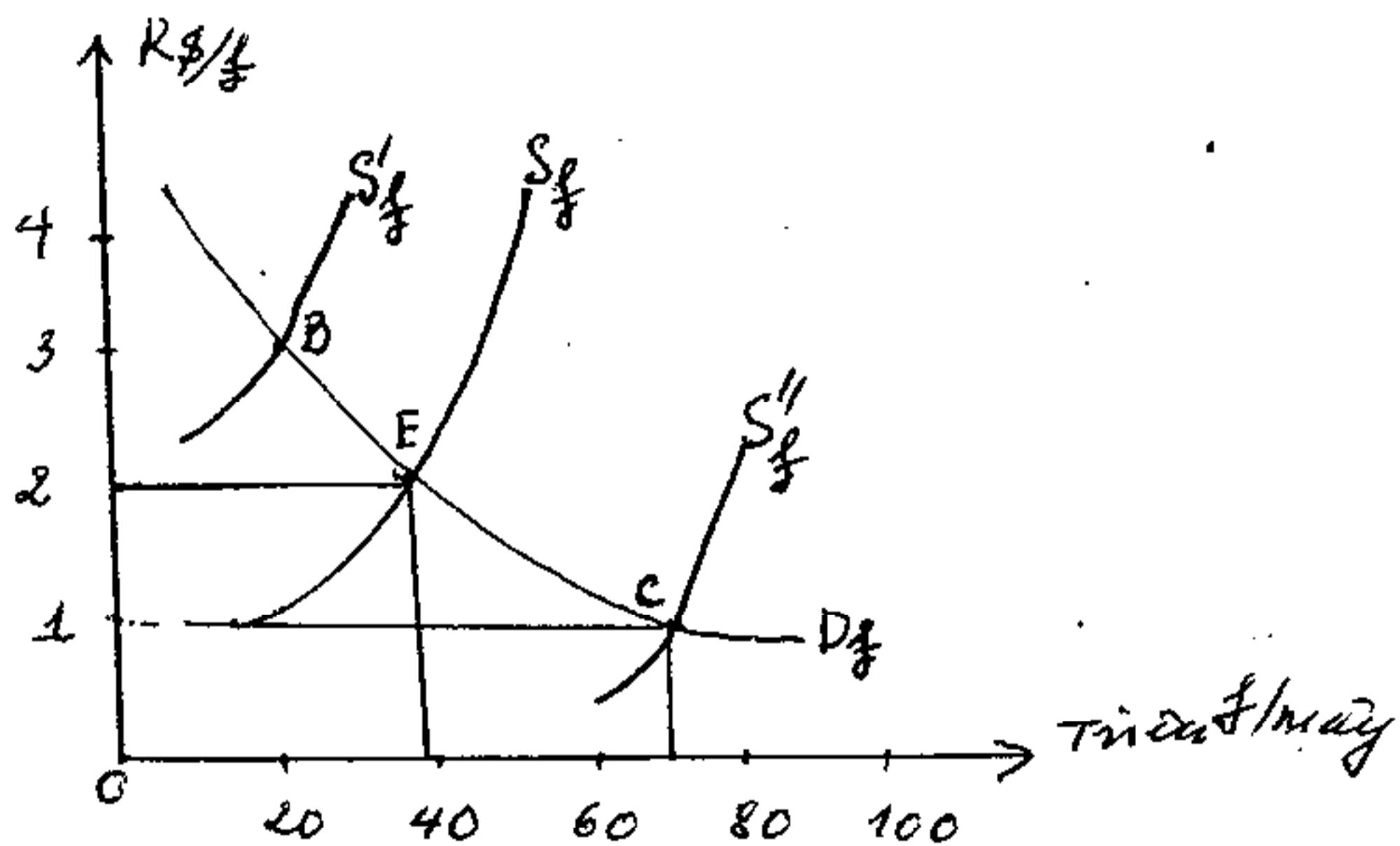


CHƯƠNG IX

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Bài 1 :

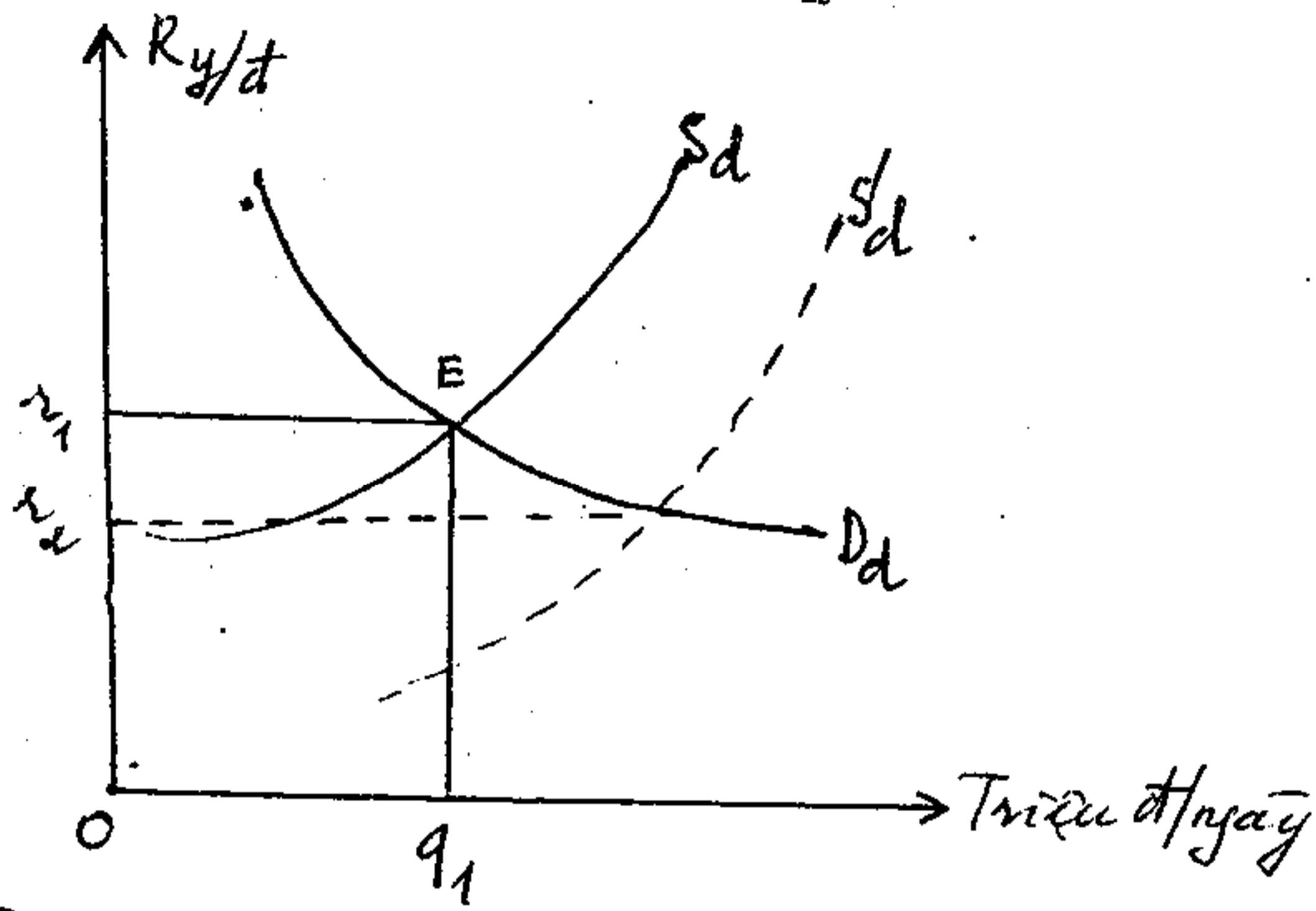
- a. Tại điểm B, tỷ giá hối đoái cân bằng là $R_{\$/£} = 3$ và số lượng ngoại tệ giao dịch trong một ngày là 20 triệu £
- b. Tại điểm C, tỷ giá hối đoái cân bằng là $R_{\$/£} = 1$ và số lượng ngoại tệ giao dịch là £70 triệu/ ngày
- c. Nếu quốc gia muốn giữ 1 tỷ giá hối đoái cố định $R_{\$/£} = 1$ thì số lượng đồng bảng Anh dự trữ ở ngân hàng Trung ương sẽ bị mất đi £30 triệu mỗi ngày.



Bài 2 :

Nếu người Việt Nam thích mua nhiều hàng hóa của Nhật, tức là cung ngoại tệ sẽ tăng lên $S_d \rightarrow S'_d$ dẫn đến tỷ giá hối đoái giảm và giá trị đồng nội tệ (là đồng Yên Nhật) sẽ tăng, còn giá trị đồng ngoại tệ (đồng Việt Nam) sẽ giảm từ $r_1 \rightarrow r_2$.

Tức là thay vì $r_1y = 1$ đ thì chỉ còn $r_2y = 1$ đ



Bài 3 :

- Tại thị trường LONDON đổi £1.000 ra đồng Yên Nhật ta có :

$$\text{£}1.000 \times 210 = \text{y}210.000$$

- Tại thị trường TOKYO đổi Yên ra đôla ta có :

$$\frac{\text{y}210.000}{100} = \$2100$$

- Tại thị trường NEW YORK đổi đồng đôla Mỹ ra đồng bảng Anh ta có :

$$\frac{\$2100}{2} = \text{£}1050$$

- ⇒ Lợi nhuận mà nhà buôn bán chứng khoán thu được là :

$$\text{£}1050 - \text{£}1000 = \text{£}50$$

(chú ý : giả thiết các khoản chi phí khác bằng 0)

Bài 4 :

Lợi nhuận mà nhà buôn bán chứng khoán thu được là 50.000 FRF (thị trường Paris đổi đồng FRF ra USD, tại thị trường NEW YORK đổi USD ra JPY và tại thị trường TOKYO đổi JPY ra FRF)

Bài 5 :

Để có lợi nhuận các bước mua, bán ngoại tệ được tiến hành như sau :

Bước 1 : Tại thị trường New York: bán \$1.000.000, mua £500.000

Bước 2 : Tại thị trường LonDon: bán £500.000, mua ¥125.000.000

Bước 3 : Tại thị trường TOKYO: bán ¥125.000.000, mua \$1.041.666,67

Lợi nhuận thu được $1.041.666,67 - 1.000.000 = \$41.666,67$

Bài 6 :

Sau 1 năm đồng ngoại tệ lên giá 160%

$$\left(FP_{(t)} = \frac{140 - 100}{100} \times 4 \times 100 = 160\% \right)$$

Bài 7 :

- a. Nhà nhập khẩu Mỹ mua hàng hóa của Anh trị giá £10.000 sẽ lời \$400
- b. Nhà xuất khẩu Anh bán hàng hóa cho Mỹ trị giá \$1 triệu sẽ lỗ £10.000

Bài 8 :

$$1 \text{ CHF} = 4 \text{ FRF}$$

CHƯƠNG X

CÁN CÂN THANH TOÁN

Bài 1 :

Một quốc gia có thặng dư trong tài khoản vãng lai chưa hẳn là họ đang ở trạng thái phồn thịnh bởi vì có thể họ đang thâm hụt ở một tài khoản khác (như tài khoản vốn chặng hạn) trong cán cân thanh toán vì mục tiêu cân bằng trong dài hạn đòi hỏi phải cân bằng trong từng tài khoản của cán cân thanh toán.

Bài 2 :

- Một quốc gia thâm hụt trong cán cân thanh toán có nghĩa là cung tiền tệ của quốc gia đó giảm vì các cá nhân sẽ rút tiền khỏi lưu thông để đổi lấy ngoại tệ và mua hàng hóa, tài sản ở nước ngoài.
- Ngược lại, khi có một sự thặng dư trong cán cân thanh toán, lượng tiền lưu thông trong nước sẽ được bổ sung bằng lượng tiền từ nước ngoài đổ vào. Các nhà xuất khẩu sẽ chuyển thu nhập của họ từ ngoại tệ sang đồng nội tệ làm cho lượng cung tiền tệ sẽ tăng lên.

Bài 3 :

- Khi công dân Hàn Quốc nhập khẩu hàng hóa trị giá \$600 từ một công dân Ý và đồng ý trả trong 3 tháng có nghĩa là phải

chi trả cho người nước ngoài một lượng ngoại tệ nên được ghi là nợ (-) trong cán cân thanh toán của Hàn Quốc. Ngược lại, khoản này tương đương với việc tăng tài sản nước ngoài ở Hàn Quốc, do đó luồng tài sản đi vào Hàn Quốc được ghi là có (+).

Toàn bộ giao dịch này được ghi vào cán cân thanh toán của Hàn Quốc như sau :

	Có (+)	Nợ (-)
Nhập khẩu hàng hóa		\$600
Vốn ngắn hạn đi vào	\$600	

- b. Sau 3 tháng công dân Hàn Quốc trả tiền cho số hàng nhập khẩu của ông ta bằng một sự suy giảm trong tài khoản ngân hàng của mình ở Roma có nghĩa là luồng vốn đi ra khỏi Hàn Quốc và được ghi là nợ (-) trong cán cân thanh toán của Hàn Quốc. Đồng thời nó phản ánh sự tăng tài sản ngoại quốc ở Hàn Quốc và coi như luồng vốn ngắn hạn đi vào Hàn Quốc và được ghi là có (+) trong cán cân thanh toán của Hàn Quốc.

Toàn bộ giao dịch này được ghi vào cán cân thanh toán của Hàn Quốc như sau :

	Có (+)	Nợ (-)
Vốn ngắn hạn đi ra		\$600
Vốn ngắn hạn đi vào	\$600	

c. Như vậy hiệu quả ròng trong giao dịch quốc tế a và b ở cán cân thanh toán của Hàn Quốc trong năm đó là :

	Có (+)	Nợ (-)
Nhập khẩu		\$600
Vốn ngắn hạn đi vào	\$600	

Bài 4 :

a. Khi chính phủ Mỹ viện trợ cho một nước đang phát triển (through qua ngân hàng trung ương) \$2 triệu. Giao dịch này được ghi vào cán cân thanh toán của Mỹ như sau :

	Có (+)	Nợ (-)
Viện trợ		\$2 triệu
Luồng vốn ngắn hạn đi vào	\$2 triệu	

b. Nước đang phát triển đó dùng số tiền 2 triệu từ tài khoản ở ngân hàng để nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp của Mỹ có nghĩa là trong cán cân thanh toán của Mỹ sẽ được ghi là :

	Có (+)	Nợ (-)
Vốn ngắn hạn đi ra		\$2 triệu
Vốn ngắn hạn đi vào	\$2 triệu	

c. Hiệu quả ròng trong giao dịch quốc tế a và b ở cán cân thanh toán của Mỹ là:

	Có (+)	Nợ (-)
Viện trợ		\$2 triệu
Luồng vốn ngắn hạn đi vào	\$2 triệu	

Bài 5 :

- a. Khi nhà đầu tư Singapore mua hồi phiếu tại kho bạc Việt Nam trị giá \$2000 bằng việc suy giảm tài khoản của anh ta tại ngân hàng Việt Nam. Giao dịch này sẽ được ghi vào cán cân thanh toán của Việt Nam như sau :

	Có (+)	Nợ (-)
Vốn ngắn hạn đi vào		\$2000
Vốn ngắn hạn đi ra	\$2000	

- b. Đến kỳ hạn phải thanh toán (cũng trong năm đó) nhà đầu tư Singapore nhận được \$2.200 và gửi số tiền này vào tài khoản ngân hàng của anh ta ở Singapore, có nghĩa là tăng tài sản của người nước ngoài ở Việt Nam đồng thời giảm tài sản Việt Nam ở nước ngoài. Toàn bộ giao dịch này được ghi trong cán cân thanh toán của Việt Nam như sau :

	Có (+)	Nợ (-)
Vốn ngắn hạn đi vào		\$2.200
Vốn ngắn hạn đi ra	\$2.200	

c. Hiệu quả ròng trong giao dịch quốc tế a và b ở cán cân thanh toán của Việt Nam sẽ là :

	Có (+)	Nợ (-)
Vốn ngắn hạn đi vào	\$2.000	
Vốn ngắn hạn đi ra		\$2.200
Vốn ngắn hạn chênh lệch	\$200	

CHƯƠNG XI

HỆ THỐNG TÀI CHÍNH VÀ TIỀN TỆ THẾ GIỚI

Bài 1 :

1. “Các thành viên của EC thử nghiệm quay lại chế độ tỷ giá hối đoái cố định” là thuật ngữ biểu hiện cho “hệ thống tiền tệ châu Âu”
2. “Một nguyên tắc mà trong đó mỗi đồng đôla Úc trong chu kỳ hoạt động cần phải được hoàn trả bằng giá trị tương đương của vàng trong kho dự trữ của ngân hàng trung ương” đây chính là biểu hiệu của chế độ “bảo chứng bằng vàng 100%”
3. “Một chế độ mà trong đó tỷ giá hối đoái được thả nổi nhưng đôi khi vẫn có sự can thiệp của ngân hàng Trung ương trong ngắn hạn”. Đây chính là biểu hiện của “chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý”.

Bài 2 :

- a. Tỷ giá hối đoái giữa đồng đôla Mỹ và đồng bảng Anh là :

$$\frac{\$20,67}{£4,25} = 4,8 \text{ hay } R_{\$/£} = 4,8$$

- b. Nếu trong tay có \$103,35, bạn có thể mua được 5 ounce vàng ở Mỹ vì $\frac{\$103,35}{\$20,67} = 5 \text{ounce}$

c. Nếu tỷ giá hối đoái tăng lên tới 5, số vàng ở Anh có thể mua được là : 4,86 ounce vì $\frac{\$103,35}{\$21,25}$,

d. Với số vàng mua được ở Mỹ, bạn sẽ có 21,25 đồng bảng Anh nếu bạn gửi số vàng đó qua Anh vì 5 ounce x £4,25 / 1 ounce

Bài 3 :

- a. Xuất khẩu của quốc gia II sẽ giảm, cán cân thanh toán bị thâm hụt
- b. Tổng cầu, sản lượng và công ăn việc làm của quốc gia II bị giảm
- c. Tỷ giá hối đoái không thay đổi, dự trữ vàng giảm ở quốc gia II
- d. Cung tiền tệ giảm ở quốc gia II
- e. Tình hình sẽ ngược lại ở quốc gia I

Bài 4 :

- a. Tỷ giá hối đoái của quốc gia A sẽ tăng lên một cách tương đối so với quốc gia B
- b. Tính cạnh tranh của quốc gia A sẽ giảm
- c. Tỷ lệ lạm phát ở quốc gia B sẽ tăng lên

Bài 5 :

Quốc gia sẽ phải trả 25% (tức là \$25 triệu) giá trị hạn ngạch bằng vàng và phần còn lại 75% (tức là \$75 triệu) được trả bằng đồng bản tệ của quốc gia.

Trong năm đầu, quốc gia có thể vay 25%, tức \$25 triệu từ IMF bằng bất cứ một đồng tiền có thể chuyển đổi nào mà không cần phải điều kiện gì.

Trong những năm tiếp theo, quốc gia có thể vay cao nhất là 25% giá trị hạn ngạch nhưng với lãi suất cao hơn và không vượt quá 200% hạn ngạch của quốc gia.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1 :

Những vấn đề nào sau đây là nội dung nghiên cứu của môn học kinh tế quốc tế :

- a. Những học thuyết về thương mại quốc tế
- b. Chính sách ngoại thương và những công cụ bảo hộ mậu dịch
- c. Tài chính quốc tế
- d. Cả 3 nội dung trên

Câu 2 :

Trong nghiên cứu Kinh tế quốc tế, chúng ta sử dụng những kiến thức của :

- a. Chỉ có kinh tế vi mô
- b. Chỉ có kinh tế vĩ mô
- c. Cả kinh tế vi mô và vĩ mô
- d. Không phải cả kinh tế vi mô và vĩ mô

Câu 3 :

Điều nào sau đây không phải là đặc trưng cơ bản của thương mại quốc tế :

- a. Các chủ thể tham gia trong thương mại quốc tế có quốc tịch khác nhau.

- b. Đồng tiền sử dụng trong thương mại quốc tế là ngoại tệ đối với một trong hai bên hoặc đối với cả hai bên tham gia.
- c. Các chủ thể tham gia trong thương mại quốc tế phải có chế độ chính trị phù hợp nhau.
- d. Đối tượng mua bán thường được di chuyển ra khỏi biên giới một quốc gia.

Câu 4 :

Mậu dịch quốc tế là một xu hướng tất yếu đối với các quốc gia trên thế giới vì :

- a. Mậu dịch quốc tế mang lại lợi ích như nhau cho tất cả các quốc gia tham gia
- b. Giúp sử dụng tối ưu nguồn tài nguyên thế giới nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu người tiêu dùng
- c. Mậu dịch quốc tế quyết định chế độ chính trị của các quốc gia tham gia
- d. Không phải là các lý do nêu trên

Câu 5 :

Vấn đề nào sau đây là mục tiêu theo quan điểm của các nhà kinh tế thuộc thuyết trọng thương

- a. Mậu dịch tự do
- b. Tích lũy nhiều vàng
- c. Hạn chế sự gia tăng dân số
- d. Khuyến khích nhập khẩu.

Câu 6 :

Điều nào sau đây không phải là quan điểm của thuyết trọng thương

- a. Xuất siêu là con đường mang lại sự phồn thịnh cho quốc gia
- b. Một quốc gia giàu có là có nhiều quý kim và nhân công
- c. Ủng hộ nền thương mại tự do
- d. Mậu dịch quốc tế là trò chơi có tổng số bằng không

Câu 7 :

Mậu dịch quốc tế theo quan điểm của lý thuyết lợi thế tuyệt đối mang đến lợi ích:

- a. Chỉ cho quốc gia xuất khẩu
- b. Chỉ cho quốc gia nhập khẩu
- c. Cho cả hai quốc gia tham gia mậu dịch

d. Cả ba trường hợp trên đều có thể xảy ra

Câu 8 :

Lợi thế tuyệt đối là lợi thế trong sản xuất khi:

- a. Chi phí sản xuất thấp hơn
- b. Xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu
- c. Nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu
- d. Nguồn lực được triệt để sử dụng

Câu 9 :

Quy luật lợi thế so sánh của David Ricardo được xây dựng trên cơ sở:

- a. Chi phí cơ hội bất biến
- b. Học thuyết giá trị của lao động
- c. Sự khác nhau về cung các yếu tố sản xuất
- d. Cả a và b

Câu 10 :

Theo học thuyết lợi thế so sánh, một quốc gia thu được lợi ích từ thương mại, quốc gia đó

- a. Cần có ít nhất một thứ hàng hóa có chi phí sản xuất thấp hơn các quốc gia khác
- b. Không nhất thiết phải có hàng hóa có chi phí sản xuất thấp hơn các quốc gia khác
- c. Có xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu
- d. Có thu nhập quốc dân lớn hơn

Câu 11 :

Lợi thế so sánh là lợi thế thể hiện ở hàng hóa có:

- a. Chi phí sản xuất lớn hơn
- b. Tỷ lệ chi phí sản xuất lớn hơn
- c. Chi phí sản xuất nhỏ hơn
- d. Tỷ lệ chi phí sản xuất nhỏ hơn

Câu 12 :

Khi hai quốc gia không có lợi thế so sánh thì mậu dịch giữa hai quốc gia

- a. Không xảy ra vì một trong hai quốc gia đó không muốn trao đổi
- b. Có thể xảy ra vì sở thích, thị hiếu của họ khác nhau

- c. Không xảy ra vì không có chênh lệch giá
- d. Có xảy ra vì có chênh lệch giá

Câu 13 :

Hàng hóa của một quốc gia có chi phí sản xuất nhỏ nhất là hàng hóa

- a. Không có lợi thế so sánh và không có lợi thế tuyệt đối
- b. Có lợi thế so sánh nhưng không có lợi thế tuyệt đối
- c. Có lợi thế tuyệt đối và có lợi thế so sánh
- d. Có lợi thế tuyệt đối và có thể có lợi thế so sánh

Câu 14 :

Khi có thương mại quốc tế trong điều kiện chi phí cơ hội không đổi, quá trình sản suất sẽ diễn ra theo hướng :

- a. Chuyên môn hóa hoàn toàn
- b. Sản xuất tối đa sản phẩm có lợi thế
- c. Sản xuất cả hai loại sản phẩm
- d. Câu a. và câu b. đều đúng

Câu 15 :

Khi có thương mại quốc tế, quá trình chuyên môn hóa sẽ diễn ra theo hướng:

- a. Không hoàn toàn với chi phí cơ hội cố định, hoàn toàn với chi phí cơ hội tăng

- b. Hoàn toàn với chi phí cơ hội cố định, không hoàn toàn với chi phí cơ hội tăng
- c. Không hoàn toàn với cả chi phí cơ hội cố định và chi phí cơ hội tăng
- d. Hoàn toàn với cả chi phí cơ hội cố định và chi phí cơ hội tăng

Câu 16:

Chi phí cơ hội một mặt hàng là :

- a. Số lượng mặt hàng khác cần phải hy sinh để có đủ tài nguyên tiêu dùng thêm 1 đơn vị mặt hàng này
- b. Số lượng mặt hàng khác cần phải hy sinh để có đủ tài nguyên sản xuất thêm 1 đơn vị mặt hàng này
- c. Là chi phí nhỏ nhất trong sản xuất sản phẩm
- d. Là chi phí trung bình trong sản xuất sản phẩm

Câu 17:

Giả sử thế giới chỉ có 2 quốc gia, quá trình mậu dịch quốc tế sẽ đạt trạng thái cân bằng khi :

- a. Mức tiêu dùng bằng khả năng sản xuất ở tại mỗi quốc gia
- b. Lợi ích có từ trao đổi bằng lợi ích có từ chuyên môn hóa
- c. Giá cả sản phẩm so sánh cân bằng ở 2 quốc gia bằng nhau

- d. Cả a. và c. đều đúng

Câu 18 :

Quá trình chuyên môn hóa tăng dần cho đến khi đạt trạng thái cân bằng mậu dịch quốc tế sẽ làm cho :

- a. Giá cả so sánh cân bằng của sản phẩm có lợi thế tại mỗi quốc gia tăng dần
- b. Giá cả so sánh cân bằng của sản phẩm có lợi thế tại mỗi quốc gia giảm dần
- c. Giá cả so sánh cân bằng của sản phẩm không có lợi thế tại mỗi quốc gia tăng dần
- d. Giá cả so sánh cân bằng của sản phẩm có và không có lợi thế đều giảm

Câu 19 :

Giá cả sản phẩm so sánh cân bằng ở 2 quốc gia khác nhau là do khác nhau về :

- a. Các yếu tố sản xuất
- b. Sở thích, thị hiếu người tiêu dùng
- c. Kỹ thuật, công nghệ
- d. Cả 3 câu a., b.,c., đều đúng

Câu 20 :

Lợi ích của một quốc gia thu được từ mậu dịch quốc tế là do :

- a. Sử dụng nguồn lực trên mức tiềm năng của quốc gia
- b. Trao đổi mang lại
- c. Chuyên môn hóa mang lại
- d. Cả b. và c.

Câu 21 :

Lợi ích từ mậu dịch quốc tế của quốc gia thể hiện bằng điểm tiêu dùng nằm :

- a. Trong đường giới hạn khả năng sản xuất của quốc gia đó
- b. Trên đường giới hạn khả năng sản xuất của quốc gia đó
- c. Ngoài đường giới hạn khả năng sản xuất của quốc gia đó
- d. Cả 3 câu đều sai

Câu 22 :

Độ nghiêng của đường tiếp tuyến chung giữa đường giới hạn khả năng sản xuất của quốc gia và đường bàng quan đại chúng trong nền kinh tế đóng phản ảnh :

- a. Mức giá cả so sánh thế giới
- b. Lợi thế so sánh của mỗi quốc gia
- c. Mức tự cung tự cấp của mỗi quốc gia
- d. Vị trí, hình dạng của đường giới hạn khả năng sản xuất

Câu 23 :

Trong nền kinh tế đóng với chi phí cơ hội gia tăng, điểm cân bằng là điểm:

- a. Tiếp xúc giữa đường giới hạn khả năng sản xuất và đường bàng quan đại chúng của quốc gia
- b. Tự cung tự cấp của quốc gia
- c. Quốc gia đạt lợi ích cực đại khi sản xuất và tiêu dùng tại điểm này
- d. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 24 :

Giá cả sản phẩm so sánh cân bằng của một quốc gia trong nền kinh tế đóng với chi phí cơ hội gia tăng được xác định bởi

- a. Đường giới hạn khả năng sản xuất
- b. Đường bàng quan đại chúng

- c. Đường giới hạn khả năng sản xuất và đường bàng quan đại chúng
- d. Đường giới hạn khả năng sản xuất hoặc đường bàng quan đại chúng

Câu 25 :

Đường bàng quan đại chúng là tập hợp các điểm phản ánh tương quan hai hàng hóa

- a. Tối đa một quốc gia có thể sản xuất được với khả năng, nguồn lực của nước đó
- b. Có cùng tỷ lệ biên tế của sự di chuyển
- c. Tiêu dùng có cùng một tỷ lệ thay đổi biên tế
- d. Mức độ thỏa mãn chung là như nhau

Câu 26 :

Đường giới hạn khả năng sản xuất trong trường hợp chi phí cơ hội gia tăng là một đường cong lõm về góc tọa độ vì :

- a. Tỷ lệ biên tế của sự di chuyển tăng dần
- b. Tỷ lệ thay thế biên tế tăng dần
- c. Tỷ lệ thay thế biên tế giảm dần
- d. Qui mô sản xuất về kết hợp hai loại hàng hóa tăng dần

Câu 27 :

Quá trình mậu dịch quốc tế sẽ diễn ra giữa hai quốc gia khi hai quốc gia có :

- a. Cùng sở thích thị hiếu nhưng khác biệt về các yếu tố sản xuất
- b. Khác nhau về sở thích thị hiếu nhưng giống nhau về các yếu tố sản xuất
- c. Khác biệt về sở thích thị hiếu lẫn các yếu tố sản xuất
- d. Cả 3 trường hợp trên đều có thể xảy ra mậu dịch quốc tế

Câu 28 :

Mậu dịch giữa hai quốc gia có cùng đường giới hạn khả năng sản xuất nhưng khác nhau về sở thích thị hiếu sẽ dẫn đến :

- a. Mức tiêu dùng của 2 quốc gia sau khi có MDQT sẽ nằm trên cùng một đường bàng quan
- b. Mức sản xuất của hai quốc gia sau khi có MDQT sẽ nằm trên hai đường giới hạn khả năng sản xuất khác nhau
- c. Chỉ có một trong hai quốc gia thu được lợi ích từ MDQT
- d. Cả 3 câu trên đều không đúng

Câu 29 :

Điểm sản xuất và tiêu dùng tốt nhất trong nền kinh tế đóng với chi phí cơ hội cố định là điểm :

- a. Nằm trong đường giới hạn khả năng sản xuất
- b. Nằm ngoài đường giới hạn khả năng sản xuất
- c. Bất kỳ nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất
- d. Sản xuất tối đa hàng hóa có lợi thế

Câu 30 :

Khi đường giới hạn khả năng sản xuất có dạng là một đường thẳng thì sẽ có tỷ lệ biên tế của sự di chuyển (MRT)

- a. Bằng không
- b. Không đổi
- c. Tăng lên
- d. Giảm xuống

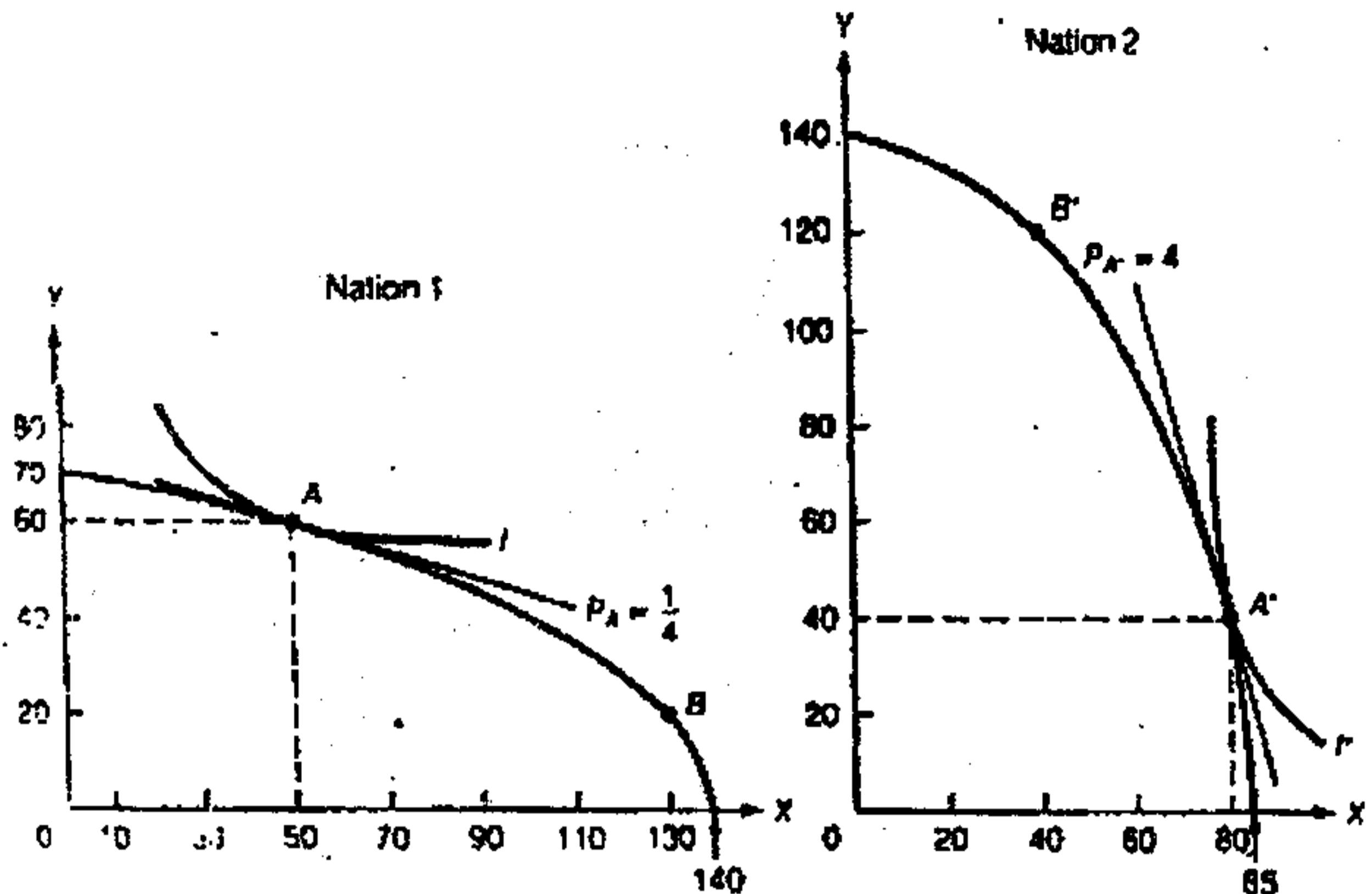
Câu 31 :

Điểm cân bằng trong kinh tế đóng với chi phí cơ hội gia tăng là điểm có tỷ lệ thay thế biên tế (MRS)

- a. Bằng không
- b. Lớn hơn tỷ lệ biên tế của sự di chuyển (MRT)
- c. Bằng tỷ lệ biên tế của sự di chuyển (MRT)
- d. Nhỏ hơn tỷ lệ biên tế của sự di chuyển (MRT)

Câu 32 :

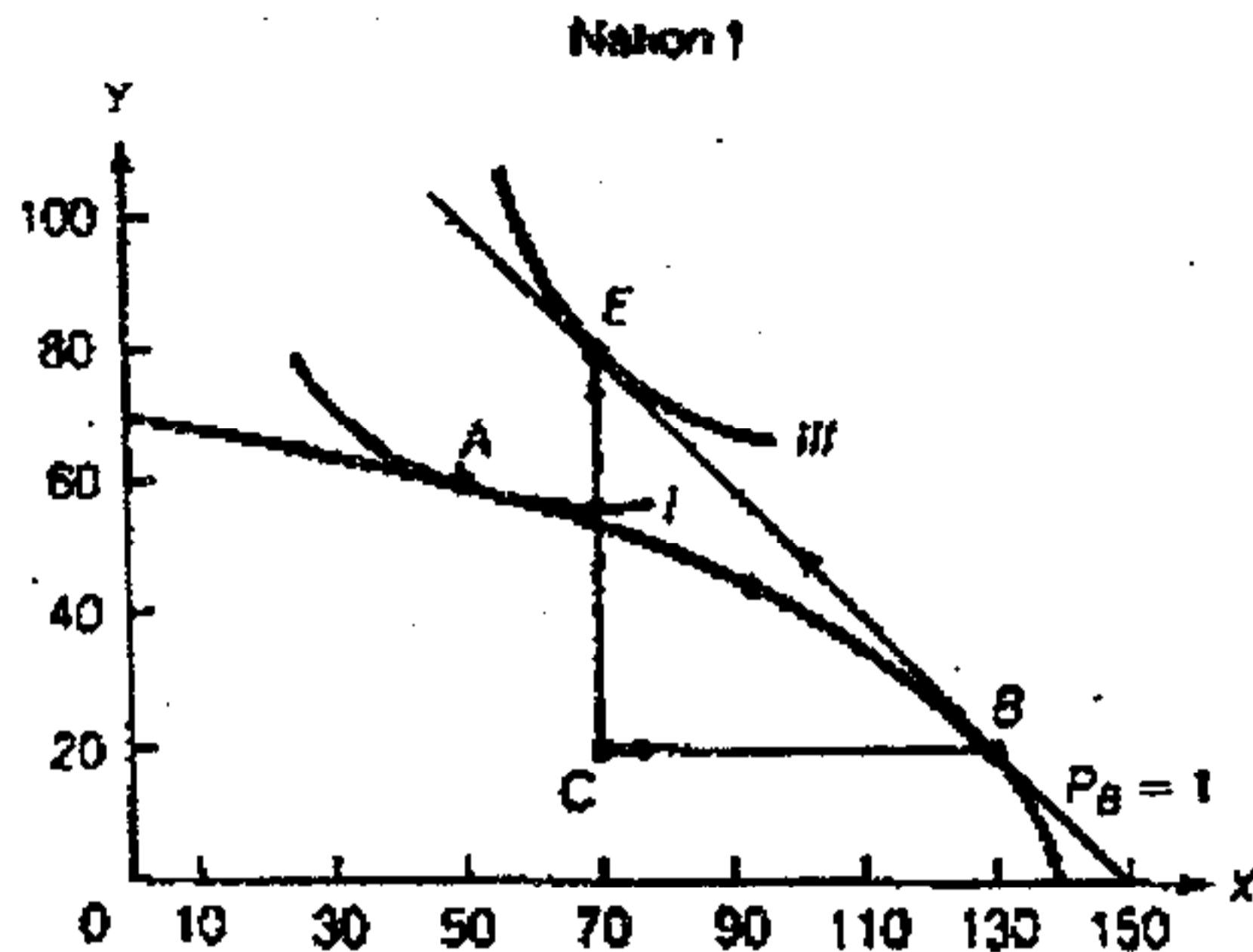
Cho biểu đồ sau :



- a. Quốc gia I có lợi thế so sánh về sản phẩm X, Quốc gia II có lợi thế so sánh về sản phẩm Y
- b. Quốc gia I có lợi thế so sánh về sản phẩm Y, Quốc gia II có lợi thế so sánh về sản phẩm X
- c. Quốc gia I có lợi thế tuyệt đối về cả hai loại sản phẩm X và Y
- d. Cả a và c đều đúng

Câu 33 :

Cho biểu đồ sau :

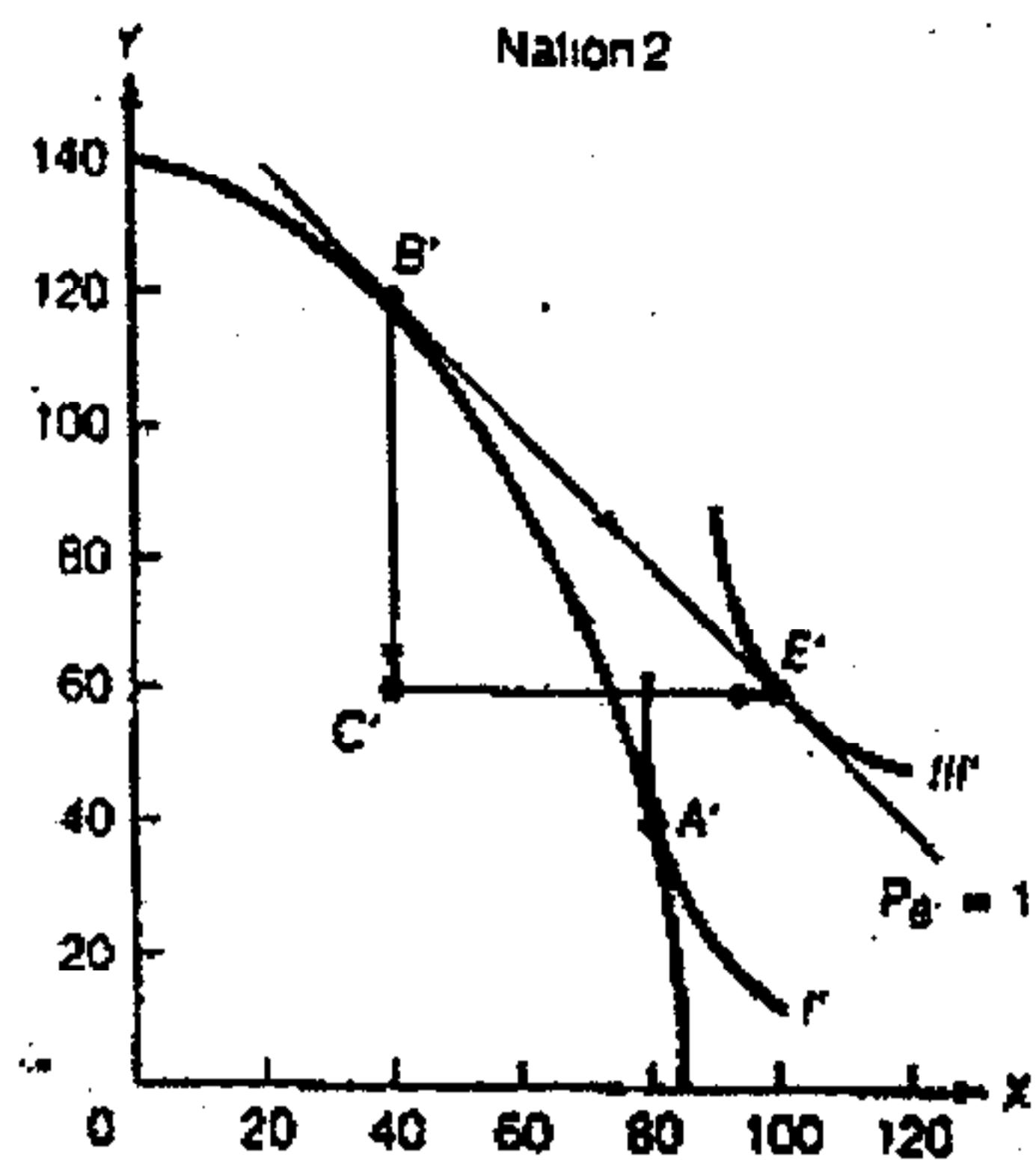


Hãy điền các điểm thích hợp vào những câu hỏi sau :

- Điểm cân bằng khi nền kinh tế đóng A
- Điểm tiêu dùng sau quá trình mậu dịch quốc tế E
- Điểm chuyên môn hóa khi mậu dịch quốc tế đạt trạng thái cân bằng B
- Điểm tự cung, tự cấp A

Câu 34 :

Cho biểu đồ sau : (Giả thiết thế giới chỉ có hai quốc gia)

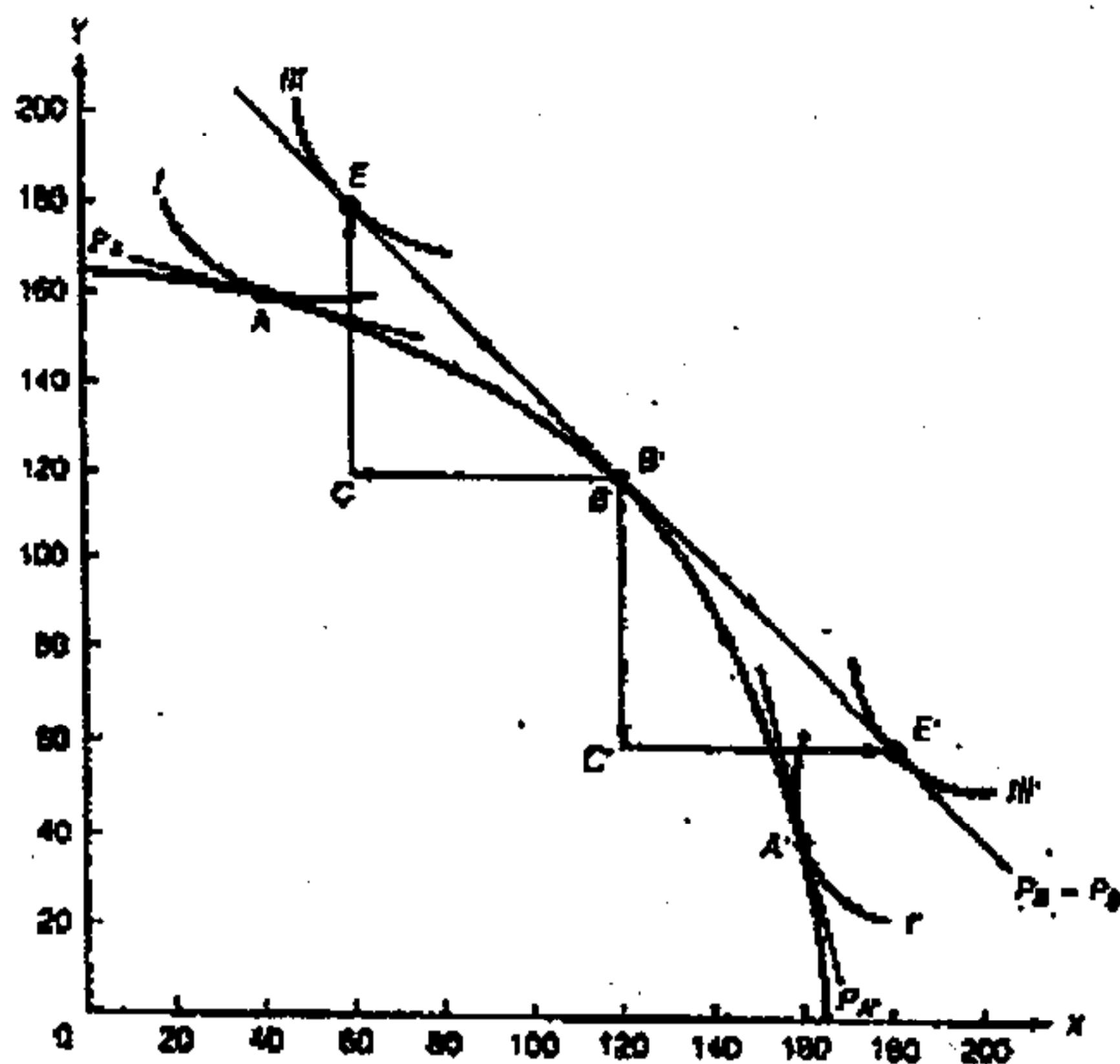


Độ dốc của đường $P_B = 1$ được hiểu là

- a. Giá cả so sánh cân bằng của sản phẩm X khi nền kinh tế đóng
- b. Giá cả so sánh cân bằng của sản phẩm Y khi nền kinh tế đóng
- c. Giá so sánh thế giới của sản phẩm X
- d. Giá so sánh thế giới của sản phẩm Y

Câu 35 :

Cho biểu đồ sau :



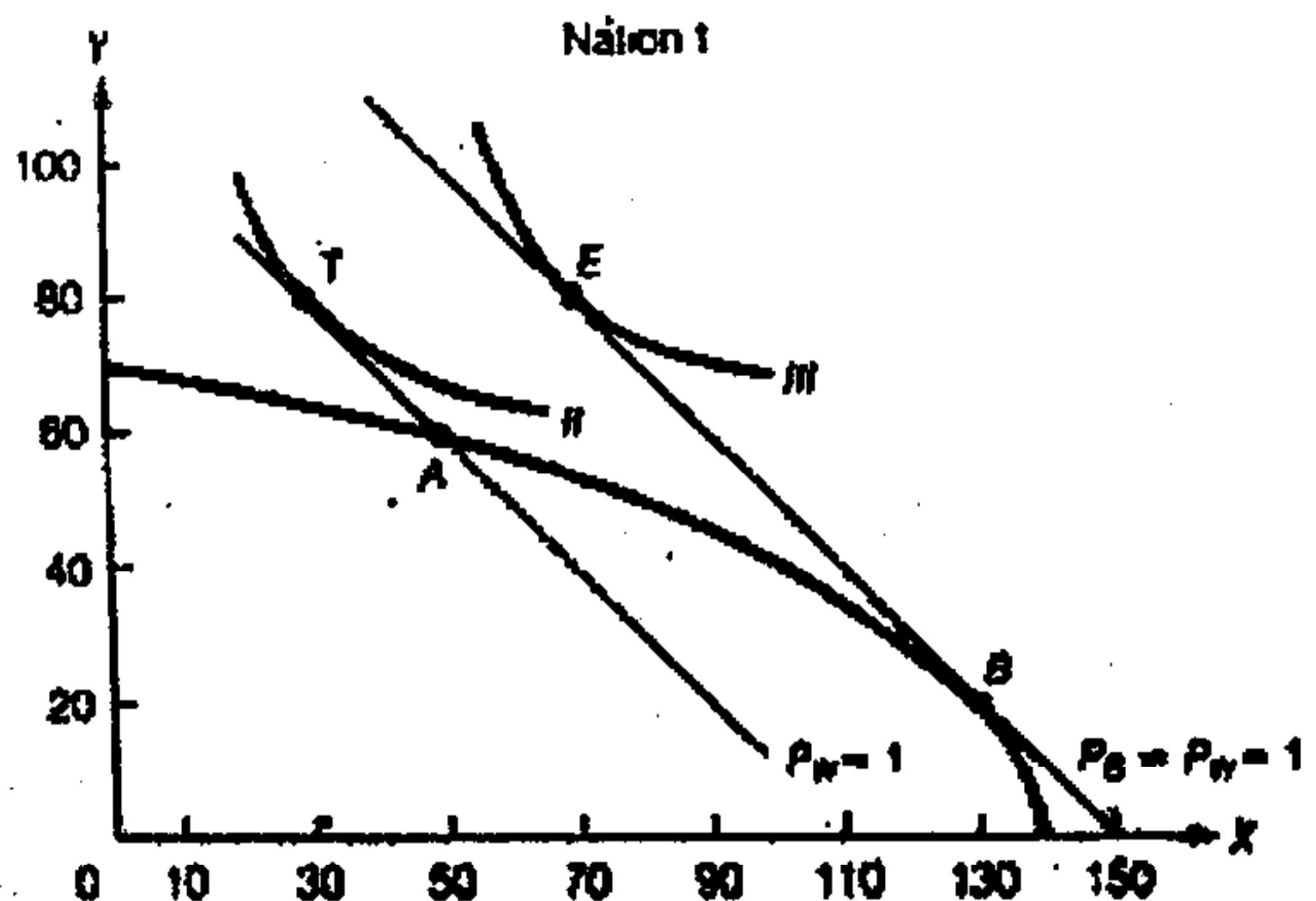
Hãy dùng các ký hiệu trong hình như A,A',B,B',C,C',E,E'... để biểu thị các chỉ tiêu sau :

- Lượng hàng hóa xuất khẩu của quốc gia I BC
- Lượng hàng hóa nhập khẩu của quốc gia II C'E'
- Giá so sánh thế giới là độ nghiêng của đường thẳng EE'
- Điểm chuyên môn hóa của quốc gia II sau mậu dịch quốc tế B'

Câu 36 :

Cho biểu đồ sau với A là điểm tự cung, tự cấp

- a. T : Lợi ích từ chuyên môn hóa, E : lợi ích từ trao đổi
- b. T : Lợi ích từ trao đổi, E : lợi ích từ chuyên môn hóa
- c. T : Lợi ích từ trao đổi, E : lợi ích từ chuyên môn hóa và trao đổi quốc tế
- d. T : Lợi ích từ chuyên môn hóa, E : lợi ích từ chuyên môn hóa và trao đổi quốc tế



Câu 37 :

Lợi suất theo quy mô không đổi có nghĩa là:

- a. Nếu quốc gia tăng 10% lao động thì sản lượng sản phẩm thâm dụng lao động cũng tăng 10%
- b. Nếu quốc gia tăng 10% tư bản thì sản lượng sản phẩm thâm dụng tư bản cũng tăng 10%
- c. Nếu quốc gia tăng 10% lao động và tư bản để sản xuất sản phẩm X thì lượng sản phẩm X tăng 10%
- d. Nếu quốc gia tăng 10% lao động và tư bản thì sản lượng sản phẩm thâm dụng lao động và tư bản đều tăng 10%

Câu 38 :

Cơ sở của thuyết nguồn lực sản xuất vốn có là dựa vào:

- a. Sự khác biệt về cung các yếu tố trong quá trình sản xuất giữa các quốc gia
- b. Sự khác biệt về sở thích thị hiếu người tiêu dùng giữa các quốc gia
- c. Sự tự do di chuyển các nguồn lực trong quá trình sản xuất giữa các quốc gia
- d. Sự khác nhau về năng suất lao động giữa các quốc gia

Câu 39 :

Sản phẩm X thâm dụng lao động khi

- a. Lượng lao động để sản xuất một đơn vị sản phẩm X nhiều hơn tư bản
- b. Lượng lao động để sản xuất một đơn vị sản phẩm X ít hơn tư bản
- c. Tỷ lệ giữa lượng lao động và tư bản dùng để sản xuất một đơn vị sản phẩm X cao hơn sản phẩm khác
- d. Cả a và c đều đúng

Câu 40 :

Quốc gia dư thừa tư bản là quốc gia có:

- a. Thu nhập bình quân đầu người cao
- b. $\Sigma K / \Sigma L$ ít hơn quốc gia khác
- c. P_K / P_L rẻ hơn quốc gia khác
- d. B và c đều đúng

Câu 41 :

Nhận định nào sau đây không đúng

- a. Quốc gia dư thừa lao động có thể có $\Sigma K / \Sigma L$ lớn hơn
- b. Hàng hóa thâm dụng lao động có tỷ lệ K/L nhỏ hơn hàng hóa thâm dụng vốn

- c. Hàng hóa thâm dụng vốn có tỷ lệ K/L lớn hơn hàng hóa thâm dụng lao động
- d. Quốc gia có tỷ lệ giữa lãi suất và tiền công thấp thì có lợi thế về sản phẩm thâm dụng lao động

Câu 42 :

Mậu dịch quốc tế giữa các quốc gia có xu hướng làm cho

- a. Tiền công và lãi suất ở quốc gia dư thừa lao động giảm
- b. Tiền công và lãi suất ở quốc gia dư thừa vốn tăng
- c. Tiền công tăng nhưng lãi suất giảm tại quốc gia dư thừa vốn
- d. Tiền công tăng nhưng lãi suất giảm tại quốc gia dư thừa lao động

Câu 43 :

Mậu dịch quốc tế giữa các quốc gia làm cho sự dị biệt về giá cả các yếu tố sản xuất có xu hướng:

- a. Giảm dần
- b. Không thay đổi
- c. Tăng dần
- d. Cả 3 trường hợp trên đều có thể xảy ra

Câu 44 :

Cho quốc gia I dư thừa tư bản, quốc gia II dư thừa lao động, X là sản phẩm thâm dụng lao động, Y là sản phẩm thâm dụng tư bản. Mô hình mậu dịch của hai quốc gia là :

- a. Quốc gia I xuất khẩu X, nhập khẩu Y, quốc gia II xuất khẩu Y, nhập khẩu X
- b. Quốc gia I xuất khẩu Y, nhập khẩu X, quốc gia II xuất khẩu X, nhập khẩu Y
- c. Mậu dịch không diễn ra giữa hai quốc gia
- d. Cả a. và b. đều đúng

Câu 45 :

Một quốc gia dư thừa về tư bản (Quốc gia I), khi giao thương với một quốc gia dư thừa về lao động (Quốc gia II), giá cả lao động ở quốc gia I sẽ :

- a. Giảm tương đối so với giá cả tư bản
- b. Tăng tương đối so với giá cả tư bản
- c. Luôn luôn cao hơn giá cả tư bản
- d. Không thay đổi

Câu 46 :

Khi chính phủ đánh thuế nhập khẩu vào sản phẩm thâm dụng lao động thì thu nhập của người sở hữu tư bản ở quốc gia này sẽ :

- a. Tăng lên
- c. Không đổi
- b. Giảm đi
- d. Tăng gấp đôi so với mức tăng tỷ lệ thuế

Câu 47 :

Theo thuyết nguồn lực sản xuất vốn có, khi cung ứng lao động tăng lên thì làm cho sản lượng đầu ra :

- a. Tăng cả sản phẩm thâm dụng tư bản và lao động
- b. Giảm cả sản phẩm thâm dụng tư bản và lao động
- c. Tăng sản phẩm thâm dụng tư bản, giảm sản phẩm thâm dụng lao động
- d. Tăng sản phẩm thâm dụng lao động, giảm sản phẩm thâm dụng tư bản

Câu 48 :

“Công đoàn các nước công nghiệp chẳng bao giờ phản đối thuế quan đánh vào hàng nhập sản phẩm thâm dụng lao động”. Quan điểm này được phát biểu dựa trên cơ sở:

- a. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối

- b. Lý thuyết lợi thế so sánh
- c. Lý thuyết chi phí cơ hội
- d. Lý thuyết nguồn lực sản xuất vốn có

Câu 49 :

Cơ sở để tính thuế :

- a. Tính theo giá trị
- b. Tính theo số lượng
- c. Dựa vào sự kết hợp cả giá trị và số lượng
- d. Cả 3 cách đều có thể được

Câu 50 :

Khi Việt Nam gia nhập vào các tổ chức kinh tế như ASEAN, AFTA, APEC và sắp tới là WTO, chính sách thuế nhập khẩu của VN phải điều chỉnh theo hướng :

- a. Tăng tỷ lệ thuế và thu hẹp phạm vi các mặt hàng đánh thuế
- b. Giảm tỷ lệ thuế và mở rộng phạm vi các mặt hàng đánh thuế
- c. Tăng tỷ lệ thuế và mở rộng phạm vi các mặt hàng đánh thuế
- d. Giảm tỷ lệ thuế và thu hẹp phạm vi các mặt hàng đánh thuế

Câu 51 :

Điều gì sau đây không đúng khi một nước nhỏ tăng thuế nhập khẩu :

- a. Giá thế giới không đổi
- b. Giá trong nước tăng
- c. Lượng hàng hóa sản xuất trong nước giảm trong khi tiêu dùng trong nước tăng
- d. Tổng phúc lợi của quốc gia giảm đi

Câu 52 :

Tỷ lệ bảo hộ thực sự cho ngành công nghiệp giảm đi khi :

- a. Thuế nhập khẩu sản phẩm cuối cùng tăng
- b. Thuế nhập khẩu nguyên vật liệu, bán thành phẩm giảm
- c. Thuế nhập khẩu nguyên vật liệu, bán thành phẩm tăng
- d. Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu, bán thành phẩm trong giá thành tăng

Câu 53 :

Khi tỷ lệ thuế đánh vào nguyên vật liệu nhập khẩu bằng tỷ lệ thuế đánh vào thành phẩm nhập khẩu thì

- a. Tỷ lệ thuế quan danh nghĩa lớn hơn tỷ lệ bảo hộ thực sự
- b. Tỷ lệ bảo hộ thực sự = 0
- c. Mức bảo hộ danh nghĩa bằng mức bảo hộ thực sự
- d. Chưa thể kết luận được vì phụ thuộc vào tỷ lệ giữa giá trị nguyên vật liệu nhập khẩu và giá trị thành phẩm nhập khẩu

Câu 54 :

Việc tăng tỷ lệ thuế nhập khẩu làm cho phần thu thuế nhập khẩu của nhà nước thay đổi theo xu hướng

- a. Tăng lên
- b. Giảm đi
- c. Không thay đổi
- d. Có thể là 1 trong 3 trường hợp trên

Câu 55 :

Khi nước nhỏ áp dụng hạn ngạch nhập khẩu :

- a. Giá trị nhập khẩu giảm nhưng lượng nhập khẩu tăng lên
- b. Giá trị nhập khẩu tăng và lượng hàng tiêu dùng giảm
- c. Giá trong nước tăng và lượng hàng sản xuất trong nước tăng

- d. Thặng dư của người tiêu dùng giảm và tổng mức phúc lợi xã hội tăng

Câu 56 :

Hạn ngạch nhập khẩu khác với thuế quan nhập khẩu ở chỗ :

- a. Làm giảm thặng dư người tiêu dùng
- b. Sự tăng lên trong cầu làm giá cả nội địa tăng
- c. Làm giảm khối lượng mậu dịch
- d. Tỷ lệ mậu dịch không đổi

Câu 57 :

Tăng thuế nhập khẩu tại nước nhỏ làm cho :

- a. Lượng hàng hóa sản xuất trong nước tăng, lượng hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng
- b. Lượng hàng hóa sản xuất trong nước giảm, lượng hàng hóa tiêu dùng trong nước giảm
- c. Lượng hàng hóa sản xuất trong nước tăng, lượng hàng hóa tiêu dùng trong nước giảm
- d. Lượng hàng hóa sản xuất trong nước giảm, lượng hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng

Câu 58 :

Thuế quan tối ưu là thuế quan :

- a. Chỉ áp dụng với nước lớn
- b. Chỉ áp dụng với xuất khẩu
- c. Tăng phúc lợi cho nước nhỏ
- d. Không câu nào nêu trên là đúng

Câu 59 :

Thuế quan nhập khẩu tại một nước lớn làm cho :

- a. Tổng mức phúc lợi của nước lớn tăng và giá thế giới giảm
- b. Tổng mức phúc lợi của nước lớn tăng và giá thế giới không đổi
- c. Tổng mức phúc lợi của nước lớn có thể tăng hoặc giảm và giá trong nước tăng
- d. Thặng dư nhà sản xuất nước lớn tăng và giá thế giới tăng

Câu 60 :

Thuế quan tối ưu là 1 loại thuế quan :

- a. Làm cực đại lợi tức ròng của quốc gia
- b. Làm cực đại phần thu thuế nhập khẩu của nhà nước vào ngân sách

- c. Làm tỷ lệ mậu dịch tăng
- d. Làm khối lượng mậu dịch giảm

Câu 61 :

Khi nước lớn đánh thuế quan nhập khẩu, lợi tức của bạn hàng mậu dịch :

- a. Tăng vì tỷ lệ mậu dịch của nước bạn hàng này tăng lên
- b. Tăng hoặc giảm phụ thuộc vào tỷ lệ mậu dịch và khối lượng mậu dịch
- c. Giảm vì tỷ lệ mậu dịch và khối lượng mậu dịch đều giảm
- d. Cả 3 câu đều không đúng

Câu 62 :

Thuế quan nhập khẩu tại một nước lớn làm cho :

- a. Tỷ lệ mậu dịch tại nước lớn giảm, khối lượng mậu dịch nước lớn tăng
- b. Tỷ lệ mậu dịch tại nước nhỏ tăng, khối lượng mậu dịch nước nhỏ không đổi
- c. Tỷ lệ mậu dịch tại nước nhỏ không đổi, khối lượng mậu dịch nước lớn giảm

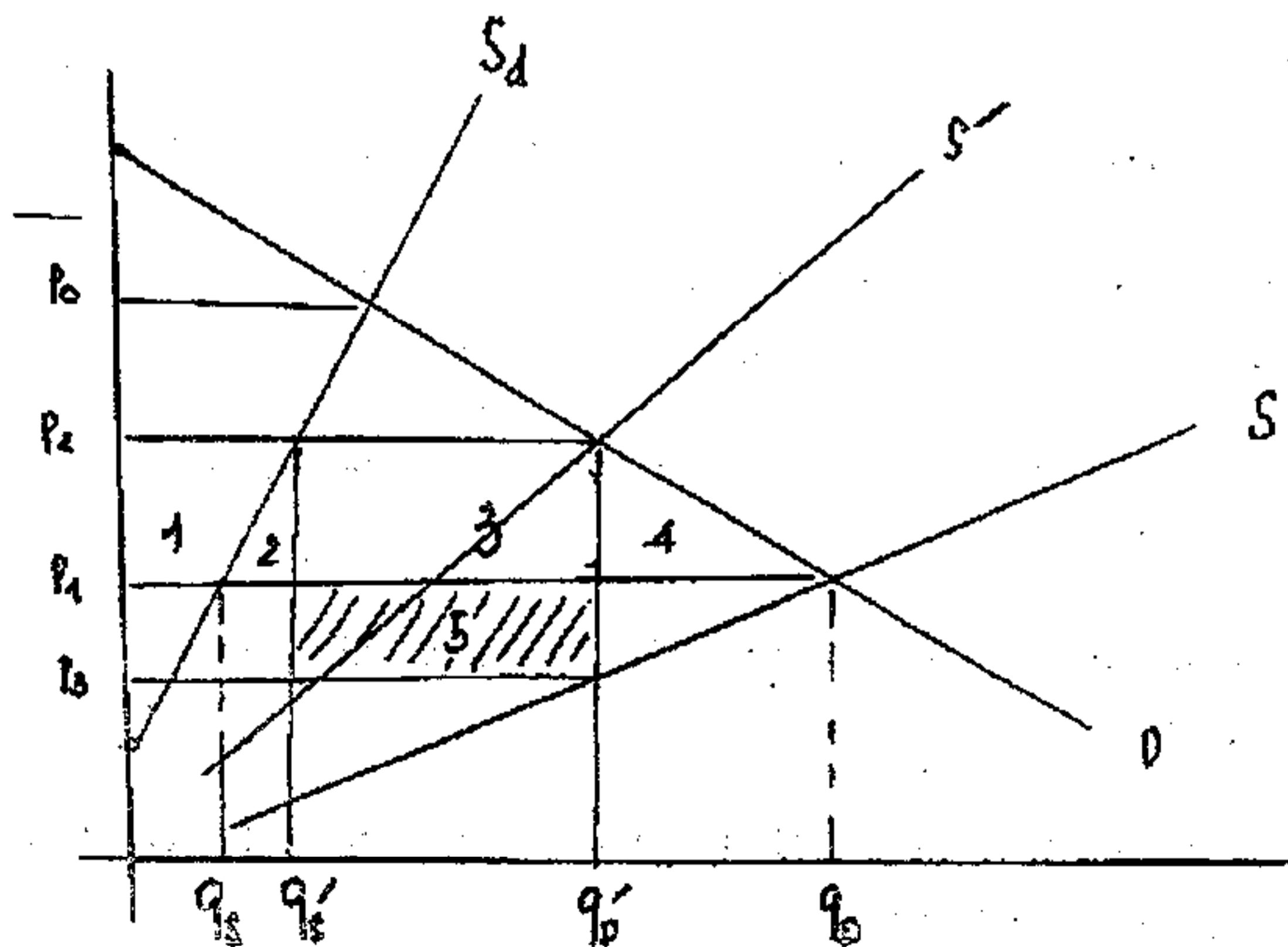
- d. Tỷ lệ mậu dịch tại nước lớn tăng, khối lượng mậu dịch nước nhỏ không đổi

Câu 63 :

- Sự trả đũa thuế quan sẽ dẫn tới :
- Thúc đẩy mậu dịch quốc tế phát triển
 - Triệt tiêu mậu dịch quốc tế
 - Làm tăng tổng phúc lợi của nước lớn
 - Cả a. và c. đều đúng

Câu 64 :

Cho mô hình sau



Biết S_d : Đường cung nước lớn

D : Đường cầu nước lớn

S : Đường tổng cung xuất khẩu thế giới

S' : Đường tổng cung xuất khẩu thế giới sau khi nước lớn đánh thuế

Tỷ lệ thuế nhập khẩu tại nước lớn này được tính theo công thức sau:

$$a. t = \frac{P_2 - P_1}{P_1}$$

$$c. t = \frac{P_2 - P_3}{P_3}$$

$$b. t = \frac{P_3 - P_2}{P_2}$$

$$d. t = \frac{P_2 - P_1}{P_2}$$

Câu 65 :

Đường cong ngoại thương của một quốc gia biểu thị :

- Lượng sản xuất hàng có lợi thế và lượng nhập khẩu hàng không có lợi thế tại các tương quan giá nhất định
- Khả năng cung ứng xuất khẩu tối ưu tại các tương quan giá nhất định
- Khả năng cung ứng nhập khẩu tối ưu tại các tương quan giá nhất định
- Lượng hàng hóa xuất nhập khẩu của một nước tại các tương quan giá nhất định

Câu 66 :

Giả sử thế giới chỉ có hai quốc gia I và II, điểm cắt nhau giữa hai đường cong ngoại thương của quốc gia I và II phản ánh :

- a. Mậu dịch quốc tế đạt trạng thái cân bằng
- b. Chênh lệch lượng hàng hóa xuất khẩu giữa hai quốc gia
- c. Lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cân bằng của hai quốc gia
- d. Câu a. và c. đều đúng

Câu 67 :

Giả sử thế giới chỉ trao đổi hai loại sản phẩm. Tỷ lệ mậu dịch của một quốc gia là tỷ lệ giữa :

- a. Giá cả hàng nhập khẩu và giá ~~số~~ hàng xuất khẩu
- b. Khối lượng hàng xuất khẩu và khối lượng hàng nhập khẩu
- c. Khối lượng hàng nhập khẩu và khối lượng hàng xuất khẩu
- d. Khối lượng nhập khẩu của quốc gia được bảo hộ trước và sau khi nền kinh

Câu 68 :

Cơ sở để hình thành đường

thương của một quốc gia:

- a. Lượng hàng hóa sản xuất và tiêu dùng tối ưu tại các tương quan giá nhất định
- b. Lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cân bằng của hai quốc gia
- c. Câu a. và b. đều đú
- d. Không câu nào nêu

Công nghệ :

Câu 69 :

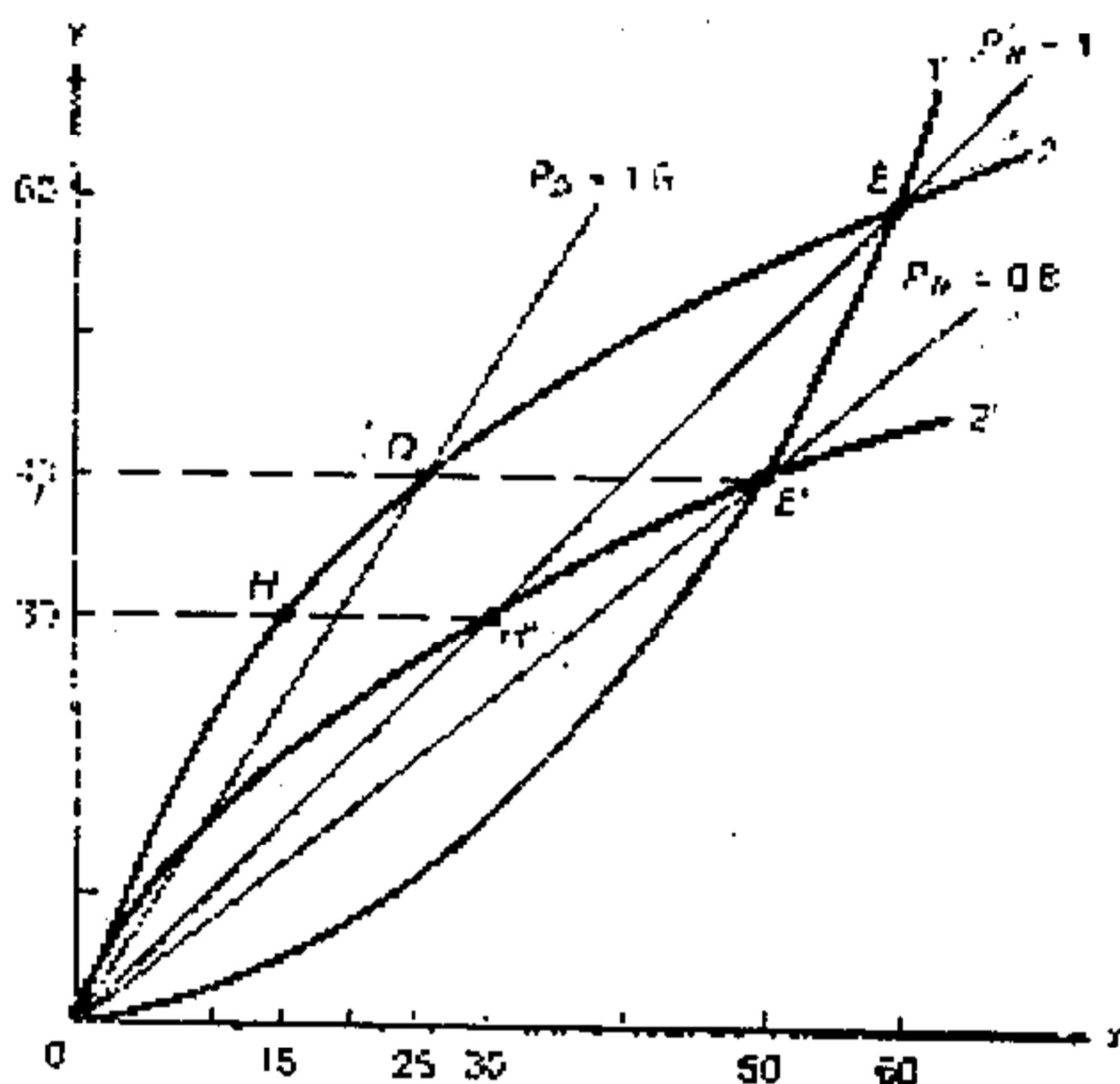
- Các điểm nằm trên đường cong ngoại thương của một quốc gia :
- a. Tạo thành một đòn ép hòng hàng hóa có lợi thế so sánh
- b. Phản ánh lượng hàng hóa xuất nhập khẩu của quốc gia tại các mức giá tương ứng khác nhau
- c. Thể hiện tỷ lệ mậu dịch của quốc gia tại mỗi thời điểm nhất định
- d. Cả 3 câu trên đều đú

Câu 70 :

Trong một thế giới chỉ có hai quốc gia I là 0,8 thì tỷ lệ mậu dịch của quốc gia II là :

- a. 1 5/4
- b. $\frac{1}{2}$ $\frac{4}{5}$

Cho biểu đồ sau : (Mô hình này dùng cho các câu 71, 72, 73, 74)



Câu 71 :

Lợi thế so sánh của mỗi quốc gia là :

- a. Quốc gia I : sản phẩm X ; quốc gia II : sản phẩm Y
- b. Quốc gia I : sản phẩm Y ; quốc gia II : sản phẩm X
- c. Lợi thế so sánh của hai quốc gia như nhau
- d. Cả 3 trường hợp đều có thể xảy ra

Câu 72 :

Thuế nhập khẩu đã được áp dụng tại :

- a. Quốc gia I
- b. Quốc gia II
- c. Cả hai quốc gia
- d. Một trong hai quốc gia

Câu 73 :

Thuế nhập khẩu đánh lên sản phẩm :

- a. Sản phẩm X
- b. Sản phẩm Y
- c. Cả sản phẩm X lẫn sản phẩm Y
- d. Sản phẩm X hoặc sản phẩm Y

Câu 74 :

Tỷ lệ thuế nhập khẩu theo biểu đồ này là :

- a. 20%
- b. 100%
- c. 80%
- d. 60%

Câu 75 :

Biện pháp hạn chế xuất khẩu tự nguyện được áp dụng vì :

- a. Quốc gia muốn tiêu dùng nhiều hơn sản phẩm quốc gia tự sản xuất

- b. Quốc gia xuất khẩu muốn khuyến khích quốc gia nhập khẩu tự tăng sản xuất
- c. Quốc gia xuất khẩu sợ bị tổn thất nhiều hơn do giá nhập khẩu trùng phạt
- d. Cả 3 đều đúng

Câu 76 :

Biện pháp trợ cấp xuất khẩu :

- a. Luôn mang lại lợi ích tổng thể ngắn hạn cho nước xuất khẩu
- b. Gây thiệt hại lợi ích tổng thể ngắn hạn cho nước xuất khẩu
- c. Làm tăng thặng dư người tiêu dùng trong nước
- d. Làm giảm lượng hàng hóa sản xuất trong nước

Câu 77 :

Vấn đề nào sau đây là không đúng trong quá trình mậu dịch quốc tế:

- a. Trợ cấp xuất khẩu được tiến hành bằng trợ cấp trực tiếp hoặc cho vay với lãi suất thấp đối với các nhà xuất khẩu quốc gia
- b. Các thỏa thuận quốc tế đều khuyến khích những hình thức trợ cấp xuất khẩu

- c. Có thể cho nước ngoài vay ưu đãi để họ nhập khẩu sản phẩm của mình cũng là một hình thức trợ cấp xuất khẩu
- d. Trợ cấp xuất khẩu cũng được xem là một hình thức bán phá giá

Câu 78 :

Thuật ngữ : "Dumping" được hiểu là :

- a. Bán phá giá
- b. Xuất khẩu một sản phẩm nào đó với giá thấp hơn giá nội địa
- c. Bán dưới giá vốn ở nước ngoài nhằm ổn định giá thế giới khi nắm được địa vị độc quyền
- d. Cả câu a. và b. đều đúng

Câu 79 :

Khi nước lớn tăng thuế nhập khẩu, đường cong ngoại thương của quốc gia này dịch chuyển theo hướng

- a. Về phía trục sản lượng hàng hóa xuất khẩu

- b. Về phía trục sản lượng hàng hóa nhập khẩu

- c. Không dịch chuyển nhưng điểm cân bằng mậu dịch thay đổi

- d. Sang phải

Câu 80 :

68.280

Khi nhà nước tiến hành trợ cấp xuất khẩu cho một sản phẩm thì:

- Thặng dư người tiêu dùng tăng và thặng dư nhà sản xuất tăng
- Lượng hàng hóa xuất khẩu tăng và thặng dư nhà sản xuất giảm
- Tổng phúc lợi của quốc gia tăng lên
- Mức giá cả trong nước tăng lên

Câu 81 :

68.280

Biện pháp trợ cấp xuất khẩu tại một nước nhỏ sẽ làm cho :

- Giá trong nước tăng và giá thế giới tăng
- Giá trong nước tăng và giá thế giới giảm
- Giá trong nước giảm và giá thế giới không đổi
- Giá trong nước tăng và giá thế giới không đổi

68.280

Câu 82 :

Tỷ lệ mậu dịch tại một nước nhỏ sau khi đã áp dụng biện pháp trợ cấp xuất khẩu sẽ :

- Tăng lên
- Giảm xuống
- Không đổi
- Cả 3 trường hợp đều có thể xảy ra

225

Câu 83 :

Trợ cấp xuất khẩu tại một nước lớn sẽ làm cho :

- a. Giá trong nước tăng lên bằng mức trợ cấp
- b. Giá trong nước giảm xuống bằng mức trợ cấp
- c. Giá trong nước tăng lên thấp hơn mức trợ cấp
- d. Giá trong nước tăng lên cao hơn mức trợ cấp

Câu 84 :

Tỷ lệ mậu dịch tại một nước lớn sau khi đã áp dụng biện pháp trợ cấp xuất khẩu sẽ :

- a. Tăng lên
- b. Giảm xuống
- c. Không đổi
- d. Bằng không

Câu 85 :

Liên hiệp thuế quan tạo lập mậu dịch sẽ đưa đến kết quả :

- a. Phúc lợi của các quốc gia thành viên tăng, phúc lợi của các quốc gia không là thành viên tăng có thể hoặc giảm
- b. Phúc lợi của các quốc gia thành viên giảm, phúc lợi của các quốc gia không là thành viên tăng

c. Phúc lợi của các quốc gia thành viên tăng, phúc lợi của các quốc gia không là thành viên tăng

d. Phúc lợi của các quốc gia thành viên có thể tăng hoặc giảm, phúc lợi của các quốc gia không là thành viên giảm

Câu 86 :

Liên hiệp thuế quan chuyển hướng mậu dịch sẽ đưa đến kết quả:

a. Phúc lợi của các quốc gia thành viên tăng, phúc lợi của phần còn lại thế giới giảm

b. Phúc lợi của các quốc gia thành viên tăng, phúc lợi của phần còn lại thế giới có thể tăng hoặc giảm

c. Phúc lợi của các quốc gia thành viên có thể tăng hoặc giảm, phúc lợi của phần còn lại thế giới tăng

d. Phúc lợi của các quốc gia thành viên có thể tăng hoặc giảm, phúc lợi của phần còn lại thế giới giảm

Câu 87 :

Những điều nào sau đây là mục tiêu của mô hình liên hiệp thuế quan :

mậu dịch

tốt hơn

- d. Cả b. và c. đều đúng

Câu 92 :

Chức năng của thị trường ngoại hối là :

- a. Cấp các tín dụng ngắn hạn cho thương mại quốc tế
- b. Mua bán tiền tệ của nước này đối với nước kia
- c. Thúc đẩy quay vòng vốn quốc tế
- d. Tất cả những điều nêu trên

Câu 93 :

Những nhân tố làm ảnh hưởng đến lợi tức dự tính về tiền gửi nước ngoài :

- a. Lãi suất tiền gửi trong nước và tỷ giá dự tính trong tương lai
- b. Lãi suất tiền gửi nước ngoài và tỷ giá dự tính trong tương lai
- c. Lãi suất tiền gửi nước ngoài và lãi suất tiền gửi trong nước
- d. Lãi suất tiền gửi nước ngoài và mức lạm phát của đồng ngoại tệ

Câu 94 :

Giải pháp nào sau đây làm tăng tỷ giá trong ngắn hạn :

- a. Tăng thuế nhập khẩu

- c. Phúc lợi của các quốc gia thành viên tăng, phúc lợi của các quốc gia không là thành viên tăng
- d. Phúc lợi của các quốc gia thành viên có thể tăng hoặc giảm, phúc lợi của các quốc gia không là thành viên giảm

Câu 86 :

Liên hiệp thuế quan chuyển hướng mậu dịch sẽ đưa đến kết quả:

- a. Phúc lợi của các quốc gia thành viên tăng, phúc lợi của phần còn lại thế giới giảm
- b. Phúc lợi của các quốc gia thành viên tăng, phúc lợi của phần còn lại thế giới có thể tăng hoặc giảm
- c. Phúc lợi của các quốc gia thành viên có thể tăng hoặc giảm, phúc lợi của phần còn lại thế giới tăng
- d. Phúc lợi của các quốc gia thành viên có thể tăng hoặc giảm, phúc lợi của phần còn lại thế giới giảm

Câu 87 :

Những điều nào sau đây là mục tiêu của mô hình liên hiệp thuế quan :

- a. Gia tăng khối lượng mậu dịch
- b. Sử dụng tài nguyên tốt hơn

Câu 88. Nâng cao mức sống của nhân dân

góp phần tạo ra sự ổn định kinh tế xã hội.

d. Cả 3 điều trên

nhất là để đảm bảo sự công bằng cho xã hội. b. mua sắm nhu yếu phẩm là để đảm bảo sự công bằng cho xã hội.

Câu 88 :

Trong một liên hiệp thuế quan, việc tạo lập mậu dịch xảy ra khi:

a. Các sản phẩm nhập khẩu sẽ được thay bằng hàng tự sản xuất

trong nước

b. Sản phẩm quốc nội được thay bằng sản phẩm tương tự có chi

phi thấp hơn tại một quốc gia thành viên trong liên hiệp

thuế quan

c. Khối lượng mậu dịch giữa các nước là thành viên trong liên

hiệp thuế quan tăng lên

d. Cả b. và c. đều đúng

nhất là để đảm bảo sự công bằng cho xã hội.

nhất là để đảm bảo sự công bằng cho xã hội.

Câu 89 :

Liên hiệp thuế quan chuyển hướng mậu dịch sẽ làm cho:

a. Tài nguyên thế giới được phân phối và sử dụng một cách tốt

nhất

b. Phúc lợi của các quốc gia không là thành viên trong liên hiệp

thuế quan tăng lên

nhất là để đảm bảo sự công bằng cho xã hội.

c. Phúc lợi của các quốc gia là thành viên trong liên hiệp thuế quan tăng lên

d. Lợi thế so sánh của các quốc gia chưa được tận dụng một cách triệt để

Câu 90 :

Liên hiệp thuế quan chuyển hướng mậu dịch khác liên hiệp thuế quan tạo lập mậu dịch ở chỗ:

a. Phần thu thuế nhập khẩu của nhà nước giảm

b. Phúc lợi của quốc gia thành viên có thể tăng hoặc giảm

c. Khối lượng mậu dịch tăng lên

d. Mức giá cả trong nước giảm so với trước khi có liên hiệp thuế quan

Câu 91 :

Tỷ giá hối đoái yết theo phương thức gián tiếp tại một quốc gia tăng lên khi :

a. Xuất khẩu tăng

b. Người dân trong nước thích đi du lịch ra nước ngoài

c. Nhu cầu nhập khẩu giảm

d. Cả b. và c. đều đúng

Câu 92 :

Chức năng của thị trường ngoại hối là :

- a. Cấp các tín dụng ngắn hạn cho thương mại quốc tế
- b. Mua bán tiền tệ của nước này đổi với nước kia
- c. Thúc đẩy quay vòng vốn quốc tế
- d. Tất cả những điều nêu trên

Câu 93 :

Những nhân tố làm ảnh hưởng đến lợi tức dự tính về tiền gửi nước ngoài :

- a. Lãi suất tiền gửi trong nước và tỷ giá dự tính trong tương lai
- b. Lãi suất tiền gửi nước ngoài và tỷ giá dự tính trong tương lai
- c. Lãi suất tiền gửi nước ngoài và lãi suất tiền gửi trong nước
- d. Lãi suất tiền gửi nước ngoài và mức lạm phát của đồng ngoại tệ

Câu 94 :

Giải pháp nào sau đây làm tăng tỷ giá trong ngắn hạn :

- a. Tăng thuế nhập khẩu

- b. Giảm lãi suất tiền gửi nước ngoài
- c. Tăng lãi suất tiền gửi trong nước
- d. Xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu của VN giảm

Câu 95 :

Khi nhà nước phát hành thêm một lượng giấy bạc mới đưa vào lưu thông :

- a. Tỷ giá ngắn hạn biến động mạnh hơn tỷ giá dài hạn
- b. Tỷ giá ngắn hạn biến động nhẹ hơn tỷ giá dài hạn
- c. Tỷ giá ngắn hạn biến động bằng tỷ giá dài hạn
- d. Tỷ giá không thay đổi trên thị trường

Câu 96 :

Nhân tố nào sau đây có ảnh hưởng đến tỷ giá dài hạn

- a. Tất cả các nhân tố dưới đây
- b. Hàng rào bảo hộ mậu dịch
- c. Sở thích thị hiếu người tiêu dùng
- d. Năng suất lao động
- e. Mức giá cả tương đối của hàng hóa

Câu 97 :

isogni cùm rõt nết tñua iai mñiO id

Dòng khách du lịch nước ngoài vào trong nước tăng lạm chố tỷ giá hối đoái trong hệ thống bán vị vàng.

- a. Tăng
- c. Không thay đổi
- b. Giảm
- d. Không thể xác định được

osy sunh lõm sôd vñig ygnui tñm dñnh dñnh tñng obutu sñc idn

Câu 98 :

Tỷ giá trong ngắn hạn sẽ tăng khi:

- a. Lãi suất tiền gửi trong nước giảm
- b. Mức lạm phát đồng nội tệ tăng
- c. Mức lạm phát đồng nội tệ và lãi suất tiền gửi trong nước tăng
- d. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 99 :

Tỷ giá hối đoái trong hệ thống bán thả nổi:

- a. Thường biến động mạnh do nhu cầu ngoại hối thay đổi thường xuyên
- b. Thường biến động mạnh do cung ứng ngoại hối thay đổi thường xuyên
- c. Biến động nhiều hơn so với cơ chế thả nổi tự do

d. Biến động ít hơn so với cơ chế thả nổi tự do

卷之三

DÁP ÁN :

	a	b	c	d		a	b	c	d		a	b	c	d
1				X	19				X	37			X	
2		X			20				X	38	X			
3		X			21			X		39			X	
4	X				22		X			40			X	
5	X				23				X	41			X	
6		X			24			X		42			X	
7		X			25				X	43	X			
8	X				26	X				44		X		
9	X				27				X	45	X			
10	X				28				X	46		X		
11			X		29				X	47			X	
12	X				30		X			48			X	
13			X		31			X		49			X	
14			X		32	X				50			X	
15	X				33	A	E	B	A	51			X	
16	X				34			C		52			X	
17			X		35	BC	C'E'	EE'	B'	53			X	
18	X				36			X		54			X	

55		X		71	X				87		
56		X		72		X			88	X	X
57		X		73	X				89		X
58	X			74		X			90	X	
59		X		75			X		91		X
60	X			76		X			92		X
61		X		77		X			93	X	
62		X		78				X	94		X
63		X		79		X			95	X	
64		X		80				X	96	X	
65			X	81				X	97		X
66			X	82			X		98		X
67			X	83			X	X	99		X
68			X	84		X		X	100		X
69			X	85			X				
70			X	86				X			

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

(LÝ THUYẾT VÀ BÀI TẬP)

X Câu 1 :

Kinh tế quốc tế là:

- X a. Môn học ứng dụng của kinh tế học.
- X b. Nghiên cứu kinh tế của các nước trên thế giới.
- X c. Nghiên cứu lịch sử kinh tế quốc tế.
- d. a, b, c đều đúng.

Câu 2 :

X Đặc điểm của mậu dịch quốc tế so với mậu dịch quốc gia là:

- X a. Có lợi hơn.
- b. Nhiều sản phẩm trao đổi hơn.
- c. Gắn liền với các hình thức hạn chế mậu dịch.
- d. Chính trị ổn định hơn.

Câu 3 :

Tính tổng quát hóa của quy luật lợi thế so sánh so với lý thuyết lợi thế tuyệt đối là:

- a. Thu lợi nhuận hơn từ mậu dịch.
- b. Không có các hình thức cản trở mậu dịch.
- c. Chênh lệch về giá ít hơn.
- d. Một nước được coi là “kém nhất” vẫn có lợi thế khi giao thương với một nước được coi là “tốt nhất”.

Bài tập sau đây dùng cho câu 4 đến câu 7.

Có số liệu cho trong bảng sau:

NSLD	Quốc gia 1	Quốc gia 2
Sản phẩm A	4	2
Sản phẩm B	1	3

Câu 4:

Cơ sở của mậu dịch quốc tế giữa hai quốc gia là:

- a. Lợi thế tuyệt đối.
- b. Lợi thế so sánh.
- c. Chi phí cơ hội.
- d. a, b, c đều đúng.

Câu 5 :

Mô hình mậu dịch của mỗi quốc gia là:

- a. Quốc gia 1 xuất A nhập B.
- b. Quốc gia 2 xuất A nhập B.
- c. Quốc gia 1 xuất B nhập A.
- d. Mậu dịch không xảy ra.

Câu 6 :

Mậu dịch giữa hai quốc gia sẽ không xảy ra ở tỷ lệ trao đổi:

- a. $6B = 4A$
- b. $4A = 4B$
- c. $6B = 6A$
- d. $4B = 8A$

Câu 7 :

Nếu hai quốc gia trao đổi với nhau theo tỷ lệ $4A = 5B$ thì thời gian tiết kiệm được là:

- | | |
|-------------------|-------------------|
| a. QG 1: 140 phút | c. QG 1: 240 phút |
| QG 2: 60 phút | QG 2: 60 phút |
| b. QG 1: 140 phút | d. QG 1: 240 phút |
| QG 2: 20 phút | QG 2: 20 phút |

Bài tập sau đây dùng cho câu 8 đến câu 10.

Có số liệu cho trong bảng sau:

NSLĐ (số lượng sản phẩm / giờ)	Quốc gia 1	Quốc gia 2
X	1	4
Y	2	2

Câu 8 :

Chi phí cơ hội của mỗi quốc gia về mỗi sản phẩm là:

- a. Chi phí cơ hội của sản phẩm X ở Quốc gia 1 là $\frac{1}{2}$
- b. Chi phí cơ hội sản phẩm Y ở Quốc gia 1 là $\frac{1}{2}$
- c. Chi phí cơ hội sản phẩm X ở Quốc gia 2 là 2.
- d. Chi phí cơ hội sản phẩm Y ở Quốc gia 2 là $\frac{1}{2}$

Câu 9 :

Giả sử một giờ lao động ở Quốc gia 1 được trả \$ 4; một giờ lao động ở Quốc gia 2 trả f 8. Để mậu dịch xảy ra theo mô hình: Quốc gia 1 xuất Y, nhập X và Quốc gia 2 xuất X, nhập Y, khung tỷ lệ trao đổi giữa 2 đồng tiền là:

- a. $R_{sf} < 5$
- b. $1/2 < R_{sf} < 4$
- c. $1/2 < R_{sf} < 2$
- d. $3/2 < R_{sf} < 2$

Câu 10:

Còn nợ

Làm rõ

Đóng 1 mảng trả cho người bán

Trong các tỷ lệ trao đổi sau đây, ở tỷ lệ nào mậu dịch không xảy ra.

a. $\frac{P_x}{P_y} = \frac{2}{3}$

c. $\frac{P_x}{P_y} = 3$

b. $\frac{P_x}{P_y} = 1$

d. $\frac{P_x}{P_y} = \frac{3}{2}$

Câu 11:

Chuyên môn hóa không hoàn toàn là:

- a. Chỉ sản xuất sản phẩm có lợi thế so sánh.
- b. Sản xuất cả hai sản phẩm với mức độ như nhau.
- c. Sản xuất nhiều hơn sản phẩm có lợi thế so sánh.
- d. Không sản xuất sản phẩm nào.

Đóng 1 mảng trả cho người kinh doanh và người bán

Câu 12: Đóng 1 mảng trả cho người kinh doanh và người bán

Lợi ích của mậu dịch là:

- a. Lợi ích của người tiêu dùng tăng lên sau khi mậu dịch xảy ra so với trước khi mậu dịch xảy ra.
- b. Lợi ích của người sản xuất tăng lên nhờ mậu dịch.

- c. Lợi ích của người tiêu dùng thế giới được mua giá rẻ hơn.
d. a, c đều đúng.

giá đồng tiền quốc gia giảm

Giá đồng tiền quốc gia giảm là do việc mua giá rẻ

Câu 13:

Kết quả sau khi mua bán:

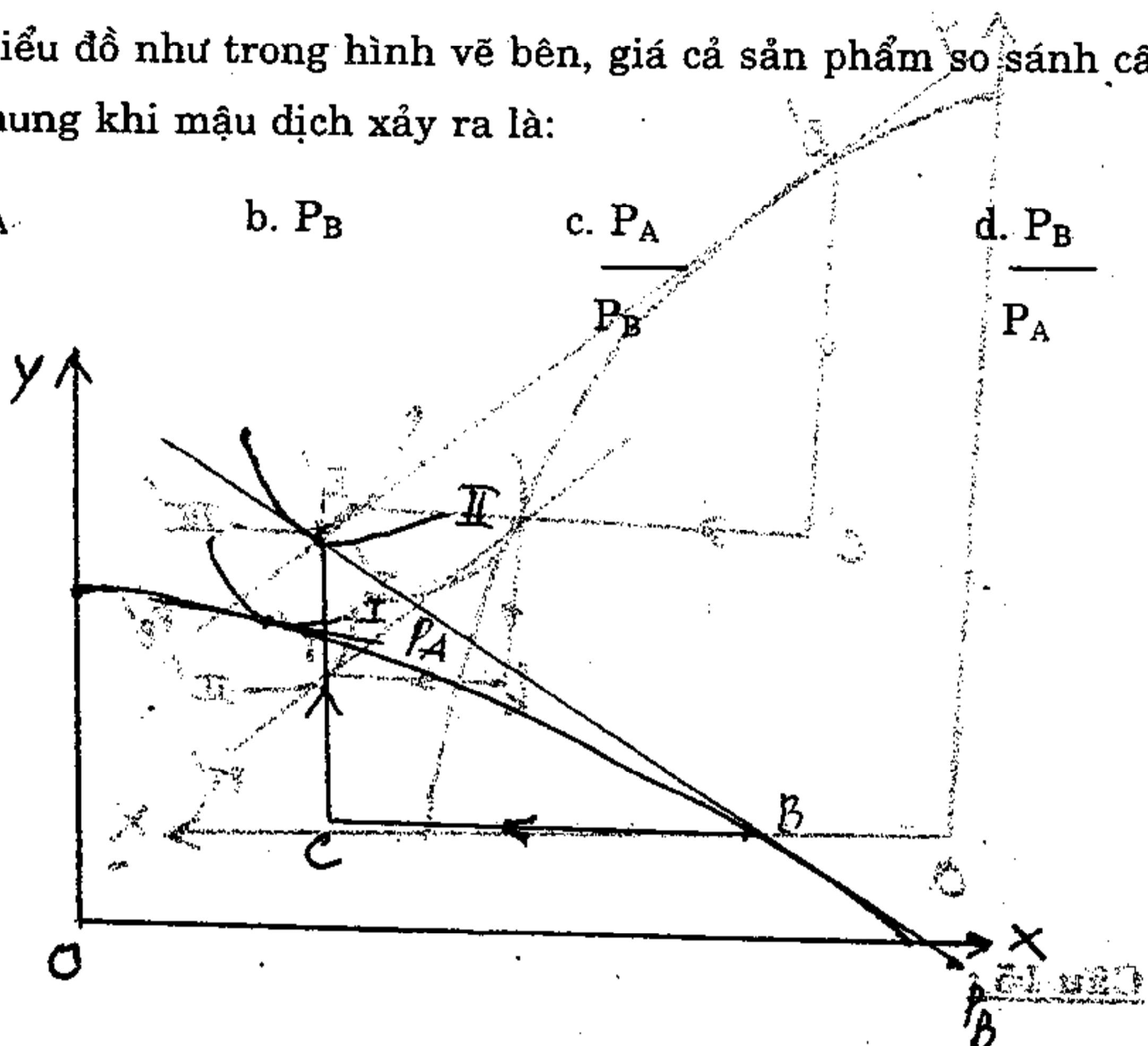
Có biểu đồ như trong hình vẽ bên, giá cả sản phẩm so sánh cân bằng chung khi mậu dịch xảy ra là:

a. P_A

b. P_B

c. $\overline{P_A}$

d. $\overline{P_B}$



nhập khẩu

Câu 14:

Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào mậu dịch không xảy ra giữa 2 Quốc gia:

a. Cung khác, cầu khác.

T - D .c

b. Cung giống, cầu khác.

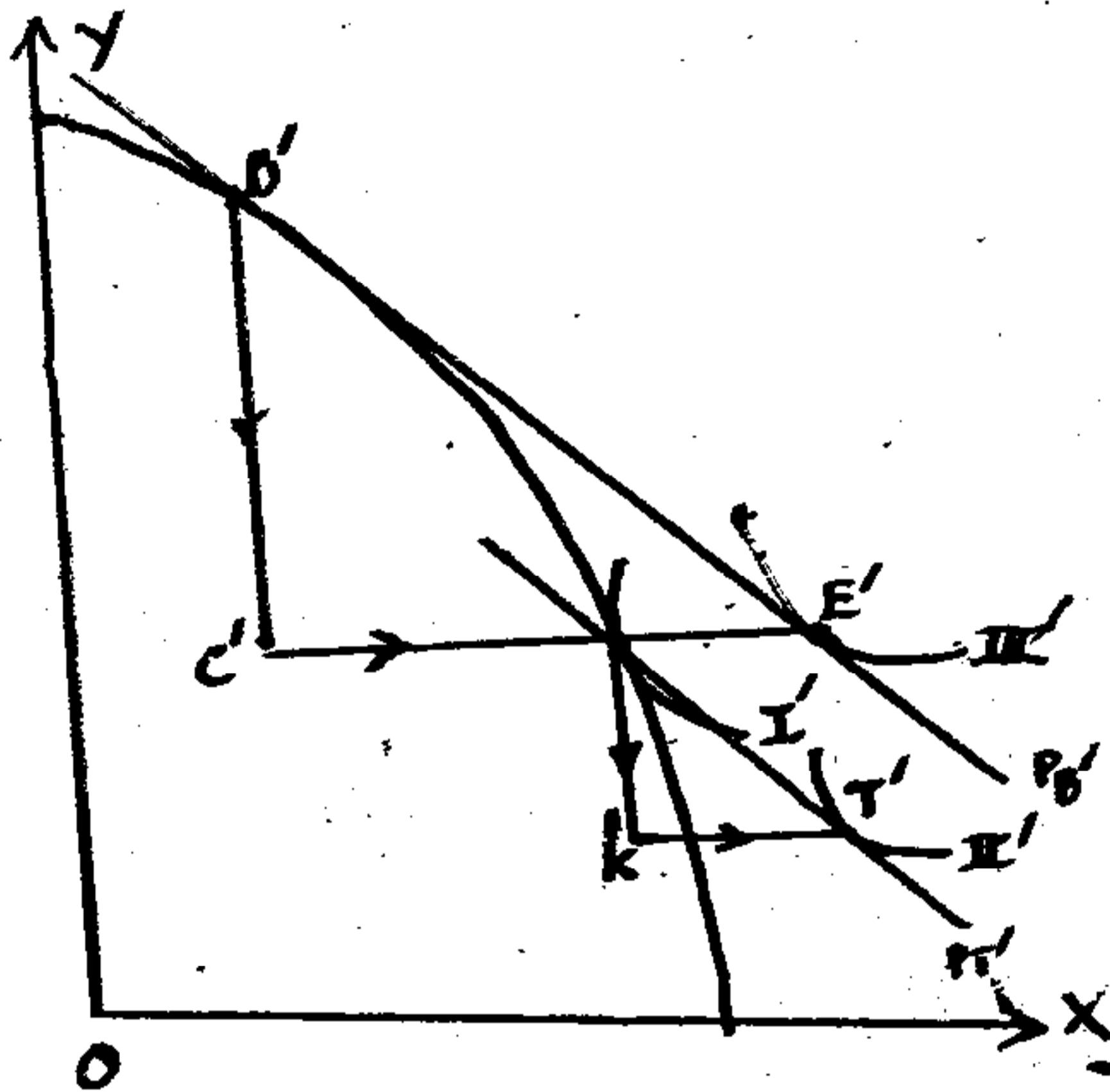
A - D .b

c. Cung khác, cầu giống.

d. Cung giống, cầu giống.

Bài tập sau đây dành cho câu 15 và câu 16:

Có biểu đồ như trong hình vẽ dưới



Câu 15 :

Lợi ích từ trao đổi là:

a. $T^* - A'$

b. $E^* - A^*$

c. $E^* - T^*$

d. $B^* - A'$

Câu 16 :

Lợi ích từ chuyên môn hóa là:

- a. $E' - A'$ b. $T' - A'$ c. $E' - T'$ d. $B' - A'$

Câu 17 :

Cơ sở của lý thuyết H – O là dựa vào:

- a. Sự khác biệt về nguồn lực sản xuất vốn có.
 b. Sự khác biệt về cung yếu tố sản xuất.
 c. a, b đều đúng.
 d. a, b đều sai,

Bài tập sau đây dùng cho các câu 18 đến câu 20.

Có số liệu cho trong bảng sau:

Chi phí sản xuất	Quốc gia 1		Quốc gia 2	
	K	L	K	L
Sản phẩm				
A	3	1	3	2
B	1	4	1	4
P_K / P_L	$5 / 3$		$1 / 2$	

Câu 18 :

- a. A thâm dụng lao động ở Quốc gia I.
- b. B.thâm dụng tư bản ở Quốc gia I.
- c. A thâm dụng tư bản ở Quốc gia II.
- d. a, b, c đều sai.

Câu 19 :

- a. Quốc gia I dư thừa lao động, khan hiếm tư bản.
- b. Quốc gia II dư thừa lao động, khan hiếm tư bản.
- c. Cả hai Quốc gia đều dư thừa lao động.
- d. Cả hai Quốc gia đều khan hiếm lao động.

Câu 20 :

Theo lý thuyết H – O, mô hình mậu dịch của mỗi Quốc gia là:

- | | |
|--------------------------------|-------------------------------|
| a. Quốc gia I xuất A, nhập B. | c. Quốc gia I xuất B, nhập A. |
| b. Quốc gia II xuất B, nhập A. | d. a, b, c đều sai. |

Câu 21:

Khi Việt Nam giao thương với Mỹ.

- a. Giá cả lao động Việt Nam sẽ tăng lên so với giá cả tư bản.

- b. Giá cả lao động ở Mỹ sẽ tăng lên so với giá cả tư bản.
- c. Giá cả lao động ở Việt Nam sẽ giảm so với giá cả tư bản.
- d. Giá cả tư bản ở Mỹ sẽ giảm so với giá cả lao động.

Câu 22 :

Trong các câu nói sau đây, câu nào không phù hợp với các lý thuyết về mậu dịch quốc tế.

- a. Mậu dịch quốc tế mang đến lợi ích cho tất cả các quốc gia.
- b. Mậu dịch quốc tế góp phần xóa bỏ dần sự cách biệt về giá cả các yếu tố sản xuất giữa các quốc gia.
- c. Mậu dịch quốc tế chỉ mang đến lợi ích cho các nước phát triển và thiệt hại cho các nước đang phát triển.
- d. Mậu dịch quốc tế làm cho sản xuất có hiệu quả hơn.

Câu 23 :

Thuế quan là một hình thức phân phối lại thu nhập.

a. Từ người sản xuất sang người tiêu dùng.

b. Từ người tiêu dùng sang người sản xuất.

c. Từ người sản xuất sang ngân sách của Chính phủ.

d. a, b, c đều sai.

Câu 24 :

Khi nước nhỏ đánh thuế quan, điều gì sau đây là không đúng:

- a. Giá trong nước tăng.
- b. Giá thế giới không thay đổi.
- c. Sản xuất trong nước giảm trong khi tiêu dùng tăng.
- d. Lợi ích thu được của quốc gia ít hơn thiệt hại mất đi.

Bài tập sau đây dùng cho các câu 25 đến câu 27.

Cho hàm cầu và hàm cung của một Quốc gia có dạng sau:

$$Q_{DX} = 160 - 10 P_X$$

$$Q_{SX} = 40 P_X - 40$$

Trong đó Q_{DX} , Q_{SX} là số lượng sản phẩm X tính bằng 1 đơn vị;
 P_X là giá cả sản phẩm tính bằng USD.

Giả thiết Quốc gia này là 1 nước nhỏ và giá thế giới là 2 USD.

Câu 25 :

Khi mở cửa mậu dịch tự do, giá tiêu dùng, sản xuất và nhập khẩu sản phẩm của Quốc gia lần lượt là:

- a. \$ 2, 100 X, 40 X, 60 X.
- b. \$ 4, 120 X, 120 X, 0 X.
- c. \$ 2, 140 X, 40 X, 100 X.
- d. \$ 2, 140 X, 60 X, 80 X.

Câu 26 :

Nếu Chính phủ đánh thuế quan 50% lên giá trị sản phẩm X, giá cả, tiêu dùng, sản xuất và nhập khẩu sản phẩm X của quốc gia lần lượt là:

- a. \$ 4, 120 X, 20 X, 100 X.
- b. S 3, 130 X, 80 X, 50 X.
- c. \$ 3, 100 X, 80 X, 20 X.
- d. a, b, c đều sai.

Câu 27 :

Số dư của người sản xuất tăng lên, số dư của người tiêu dùng giảm đi, ngân sách Chính phủ tăng lên, và thiệt hại ròng ở quốc gia lần lượt là:

- a. \$ 50, \$ 125, \$ 60; \$ 15.
- b. \$ 60, \$ 135, \$ 50, \$ 25.
- c. \$ 60, \$ 135, \$ 50, \$ 25.
- d. \$ 50, \$ 125, \$ 50, \$ 15.

Bài tập sau đây dành cho câu 28 và câu 29.

Sản phẩm A có giá trị là 300 USD, trong đó giá trị nguyên liệu nhập là 100 USD, thuế quan đánh trên sản phẩm A là 10%, thuế quan đánh trên nguyên liệu nhập là 5%.

Câu 28 :

Tỷ lệ bảo hộ thực sự cho người sản xuất là:

- a. 15%
- b. 12,5%
- c. 10,5%
- d. 20%

Câu 29 :

Khi thuế quan đánh trên nguyên liệu nhập là 10%, tỷ lệ bảo hộ thực sự cho người sản xuất là:

- a. 10,5%
- b. 12,5%
- c. 10%
- d. 20%

Câu 30 :

Thuế quan ngăn cấm là mức thuế quan mà tại đó:

- a. Triệt tiêu toàn bộ lợi ích do mậu dịch tự do mang lại.
- b. Điểm sản xuất quay về trạng thái tự cung, tự cấp.
- c. Người sản xuất được bảo hộ ở mức cao nhất.
- d. a, b, c đều đúng.

Câu 31 :

Ở tư cách người sản xuất thích Chính phủ hạn chế mậu dịch bằng quota hòn là thuế quan vì:

- a. Tiêu dùng tăng, giá cả giảm.
- b. Tiêu dùng tăng, sản xuất giảm.
- c. Tiêu dùng giảm, sản xuất tăng.
- d. Tiêu dùng tăng, sản xuất tăng.

Câu 32 :

Người có lợi nhuận nhất trong trường hợp Chính phủ trợ cấp xuất khẩu là

- a. Nhà sản xuất trong nước.
- b. Người tiêu dùng trong nước.
- c. Người tiêu dùng nước ngoài.
- d. Chính phủ của nước trợ cấp.

Nhà sản xuất nước ngoài III sẽ không bị ảnh hưởng bởi thuế

Câu 33 :

Trong các lý lẽ biện minh cho chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch sau đây, lý lẽ nào là tốt nhất loại I.

- a. Chống lại lao động rẻ mạt ở nước ngoài.
- b. Bảo vệ lối sống.
- c. Bảo vệ ngành công nghiệp còn non trẻ.
- d. Cứu trợ một ngành công nghiệp bị tổn thương.

Bài tập sau đây dành cho các câu 34 đến câu 36.

Có số liệu cho trong bảng sau:

Quốc gia	Kết quả kinh doanh	Lý do	H	III
Giá cả sản phẩm X (USD)	10	8	6	

Câu 34 :

Nếu Quốc gia I đánh thuế quan không phân biệt 100% lên sản phẩm X nhập khẩu từ Quốc gia II và Quốc gia III, giá sản phẩm X ở Quốc gia I sẽ là:

- a. $P_X = \$ 10$. b. $P_X = \$ 12$. c. $P_X = \$ 8$. d. $P_X = \$ 6$.

Câu 35 :

Nếu Quốc gia I liên kết với Quốc gia III trong một liên hiệp quan thuế, liên hiệp quan thuế đó là:

- a. Chuyển hướng mậu dịch. c. Vừa chuyển hướng, vừa tạo lập.
b. Tạo lập mậu dịch. d. a, b, c, đều sai.

Câu 36 :

Nếu Quốc gia I chuyển sang liên kết với Quốc gia II trong một liên hiệp quan thuế, giá sản phẩm X ở Quốc gia I bây giờ sẽ là:

- a. $P_X = \$ 10$. b. $P_X = \$ 8$. c. $P_X = \$ 6$. d. $P_X = \$ 12$.

Câu 37 :

Trong các đặc trưng sau đây, đặc trưng nào là không thuộc chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu ở các nước đang phát triển.

- a. Hướng mạnh ra thị trường thế giới.
- b. Xuất khẩu hàng hóa tiêu dùng.
- c. Không nhập khẩu hàng tiêu dùng.
- d. Áp dụng nhiều chính sách để khuyến khích xuất khẩu.

Câu 38 :

Mậu dịch ở các nước đang phát triển gặp nhiều khó khăn vì:

- a. Sản xuất ít, quy mô nhỏ.
- b. Khả năng cạnh tranh kém.
- c. Xuất khẩu không ổn định.
- d. a, b, c đều đúng.

Câu 39 :

APEC là hình thức liên kết kinh tế quốc tế thuộc về:

- a. Khu mậu dịch tự do.
- b. Liên hiệp thuế quan.
- c. Thị trường chung.
- d. Cả a, b, c đều sai.

Câu 40 :

Liên minh châu Âu chính thức đi vào hoạt động:

- a. Năm 1990
- b. Năm 1993
- c. Năm 1995
- d. Cả a, b, c đều sai.

Câu 41 :

Đóng Bán Quốc Tế (Còn gọi là thương mại quốc tế)

- Việt Nam tham gia AFTA vào năm:
- a. Năm 1995
 - b. Năm 1996
 - c. Năm 1997
 - d. Cả a, b, c đều sai

Câu 42 :

Khi các nước ASEAN thành lập thị trường chung thì:

- a. Singapore sẽ nhập khẩu lao động từ Việt Nam.
- b. Việt Nam sẽ nhập khẩu vốn từ Singapore.
- c. Cả a, b đều đúng.
- d. Cả a, b đều sai

Câu 43 :

Hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam là:

- a. Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- b. Xây dựng, khai thác, chuyển giao.
- c. Xí nghiệp 100% vốn nước ngoài.
- d. Cả a, b, c đều đúng.

Câu 44 :

Hiện nay Chính phủ Việt Nam đang áp dụng tỷ giá hối đoái:

- a. Thả nổi tự do.
- b. Thả nổi có quản lý.
- c. Cố định.
- d. Cả a, b, c đều sai.

Câu 45 :

Một trong các khoản cung ngoại tệ của Việt Nam là:

- a. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- b. Chuyên gia nước ngoài được Việt Nam thuê làm việc.
- c. Lao động Việt Nam đang làm việc tại các doanh nghiệp nước ngoài.
- d. Cả a, b, c đều sai.

Câu 46 :

Tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam: 1 USD = 14.000 VND;
1 USD = 5 DEM; 1 DEM = 7 Bath :

- a. 1 Bath = 400 VND.
- b. 1 Bath = 500 VND.
- c. 1 Bath = 600 VND.
- d. 1 Bath = 700 VND.

Câu 47 :

Trong ngắn hạn sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường ngoại hối bằng phương pháp:

- a. Trợ cấp xuất khẩu.
- b. Hạn chế nhập khẩu.
- c. Mua, bán ngoại tệ.
- d. Khuyến khích đầu tư nước ngoài.

Câu 48 :

Có tài liệu về tỷ giá tại các trung tâm tài chính như sau:

Tại New York: 1 GBP = 2 USD. Tại London: 1 GBP = 250 JPY. Tại Tokyo: 1 USD = 125 JPY.

Nếu nhà buôn bán tiền tệ có 200 triệu USD và tham gia thị trường mua bán tiền tệ sẽ có lời:

- a. 100.000 USD.
- b. 150.000 USD.
- c. 200.000 USD.
- d. Tất cả đều sai.

Câu 49 :

Tỷ giá hối đoái tác động đến:

- a. Ngoại thương.
- b. Đầu tư nước ngoài.
- c. Nợ nước ngoài.
- d. Tất cả đều đúng.

Câu 50 :

Đồng ngoại tệ tăng giá, đồng nội tệ giảm giá có lợi cho:

- a. Xuất khẩu.
- b. Nhập khẩu.
- c. Đầu tư nước ngoài.
- d. Tất cả đều sai.

Câu 51 :

Cơ sở 2 quốc gia giao thương với nhau là do:

- a. Sự khác biệt về nguồn tài nguyên thiên nhiên
- b. Sự khác biệt về lao động và trình độ sử dụng nguồn lao động
- c. Tính hiệu quả nhờ quy mô
- d. a, b, c đều đúng

Câu 52 :

Trong MDQT; nước nhỏ là nước:

- a. Có diện tích bé nhất
- b. Có dân số ít nhất
- c. Cạnh tranh hoàn toàn
- d. Cạnh tranh không hoàn toàn

Bài tập sau đây dành cho câu 53, 54

Có số liệu cho trong bảng sau:

Chi phí lao động	Quốc gia I	Quốc gia II
Số giờ / 1 sản phẩm X	2	3
Số giờ / 1 sản phẩm Y	1	2

Câu 53 :

- a. Quốc gia I có LTTĐ về sản phẩm X
- b. Quốc gia II có LTTĐ về sản phẩm Y
- c. Quốc gia I có LTTĐ ở cả 2 sản phẩm
- d. Quốc gia II có LTTĐ ở cả 2 sản phẩm

Câu 54 :

- a. Quốc gia I có LTSS ở sản phẩm X
- b. Quốc gia II có LTSS ở sản phẩm Y
- c. Quốc gia I có LTSS ở sản phẩm Y
- d. Quốc gia II có LTSS ở cả 2 sản phẩm

Câu 55 :

Có số liệu cho trong bảng sau:

Năng suất lao động (số sp / 1 giờ)	Quốc gia I	Quốc gia II
Sản phẩm A	2	4
Sản phẩm B	3	6

Mâu dịch ở 2 quốc gia không xảy ra vì:

- a. Quốc gia I có LTTĐ ở cả 2 sản phẩm
- b. Quốc gia II có LTSS ở cả 2 sản phẩm
- c. Quốc gia I không có LTTĐ ở sản phẩm nào
- d. Không có quốc gia nào có LTSS về sản phẩm nào

Câu 56 :

Một sản phẩm có giá trị xuất khẩu trong năm là 200 triệu USD, tổng giá trị xuất khẩu của quốc gia năm đó là 11,5 tỷ USD. Giá trị xuất khẩu sản phẩm đó của thế giới là 5 tỷ USD, tổng giá trị xuất khẩu của thế giới là 5200 tỷ USD. Sản phẩm này có:

- a. LTSS

b. Không có LTSSS

c. LTSS cao

d. LTSS rất cao

Bài tập sau đây dành cho các câu từ 57 đến 62:

Năng suất LD	Quốc gia	I	II
Số lượng sp X / người-giờ		4	1
Số lượng sp Y / người-giờ		3	2

Giả thiết rằng nếu 2 quốc gia dùng toàn bộ tài nguyên thì 1 năm quốc gia I sản xuất được 200 triệu sản phẩm X hoặc 150 triệu sản phẩm Y và quốc gia II sản xuất được 50 triệu sản phẩm X hoặc 100 triệu sản phẩm Y

Câu 57 :

Như vậy, khi MD xảy ra các quốc gia này là:

- a. Chuyên môn hóa hoàn toàn
- b. Chuyên môn hóa không hoàn toàn
- c. Quốc gia I chỉ sản xuất sản phẩm Y
- d. Quốc gia II chỉ sản xuất sản phẩm X

Câu 58 :

Giá cả sản phẩm so sánh sản phẩm X (P_X / P_Y) của quốc gia I là:

- a. 4/3
- c. 3/4
- b. 1/2
- d. 2

Câu 59 :

Giá cả sản phẩm so sánh sản phẩm Y (P_Y / P_X) của quốc gia II là

- a. 1/2
- c. 4/3
- b. 2
- d. 3/4

Nếu trước khi MD xảy ra, các điểm tự cung tự cấp của 2 quốc gia lần lượt là : A (120X, 60Y), A'(40X, 20Y).

Giả sử lấy tỷ lệ trao đổi $P_X / P_Y = 1$ ($60X = 60Y$).

Câu 60 :

Lợi ích MD của quốc gia I là:

- a. 0X và 20Y
- c. 40X và 20Y
- b. 20X và 0Y
- d. Không có lợi gì

Câu 61 :

Lợi ích MD của quốc gia II là:

- a. 40X và 40Y
- c. 20X và 40Y
- b. 40X và 20Y
- d. 20X và 20Y

Câu 62 :

Ở tỷ lệ trao đổi nào dưới đây, MD không xảy ra giữa 2 quốc gia:

- a. $P_X / P_Y = 3/2$
- c. $P_X / P_Y = 6/5$
- b. $P_X / P_Y = 7/3$
- d. $P_X / P_Y = 1$

Câu 63 :

Sai lầm của phái trọng thương là:

- a. Hiểu sai về khái niệm “Mậu dịch quốc tế”
- b. Một quốc gia chỉ có thể thu lợi trên sự hy sinh của các quốc gia khác
- c. Hiểu sai về khái niệm “Tài sản quốc gia”
- d. a, b, c đều đúng

Câu 64 :

Theo Adam Smith, lợi thế tuyệt đối là:

- a. Sự khác nhau một cách tuyệt đối về năng suất lao động
- b. Sự khác biệt một cách tuyệt đối về chi phí lao động
- c. a, b đều đúng
- d. a, b đều sai

Câu 65 :

Trên thực tế, chi phí cơ hội lại tăng vì:

- a. Tài nguyên có giới hạn
- b. Mỗi sản phẩm có 1 lượng tài nguyên thích hợp với nó
- c. Càng gia tăng sản xuất sản phẩm này càng phải hy sinh sản xuất sản phẩm khác nhiều hơn
- d. a, b, c đều đúng

Câu 66 :

Giá cả sản phẩm so sánh cân bằng nội địa là:

- a. Giá cả sản phẩm so sánh
- b. Chi phí cơ hội

- c. Giá cả tương đối của sản phẩm khi chưa có MD xảy ra
- d. a, b, c đều đúng

Câu 67 :

Việt Nam xuất khẩu hàng dệt may, giày dép,... ; nhập khẩu máy móc thiết bị,... Mô hình MD như thế được giải thích bằng :

- a. Lý thuyết H-O
- b. Lý thuyết H-O-S
- c. Lý thuyết lợi thế so sánh
- d. a, b, c đều đúng

Câu 68 :

Lý thuyết H-O-S một lần nữa đề cao tính ưu việt của MD tự do vì :

- a. Mang đến lợi ích cho người tiêu dùng tăng lên
- b. Mang đến lợi ích cho người sản xuất tăng lên
- c. Mang đến lợi ích cho cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng
- d. Xóa bỏ dần sự cách biệt giá cả các YTSX giữa các quốc gia

Câu 69 :

Mặc dù Tổ chức công đoàn ở các nước tư bản phát triển thường đấu tranh đòi Chính phủ phải đóng cửa MD tự do, nhưng không vì thế mà Chính phủ các nước này đóng cửa MD chỉ vì:

- a. Rất hiểu thế nào là lợi ích do MD tự do mang lại
- b. Cái lợi thu được nhiều hơn so với cái hại mất đi
- c. Bảo vệ quyền lợi cho người chủ sở hữu tư bản
- d. Bóc lột lao động làm thuê

Câu 70 :

Giá cả sản phẩm so sánh cân bằng chung khi MD xảy ra giữa 2 quốc gia là:

- a. Giá cả sản phẩm so sánh mà ở đó lợi ích của 2 quốc gia là bằng nhau
- b. Giá cả sản phẩm so sánh mà ở đó MD là cân đối
- c. Giá cả sản phẩm so sánh mà ở đó xuất khẩu của quốc gia I bằng xuất khẩu của quốc gia II
- d. a, b, c đều sai

Câu 71 :

Người lao động ở các nước đang phát triển thích Chính phủ mở cửa MD tự do vì:

- a. Đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của họ
- b. Thích xài hàng ngoại
- c. Giá cả lao động tăng lên
- d. Sản xuất nội địa kém phát triển

Bài tập sau đây dành cho câu 72 và 73:

Cho 2 đường giới hạn khả năng sản xuất là những đường cong lõm từ gốc tọa độ, giá cả sản phẩm so sánh cân bằng nội địa của quốc gia I là $P_X / P_Y = 2/3$; của quốc gia II là $P_X / P_Y = 2$

Câu 72 :

Mô hình MD của 2 quốc gia là:

- a. Quốc gia I xuất X nhập Y
Quốc gia II xuất Y nhập X
- b. Quốc gia I xuất Y nhập X
Quốc gia II xuất X nhập Y
- c. Quốc gia I xuất cả 2 sản phẩm

Quốc gia II không xuất sản phẩm nào

- d. Tất cả đều sai

Câu 73 :

Giả thiết khi chưa có MD xảy ra, các điểm tự cung, tự cấp của 2 quốc gia lần lượt là A (50X, 60Y) và A' (40X, 80Y). Với chuyên môn hóa không hoàn toàn, giả sử các điểm sản xuất sẽ đạt tới B (150X, 40Y) và B' (60X, 180Y). Nếu tỷ lệ trao đổi $50X = 50Y$, lợi ích MD của mỗi quốc gia sẽ là:

- a. Quốc gia I lợi 30X, 50Y ; Quốc gia II lợi 70X, 50Y
- b. Quốc gia I lợi 50X, 30Y ; Quốc gia II lợi 70X, 50Y
- c. Quốc gia I lợi 50X, 30Y ; Quốc gia II lợi 40X, 80Y
- d. Quốc gia I lợi 80X, 40Y ; Quốc gia II lợi 60X, 30Y

Bài tập sau đây dành cho các câu 74, 75 và 76:

Một quốc gia có giá cả sản phẩm so sánh cân bằng nội địa $P_A = P_X / P_Y = 1/4$, giá cả sản phẩm so sánh cân bằng nội địa của thế giới $P_W = P_X / P_Y = 1$

Câu 74 :

Nếu quốc gia này là 1 nước lớn, giá cả sản phẩm so sánh cân bằng chung sẽ là:

- a. $P_X / P_Y = 1/4$
- c. $1/4 < P_X / P_Y < 1$
- b. $P_X / P_Y = 1$
- d. Tất cả đều đúng

Câu 75 :

Nếu quốc gia này là 1 nước nhỏ, giá cả sản phẩm so sánh cân bằng chung khi MD xảy ra sẽ là:

- a. $P_X / P_Y = 1/4$
- c. $1/4 < P_X / P_Y < 1$
- b. $P_X / P_Y = 1$
- d. Tất cả đều sai

Câu 76 :

Xét về lý thuyết, quốc gia nhỏ có lợi hơn quốc gia lớn do:

- a. Chênh lệch về giá
- b. Nhập khẩu ít, xuất khẩu nhiều
- c. Tinh linh hoạt cao hơn
- d. a, b, c đều sai

Câu 77 :

Thiệt hại ròng khi Chính phủ đánh thuế quan phản ánh:

- a. Duy trì 1 ngành không có LTSS
- b. Bảo hộ sản xuất trong nước
- c. Tạo công ăn việc làm, chống thất nghiệp
- d. a, b, c đều đúng

Câu 78 :

Tỷ lệ bảo hộ thực sự phản ánh

- a. Tỷ lệ nguyên liệu nhập
- b. Lợi ích của người sản xuất
- c. Nhờ có bảo hộ, trị giá gia tăng của người sản xuất tăng được là bao nhiêu
- d. a, b, c đều đúng

Câu 79 :

Nước nhỏ đánh thuế quan thiệt hại hơn nước lớn đánh thuế quan vì:

- a. Không chi phối được giá cả thế giới

- b. Bị nước lớn chèn ép
- c. Trình độ phát triển thấp
- d. a, b, c đều đúng

Câu 80 :

Thuế quan tối ưu là mức thuế quan mà tại đó:

- a. Tỷ lệ MD tăng chống lại được sự suy giảm của khối lượng MD
- b. Nước nhỏ không bao giờ đạt tới
- c. Thường dẫn đến sự trả đũa
- d. a, b, c đều đúng

Câu 81 :

Nước nhỏ không đánh được thuế quan tối ưu vì:

- a. Không có khả năng chi phối được giá cả
- b. Không có khả năng làm thay đổi tỷ lệ MD khi đánh thuế quan
- c. Cầu co dãn hoàn toàn
- d. a, b, c đều đúng

Câu 82 :

Để khắc phục tiêu cực do phân phối giấy phép trong hạn chế MD bằng quota, cách nào sau đây là triệt để nhất:

- a. Bán giấy phép cho các nhà nhập khẩu
- b. Bán đấu giá giấy phép trên 1 thị trường MD tự do
- c. Phân phối cho những đơn vị thực sự có năng lực nhập khẩu
- d. Không có cách nào cả

Bài tập sau đây dùng cho các câu từ 83 đến 86

$$Q_{DX} = 80 - 10P_X ; Q_{SX} = 20 + 5P_X$$

Trong đó Q_{DX} , Q_{SX} là số lượng sản phẩm X tính bằng 1 đơn vị, P_X là giá cả sản phẩm tính bằng 1000 USD. Giả thiết quốc gia này là 1 nước nhỏ và giá thế giới là 6000 USD.

Câu 83 :

Thị trường sản phẩm X của quốc gia khi mở cửa MD tự do là:

- a. $P_X = \$6000$; $SX = 50X$; $TD = 20X$; $XK = 30X$
- b. $P_X = \$4000$; $SX = 40X$; $TD = 40X$; $XK = 0X$
- c. $P_X = \$6000$; $SX = 100X$; $TD = 20X$; $XK = 80X$
- d. $P_X = \$4000$; $SX = 50X$; $TD = 20X$; $XK = 30X$

Câu 84 :

Nếu Chính phủ tiến hành trợ cấp 2000USD cho 1 đơn vị sản phẩm X xuất khẩu, tỷ lệ trợ cấp là:

- a. 50%
- c. 25%
- b. 33,3%
- d. a, b, c đều sai

Câu 85 :

Với mức trợ cấp như trên, số dư người sản xuất tăng lên, ngân sách Chính phủ giảm đi và thiệt hại ròng của quốc gia lần lượt là:

- a. 90.000 USD ; 20.000 USD ; 120.000 USD và 50.000 USD
- b. 90.000 USD ; 20.000 USD ; 120.000 USD và 30.000 USD
- c. 110.000 USD ; 20.000 USD ; 120.000 USD và 10.000 USD
- d. 11.000 USD ; 50.000 USD ; 120.000 USD và 20.000 USD

Câu 86 :

* Dù biết rằng trợ cấp xuất khẩu là không có lợi nhưng Chính phủ các nước vẫn tiến hành trợ cấp vì:

- a. Thủ nghiệm vị thế 1 sản phẩm mới trên thị trường thế giới
- b. Để mở rộng sản xuất, tạo công ăn việc làm

c. Các nhà sản xuất, các nhà xuất khẩu đã mua chuộc, lôi kéo Chính phủ

d. a, b, c đều đúng

Câu 87 :

Đặc điểm của các hình thức hạn chế MD phi thuế quan là:

a. Bảo hộ rất chặt chẽ đối với người sản xuất

b. Rất tác hại đối với người tiêu dùng

c. Đa dạng, phong phú

d. a, b, c đều đúng

Câu 88 :

Liên hiệp quan thuế là liên kết mà trong đó các nước thành viên

a. Thống nhất một mức thuế quan chung để đánh ra bên ngoài với những nước không phải là thành viên

b. Giảm thuế quan và cắt bỏ hạn ngạch nhập khẩu

c. Cho phép di chuyển tự do lao động và tư bản

d. a, b, c đều sai

Câu 89 :

Liên hiệp kinh tế là hình thức liên kết kinh tế cao nhất vì:

- a. Thống nhất về kinh tế tài chính
- b. Sử dụng một đồng tiền chung
- c. Sử dụng một tiếng nói chung
- d. a, b, c đều đúng

Câu 90 :

AFTA là hình thức liên kết:

- a. Khu vực MD tự do
- b. Liên hiệp quan thuế
- c. Thị trường chung
- d. Liên hiệp kinh tế

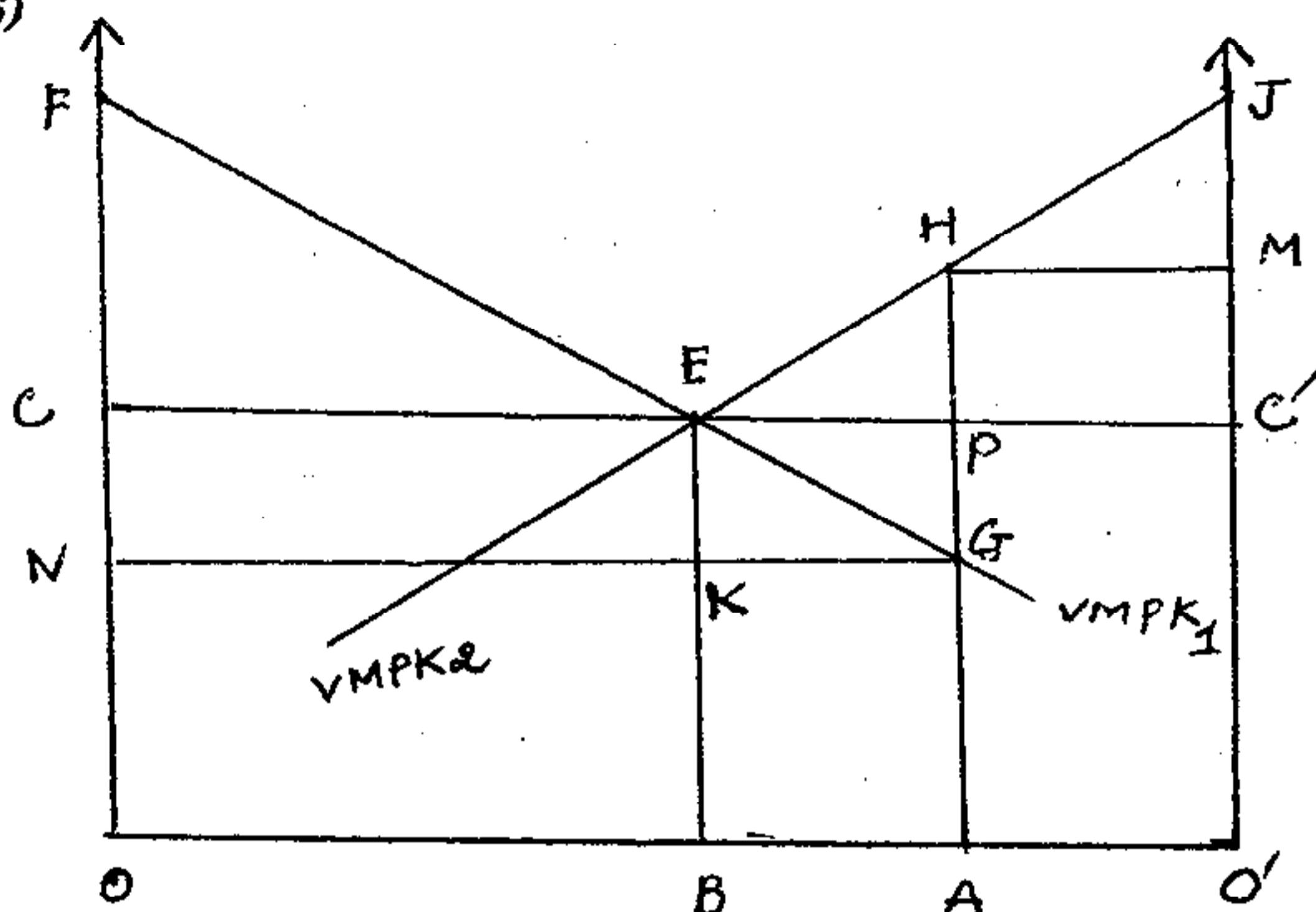
Câu 91 :

Khi AFTA trở thành một liên hiệp quan thuế

- a. Lao động sẽ di chuyển tự do giữa 10 nước thành viên
- b. 10 nước sẽ sử dụng một đồng tiền chung
- c. giữa 10 nước thành viên sẽ thống nhất một mức thuế quan chung để đánh ra bên ngoài với những nước không phải là thành viên

d. a, b đều sai

Cho biểu đồ như hình vẽ dưới (dùng cho các câu từ 92 đến 96)



Câu 92 :

Giá cả tư bản của quốc gia I khi chưa có sự di chuyển tư bản là:

- a. OC
- b. ON
- c. O'C'
- d. O'M'

Câu 93 :

Giá cả tư bản cân bằng sau khi có sự di chuyển tư bản là:

- a. OC
- b. EB
- c. OC = O'C
- d. Tất cả đều đúng

Câu 94 :

Lợi ích mậu dịch của quốc gia I là:

- a. Tam giác KEG
- b. Tam giác GEP
- c. Tam giác PEH
- d. Tam giác GEH.

Câu 95 :

Thu nhập của người lao động giảm ở quốc gia I sau khi di chuyển tư bản sang quốc gia II thể hiện ở:

- a. Tam giác CEF so với tam giác NGF
- b. Tam giác KEG so với tam giác GEP
- c. Tam giác GEP so với tam giác PEH
- d. Tất cả đều sai

Câu 96 :

Thu nhập của người chủ sở hữu TLSX (nhà TB) tăng lên ở quốc gia I thể hiện ở:

- a. S_{OCEB} so với S_{BEPA}
- b. S_{ONGA} so với S_{NFG}
- c. S_{ONGA} so với S_{occo}
- d. Tất cả đều sai

Câu 97 :

Tỷ lệ MD ở các nước đang phát triển suy giảm vì:

- a. Cơ cấu hàng xuất nhập khẩu
- b. Yếu kém trong công tác tổ chức XNK
- c. Không thay đổi được tỷ lệ MD
- d. a, b, c đều đúng

Câu 98 :

Thị trường ngoại hối khác với thị trường hàng hóa, dịch vụ ở chỗ:

- a. Mô hình trao đổi
- b. Đổi tương trao đổi
- c. Đặc điểm trao đổi
- d. a, b, c đều đúng

Câu 99 :

Có tài liệu về tỷ giá hối đoái tại các Trung tâm tài chính như sau:

- Tại New York: 1 GBP = 2,5 USD

- Tại London: 1 GBP = 250 JPY
- Tại Singapore: 1 USD = 110 JPY

Nếu nhà buôn bán tiền tệ có trong tay 200 triệu USD và tham gia vào thị trường mua, bán tiền tệ sẽ có lời là:

- a. 25 triệu USD
- b. 20 triệu USD
- c. 25,5 triệu USD
- d. Tất cả đều sai

Câu 100 :

“Mậu dịch tự do là có lợi nhất” vì:

- a. Làm tăng khả năng tiêu dùng của dân chúng
- b. Góp phần xoá bỏ sự cách biệt một cách tương đối giá cả các yếu tố sản xuất giữa các quốc gia
- c. Làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các quốc gia
- d. a, b, c đều đúng

ĐÁP ÁN :

	a	b	c	d		a	b	c	d		a	b	c	d
1	x				19	x				37			x	
2		x			20			x		38			x	
3		x	21	x						39			x	
4	x				22			x		40		x		
5	x				23		x			41		x		
6	x				24			x		42		x		
7		x	25				x			43			x	
8	x				26		x			44		x		
9		x	27			x				45		x		
10		x	28			x				46	x			
11		x	29				x			47		x		
12			x	30				x	48				x	
13	x				31			x	49				x	
14			x	32			x			50	x			
15	x				33			x		51			x	
16		x			34	x				52			x	
17		x			35		x			53		x		
18		x			36		x			54		x		

55			x	71		x		87				x
56			x	72	x			88	x			
57	x			73		x		89				x
58		x		74		x		90	x			
59	x			75		x		91			x	
60		x		76	x			92		x		
61			x	77	x			93			x	
62		x		78		x		94		x		
63			x	79	x			95	x			
64			x	80			x	96				x
65			x	81			x	97				x
66			x	82		x		98				x
67	x			83	x			99		x		
68			x	84	x			100				x
69		x		85		x						
70		x		86			x					

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phó Tiến sĩ Hoàng Thị Chỉnh – ‘ Bài tập Kinh tế quốc tế ’ – Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh – 1995.
2. David Begg, Stanley Fischer and Rudiger Dornbusch 'Kinh tế học' do trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà nội dịch năm 1992.
3. Dominick Salvatore 'Theory and problems of International Economics' Mc Graw-Hill. INC – 1990
4. Dominick Salvatore ' International Economics ' prentice Hall, Englewood cliffs, New Jersey, 1995, Fifth Editon
5. Paul A.Samuelson and William D.Nordhaus ' Kinh tế học ' do viện quan hệ quốc tế dịch – hà Nội – 1989
6. Paul R.Krugman, Maurice Obstfeld ' International Economics – Theory and policy ' harper collins publishers NewYork, 1991, Second edition.
7. Miltiades chacholiades ' International Economics ' – McGraw - Nill – publishing company – 1990.
8. Robert J.Carbaugh 'International Economics ' – South – Western college publishing – 1995, fifth edition.
9. Thạc sĩ Trần Bích Vân, Nguyễn Quốc Khanh, Nguyễn Thị Hằng Nga ' Đề cương Kinh tế quốc tế ' – Trường Đại học tài chính kế toán - 1996,

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

1

PHẦN I : LÝ THUYẾT VÀ BÀI TẬP

CHƯƠNG I : Nhữn g Vấn Đề Chung Về Kinh Tế Quốc Tế	3
CHƯƠNG II : Lý Thuyết Cổ Điển Về Mậu Dịch Quốc Tế	7
CHƯƠNG III : Lý Thuyết Hiện Đại Về Mậu Dịch Quốc Tế	17
CHƯƠNG IV : Thuế Quan – Một Hình Thức Hạn Chế Mậu Dịch	29
CHƯƠNG V : Nhữn g Hình Thức Hạn Chế Mậu Dịch Khác Và Đàm Phán Mậu Dịch Đa Phương	44
CHƯƠNG VI : Liên Kết Kinh Tế Quốc Tế – Liên Hiệp Quan Thuế	59
CHƯƠNG VII: Mậu Dịch Quốc Tế Và Phát Triển Kinh Tế	70
CHƯƠNG VIII: Di Chuyển Nguồn Lực Quốc Tế	76
CHƯƠNG IX : Thị Trường Ngoại Hối Và Tỷ Giá Hối Đoái	82
CHƯƠNG X : Cân Cân Thanh Toán	90
CHƯƠNG XI : Hệ Thống Tài Chính Và Tiền Tệ Thế Giới	94

PHẦN II : TRẢ LỜI BÀI TẬP

CHƯƠNG I : Nhữn g Vấn Đề Chung Về Kinh Tế Quốc Tế	99
CHƯƠNG II : Lý Thuyết Cổ Điển Về Mậu Dịch Quốc Tế	100

